

MINH CHIẾU



truyện cổ

PHẬT GIÁO

Truyện cổ Phật giáo

Bìa trước : VĂN THÙ BỒ TÁT

The Manjus'ri bodhisattva picture.

Bảo tàng tại Chánh điện Chùa Ấn Quang.

Thành phố Hồ Chí Minh.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

MINH CHIẾU

Sưu tập



Truyện cổ PHẬT GIÁO

Tập II



**THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ẤN HÀNH - PL. 2536 — 1992.**

MỤC LỤC

1. Người đẹp gieo cầu	5
2. Con sư tử trọng pháp	19
3. Nền thiện trọng tài nói	22
4. Bán nghèo	25
5. Lỗi không phải tại thầy thuốc	34
6. Dầu đáng lo nhất	37
7. Nước mắt mẹ hiền	40
8. Tai hại của tham dục	48
9. Vua Lê Diên với pháp lý dục	63
10. Sáu giác quan tranh công	80
11. Lòng ích kỷ quá độ	84
12. Cầu tay trái cắt lòng con lính thành	87
13. Gần Phật và xa Phật	72
14. Một cuộc chiến thắng vĩnh dự	76
15. Quả báo của lời nói, hành động dâm dục theo lý giải	87
16. Nàng ky nữ Phật Sa	94
17. Vòng ngọc phải chăng là hạnh phúc	97
18. Canh vó của dân	101
19. Tình tiền vì dục hay là Tôn Giả Phó Lão Na	103
20. Công chúa Ly cầu	107
21. Gạo dư cần chọn lựa	115
22. Tiếng ồn vì dục	118
23. Hy sinh	122
24. Bà người ta : "Ấn cướp"	125
25. Lâm Vua trong 7 ngày	128
26. Bốn con rồng	140
27. Hoàng Tử A Xà Thế	144
28. Thầy thuốc độ tử đi trước	148
29. Bồ thí thân mạng	150
30. Chuyện Dừng Mãnh	152
31. Nên kính trọng người già có đức hạnh	164
32. Mồ hoặc bị tai nạn	167
33. Bồ thí vật thực	169
34. Lời thệ nguyện	173
35. Cái đùi chó xoắn ruột già	181
36. Thử lòng	185
37. Hai con cạp tinh ở Hoàng Sơn	213

38. Thọ tri 3 giới	221
39. Mối nợ truyền kiếp	227
40. Cầu người bị giặc cướp	234
41. Đại Vương và kẻ chém	236
42. Đạo thầy trò	238
43. Động mối từ tâm	240
44. Con kẻ nhân từ	249
45. Chết vì không chịu vâng lời	251
46. Người không tại mắt mũi lưỡi	253
47. Tai hại của oán hận	263
48. Tai hại của lòng tham	271
49. Trí giới thanh tịnh	273
50. Phật xử kiện	281
51. Phật dạy duyên may	286
52. Câu chuyện Phật nhận con	292
53. Một chồng hai vợ	296
54. Lát thịt để cầu con bỏ cầu khỏi chết	301
55. Liên Hoa tiểu thư	306
56. Lòng kiên nhẫn	320
57. Phóng rộng lòng thương	323
58. Mạo dục con	331
59. Ẩm trà phúc đức	333
60. Ngày gặp Phụ Vương	342
61. Phật dạy vua Trưng Quang làm chính trị	346
62. Đại bi tri nguyện	348
63. Đức Phật với người nghèo khổ	351
64. Cỏ và rau	353
65. Nàng dâu gái	361
66. Đất bỏ ăn tỉnh	362
67. Chuyện bảy cái lọ vàng	390
68. Lễ cúng đường cuối cùng của Thiền Đà	394
69. Chiến công anh Phật nhất	397
70. Sự tích bánh cốm	401
71. Niệm Phật	407
72. Mối tình thân hữu	414
73. Đất nhau xuống giếng	422
74. Bồ Tát và Mãng xà Vương	424

Người đẹp gieo cầu

Cái tin "Người đẹp gieo cầu" loan đi rất chóng. Thế là hai vị Quốc vương ở nước lân bang chưa lập Hoàng hậu, và tám vị Đông cung của tám nước chư hầu, thêm vào nhiều vị Hoàng tử đa tình với một số Vương tôn hiệu sắc đều xao xuyến cả lên.

Kinh đô xứ Ma Kiệt Đà mấy tháng nay vô cùng náo nhiệt. Bộ kiến thiết xuất ra một số ngân quỹ lớn, để dựng lên những ngôi nhà mỹ lệ trang nghiêm chờ tiếp quý khách bốn phương.

Mùa đông, gió mưa đã lặng lẽ rút lui, trăm thứ hoa lan bắt đầu chớm nở để đón mùa Xuân về, kinh thành Ma Kiệt cũng rộn lên như trăm hoa vậy.

Rồi những đoàn lạc đà lông mượt như cô non, oai dũng tiến vào kinh đô, từng đoàn ngựa tốt yên cương toàn bạch ngân rầm rầm tiếp đến, và đây là đoàn bạch mã, hãnh diện trong những bộ yên cương vàng thẫm như son. Nhưng người ta chú ý đến đoàn kỵ mã vào sau, có một đặc biệt làm dân

chúng chú ý là phải. Một đoàn kỵ mã võ trang oai phong hùng dũng, tiếp đó là một thớt bạch tượng sắc trắng như tuyết, mượt như nhung, cổ bạch tượng đeo chuỗi anh lạc toàn thất bửu, bốn chân đeo nhiều lục lạc vàng mới y. Trên lưng bạch tượng, một thiếu niên anh quân, đây là vua nước Câu Đà Thi Lợi cũng có một danh từ đặc biệt của dân chúng tặng là : Hoàng Đế Tam Đa (đa trí, đa tham, và đa tình) từ khi mưu giết được anh, rồi lên ngôi Hoàng đế, ông có tài dụng binh rất giỏi nên các nước đều sợ oai, danh ông lừng lẫy bốn phương. Mặc dù nhà vua là một bậc anh hùng cái thế, nhưng phải cái bệnh cũng đa tình hiếu sắc. Khi nghe đồn con gái nhà vua Ma Kiệt là trang tuyệt sắc thì nhà vua mê mết, và ước ao cưới được nàng sẽ sắc phong Hoàng hậu.

Vua cho sứ thần đem nhiều lễ quý qua cầu hôn. Sứ đi vua hồi hộp đợi chờ như trẻ con mong mẹ về chợ vậy. Nhưng anh hùng cái thế cũng phải toát mồ hôi, khi nghe tin công chúa từ hôn, vì cái lịch sử của mình không được đẹp (giết anh đoạt ngôi). Tuy chưa hề gặp mặt, nhưng chữ khuyên thành đã ám ảnh nhà vua, nên ông thế nào cũng cưới cho được nàng mới nghe.

Bỗng nay, cái tin Công chúa sẽ làm lễ gieo cầu, làm ông đặt nhiều hy vọng.

Trước khi lên đường, vua vỗ về bạch tượng :
Phiền khanh chuyến này thật không phải vì tham
đất nước nữa, chỉ mong khanh làm thế nào giúp
trẫm, đoạt được quả cầu của mỹ nhân trẫm sẽ
trọng thưởng.

Hôm nay là ngày lễ thần Phạm Thiên, trên lầu
hoa cao, trước bàn thờ thần, bộ nghi lễ trang
hoàng cực kỳ long lầy. Người ta cấm trăm thứ hoa
tươi xông một trăm thứ bông quý, đốt trăm nén
hương thơm, thắp trăm đôi bạch lạp. Trăm đồng
nữ xiêm y rực rỡ, trăm vị Phạm Chí lễ phục oai
nghiêm v.v... Ở đây thứ gì cũng phải đủ số trăm
để tượng trưng cầu "Bách niên giai lão".

Các nhà danh cầm trong nước, đã vỗ nhiều bản
nhạc đầy ý nghĩa : "Loan phụng hòa minh" hay
"Sắc cầm hòa hiệp" v.v...

Ban nhạc cử lên, trăm em đồng nữ múa xong
điệu, rồi rẽ ra hai bên tượng hình Song Hỷ, tiếp
đó trăm vị Phạm Chí vào làm lễ cầu nguyện xong.
Công chúa Vô Song trong phòng hoa đài các bước
ra, kính cẩn quỳ trước tượng thần. Hai trẻ thanh
y quỳ hai bên, dâng cao hộp ngọc đựng quả cầu, và
bình pha lê đựng nước hoa thơm. Thanh y
nghiêng bình pha lê rưới vào đôi bàn tay ngọc, rồi
mở nắp dâng quả cầu, Công chúa nâng cao quả cầu
lên đánh (đây là quả bóng tròn, lớn bằng quả cam,

ngoài bọc gấm quý, trên thắt trăm vòng dây kim tuyến) qua cầu chỉ có thể, nhưng đã mang lại một sứ mạng trọng yếu, nghĩa là tất cả cuộc đời của Công chúa, hạnh phúc an vui, hay bẽ bàng đau khổ, đều do quả cầu này định đoạt.

Nàng kính cẩn quỳ trước tượng thần rất lâu, khẩn vái kỹ càng : ngày sanh, tháng đẻ, họ hàng làng nước v.v... cần thận nàng tha thiết cầu thần linh dun dùi, quả cầu gieo trúng người được nàng yêu, sẽ yêu nàng mãi mãi.

Những bản nhạc chúc mừng tiếp tấu du dương vừa dứt, hàng vạn âm hưởng lao xao đều ngừng bật. Tất cả chú ý nhìn lên lầu hoa, Công chúa mặc lễ phục toàn sắc trắng tinh, dính nhiều hạt trai thêu thành trăm hoa. Trên đầu là một tròng hoa kết bằng kim cương. Toàn thân nàng là cả một tượng nữ thần kỳ công của nhà điêu khắc danh tiếng, hay một bức tranh mỹ nham do bàn tay họa sĩ tuyệt tài. Thật không biết cái đẹp của häng nga thế nào, nhưng ta cũng tạm mượn để ví với Công chúa Vô Song khi ở trong lầu hoa lộng lẫy bước ra. Nàng đứng hẳn ngoài bao lơn nhìn khắp một lượt. Thế là hàng trăm quả tim đứng đợi đoạt cầu, tuy không hẹn nhau mà đồng thời hồi hộp. Nhất là Hoàng đế Tam Đa, khi nhìn rõ Công chúa, ông kiêu hãnh và tự nghĩ : tài này sắc ấy thật xứng

đôi, nếu ta đoạt được cầu thì ta sẽ thờ nàng trọn đời.

Công chúa nhìn khắp một lượt rồi đôi mắt cao quá cầu tung lên giữa hư không...

Ồi ! Bóng Hạnh phúc, bóng hạnh phúc hiện ngang lơ lửng giữa hư không, làm cho Quốc vương, điện hạ, sứ quân... ngóp ngóp chụp bắt. Nhưng làm sao bắt được bóng hạnh phúc ???

Quả bóng vô tư gặp luồng gió nhẹ, và trên quả cầu có chùm kim tuyến, nên trăm mối chỉ xòe trông rất đẹp, nó cũng không rơi xuống ngay được. Vì thế quả cầu các cố lơ lửng giữa không trung, chợp chờn trở trêu trong khi trăm lòng mơ ước.

Bỗng người ta nghe có tiếng la to : Á ông Sa môn, ông Sa môn ơi ! Quả cầu vướng vào tích tượng của ông kia kìa.

Thế là trống kèn trời dậy, để chúc mừng vị tân phò mã. Song vị Sa môn vẫn khoan thai từ bỏ, hình như người không biết có việc gì xảy ra.

Dại phạm cái gì có tương đối mới tương tranh, còn cái không ngờ thì thật lòng cũng không nghĩ đến ganh ghét kíp. Như cuộc gieo cầu này, nếu có một vị trong trăm vị Quốc vương đại thần... mà đoạt được quả cầu, thì chắc chắn có cuộc chiến

tranh không khỏi. Nhưng đằng này quả cầu treo trên vương tôn ten trên đầu tích trượng, thành thử trăm lòng như một, họ đều chung hừng và rồi vì đồng cảnh thất vọng như nhau, nên họ thông cảm nhau rất dễ.

Phải chăng bóng hạnh phúc vô tình vương vào đầu tích trượng hay tại Thần lảng tai nghe khẩn lộn, chớ ai nỡ đem cái ân ái buộc cho người xuất gia ly dục bao giờ ?

Không, không phải vậy. Thật ra khi Công chúa đứng trên lầu hoa, nàng đã thấy trăm quả tim rộn lên vì sắc đẹp của mình, nàng nghĩ thầm : Ôi ! Chỉ vì một chút nhan sắc của ta, mà làm hao phí biết bao nhiêu của dân của nước... Ừ ! Tim kia đã rộn ràng lên vì sắc đẹp thì sẽ có ngày lạnh lùng vì tuổi già. Và nếu một người trong số trăm người này đoạt được quả cầu thì ta e không khỏi xảy ra chuyện chẳng lành cho dân cho nước. Đương băng khuâng suy nghĩ, rồi nàng phóng tầm mắt nhìn xa và nàng đã thấy. Nàng thấy một vị Sa môn uy nghi trong bộ áo cà sa tay cầm tích trượng xa xa tiến lại, Sa môn từ bộ thân nhiên giữa đám người đang rộn rịp.

Ôi ! Người đầu mà đẹp thế ? Oai nghiêm như một vị thần linh ứng, từ bi như một bà mẹ dịu hiền và đĩnh đạc như một vị thầy mô phạm.

Tâm quang thanh tịnh của người ly dục phát ra một sắc đẹp phi thường. Công chúa sững sờ nàng cảm thấy tràn lòng yêu kính. Nàng nói một mình : Chỉ có quả tim này mới không rộn ràng trước sắc đẹp và chỉ có quả tim này, mới không lạnh lùng trước tuổi già. Công chúa nhắm ngay vị Sa môn... tung mạnh quả cầu vào người mặc dù trống dục còi thổi, nhạc trời, người kêu. Vị Sa môn vẫn bất động, người cứ đi, và quả cầu cứ tồn tồn trên đầu tích tượng.

Một toán ngự lâm quân phóng ngựa chạy theo : "Kính tâu tâu phò mã. Xin người hãy dừng chân, xin phò mã hãy dừng chân lại...".

Lạ thay người đi vẫn ung dung, mà ngựa chạy theo không kịp. Vua quan tân khách và dân chúng đều lao xao cả lên. Đoàn ngự lâm quân phóng ngựa theo Sa môn, không biết đi về phương nào mà trông hoài không thấy.

Trên lầu hoa, cả hoàng gia ngồi chờ tin tức, nhưng mãi đến chiều tối, mới có một người trong đoàn ngự lâm ban sáng, bơ phờ trở về tâu lại mới hay, vị Sa môn ấy là Thái tử Tất Đạt Đa con vua Tịnh Phạn nước Xá Vệ và Ngài đã xuất gia, thành Phật hiệu "Thích Ca Mâu Ni" Ngài và đồ chúng vừa đến hôm qua, hiện nay đang trú tại rừng Tân Tân Già. Còn đoàn ngự lâm theo Ngài lúc ban

sáng nay cũng theo Ngài cạo đầu xuất gia học đạo hết rồi.

Vua ngao ngán nhìn con gái yêu : Không biết con tôi khấn khứa thế nào mà ra nông nổi này. Con ơi ! Sa môn là người ly dục, lòng đã sạch ái ân, quả cầu con rơi lạc hướng rồi con ạ !

Công chúa như người trong mê, nàng còn biết nói sao, khi lòng mình đã vướng một mối tình băng quơ. Nàng nghe danh Thái Tử đã lâu, không ngờ hôm nay nàng được gặp và nàng đã yêu nhưng nay nàng mới biết nàng yêu như thế chỉ tự mình đem muôn mối tơ thương, quán bầy giữa hư không, hư không đâu có dính mắc ?

Song nàng cố trấn tĩnh tâm với Phụ vương :
Tâu Phụ vương và Mẫu hậu, con tưởng theo kỷ luật gieo cầu của nước ta từ xưa đến nay, bất luận người sang kẻ hèn, hễ ai trúng cầu thì được vợ, vì đây là lương duyên do Thần định đoạt, nay quả cầu con gieo trúng Thái tử rõ ràng, thì con xin tình nguyện theo Ngài để sửa bát nâng y trên đường hóa độ. Vậy xin Phụ hoàng và Mẫu hậu hãy cùng con đi đến chỗ Thái tử xem sao ?

- Thì đành vậy, chỉ còn cách đi đến điều đình với Phật chứ biết sao ?

Thế là sáng sớm hôm sau cả Hoàng gia đưa con gái đến ra mắt Phật. Tin ấy loan ra, rồi tất cả một trăm phò mã huyệt cũng tình nguyện đi theo, mặc dù đều là tín đồ của phái Bà La Môn.

Sáng nay Đức Phật bảo chúng Tăng đình việc đi khất thực lại, và vân tập để nghe Phật thuyết pháp. Phái đoàn Bà La Môn đến vừa lúc Đức Phật thuyết pháp xong.

Vua và Hoàng hậu đi trước, đến Công chúa kế đó là các vị Quốc vương... xức hạ, lần lượt tiến vào.

Đức Phật ngự trên pháp tòa cao, oai nghi đồ sộ như núi Tu di, thân tượng chiếu ra một sắc đẹp lạ lùng. Hai bên hàng ngàn Tăng chúng ngồi im phắc như ngàn pho tượng vậy.

Về oai nghiêm của Phật, sự yên lặng của chúng Tăng, đánh mạnh vào tâm khảm mọi người... Vua không đành lễ Phật, vì ông nghĩ dù là Phật song sẽ làm rể mình, không lẽ mình lạy rể ? Vua phán :

- Kính Ngài, theo kỹ luật gieo cầu của nước chúng tôi, thì ai trúng cầu là được vợ. Hôm qua con gái tôi gieo cầu trúng Ngài, thế là Thần linh định lương duyên rõ ràng nên con tôi cũng tình nguyện theo Ngài trên đường hóa độ, phòng khi "nâng bát sửa y".

Đức Phật nhìn Công chúa, Ngài yên lặng một lúc Thế Tôn mỉm cười... bỗng trong kim khẩu phóng ra một đạo hào quang xanh chiếu lên đỉnh đầu Công chúa, nàng toát mồ hôi, tự thấy trên đầu rần rần ngứa, mồ hôi giọt xuống trán, xuống cổ, nàng lấy khăn lau rồi gãi, thì rụng một con gì nhỏ xíu đen thui thui, lạ quá con gì mà xưa nay nàng chưa thấy cũng chưa biết tên, nàng len lén bỏ xuống đất (con chí dầy).

Phật lại phóng một đạo hào quang vàng vào đôi mắt Công chúa, nàng thấy xốn xang khó chịu, nước mắt tuôn ra, vừa lấy khăn lau, thì khóe mắt đọng hai cục ghèn khá lớn.

Phật phóng một đạo hào quang trắng, chui thẳng vào mũi, nàng hắt hơi năm bảy cái mũi chảy ròng ròng.

Rồi một đạo hào quang lục, tuôn vào trong miệng, Công chúa ngáp luôn một dầy, tiếp ho luôn một chuỗi, nàng nghe trong miệng có mùi thối ghê.

Đức Phật phóng thêm một đạo hào quang đỏ, chiếu vào thân Công chúa, làm nàng ngứa ngáy khắp người, gãi chỗ này chưa kịp đã ngứa chỗ khác, vừa lau ghèn thì mũi chảy, toan lau mũi thì chí cấn, nàng ho nàng ngáp, ủa, hắt hơi túi bụi,

Công chúa nhân nhó khổ sở, bao nhiêu vẻ yêu kiều diễm lệ biến đâu mất hết, nàng hoảng kinh như một người điên. Tất cả pháp hội, nhất là đoàn Bà La Môn đều rung mình khiếp sợ.

Nhưng may thay, Đức Phật đã nhiếp thần lực thấu hào quang lại. Công chúa và tất cả pháp hội như vừa thoát cơn mê dữ, nàng lấy lại bình tĩnh, sửa lại áo xiêm rồi quỳ mọp xuống đất, thò thì vua quan chi cũng dẹp hết kiêu căng đồng quỳ xuống một loạt.

Nhơn đây Đức Phật thuyết pháp : "Tứ Niệm xứ" cho cả đoàn nghe.

- Hỡi các thiện nam thiện nữ nhơn : Công chúa Vô Song, xưa nay nổi tiếng kiêu căng vì ý mình có nhan sắc, nhưng không biết sắc đẹp chỉ tạm bợ một thời gian, dù có lấy phần son nhung gấm ngọc ngà, bao bọc ở ngoài cũng không che được mắt người trí tuệ. Vừa rồi Như Lai phóng quang để trong pháp hội nhận rõ, thân người là bất tịnh, dù đương buổi niên hoa, nhưng không tắm thì hôi, đại tiểu vẫn thối, ghèn đờm mũi dãi, mồ hôi huyết khí tim gan phèo phổi v.v... mỗi chỗ lại có vô số vi trùng rúc rỷ, phá hoại hoại hành thân thể chúng sanh trong từng sát na, thân thể chỉ là một đồng nhơ nhớp đáng ghê tởm đối với người có trí tuệ, ta lại quán sát do sáu căn xúc đối với sáu trần,

lãnh thọ cảnh đẹp thì sanh tâm ưa, ưa thì muốn tất cả cái ưa về mình; lãnh thọ cảnh xấu lại sanh tâm ghét, ghét thì muốn đùà cái ghét cho người, nhưng mới ưa, thì ưa khó đến, đùổi ghét thì ghét không đi. Chung qui không ngoài khổ vui đối đỏi.

Như Lai thấy chúng sanh trong tam giới, ngồi bàn chuyện khổ vui, thật không khác hai tù nhân nói chuyện khổ vui trong lao ngục. Chỉ có khi nào ra khỏi lao ngục lấy lại đùợc tự do mới thật vui vậy. Cũng như thế, chúng sanh còn ở trong lao ngục tam giới thì không thể nói chuyện khổ vui đùợc, chỉ khi nào thoát khỏi lao ngục tam giới mới gọi là an vui chơn thật.

Này các thiện nam tử, thiện nữ nhơn :

Ta lại quán sát các pháp là vô ngã, phân tế đầù số (chia chẻ quán sát) từ nhân sanh đến vũ trụ, đầù do nhân duyên kết hợp mà thành, thật không có cái "ngã" thật thể, không có cái ngã tồn tại, người trí tuệ quán vạn pháp đầù như huyễn nên không đắm trước...

Và ta lại quán tâm thức (vọng, tâm, ý thức) là vô thường, khi thương khi ghét, lúc giận lúc vui đầù do ý thức phân duyên rồi phân biệt chấp trước điên đảo, vì vậy mà kiếp kiếp luân hồi trong biển sanh tử.

Như Lai vì quán sát : Thân bất tịnh, tâm vô thường, thọ thị khổ, pháp vô ngã... nên đoạn trừ được ân ái, dứt bỏ hẳn lợi danh, vào núi tuyết tu khổ hạnh và chứng được bốn đức Niết Bàn : "Thường, Lạc, Ngã, Tịnh".

Cảnh yên lặng trong chúng hội, tiếng pháp âm của Phật du dương như một bản đàn vô huyền (không dây) thanh thót như tiếng chim Ca Lăng, tất cả vua quan trong pháp hội mắt thấy tai nghe thân tâm vô cùng thanh thoát.

Công chúa Vô Song nhứt thời viễn trần ly cấu liền chứng quả dự lưu (Tu đà hoàn).

Riêng Hoàng đế Tam Đa, ông suy nghĩ nhiều trong lời Phật dạy : Ôi ! Ta với Phật Thích Ca đều con vua cả, nhưng Thái tử Tất Đạt đáng làm vua mà người chán nhàm ngôi báu, có vợ đẹp mà Ngài xa lánh yêu thương... còn ta ta chỉ vì dối danh lợi, khát tình yêu nên gây nhiều tội lỗi. Ôi ! Đều từ một con người nhưng Thái tử đã trừ tận cùng thú tánh, để vươn mình lên địa vị Thánh nhân, còn ta ! Ta chỉ vì không ngự trị được lòng tham nên tự gieo mình vào địa ngục... Ôi ! Dục vọng ! Chỉ kết quả trong đau khổ, trong nguy hại...

Trong lúc ông quán sát và thành thực ăn năn

tội lỗi của mình, nên tâm khai ý giải rồi ông xin
tỉnh nguyện đầu Phật xuất gia.

Phật bằng lòng, vào bảo Tôn giả A Nan trao y
bát cho ông, lại cả cây tích trượng hôm qua nữa.
Ông kính cẩn quỳ thẳng nhận lãnh pháp bảo, khi
ông thấy quả cầu còn treo lủng lẳng trên đầu tích
trượng bất giác ông mỉm cười : Ủ, bóng hạnh
phúc ! Rồi ông ôm chặt y bát vào lòng. Chỉ có
hạnh phúc này, mới là hạnh phúc chơn thường bất
biến... đưa mình và người đến nơi an lạc vĩnh viễn.

THẾ QUÁN

**Tìm hạnh phúc trong vật dục cũng như người đã khát
nước lại còn ăn thêm đồ mặn.**

Con sư tử trọng pháp

Đầu đời mạt pháp về thời Đức Phật Tỳ Bà Thi, tại xứ Ba La Nại có một hòn núi tên là Tiên Thánh Sơn. Trọng núi thường có các vị Sa môn Bích Chi Phật tu hành. Thường thường có các loài cầm thú hay đến gần gũi để nghe thuyết pháp. Có một con sư tử tên là Kiên Thệ, lông ánh sắc vàng, sức mạnh địch trên một ngàn con. Một khi rống lên thì chim bay phải rơi xuống, loài thú phải ẩn núp sợ hãi.

Một hôm sư tử Kiên Thệ gặp một vị Sa môn Bích Chi Phật oai nghi thanh tịnh, tâm sanh hoan hỷ, nên ngày thường đến thân cận nghe tụng kinh và thuyết pháp.

Lúc bấy giờ có một người thợ săn thấy sư tử có lông vàng, nên muốn mưu giết, lột da dâng cho vua để lãnh thưởng. Người thợ săn nghĩ rằng : "Con sư tử này là vua các loài thú, cung tên không thể hại, lưới bẫy không thể sập được, chỉ có cách là già

dạng vị Sa môn, chờ cho con sư tử nghe quen thời lấy tên độc mà bắn. Nói đoạn liền cạo đầu, mạo hình Sa môn, vào núi ngồi dưới một gốc cây".

Lúc ấy, con sư tử Kiên Thệ thấy vị Sa môn, liền vui mừng đến liếm chân quần quít một bên để nghe thuyết pháp. Người thợ săn dùng tên độc nhắm bắn. Con sư tử bị trúng tên đau quá rống ngược lên, muốn nhảy tới vồ giết vị Sa môn giả kia, nhưng lại nghĩ rằng : "Người này đã mặc áo cà sa là thứ biểu hiện của các Đức Phật Hiền Thánh trong ba đời, nay ta sát hại thời không khó gì, nhưng tức là ta sát hại biểu tượng của các Đức Phật". Nghĩ vậy bèn nuốt giận chịu đau.

Một lát sau, thuốc độc ngấm dần, đau đớn quá, sư tử lại muốn nhảy tới vồ nát người thợ săn, nhưng lại nghĩ rằng "Nay ta vồ giết thời không khó gì, nhưng ta sẽ bị các Đức Phật quả trách và làm người đời không thể phân biệt người lành kẻ ác. Người thợ săn độc ác âm mưu hại ta, nếu ta không nhẫn thì có khác gì người ấy. Người tự nhẫn sẽ được mọi người yêu thích, người không nhẫn sẽ bị mọi người oán ghét, phiền não sẽ tăng trưởng. Phiền não tăng trưởng thời sanh tử tăng trưởng, sanh tử tăng trưởng thời sẽ sanh vào các chỗ hiểm địa, sanh vào chỗ hiểm địa thời rời xa bạn lành, xa bạn lành thời không được nghe

chánh pháp, không được nghe chánh pháp thời mê mờ nghi loạn, mê mờ nghi loạn thời không được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vậy ta nên quyết không khởi ác tâm. Nghĩ vậy con sư tử liền nói bài kệ rằng :

Nguyện tự chịu bỏ thân mạng,

Trọn đời không khởi ác tâm.

Hại người mặc áo hoại sắc.

Nguyện tự chịu bỏ thân mạng,

Trọn đời không khởi ác tâm.

Đối với các bậc xuất gia.

Nói bài kệ xong liền ngã xuống chết. Người thợ săn cầm dao lột da sư tử đem về dâng vua. Nhưng khi vua nghe đầu đuôi câu chuyện, thấy rõ ác tâm của người thợ săn và rất cảm động trước lòng trọng Tam Bảo của con sư tử, bèn sai chém người thợ săn và đem xác con sư tử làm lễ Trà Tỳ xem như một vị Sa môn vậy.

Sư tử Kiên Thệ là tiền thân của Đức Phật Thích Ca.

MINH CHÂU

Không thiên ma ngoại đạo nào có thể phá hoại đạo ta được, duy chỉ người mặc áo của ta, mới phá hoại đạo ta được mà thôi.

Nên thận trọng lời nói

Thuở xưa tại Kinh đô Ba La Nại có một người hai chân bại xuội, nhưng anh ta có tài búng sạn thật giỏi. Do đó, những trẻ em trong thành thường đẩy xe chở anh ta ra ngoài cửa thành, để anh dưới gốc cây biếu anh lấy sạn búng lá cây thành hình thú này thú nọ chơi, rồi cho anh tiền.

Một hôm, đức Vua ngự chơi vườn thượng uyển đi ngang qua chỗ ấy, những đứa trẻ kinh sợ bỏ chạy chỉ còn anh què ở lại. Đức Vua trông thấy bừa bãi dưới đất những lá cây lủng lỗ có hình thú rất ngộ nghĩnh mới phán hỏi quan hầu cận. Quan ấy biết rõ, mới tâu qua mọi lễ.

Đức Vua đòi anh què đến hầu rồi phán :

- Này gã kia ! Trẫm có một vị quân sư, có tật ham nói, khi trẫm muốn nói điều chi, thì quân sư cướp lời nói hết, Trẫm không nói gì được. Người có phương kế chi làm cho ông không nói nhiều được không ?

- Tàu Hoàng thượng ! Nếu có vài cân phân dê, hạ thần có phương thể làm được.

Đức vua truyền đem anh què về triều, để anh ngồi một bên ngai, sau một tấm màn có khoét một lỗ, và để gần anh một cân phân dê khô. Đoạn, Ngài hội triều thần bàn luận việc nước.

Vị quân sư quen tật cướp cả lời nói của mọi người. Khi ông há miệng thì bị anh què dò theo lỗ rèm búng một viên phân dê khô vào miệng. Nhưng vì ham nói quá, ông nuốt riết viên phân để nói nữa.

Đến chừng Đức vua trông thấy anh què đã búng hết cân phân, Ngài mới bảo Quân sư :

- Này Quân sư ! Vì tật ham nói, nên khanh nuốt hết một cân phân dê khô mà vẫn chưa biết mình. Dạ dày của khanh không thể tiêu hóa được cân phân ấy, vậy khanh về nên uống thuốc xổ đi ! Quân sư cả thẹn ra về. Từ ấy không còn nói nhiều nữa.

Đức vua mới phán :

- Nhờ người bại này, mà lỗi tai của Trẫm đỡ bớt tội.

Sau đó Vua ban cho anh què thâu thuế một làng rộng lớn vài ngàn dân số để sinh sống...

Sau một thời gian, có một người đến học nghề với anh bại nói trên. Sau khi học rành nghề, người ấy

muốn thử tài mình, mới suy nghĩ, nếu mình búng sạn mà nhằm búng thử vào bò, heo, dê, ngỗng cùng gà vịt của người thì sợ bị họ đền và mình bị phạt.

Một hôm gặp Đức Phật Độc Giác, anh chàng bèn nghĩ : "Nếu ta thử tài với người khác, sẽ bị cha mẹ vợ con anh em họ kiện thua, còn người này cô độc, là kẻ vô thừa nhận đâu ta thử mà có chết cũng không sao !".

Nghĩ thế, anh mới búng một viên sạn vào lỗ tai Đức Phật Độc Giác, viên sạn đi xuyên qua lỗ tai bên này thấu qua lỗ tai bên kia, theo như người thường phải chết tại chỗ, nhưng Đức Phật Độc Giác dùng thuyền định về đến tư thất mới nhập diệt.

Anh ta tìm đến tư thất của Ngài để xem thử kết quả, thấy tín đồ bận lo hòa táng và than khóc, anh mới khoe :

- Máy người biết không ? Ngài mà chết đấy là do tài búng sạn của tôi !

Tương khoe như vậy người ta khen mình, nào ngờ tín đồ tức mình lôi anh ta ra đánh chết. Vì tội giết chết Đức Phật, anh ta bị sa vào địa ngục A Tỳ...

THÔNG KHAM

Các người thường tự giữ gìn lời nói, đừng nói lời vô nghĩa, nên nói hợp thời hợp pháp, những lời nói ngoài việc lợi ích cho người, dù là nói chơi cũng không nên nói.

Bán ghèò

Thuở xưa, ở nước Ấn Độ, có một trưởng già giàu nứt đổ vỡ vách nhưng hết sức keo kiệt, thường cất cổ, lột da thiên hạ với cách cho vay nặng lời. Tánh ông lại còn hung tợn, tàn ác nữa. Thật đúng với câu : "Vi phú bất nhân" ông không có chút từ tâm. Mỗi khi có những kẻ mang công thiếu nợ không lo trả nổi theo lời hứa hẹn, thì ông sai lũ gia nhân đánh đập một cách tàn nhẫn, thậm chí ông còn đối đãi với kẻ ăn, người ở trong nhà một cách hết sức tệ bạc, xem họ như loài thú vật không hơn không kém.

Trong nhà có một bà lão bộc, làm công việc nhà quần quật suốt ngày không có một lúc hờ tay. Nhưng không phải chỉ vậy mà thôi đâu, mỗi khi có sơ sót, hay lỡ tay làm hư hỏng việc gì, thì ông chủ miệng chửi, tay đánh không may mà thương xót. Áo quần không đủ để che kín tấm thân gầy, cháo cơm không đủ làm no dạ dày lép xẹp. Lại còn tuổi già sức yếu mà phải chịu bao nỗi nhọc nhằn,

vất vả, vì sức chịu đựng của con người có hạn, cho nên bà thường bị đau yếu luôn. Có lẽ vì đau khổ quá, cực nhọc quá, nên nhiều khi bỗng không bà rơi nước mắt, rồi bà khóc thật sự, khóc cho thân thể bị dày vò, khóc cho tình đời đen bạc, trọng phú khinh bần.

Có một hôm nọ, nhân lúc mang bình ra mé sông múc nước, được ít phút rảnh rang khỏi cặp mắt găm gù của ông chủ, bà yên tâm tạm ngồi nghỉ chân dưới cội cây bàng. Trong đầu óc bà lúc ấy lại thoáng hiện ra những sự hành hạ, đập đánh, chửi rủa, tàn nhẫn vô lương tâm của ông chủ. Trong một phút suy ngẫm về giá trị đời sống, bà bỗng bất rùng mình. Tội nghiệp bấy giờ bà chán sự sống lắm, một ý nghĩ đen tối thoáng hiện trong óc bà, bà muốn quyên sinh. Bà nghĩ bà phải chết đi, chết để giải quyết tất cả mọi nỗi đau khổ loài người đen bạc đã cố ý dày vò bà. Bà nghĩ những nỗi nọ niềm kia, nghĩ đủ thứ, nước mắt hai bên khóe tự nhiên ràn rụa tràn ra, lăn dài xuống hai má hóp. Bà để mặc cho hai dòng lệ tự do tuôn chảy không buồn chậm lau. Bà vẫn cố muốn khóc cho thật nhiều, khóc cho hết nước mắt để rồi bà chết, phải rũ hết nợ đời, chớ sống mà thân xác cũng như linh hồn bị dày vò dày ải quá sức, thì thà chết đi còn hơn.

Bà khóc mùi mẫn cho đến đôi Tôn giả Ca Chiên Diên đi đến tận bên, bà cũng không hay biết gì. Mãi đến lúc Tôn giả cất tiếng hỏi bà mới giật mình.

- Sao thế ? Sao bà khóc lóc quá như thế ? Ai ăn hiếp bà, ai hành hạ đánh đập bà ?

Bà lão vẫn còn ghen ngào, không nói được ra lời để đáp lại những câu hỏi của Tôn giả. Bà chỉ giương đôi mắt mờ lệ nhìn Ngài.

- Tội nghiệp quá, xem bà nghèo khổ, gian truân quá, nhưng tình cảnh nhà bà ra sao ? Tại sao bà lại ngồi đây một mình mà khóc, bà cho tôi biết đi, bà nói hết nỗi khổ của bà cho tôi nghe đi, may ra tôi có phương thuốc gì để giúp ích phần nào cho bà.

- Bạch Ngài, Ngài xem tôi từng này tuổi mà vẫn phải làm tôi mọi cho người ta, công việc làm việc vất vả suốt ngày thâu đêm, lại còn bị chủ nhà ác nghiệt, bó buộc, đánh đập hành hạ khổ sở. Thân thể già yếu, nay đau mai mạnh, thế hằng ngày cơm chẳng đủ no, áo không đủ ấm, thì làm sao mà sống cho nổi !

Bà vừa nói vừa khóc trông thảm thiết lắm.

- Tội nghiệp bà nghèo từng này tuổi mà còn phải làm tôi tớ cho người để bị nhiều điều cơ cực,

đau đớn, sao bà không bán quách cái nghèo đi, để đeo nó theo làm gì cho thêm khổ sở ?

- Trời ơi ! Sao Ngài bảo lạ thế ? Ai thèm mua nghèo mà hòng bán ?

- Bà ạ ! Tôi nói thật đấy, nghèo có thể bán được như thường tôi thấy bà khổ sở, tôi khuyên bà bán ngay nó đi, tôi thương bà, tôi bảo thật đấy. Tôi nói gạt bà có ích lợi gì cho tôi đâu ?

Nghe giọng nói quả quyết và trông gương mặt hiền từ, thành thật của Tôn giả, bà già hết sức ngạc nhiên, nhìn Tôn giả trân trân, hồi lâu mới thốt được lời :

- Nếu Ngài có phương kế gì bán được cái nghèo, mong Ngài thương xót chỉ cho, tôi xin ngậm vành kết cớ, cảm đội ơn đức suốt đời, không lúc nào quên được.

- Được, tôi xin hứa chắc với bà và nếu bà thật tình muốn bán, thì tôi bảo thế nào, bà phải làm đúng y như vậy mới có kết quả tốt đẹp được.

Bây giờ bà hãy xuống sông tắm cho thật sạch sẽ, thân thể bẩn thỉu quá có thể sinh ra nhiều bệnh tật, lại ai cũng chán mà chẳng dám đến gần.

Bà già vâng lời Tôn giả xuống sông tắm rửa sạch sẽ xong xuôi rồi, bà liền đến bên bạch rằng :

- Bây giờ Ngài dạy tôi cách nào để bán ?

- Bây giờ bà phải bố thí. Vì Phật đã dạy : pháp bố thí là để cho người vượt khỏi lòng tham lam, mà tham lam là cái nhân bần cùng khổ sở. Tôi đã dùng huệ nhãn quán sát thấy bà nhiều kiếp về trước tánh tình tham lam keo kiệt, nên kiếp này bà phải chịu quả báo cơ cực nghèo cùng. Vì vậy muốn hết nghèo cùng bà phải dứt lòng tham lam, còn phải thật hành phương pháp bố thí. Nhân nào thì quả nấy, chắc chắn không sai.

- Đất ơi ! Ngài bảo tôi bố thí, bố thí để dứt lòng tham, nhưng tôi có tham hồi nào đâu ? Tại tôi nghèo cùng đến nỗi giờ xương, lòi da như thế này, tôi phải đào đâu ra của để mà bố thí ?

Thưa Ngài, Ngài bảo cách nào dù thiên lao vạn khổ gì, già này cũng có thể cố gắng làm được, chớ còn điều này thì xin chịu. Tôi không biết làm cách nào để làm cho được vừa lòng Ngài. Đây hiện giờ trong tay chỉ có cái bình này của chủ, tôi mang đi dề mức nước về, nếu có thể bố thí được thì tôi xin bố thí ngay, bắt quá về nhà chủ đánh chút thôi, không đến nỗi gì, quen rồi chớ sợ. Miễn giờ đây có thể làm đủ theo ý muốn của Ngài là tôi vui lắm rồi.

- Ấy chết ! Của chủ bà đem cho đi, về nhà mất bình chủ đánh chửi chịu sao nổi ?

- Không sao, thưa Ngài ! Già đã chịu đựng quen rồi, không đến nỗi gì, mà già cũng nghĩ liều mạng bất quá chết là cùng.

- Cũng được, miễn có lòng thành kính là được, không luận ít nhiều. Bà hãy mang bình tìm chỗ nước cho thật trong và thật sạch mức đầy bình đem về đây cho tôi.

Tôn giả Ca Chiên Diên tiếp nhận bình nước sạch do tự tay bà lão mức đem về dâng. Ngài chú nguyện cho bà, lại dạy bà lão nên ăn chay, niệm Phật, làm các công đức v.v... đoạn Ngài hỏi :

- Bà có chỗ ở nào thật sạch sẽ không ?

- Bạch không, nếu lúc tôi xay lúa thì nằm ở cối xay lúa mà ngủ, khi làm việc gì, đến khi mệt, thì tôi nằm ngay nơi ấy mà nghỉ, không có chỗ nào nhất định.

- Tôi nghiệp quá nhưng bà về nên cố gắng giữ lòng, lo tròn bổn phận, không nên hiềm hận điều gì cả. Tối đến, đợi khi trong nhà ngủ hết, bà hãy lên mở cửa lên nhà trên, vào trong ngòai xếp bằng ngay ngắn niệm Phật, tâm đừng nghĩ gì khác chỉ nên nhất tâm tưởng Phật mà thôi. Bà nên nhớ thế.

... Bọn đây tớ nhà ông Trưởng già rạng ngày mở cửa, cả sợ, tri hô lên. Ông Trưởng già hốt hoảng

ba chân bốn cẳng vừa chạy vừa quát "Mẹ tở già này sao hôm nay lại trốn lên được đây ngồi chết ? Từ trước đến giờ không bao giờ mẹ được lên đây cả, thế sao hôm nay... Bầy đâu, hãy đến gần rờ xem bà ta chết đã lâu chưa ? Nếu thiệt chết, bầy cột chân kéo xác bỏ vào rừng cho quạ kên ăn quách đi là xong chuyện. Cái của nợ ấy làm tao ghê tởm quá. Mau lên ! Không tao đập chết cả lũ bầy nữa bây giờ. Mau lên, mau lên.

Bọn đây tở lúi húi tìm dây cột chân làm theo lời ông chủ, nhưng ra khỏi ngõ chúng lại lúi tăm bố đã dấu được đem ra đắp điểm cho bà lão, xong rồi chúng ráp nhau khiêng xác đem bỏ trong rừng lạnh.

Có ai ngờ đâu, lúc bấy giờ bà lão tuy tở tàn thế, nhưng thần thức của bà đã được sanh lên cõi trời Đao Lợi, do nhờ sự chú nguyện của Tôn giả Ca Chiên Diên và nhờ sức cố gắng niệm Phật của bà.

Bấy giờ ở trên cõi Đao Lợi có một vị Thiên tử vì hết phước báo nên phải hoàn sanh nhân gian, bà lão nhờ sức trì giới, niệm Phật và công đức bố thí mà được thế vào địa vị ấy. Nhưng vì ham vui chơi theo khoái lạc của thiên báo mà quên nguyên do gì mình được sanh làm Thiên tử. Song vị Thiên tử này (bà lão bọc) trước đã gây phước lành, kết duyên Phật pháp, nên cảm đến lòng từ của Tôn

giả Xá Lợi Phất, Ngài bèn đến lần la dò hỏi để kích thích đạo tâm sẵn có của vị Thiên tử.

- Phạm việc gì có ra đều có nguyên nhân cả, hẳn Ngài đã biết mình từ đâu đến và do nhơn duyên gì mà được cảm quả báo làm Thiên tử như hôm nay chứ ?

Vị Thiên tử cùng các quyến thuộc còn đang ngỡ ngác chưa hiểu ra làm sao cả, thì Ngài Xá Lợi Phất liền truyền đạo nhân cho vị Thiên tử xem. Như chiêm bao chợt tỉnh, vị Thiên tử rồi rít tỏ lời cảm tạ ơn Ngài Xá Lợi Phất đã khai thị cho, đồng thời hợp cả năm trăm quyến thuộc lễ Ngài, rồi cùng nhau mang hương hoa sang ngay hàn lâm, xông hương, rải hoa cúng dường tử thi.

Ánh sáng của Chư Thiên chiếu khắp cả khu rừng có tử thi của bà lão bộc làm cho mọi người hết sức kinh dị, nhà ông Trưởng giả cũng hay, cùng kéo nhau đến xem..

Lấy làm lạ, có người đến gần hỏi : "Đây là người tổ già của nhà chủ chúng tôi vừa chết, thân thể đã sinh trương dơ nhớp, khi bà còn sống người ta còn ghê tởm ít dám đến gần thay, phương chi nay bà đã chết rồi có gì quý lạ mà quý vị đến đây rải hoa cúng dường ? Nghe hỏi vị Thiên tử bèn ứng tiếp đáp lời thuật rõ ngọn ngành, vì nhơn duyên gì

mình được bỏ thân tôi tớ, sanh làm trời hưởng phước báo vô lượng. Đoạn vị Thiên tử xây mặt về phía Tịnh xá tưởng nghĩ đến Tôn giả Ca Chiên Diên, rồi vì Chư Thiên quyến thuộc của mình và một số người trần có mặt hôm đó giảng pháp mầu đã lãnh thọ được cho nghe, nào là : Luận về pháp bố thí, giữ giới, niệm Phật, là dục v.v...

Nghe xong, năm trăm vị trời ấy tâm được xa lìa trần cấu, chứng nhãn thanh tịnh, đồng bay về thiên cung.

Bấy giờ những người trần có mặt tại đó thấy đều tỉnh ngộ, ông Trưởng giả bấy giờ mới sáng mắt và mới nhận được cái giá trị của con người không phải ở vật chất mà chính ở tinh thần vậy. Thế là bà lão đã bán được cái nghèo với một giá cao hết sức tương xứng : làm thân trời.

T.P

Người ta ở đời nghèo gì mà đến nỗi không có một chút bủn để bố thí cho một con kiến.

Lỗi không phải tại thầy thuốc

Xưa có một chàng thanh niên đau nặng, đã hết phương cứu chữa mà bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Các thầy thuốc danh tiếng trong vùng đều bó tay, nên chàng ta thất vọng đau khổ lắm.

Nhưng may thay, một hôm có một vị lương y tìm đến thăm bệnh cho chàng rồi nói : "Bệnh anh trầm trọng lắm rồi, chỉ còn một phương thuốc cứu chữa mà thôi, thuốc ấy tuy khó tìm, nhưng cố gắng sẽ tìm được. Thứ thuốc ấy là thứ thịt chim trĩ, anh phải tìm mua cho được mà ăn, thì bệnh sẽ lành. Anh cứ y theo lời tôi thì một thời gian sẽ thấy hiệu quả ngay. Bây giờ tôi phải đi nơi xa để cứu chữa cho những người khác".

Chàng ta nghe qua lấy làm mừng rỡ, liền mượn một người hàng xóm đi mua hộ chim trĩ. Người hàng xóm thấy tình cảnh của chàng và lấy làm thương hại nên cố gắng đi tìm mua giùm. Đi tìm

mãi mới mua được một con về cho chàng. Sau khi ăn xong thấy bệnh tình thuyên giảm nhiều, chàng rất sung sướng và tán tụng vị lương y không ngớt. Nhưng tiếc thay, anh chỉ ăn một con rồi không ăn nữa, nên bất ngờ bệnh tình trở lại như cũ. Chàng lại than phiền thuốc không hay thầy không giỏi.

Thời gian sau, vị lương y trở lại hỏi :

- Bệnh bớt chưa ?

Chàng đáp :

- Dạ thưa không bớt gì cả. Trước kia Ngài bảo tôi mua chim trĩ ăn thì bệnh sẽ lành, tôi y theo lời mượn người mua được một con đem về ăn. Khi ăn xong thì bệnh có giảm một đôi phần, nhưng trải qua vài ngày thì bệnh trở lại như cũ.

Vị lương y nói :

- Sở dĩ bệnh của anh không lành là không phải lỗi vì tôi, cũng không phải tại thuốc không hay, mà lỗi tại anh. Vì bệnh của anh là trọng bệnh cần phải ăn nhiều chim trĩ mới có thể lành, chứ mới ăn một con mà mong lành bệnh sao được. Nghe ra chàng ta tự giận và trách mình quá đại khờ nông nổi...

Câu chuyện này Đức Phật ví dụ cho chúng sanh bị khổ trầm luân sanh tử nhiều đời nhiều kiếp,

Đức Phật ra đời chỉ cho phương pháp thoát khổ, nhưng chúng sanh biếng nhác không chịu y theo giáo pháp tiếp tục tinh tấn tu hành, nên vẫn bị sanh tử luân hồi mãi không giải thoát, trở lại trách Phật không độ, Phật pháp không nhiệm màu...

THIỆN CHƠN

Ta như thầy thuốc hay biết bệnh cho thuốc, uống hay không uống lỗi không phải tại thầy, ta như vị chỉ đường dạy con đường phải, nghe mà không đi lỗi không phải tại người chỉ đường.

Điều đáng lo nhất

Hoàng Thái Hậu vua Ba Tư Nặc mất, y tục lệ cổ truyền của xứ Ấn Độ, nhà vua và quần thần lo cử hành lễ an táng rất long trọng. Sau khi công việc xong xuôi, nhà vua cùng Hoàng tộc mang cả áo vải thô gai, đi chân đến nước Xá Vệ nơi tịnh xá Kỳ Hoàn đánh lễ Đức Phật.

Lấy làm lạ Đức Phật bảo vua Ba Tư Nặc ngồi rồi hỏi rằng :

- Hôm nay sao Đại vương mặc y phục như vậy ?

- Kính bạch Đức Phật Thế Tôn ! Mẹ con năm nay tuổi ngoài chín mươi, bà vừa mới mất sau một cơn bệnh nặng. Con an táng xong lòng cảm thấy buồn bởi thân thuộc biệt ly, nên đến đây chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn, may đâu nhờ Ngài để vơi được đôi phần đau xót.

- Này Đại vương ! Từ xưa đến nay điều đáng lo nhất cho nhân loại : "Sống thì thiếu thốn, già thì

héo khô, bệnh thì đau đớn, và chết thì biệt ly..."
Bốn thứ ấy không bao giờ hẹn với người cả.

- Bạch Thế Tôn ! Thế thì bấy lâu nay con quá
mê lầm : Buồn những điều không đáng buồn...
nhất là lo những điều không đáng lo !...

Vua Ba Tư Nặc vừa dứt lời, thì Đức Thế Tôn
dạy :

- Đại vương này ! Vạn vật vô thường chuyển
biến, di dịch không đứng yên : Sự sống của con
người cũng y như vậy, chẳng khác gì nước sông xuôi
giòng chảy suốt ngày đêm.

Đại vương hãy chú ý nghe, tất cả các ý ấy ta sẽ
tóm tắt trong bài kệ sau đây :

*"Như nước chảy xuôi giòng, Chẳng bao giờ trở
lại.*

*Mạng người cũng như vậy, Không khác một
mảy may".*

Im lặng một hồi lâu để cho vua Ba Tư Nặc được
thấm nhuần chân lý ấy rồi Đức Phật lại tiếp
thêm :

- Nay Đại vương ! Đời người ai cũng già, cũng
bệnh, cũng chết, chứ không ai là kẻ trường sanh,
thoát ly ngoài định luật ấy, dù là vua chúa. Vậy
nhà vua buồn rầu một cách vô nghĩa trước cái chết

thì chỉ hao tổn xác thân và tinh thần mềm yếu mà thôi. Là người con hiếu thảo, Đại vương làm tất cả phước thiện như : bố thí, trì giới, nhẫn nhục... để hồi hướng công đức ấy cho người quá cố. Nếu làm được như vậy thì không những ảnh hưởng đến người chết, mà hiện tại người còn sẽ được nhiều phước lạc và tương lai sẽ đi lần đến nơi giải thoát.

Những lời Phật dạy làm cho bao nhiêu sầu muộn vua Ba Tư Nặc và Hoàng tộc tiêu tan và những niềm hoan hỷ hiện bày trên nét mặt.

Trên đường về vua Ba Tư Nặc luôn luôn nói với mọi người :

- Hôm nay chúng ta mới bắt đầu thấy được dấu Đạo. Ta hy vọng có thể làm cho Mẫu hậu ta được siêu thoát và ta cũng có thể thoát ly được bốn điều đáng lo nhất của nhân loại mà Đức Phật đã dạy nếu thật hành theo lời Ngài.

TUYÊN MINH

Không có vật gì thường trụ, vật gì cũng biến đổi, nên ta không thể nắm hai lần trong một dòng nước, vì từ giây phút này đến giây phút khác, dòng nước ấy không còn y như cũ, nó đã biến đổi và trở thành dòng nước khác.

Nước mắt mẹ hiền

Nắng chiều ảm vàng những căn nhà mới dựng trên bãi biển của thành Ba La Nại. Đó là nhà của một người lái buôn giàu có. Hơn mười năm nay, anh ta đã bao lần lênh đênh trên biển cả, tìm đến những bến bờ xa lạ của các nước Ả Rập, tiếp xúc với những dân tộc hiền lành cũng như hung dữ. Sau mỗi chuyến đi anh ta lời rất lớn. Rồi anh trở thành một trong những người nhiều của cải nhất.

Vợ anh là một người đảm đang. Mắt nàng luôn ảm về lo buồn. Và ngày về của chồng với bao đồ quý giá vẫn không làm cho nàng vui, vì cái viễn ảnh của ngày ra đi, của cuộc chia ly sắp đến.

Hai vợ chồng sanh được một đứa con trai. Nàng đặt cho nó cái tên thật dài Métracanyaca. Đứa bé đem lại cho nàng những nỗi khuấy khoả trong lúc xa chồng.

Métracanyaca đã lên sáu. Một đêm về mùa đông nàng thao thức không ngủ được vì sắp đến ngày

cha Métra về. Đến gần sáng, trời bỗng trở gió, gió càng lúc càng mạnh. Tiếng gió bẽ ầm ầm. Những nỗi lo ngại như nhiều lần trước trời dạy. Mãi đến chiều đoàn thuyền vẫn chưa thấy về. Người ta ra bãi ngóng trông.

Đến gần tối, một chiếc thuyền buồm xuất hiện. Trong số hàng chục chiếc ra đi chỉ có một chiếc trở về, và chiếc đó không phải là thuyền của chồng nàng. Người ta báo cho nàng cái tin hung dữ. Thuyền của chồng nàng bị đánh đắm. Nàng ngất đi, sự đau đớn lớn lao nhất của đời nàng ghi mãi nét buồn trên gương mặt nàng. Và tất cả hy vọng của mình còn lại, nàng đã trút vào cuộc đời của Métra.

Métra lớn lên khỏe mạnh hơn người. Mắt hắn long lanh đen nháy, luôn luôn nhìn thẳng ra xa mơ ước một đời sống phiêu bạt. Nàng đã đoán trước được điều ấy nên tìm hết cách khuyên bảo con. Đôi lúc hắn hỏi mẹ : "Mẹ ơi ! Cha con thuở trước làm nghề gì ?". Câu hỏi đó đã làm nàng nhiều đêm không ngủ yên. Nàng thấy lại nỗi đau xót của mình trong buổi chiều đông năm xưa. Nàng nói dối hắn : "Cha con hồi trước làm nghề đi buôn trong nước". Hắn liền nuôi mộng đi buôn trong nước.

Năm năm sau, Métra trở thành một thanh niên cứng cỏi, và hắn đi buôn trong nước. Trong

chuyển đi buôn đầu, hẳn lời được bốn đồng. Đó là một thành công lớn đối với kẻ còn thiếu kinh nghiệm như hẳn. Hẳn đem cả bốn đồng về giao cho mẹ hẳn và yêu cầu mẹ cũng đừng giúp đỡ các vị Sa môn, Bà La môn, các người nghèo khổ và ăn xin. Mẹ hẳn tưởng hẳn an phận thích nghề ấy rồi.

Nhưng một hôm hẳn trở về buồn rười rượi. Hẳn muốn đổi nghề vì nghe người ta nói cha hẳn làm nghề bán đầu thơm. Mẹ hẳn đành chiều hẳn. Ngày hôm sau hẳn lập quán trong thành phố. Lần này hẳn lời được tám đồng khá hơn lần trước. Nhưng cái nghề bán đầu thơm tầm thường nọ không làm hẳn hứng thú chút nào. Lại thêm có người bảo cha hẳn trước kia làm nghề bán nữ trang. Thế là lần sau, hẳn đem tám đồng về cho mẹ nó với cả ý định bỏ nghề bán đầu thơm.

Nó chuyển qua nghề bán nữ trang. Nó bán chạy và cạnh tranh với những tiệm vàng lớn trong thành phố. Nó lời thág đầu mười sáu đồng. Thág sau ba mươi hai đồng. Thật là những món tiền to lớn. Hẳn đem về cho mẹ và cũng yêu cầu mẹ làm các việc công đức như những lần trước. Nhưng cái nghề này giữ chân hẳn một chỗ và hẳn thấy bức bối. Sự hoạt động của hẳn bị bó hẹp, tầm mắt hẳn bị chặn lại. Rồi có một chủ tiệm vàng đến nói với hẳn : "Sao chàng không làm nghề hàng hải

như ông thân chàng mà lại đi làm nghề bán nữ trang hèn mọn tù túng này". Hấn bị kích thích đúng chỗ... Vậy là hôm sau, Métra bán tất cả số vàng còn lại đôn được một số vốn lớn. Bể khơi với sóng gió ngàn trùng, với các bến bờ xa lạ kêu gọi hấn. Hấn nhất quyết rồi, hấn về nói với mẹ : "Thưa mẹ có phải cha con trước kia làm nghề hàng hải không ? Mẹ cho con theo nghiệp cha con đi buôn ngoài bể cả".

Mẹ hấn sững sốt. Bà đã cảm thấy trước điều mong muốn của con. Bà đã để ý đến cái nhìn đắm đắm của hấn ra tận bể khơi như cố tìm đến bên kia bờ đại dương. Bà đã để ý con say sưa thêm thường cuộc đời của những thủy thủ trên các thuyền buồm từ xa đến. Bà cũng muốn cho con thỏa nguyện, nhưng hình ảnh của cuộc ra đi không ngày về của cha Métra đã làm cho nàng tìm hết cách ngăn con : "Phải, Métra ạ ! Cha con trước đây làm nghề hàng hải nhưng bị nạn chết đắm từ ngoài bể khơi. Mẹ đã đau khổ lắm rồi. Nay mẹ chỉ có mình con, con nỡ nào bỏ mẹ đi ra góc bể chân trời, mẹ sẽ khô héo mà chết".

Métra tuy cảm động nhưng hấn đã quyết. Chiều hôm ấy hấn cho người đánh chuông rao khắp kinh thành Ba La Nại : "Hỡi các thương gia đáng tôn kính ! Métra sắp đi buôn xa, vậy ai muốn

đem hàng ra hải ngoại bán thì cứ đi chung với người".

Mẹ Métra khuyên răn hần rất nhiều. Hần vẫn không đổi ý định. Đến ngày ra đi, năm trăm lải buồn cùng đi chuyến này với hần, bà mẹ quá thương con. Cái cảnh ra đi giống hệt như cảnh ra đi của cha con ngày trước, làm bà quá đau xót. Bà ngã xuống ôm lấy chân con mà khóc. Mọi người đều cảm động, Métra ngồi xuống một lát, nhưng hần bỗng đứng dậy, rút mạnh chân ra, bước qua đầu mẹ hần. Hần đi thẳng xuống thuyền không ngoái nhìn lại. Bà mẹ chậm chạp ngồi dậy và trong nước mắt mà niệm nho nhỏ : "Con ơi ! Mẹ cầu cho con tai qua nạn khỏi. Mẹ cầu cho con khỏi bị quả báo đã bước ngang đầu mẹ con ơi".



Đoàn thuyền vượt sóng đã ba ngày trường, đến ngày thứ tư trời bỗng dỗi biển đột ngột rồi có gió mạnh. Gió cuốn từng hồi báo trước một cơn bão lớn. Mọi người lo ngại và cố sức chống chọi. Nhưng chuyện phải đến đã đến. Bão to đã đánh tan cả đoàn thuyền.

Métra đeo trên một tấm ván và may mắn trôi dạt vào bờ xa lạ. Hần lần lần hồi tỉnh lại và đi đến

một thành phố. Đây là thành Ramana. Anh chàng thanh niên của kinh thành Ba La Nại được người ta niềm nở tiếp đón. Có bốn nàng tiên đẹp dễ đến chào hắn, trước ngực mỗi nàng đều lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng vàng hắn đã trao cho mẹ ngày trước đây. Các nàng tiên nói với hắn : "Chào chàng Métra, đây là đền đài của các em. Đây là tất cả sự khoái lạc ở đời. Chàng vào đây chung vui với chúng em". Métra nhận lời. Hắn sống đầy đủ về vật chất hình như được hưởng những phước đức đã làm nên ngày trước, nhưng hình như có một nguyên do vô hình thúc đẩy hắn : Hắn buồn ý và ra đi, xuống miền Nam.

Hắn đến thành Sadamaham. Có tám nàng tiên trẻ đẹp đến chào hắn. Trước ngực mỗi nàng lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng tiền vàng của hắn đã trao cho mẹ ngày trước đây. Các nàng tiên cũng nói với hắn những lời dịu dàng như những nàng trước. Hắn cũng nhận lời ở lại đây và hắn cũng đã sống đầy đủ về vật chất như được thừa hưởng những phước đức đã làm nên ngày trước. Sau, buồn ý lại ra đi, xuống miền Nam.

Hắn đến thành Nandana. Mười sáu nàng tiên đẹp dễ đến chào hắn. Trước ngực mỗi nàng lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng tiền vàng hắn đã trao cho mẹ hắn ngày trước. Các nàng

tiên dịu dàng mời hấn ở lại và chăm sóc hấn như những nàng trước. Hấn đã sống đầy đủ về vật chất như được thừa hưởng những phước đức đã làm nên ngày trước. Nhưng rồi hấn cũng lại ra đi về phía Nam.

Hấn đến thành Brahmottora ba mươi hai nàng tiên đẹp dễ chào hấn. Trước ngực mỗi nàng lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng tiền vàng hấn đã trao cho mẹ hấn ngày trước. Hấn được mời ở lại hưởng khoái lạc trong thành. Đến đây nhiều điều đã làm cho hấn suy nghĩ : Tại sao hấn, một kẻ có tội với mẹ, hấn đã hưởng những sung sướng đã qua. Phải chăng đó là do ngày trước hấn đã trao những món tiền bốn đồng, tám đồng, mười sáu đồng và ba mươi hai đồng cho mẹ hấn để làm việc thi ân. Nhưng sự sung sướng được hưởng đối với hấn quá nhiều rồi. Hấn không thể ở lại đây nữa. Hấn lại muốn ra đi xuống miền Nam, mặc dù các nàng tiên hết sức khuyên can.

Lần này hấn đi thật xa. Hấn đến một bức thành bằng sắt. Hấn đi vào thành thì cửa thành đóng lại. Hấn cứ đi nữa và không mấy chốc hấn gặp một người to lớn trên đầu đội một vành sắt cháy đỏ. Lửa phun rừng rực máu mù trên đầu người ấy chảy tràn xuống miệng, người ấy liếm tất cả. Hấn đến gần và hỏi :

- Nhà người là ai ? Tại sao lại bị hình phạt đau đớn khổ sở như vậy ?

Người ấy nén đau xót, ngẩng nhìn hẩn một lát rồi trả lời :

- Tôi là người đã làm cho mẹ tôi đau khổ, nên tôi phải gánh lấy quả báo như thế này. Tôi sẽ chịu quả báo mãi cho đến khi một người khác đã tạo nghiệp ác làm mẹ đau khổ đi ngang qua đây sẽ thay thế cho tôi.

Cái quá khứ tội lỗi của Métra hiện lên rõ ràng trong tâm trí. Métra đã bước ngang đầu mẹ, đứa con bất hiếu đó đang đứng đây và đáng nhận cả những hình phạt nặng nề nhất. Métra vừa nghĩ như thế thì vành lửa nóng bay qua chụp lên đầu chàng. Métra nhìn người kia bây giờ đã khỏe mạnh, vết thương trên đầu bây giờ đã lành hẳn và hỏi :

- Tôi phải chịu vòng lửa này trong bao lâu ?

Người kia đáp :

- Chàng phải chịu hình phạt này đời đời kiếp kiếp cho đến khi có người phạm tội đã làm mẹ đau khổ như chàng, đến thay thế cho chàng. Métra đau khổ vô cùng. Lửa cháy xèo từng mảnh thịt, mặt như bị cắt đi từng đường gân máu và tê liệt

từng chỗ. Tuy vậy Métra vẫn bằng lòng với hình phạt mình đã chịu. Chàng nghĩ rằng : "Lại sẽ có người phạm tội đối với mẹ để đến chịu thay ta ? Không nên như thế ! Chúng sanh ơi ! Hãy đừng ai sanh tâm làm mẹ mình phải đau khổ. Hãy đừng ai làm cho nước mắt mẹ mình tuôn chảy vì mình".

Rồi Métracanyaca phát nguyện rằng : "Tôi xin nguyện đời vánh này mãi mãi, xin thay chịu đau khổ cho tất cả chúng sanh".

Lời phát nguyện của Métracanyaca thật là vô cùng chứa chan tình yêu thương rộng lớn. Lời phát nguyện chân thành ấy, đã giải thoát Métra khỏi vòng tội lỗi và vánh lửa bỏng rồi khỏi đau Métra để bay lên hư không trả lại cho Métra đời sống an lành.

QUẢNG HUỆ

Xin mẹ hiền nhận lay này con bất hiếu

Đã bao lần làm mẹ khổ ngày xưa

Đã bao lần làm mẹ khóc như mưa

Bao nhiêu lay cũng chẳng vơi ân mẹ

Tai hại của tham ái

Ngày xưa, có một chàng thanh niên phạm tội loạn luân với chị dâu của mình, và mối tình thâm lén này, đã khiến họ yêu nhau tha thiết, mặc dù đó là một tình yêu đầy tội lỗi. Người chị dâu lang chạ đã nhiều lần xúi em chồng giết chồng đi, để hai người tự do hưởng hạnh phúc bên nhau.

Thoạt tiên người em không mù quáng nghe lời xúi dục thâm độc ấy, nhưng người chị dâu không nản lòng, cứ khuyến khích mãi, và cuối cùng người em đáng thương hại kia đã giết anh mình.

Vì tình thương vợ còn quá nặng, nên sau khi chết, người chồng đáng thương ấy lại đầu thai làm con thần lẩn ở trong nhà, và con thần lẩn này thường khi buông tay cho mình rớt xuống ngay mình người vợ.

Người đàn bà tội ác này biết con thần lẩn là chồng mình đầu thai, nên chỉ hai ba lần sau là thần lẩn bị giết chết.

Sau khi chết, con thần lần vẫn còn thương vợ, nên đầu thai làm con chó trong nhà. Lúc khôn lớn, hễ mỗi khi người đàn bà ngoại tình dẽ tiện ấy đi đâu, thì chó ta chạy theo một bên như bóng theo hình. Bị các thanh niên trong xóm chọc ghẹo nhiều lần, họ kêu là cô thợ săn... Lòng tự ái bị tổn thương, cô ta lại giết con chó.

Nợ tình chưa dứt nên chó ta chuyển kiếp làm con bò đực ở trong nhà vợ. Lớn lên bò ta cứ đi theo một bên người đàn bà thâm độc ấy mãi. Lần này cũng bị các cậu trai chọc ghẹo họ kêu cô là cô chăn bò. Chịu đựng không nổi với lời bốn cọt, có tính cách phi nhũ ấy, cô ta lần thứ ba giết chồng đang sống kiếp mang lòng đội sừng.

Màn tình chót sắp hạ, mặc dù bị vợ giết ba phen, nhưng tình thương vợ vẫn còn vương vấn, nên sau khi bị giết, bò ta bèn đầu thai vào thai bào của người vợ. Nghĩa là hết làm chồng trở lại làm con.

Sau khi sanh ra, đứa nhỏ nhớ được kiếp trước của mình biết rằng : Chính tay người mẹ này đã giết mình trong bốn kiếp qua, từ khi mình còn là chồng nàng.

Quá đau khổ, đứa nhỏ bắt đầu làm khó mẹ nó, nhất định không cho người mẹ đụng đến mình nó.

Mỗi khi người mẹ ăn bông, thì nó la khóc giãy giụa như mình sắp chết.

Thế là chỉ có ông nội và bà nội cực khổ nuôi nấng đứa bé.

Khi đứa nhỏ biết ăn biết nói, một hôm ông nội hỏi cháu :

"Tại sao cháu không cho mẹ cháu động tới mình". Được dịp đứa bé thuật hết đầu đuôi và kết luận : "Nó đâu phải là má của con, nó là người thù của con đấy nội".

Nghe qua câu chuyện tình đấm máu, và thấy rõ lòng dạ người đời, ông nội bèn ôm cháu vào lòng và nói : "Thôi ! Cháu đừng buồn nữa, ông cháu mình sẽ đem nhau đi tu". Mũi lòng ông cháu ôm nhau khóc. Ông nội thì khóc cho mối tình ngang trái của cháu, mà mới hôm nào là đứa con trai của mình. Còn đứa cháu cũng khóc, nó khóc cho ông nội mà trước đây là cha của mình phải cực khổ vì mình, khóc cho lòng dạ người đàn bà nham hiểm, khóc cho số kiếp của mình sao chóng thay đổi.

Và mấy ngày sau, trong một ngôi chùa người ta thấy một vị Tăng già và một em bé sống an lành dưới bóng Phật đài. Họ trầm ngâm trong vẻ mặt thâm buồn, và dường như họ cố gắng lắm. Phải !

Họ cố gắng để quên đi mối tình sa đọa, mà trong đó họ chính là những nạn nhân đáng thương nhất...

THÔNG KIAM

Lòng thục ái không nặng không sanh cõi Ta bà. Tâm niệm Phật không chuyên nhất không sanh Tịnh độ.

Vua Ưu Điền với pháp ly dục

Khi Phật còn tại thế, có một nước tên là Câu Lâm, vua nước ấy hiệu là Ưu Điền. Trong nước có ông triệu phú tên là Mai Hối Đề, sinh hạ một gái nhan sắc tuyệt vời, trên đời không ai sánh kịp, vì thế song thân tặng cho cô gái cái tên Vô Tỷ. Vua các nước lân bang và các nhà hào phú đều đến cầu thân. Ông triệu phú trả lời : Nếu có người quân tử nào dung mạo xinh đẹp bằng con ông, thì ông mới nhận lời.

Bỗng, một ngày Phật đi qua nhà ông triệu phú, ông thấy Phật với 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, thân thể sáng chói như vàng, oai nghi trang nghiêm, tâm ông hoan hỷ và nói rằng : "Con ta có người sánh đôi rồi, ông liền trở vào bảo bà, tôi đã nhận thấy có người cho con mình làm bạn, bà nên sắm sửa cho nó và mình cũng sửa sang cùng nhau đem con đi". Bà triệu phú vội vàng lấy chuỗi ngọc kim

cương đeo cho con và trang sức từ đầu đến chân, trông như tiên nữ giáng thế. Cả ba cùng nhau đến chỗ Phật.

Bà triệu phú đi gần đến chỗ Phật, thấy dấu chân Phật đoán biết không phải người thường, nói với ông rằng : Dấu chân này không phải người phạm, chính là người thanh tịnh ly dục, không nên đem con mình đến mà bị nhục. Ông không nghe, mắng bà biết chi mà nói. Bà can không đắc lời, bực mình lui về, ông triệu phú một mình đem con đi.

Đến nơi ông đành lễ Phật thưa rằng :

- Ngài khó nhọc đi khắp nơi giáo hóa, thân tôi không thể cúng dường, tôi xin cúng dường người con gái tôi để Ngài sai khiến.

Phật bảo :

- Con gái ông đẹp lắm phải không ?

Ông thưa :

- Thưa Ngài, tôi chỉ sanh một gái duy nhất dung mạo thật thế gian không ai sánh kịp, các vị vương giả và các nhà hào phú đều ao ước mà tôi không nhận lời. Tôi thấy Ngài dung nghi tốt đẹp, trên đời không ai bằng, lòng tôi tham cúng dường nên đem đến Ngài để hầu Ngài.

Phật bảo :

- Ông bị mất thịt mê hoặc, ta xem từ đầu đến chân người con gái ông không có gì là đẹp. Trên đầu có tóc không khác gì lông đuôi ngựa, dưới tóc có đầu lâu, giống như đầu heo ở hàng thịt, bề trong có não không khác não heo, hai mắt thường chảy ghèn nước mắt, hai lỗ mũi, miệng, hi nhỏ mũi dài, trong bụng có tim gan, phèo, phổi, ruột già ruột non, đầy đầy hơi thối như nhớp, không thể tả hết, chỉ như cái đầy da đựng đầy vật ô uế, bốn chân tay do các lóng xương nổi lại mà thành, nhờ chút hơi thở mà sống. Nếu đem chia ra đầu một nơi, chân tay thân thể mỗi nơi mỗi cái, thế thì lấy cái gì gọi là đẹp, mà nói không ai sánh kịp ? Trước kia khi tôi mới thành Đạo dưới gốc cây Bồ Đề, có ba nàng ma nữ ở cõi trời, hình dung nhan sắc, không ai sánh bằng, họ đến gần tôi chực phá đạo chánh, tôi khi ấy nói pháp quán thân bất tịnh, như vậy, ba người kia bỗng nhiên thành già, tóc bạc, mặt nhăn, lấy làm hổ thẹn bỏ đi mất. Ông thử nhìn xem thân người là vật ô uế có gì đáng gọi là đẹp. Ông nên đem con về, tôi không nhận lời ông đâu !

Ông Hồi Đề nghe Phật dạy thế, không còn biết nói gì, lấy làm hối hận, lùi thúi đem con về.

Ngày khác ông đem con gái đẹp dâng cho vua

Ưu Điền. Vua được người đẹp, bằng lòng, liền phong tước lộc cho ông Hồi Đề, vua rước nàng vào cung, phong làm thứ phi, cấp cho một ngàn người hầu hạ múa hát, ngày đêm vui thú.

Hoàng hậu vua Ưu Điền qui y theo Phật đã lâu, bà tu hành chứng quả Tu Đà Hoàn.

Thứ phi thường tâu vua Hoàng hậu chứng quả, vua đem tâm nghi hoặc, lấy cung tên ra bắn Hoàng hậu. Hoàng hậu thấy tên không chút sợ hãi, cũng không giận hờn, chỉ nhất tâm niệm Phật, lại khởi từ tâm, hướng trước mặt vua. Những mũi tên vua bắn ra, đều lượn quanh Hoàng hậu ba vòng, trở lại rơi trước vua. Vua thấy thế lấy làm sợ hãi, liền lên xe bạch tượng đi thẳng đến chỗ Phật, gần tới nơi vua vội xuống xe, đi bộ vào cúi đầu lễ sát chân Phật, quỳ mà bạch :

- Thưa Thế Tôn, tôi có lỗi với Tam Bảo, vì tôi nghe lời tà siểm của người yêu nên tôi làm sanh niệm ác đối với Phật và Thánh chúng, tôi đem trăm mũi tên bắn Hoàng hậu là đệ tử Phật.

Thế rồi ông trình bày những cử động tàn ác của ông đối với Hoàng hậu, ông lo sợ hối hận, ông tin rằng chỉ có Đức Phật mới đầy lòng từ bi vô lượng, đến như người thường làm đệ tử Phật, cũng biết phát từ tâm đến thế, chính Phật là đấng Chánh

Chân Và Thượng, nên ông xin sám hối tội lỗi và qui y Tam Bảo.

Phật thấy ông thành thật trải bày tâm sự sám hối qui y, Ngài nhận lời và an ủi :

- Đại vương là người thông minh, mau biết tỉnh ngộ thật đáng quý.

Vua cảm mến lễ Phật.

- Thừa Thế Tôn, tôi từ trước đến nay theo thói dữ tợn ngu muội không biết nhẫn nhục, ba độc nó sai khiến tôi làm nhiều tội ác, nghe lời tà vạy không biết phải trái, nếu không gặp Phật, chắc tội lỗi càng sâu dày. Cúi xin Ngài thương xót nói rõ những tội lỗi tin nghe lời siểm nịnh, để tôi nhớ mà giữ gìn, cũng để làm gương cho người đời sau.

Phật dạy :

- Hay lắm ! Ông phải chăm nghe và gìn giữ. Ở đời có bốn điều người nam tử, phải biết mà dè dặt :

+ Một là người dâm phu tâm thường mơ tưởng nữ sắc, bỏ quên Chánh Pháp nghe theo tà tín mờ tối, làm tội tở cho dục vọng, đem cả tâm trí chú trọng vào đó, ngoài ra không thấy gì hơn nữa.

+ Hai là khi có con mang nặng đẻ đau, tận tụy nuôi cho trưởng thành, tìm người xứng đôi vừa lứa, không kể xa gần, lặn lội cho được, chú ý nuôi

dài mỗi đêm dục cho con. Khi có dấu rồi, nó quý vợ như của báu, riêng vui thú với nhau, chỉ nghe lời vợ, quên hẳn công lao cha mẹ, sinh thành dưỡng dục, trở thành bất hiếu.

+ Ba là người đời làm lụng khó nhọc dành dụm tiền tài mà không đem làm phước, bố thí, cúng dường, vì không hiểu cuộc đời vô thường, chỉ có phước đức là lâu dài đáng quý. Thế nên khi có vợ rồi, tâm tình mê man, quên hết việc phải, chăm chú vào nữ sắc, tuy có muốn bố thí, làm các việc phước thiện khi nói ra bị vợ ngăn cản thì thôi, đành chịu thành kẻ tiểu nhân, vì vậy mà quên lời răn dạy trong kinh điển, không biết tội phước, bị ma nữ sắc ám ảnh, khổn khổ suốt đời.

+ Bốn là ở đời, không mấy người nghĩ ơn sanh thành, làm ra tiền của, ít người hiểu dưỡng song thân. Phần nhiều rong ruổi tìm tòi các việc cho vừa lòng dục vọng, đem hết tâm lực của cái đời lấy một người cho vừa ý, khi được rồi vui mừng mê man, phải tìm bao nhiêu kế hoạch để kéo dài cái vui ấy, gây ra những sự ham cầu tiền của, vợ vét cho đầy túi tham, không kể phải trái liêm sỉ, quý hồ vợ con nhà mình đầy đủ sung sướng, ai đói khổ thiệt thòi mặc kệ ai, không khác chi con voi điên chạy rong theo dục vọng, mà cho là khoái lạc.

Bốn thói xấu này, người Nam tử phải cẩn thận tránh xa, nếu mắc vào thì hiện tại rất tai hại cho bản thân, gia đình, xã hội. Mai sau sẽ dọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đền trả tội lỗi đã gây ra.

Vua Ưu Điền nghe Phật dạy, hoan hỷ cúi đầu lễ Phật, bạch rằng :

- Từ trước đến nay tôi chưa được nghe lời dạy bảo quý báu như hôm nay, nên tôi trót làm bao nhiêu tội ác. Từ nay về sau, trọn đời tôi xin sám hối, quy y ngôi Tam Bảo không dám phạm nữa, xin Thế Tôn chứng minh cho tôi.

Vua lui ra trở về Hoàng Cung.

Từ đó về sau vua chăm chỉ học Đạo, ủng hộ Chánh Pháp, đem Chánh Pháp dạy bảo nhân dân. Kính trọng Hoàng hậu, coi như Đạo bạn vua lại truyền các cung phi phải vâng theo lời dạy của Hoàng hậu. Không bao lâu trong cung nội, ngoài nhân dân, đều quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới, nước Câu Lâm biến thành cảnh an lạc hiện tại ở trần gian.

ĐẠM MINH

Sự tham lam nó làm cho con người chìm đắm mãi trong biển luân hồi, mà nhất là cái tham về sắc dục nó đầy dọa và vùi lấp con người một cách ghê gớm.

Sáu giác quan tranh công

Ngày xưa, xưa lắm... Có một nhà vua nọ góa vợ chỉ có một nàng Công chúa mà thôi, nên bao nhiêu tình thương nhà vua đều dồn cả cho nàng.

Một hôm Công chúa đau nặng. Bao nhiêu ngự y chăm sóc thuốc thang đều thất thủ trước căn bệnh kỳ lạ của nàng Công chúa. Sau cùng nhà vua phải triệu tập một "Đại hội" thầy thuốc trong toàn quốc để mổ xẻ bệnh trạng hầu tìm ra phương pháp trị bệnh cho Công chúa. Sau khi đúc kết ý kiến, một bản quyết nghị dâng lên vua, đại ý cho rằng Công chúa bị chứng nội thương, phải có sữa sư tử mới trị khỏi.

Nhưng tìm đâu cho ra sữa sư tử ?

Nhà vua bèn truyền khắp thần dân, hễ ai tìm được sữa sư tử để trị bệnh cho Công chúa sẽ được thưởng quan tước và tiền bạc.

Có một chàng trai trẻ nọ được tin, mộng công hầu thúc đẩy nên anh ta không quản hiểm nguy, lặn lội vào rừng sâu để tìm cho được sữa sư tử.

Qua bao ngày tìm kiếm dò xét, chàng trai nọ biết được chỗ ở của một bầy sư tử mấy trăm con, chàng bèn trộn thuốc ngủ vào nước uống để nhử. Khi sư tử ngủ dậy, thấy nước ngon quá bèn uống no. Thế là cả trăm con lại gục xuống ngủ mê man. Chàng trai nọ tha hồ tìm sư tử cái để nặn sữa.

Trên đường về kinh đô, một hôm chàng trai nằm nghỉ dưới gốc cây. Lúc ấy một vị A La Hán đi ngang qua bỗng nghe các giác quan của chàng trai nọ tranh công với nhau rất kịch liệt.

Lỗ tai nói : Nếu tôi không nghe lệnh của nhà vua thì làm sao hiểu được đi tìm sữa ? Công tôi to nhất.

Chân đáp : Này này, đừng có hỗn, tai anh nghe chân tôi không bước thì anh có đến được chỗ sư tử ở không ? Công to là tôi đây.

Mắt phát biểu : Các anh sai hết. Chỉ có tôi đây là quan trọng. Tai nghe, chân bước nhưng mắt tôi nhắm lại thì các anh có gãy giò không ? Tôi mới đúng thưởng công to.

Tay xen vào : Cãi nhau làm chi vô ích. Nếu đi đến nơi, thấy chỗ của sư tử, mà không có mười ngón và hai cánh tay này thì các chú có lấy được sữa mang về không ? Công lao là ta.

Lưỡi bồng nổi giận : Được ! Tôi đây đồ bỏ chắc. Các anh khoe khoang tranh giành nhau, rồi đây sẽ biết tay tôi.

Quả nhiên khi chàng trai nọ về triều, hai tay trình trọng dâng sữa lên nhà vua, bất ngờ, lưỡi mách leo :

- Tàu bệ hạ, đây là sữa lừa chứ không phải sữa sư tử.

Mặt rồng đang tươi vui, bỗng sa sầm xuống, nhà vua nổi giận vì rõ ràng nghe nói sữa lừa chứ không phải sữa sư tử, bèn truyền lệnh chém đầu chàng trai nọ vì tội khi quân.

Chàng trai hết sức biện bạch nhưng nhà vua không tin. Sau có một vị đại thần đề nghị vua hãy lấy sữa trị bệnh cho Công chúa thử, nếu lành là sữa sư tử, bằng trái lại thì chém đầu cũng không muộn.

Vua y lời, và nàng Công chúa nhờ được uống sữa nên khỏi bệnh.

Tiếp theo vị La Hán vào triều thuật lại việc Ngài nghe các giác quan của chàng trai nọ tranh công với nhau. Và việc làm sàm tấu kia chính là cái lưỡi không xương nên nhiều đường lắt léo.

**Nhà vua hiểu rõ nội vụ, bèn trọng thưởng cho
chàng trai nọ.**

NGUYỄN CAO

**Này các Tỷ kheo ! Hãy hòa hợp nhau lại, như nước với
sữa, ánh sáng với không gian !...**

Lòng ích kỷ quá độ

Ngày xưa có một thủy quái tên Makara vô cùng ích kỷ, vô cùng tự phụ và cũng vô cùng tàn bạo.

Tương chừng cả thế giới phải tiêu diệt, thì lòng khát vọng của nó mới thỏa mãn. Mỗi bữa ăn, nó ăn hết số cá mà một chiếc mảnh phải làm trong một ngày. Các loài thủy tộc, từ lớn đến bé đều lạ lùng, hoảng hốt, hãi hùng, bởi vì nó ăn tất cả, không chừa một con nào. Nhưng dĩ nhiên là trừ nó ra.

Đứng trước cảnh tượng diệt vong, loài thủy tộc phải làm thế nào, biết tìm đâu một chỗ trốn tránh : Ở dưới nước, hay đáy bể, cũng như trên đất bằng không có lấy một chỗ, có một đôi con mọc cánh bởi vì nó sắp biến hóa thành chim, chúng nó hy vọng được cất cánh. Nhưng vừa vọt ra khỏi mặt nước, đâu lại vào đấy, nó rơi vào bể cả. Con thủy quái, khoái lạc nhìn con mồi, và chế nhạo trước mưu mô ngu ngốc của đồng loại. Loài cá, dù bơi hay

lặn, lớn nhỏ đều bị nghiền ngấu. Con thùy quái ra chiều đắc ý, nhưng lòng dục vọng không đầy nó vẫn không thỏa mãn.

Không bao giờ nó có ý nghĩ rằng mình rồi cũng có ngày bị ăn thịt. Phải, vì còn ai mạnh khỏe, hung tợn, kiêu ngạo bằng nó ? Loài cá càng làm cho nó tin rằng mình là đúng ?

Nhưng loài cá, con thì bị ăn thịt, con thì chạy trốn, nên trong bể thua thốt dần. Vật thực càng hiếm hoi, càng khó kiếm, và khi nhai những con cá nhỏ xíu dưới hàm răng to tướng của mình nó tức điên lên.

Makara nghiền và cắn lười. Giận dữ, nó giật mạnh cái đuôi vĩ đại bằng phẳng và cứng rắn như một tấm ván.

Nó quật lung tung nhưng không có tấm hơi một con cá nhỏ nào trong vùng nước nổi sóng. Nó ngạc nhiên, thất vọng và bức tức vật thực đã hết mà cơn đói lại càng hoành hành mãnh liệt. Biết làm sao bây giờ ? Nó bơi lội, sục sạo khắp nơi. Bỗng nhiên nó nghe bốc lên một mùi quen thuộc, mùi quyến rũ của loài cá, mùi ấy nếu không bốc lên từ nó thì còn từ đâu nữa ?

Tình trạng giống như con hươu chạy đuổi đến kiệt sức theo mùi xạ từ cổ nó tiết ra.

Con Makara lúc thì lặn xuống đáy bể, lúc thì nổi lên mặt nước. Cái mùi thơm ngon từ mình nó lại theo nó mãi. Trong cơn ngặc nhiên và bị kích thích, nó cắn nghiến lấy thịt mình. Một cảm giác vừa đau đớn vừa hoan lạc nổi lên. Nó nhắm nhĩa lấy máu mình và nó không thể dừng được nữa. Cứ như thế, nó ăn cho đỡ đói, và nó "đã lặn mình vào đau khổ để quên đau". Đến lượt biển cả lại ăn thịt nó, và cái gì còn sót lại, thì đó là vầng bóng của lòng kiêu ngạo của nó, và lòng ám ảnh hải hùng của bầy cá đang sợ sệt dìm dặt nhau trở về.

TOÀN SIÊU

Như sét đỏ sắt sinh ra rồi trở lại an sắt, ác nghiệp do con người gây ra rồi trở lại dìm con người đi vào cõi ác.

Của tuy đất cát lòng con kính thành

Hôm ấy nghỉ học, sáu đứa bé cả trai lẫn gái thân hình cũng như trạc tuổi xấp xỉ ngang nhau, chúng rủ nhau lại trong chiếc sân rộng mát trước nhà em Lê Xa, con của ông bà Đặng Quang, một gia đình lễ giáo rất sùng thượng để chơi trò chơi mà mấy hôm nay chúng không chơi được vì mưa lạnh. Không biết trò chơi này ai bày ra và đâu truyền đến mà đứa bé Ấn Độ nào cũng biết và rất thích chơi, nhất là những lúc có mặt độ năm bảy đứa.

Sau phút họp mặt chúng liền phân phối công việc để sắp sửa cuộc chơi. Mấy em gái thì đi chợ và nấu cơm, mấy em trai xây nhà và chung dọn.

Nguyên liệu làm nhà là những viên gạch bé, những tấm ván thừa. Nhà thì có nhà song không ở và làm gì trong nhà được cả. Bông hoa, đồ dùng đều phải chung dọn bên ngoài. Chợ chúng là hàng

rào dâm bột, hoa đỏ lá xanh là những thức ăn ngon lành để mua. Gạo thì có sẵn bên hè nhà chỉ còn xúc nấu : Ấy là cát. Tuy nhiên, Li Tư em bé gái phụ trách nấu cơm vẫn giả bộ bẽ bực, bước huốc chum hum thổi phờ qua những que củi không bao giờ cháy vì tươi xanh và không có lửa, thức ăn thì không cần nấu, sau khi mua về chúng ngắt vụn và cứa nhỏ vào bát đĩa là xong, nói bát đĩa cho oai chứ toàn là những miếng mảnh sành, nắp hộp và khu chén. Còn dưa thì rất sẵn ở bờ đậu chúng tự bẻ lấy.

Hý hoáy, chạy ngược chạy xuôi kêu la thức hối trong chốc lát thì tất cả đầu vào đây : Thức ăn đều được sắp lên bàn, ò thật là giản dị chỉ là cái đòn, có nải chuối trắng miệng, không biết chúng tạo đầu ra hay lượm trong thùng rác của chị bếp.

Bày biện xong xuôi, chúng mời nhau lại để khai mạc buổi tiệc. Đang xúm xít vây quanh chiếc bàn thấp lè tè thì bỗng nhiên đôi mắt tròn xoe của Lệ Xa hướng về những người đức hạnh trong những bộ áo cà sa vàng nghiêm trang vượt qua hàng cây trước bờ rào, rồi tất cả lũ trẻ quay mặt nhìn theo... Bữa tiệc chưa bắt đầu nhưng đã bị gián đoạn vì đoàn người kia khoan thai, im lặng bước vào cổng. Lệ Xa liền rời khỏi bàn ăn và chạy ngay đến trước Đức Phật chấp tay vái chào và kính thưa :

- Thưa Ngài, thầy mẹ con hôm nay có việc phải qua làng bên cạnh.

- Tốt lắm ! Thôi cho con trở vào chơi với bạn, Đức Phật bảo Lệ Xa.

Ngần ngừ không lui bước, Lệ Xa tỏ vẻ vì không có gì để cúng dường, mọi hôm, vào giờ này khi Phật và Chư Tăng đi ngang là cha mẹ Lệ Xa thường hay dâng cúng vật thực.

Đoán biết em bé Lệ Xa muốn thưa thỉnh điều chi nên Ngài chưa đi vội.

Bỗng Lệ Xa nhanh nhẩu về phía bạn nhanh tay bưng ngay bát cơm to nhất trên bàn đem dâng cúng Phật với đôi tay tín thành kính cẩn.

Các đệ tử đứng sau đều lấy làm lạ, xầm xì và hỏi nhau về thứ lễ vật lạ kỳ mà em bé đang dâng cúng. Chính lũ trẻ, bạn của Lệ Xa cũng không hiểu Lệ Xa đang làm gì và rất lo ngại cho nó...

Đỡ lấy bát, Đức Phật nói với giọng trong thanh, hiền dịu : "Của tuy đất cát, lòng con kính thành. Như Lai nhận cho con".

Đoạn Ngài trao bát cơm ấy cho Tôn giả A Nan, dặn đem về vãi lên nền nhà Ngài ở. Nhìn khắp các đệ tử, Ngài dạy thêm :

- Em bé này có tâm hoan hỷ cúng dường, nhờ công đức ấy một trăm năm sau khi Như Lai nhập diệt, em bé sẽ làm vị Quốc vương tên là A Dục. Vị lãnh tụ này sẽ là một người hộ pháp đặc lực, rất tôn sùng Tam Bảo, biết phân chia Xá Lợi, xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp để tôn thờ, biết đem Chánh Pháp áp dụng trong công việc trị dân, giúp nước, tiếng tăm lừng lẫy...

Tôn giả A Nan lại ngạc nhiên hơn nữa liền bạch Phật :

- Bạch Thế Tôn em bé này chỉ cúng dường chút ít đất cát mà sao lại được phước báu nhiều như thế, nhất là được nhân duyên xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp để cúng dường Xá Lợi ?

Đức Phật ôn tồn giải đáp :

- Nay A Nan và tất cả đại chúng. Không phải chỉ trong kiếp này mà ở một tiền kiếp xa xưa em bé đã làm một vị Quốc Vương tên Ba Tắc Kỳ luôn luôn được cúng dường Đức Phật Phất Sa, và nghĩ đến nhân dân chưa có dịp được chiêm ngưỡng đức tướng trang nghiêm của Đấng Giác ngộ, người đã mời rất nhiều họa sĩ vẽ tám vạn bốn ngàn bức tượng để lưu truyền khắp mọi nơi. Nhờ công đức ấy cộng thêm việc đang làm trong hiện tại mà sau này em sẽ được vô lượng phước báu và nhất là được

có nhân duyên xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp để tôn thờ Xá Lợi.

Nghe đến đây Tôn giả A Nan và toàn thể đại chúng mới hết nghi ngờ.

Riêng về Lạ Xa thì em sung sướng và thỏa mãn vô hạn vì đã được Đức Phật tiếp nhận lễ vật và tự tay em làm ra dâng cúng.

Lũ trẻ này giờ đứng xa nhìn lại, bây giờ sau khi nghe, thấy và nhận biết lòng thương bao la rộng rãi của Đức Phật chúng rủ nhau đi gần lại và vây quanh Ngài.

Giờ đã gần hết, Đức Phật và các đệ tử phải tiếp tục đi hóa trai. Trước khi ra đi, một lần nữa Ngài rờ đầu và chú nguyện cho Lạ Xa thường được sức khỏe, học tập tiến bộ và Ngài dặn thêm lũ trẻ :

- Các con chơi với nhau cho hòa thuận, vui vẻ nhé !

Đoàn người thanh tịnh khuất dần trong ngã xóm, nhưng lũ trẻ mãi nhìn theo không chớp mắt.

ĐẠI CHÍ

Tam Bảo là ruộng phước phì nhiêu cho chúng sanh gieo giống.

Gần Phật và xa Phật

Một thời Đức Phật ở nước Xá Vệ, tại Tịnh Xá Kỳ Hoàn thuyết pháp cho Chư Thiên nghe. Lúc bấy giờ ở nước La Duyệt Kỳ có hai vị tân học Tỷ kheo muốn yết kiến Đức Phật. Giữa hai nước ấy có một khoảng đồng rộng, không có người ở, lại gặp thời tiết hạn hán, nên suối hồ đều cạn. Hai người đi ngang qua, bị khát nước, chỉ gặp được vũng nước nhỏ thì bị đầy những trùng, không thể uống được.

Hai người mới bàn với nhau rằng :

"Chúng ta từ xa lại, cốt trông mong chiêm ngưỡng Đức Phật, không ngờ ngày nay bị chết khát giữa đường".

Một người nói rằng :

- Thôi ta hãy tạm uống để khỏi chết có vậy mới gặp được Phật và lại ta uống cũng không ai biết cả.

Người kia đáp rằng :

- Giới luật Đức Phật chế ra, lấy nhơn từ làm gốc. Nếu giết hại chúng sanh để tự sống thì dù thấy Phật cũng không ích gì. Thà rằng giữ giới chịu chết, chớ không phạm giới mà được sống.

Người đầu theo ý riêng của mình uống nước đỡ khát và đi đến chỗ Phật ở. Người thứ hai không chịu uống nên phải chết vì khát nhưng được sanh lên cõi trời Đao Lợi. Nhờ suy nghĩ nên tự biết mình ở kiếp trước nhờ giữ giới nên được sanh thiên, thật là do lòng tin mạnh nên phước báu chẳng xa vậy. Nghĩ như thế, bèn đem hương hoa đến lễ Phật rồi đứng hầu một bên.

Còn người uống nước, phải cực khổ trải qua nhiều ngày mới đến chỗ Phật ở. Thấy đấng Chí Tôn oai nghiêm, người liền cúi đầu đánh lễ khóc lóc bạch Phật rằng :

- Con còn một người bạn muốn đến yết kiến Phật, chẳng may giữa đường bị mệnh chung, dám mong Đức Thế Tôn biết cho.

Đức Phật trả lời :

- Ta đã rõ rồi.

Liền lấy tay chỉ vị Tiên nhơn đứng hầu một bên mà nói rằng :

- Người Tiên nhơn này chính là người bạn của

người đó. Người này nhờ giữ trọn giới luật nên được sanh lên cõi Trời và được gặp ta trước người.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn chỉ tay vào ngực người kia và bảo rằng :

- Người tuy thấy hình ta mà không giữ giới luật của ta, thì tuy người thấy ta mà ta không thấy người. Người kia tuy cách xa ta ngàn vạn dặm, nhưng giữ giới luật thì người ấy tất đứng trước mặt ta.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bèn nói bài kệ rằng :

Học nhiều lại nghe nhiều,

Hai đời được ngợi khen.

Học ít lại nghe ít,

Hai đời bị đau khổ.

Phàm học nên nghe nhiều,

Dầu gặp nhiều tai nạn.

Trì giới chẳng trái phạm,

Sở nguyện được thành tựu.

Giữ giới không chu toàn,

Sở nguyện bị tán mất.

Xét lý nhận yếu nghĩa,

Không gì đáng can ngại.

Lúc bấy giờ vị Tỷ kheo nghe bài kệ xong bèn tự xấu hổ, cúi đầu xin sám hối, yên lặng suy nghĩ lời Phật dạy. Còn vị Tiên nhưn sanh tâm hoan hỷ, chứng được Pháp nhãn, trong chúng hội hoan hỷ phụng hành.

MINH CHÂU

Giới luật là thầy của các người.

Giới luật là thọ mạng của Phật Pháp.

Giới luật còn Phật Pháp còn.

Một cuộc chiến thắng vinh dự

Trong Ấn Độ Dương, cách chừng hàng chục dặm về phía Nam bờ biển Ấn Độ, có một hòn đảo khổng lồ. Đó là đảo Tích Lan. Người ta gọi là đảo SinhGaLa (Singhaladvipa) vì người chinh phục đảo ấy, xưa kia chính là anh hùng SinhGaLa.

SinhGaLa là con trai một người lái buôn giàu có. Chàng rất được nuông chiều. Cha chàng thì trông mong chàng ngày sau trở thành một người sung sướng, sống yên thân trong đồng tiền của lớn lao, nhưng mộng của chàng lại khác. Chàng thích phiêu lưu, thám du đến những đất nước xa xôi. Bể khơi sóng gió và chân trời mới lạ thúc dục chàng SinhGaLa khẩn khoản nhiều phen mới xin phép được cha vượt bể cả cùng với một đoàn lái buôn hơn năm trăm người.

Đoàn thuyền tiến về hướng Nam định sẽ ghé lại miền đất nào mà họ trông thấy trước nhất. Bỗng

một buổi chiều kia, một trận bão nổi lên dữ dội và đoàn thuyền bị sóng đánh tan từng mảnh. Trong tai nạn khủng khiếp này, một số người may mắn bám được vào các mảnh ván thuyền và trôi được vào bờ. Trong số này, có chàng thanh niên Sinh-GaLa.

Một đoàn thiếu nữ ra tận bờ biển đón tiếp họ rất nồng hậu. Mỗi người đàn ông được mời về một nhà riêng, ở đó có một thiếu nữ chăm lo săn sóc ăn cần, âu yếm như đối với người thân yêu nhất. Các thiếu nữ tha thiết mời họ mãi mãi ở lại đây. Những ngày đầu, những người đàn ông bị nạn đều lo an dưỡng cho lại sức và lúc thảnh thơi là lúc tâm trí họ hướng về quê hương, gia đình mà họ không biết bao giờ gặp lại. Nhưng rồi thời gian đã đổi thay lòng họ. Họ thấy quen lẩn với cây cỏ nước non, với sự thân mật quyến rũ của các người đàn bà đẹp. Họ chịu thay những bộ áo cũ để khoác những chiếc áo choàng bằng lụa mới, bắt đầu đòi hỏi những món ăn ngon rồi dần dà họ sống chung thành gia đình với những người đàn bà đến đón tiếp họ trong những cuộc vui say đắm. Tháng ngày lần qua, lần qua, nhiều cặp vợ chồng đã sinh hạ con cái.

Trong cảnh sống mới này, mọi việc đều do đàn bà đảm đương. Các người đàn ông được nghỉ ngơi,

đạo chơi thỏa thích. Nhưng có một điều là họ không được xuống hướng Nam. Sự cấm đoán này đem lại cho SinhGaLa, chàng thanh niên dũng cảm, nhiều nỗi nghi ngờ. Chàng quyết tâm tìm hiểu sự bí mật của những người đàn bà kỳ dị này.

Một đêm kia, SinhGaLa, chờ lúc vợ ngủ say, lén dậy và cạy chặt thanh gươm bên mình rồi đi thẳng về phía Nam. Chẳng mấy chốc, chàng thấy trước mặt bức thành kín không có cửa ra vào. Đây là đâu ? Người ta cất giấu cái gì trong này ? Chàng đến gần và lắng tai nghe. Có tiếng văng vẳng từ trong phát ra. Nhanh trí SinhGaLa leo lên một cây mọc bên bờ thành nhìn vào.

Cảnh tượng thật là ghê rợn. Hơn trăm người ốm yếu, đói khát đang quần quai bên cạnh những đồng xương trắng chồng chất. Một mùi tanh hôi, hắt ra kinh tởm. SinhGaLa giữ được bình tĩnh hỏi chuyện các người còn sống. Chàng mới biết rằng đây là một toán lái buôn Ấn Độ bị đắm tàu trôi dạt vào đảo này trước khi đoàn người cùng đi với chàng đến nơi này. Trước đây bọn đàn bà, cũng đã đón tiếp họ, nhận họ làm chồng để rồi khi có một số người khác đắm thuyền trôi dạt đến, bọn đàn bà đem nhốt họ tại đây, làm đồ ăn cho chúng. Họ sẽ lần hồi bị giết chết như những người bạn xấu số của họ mấy ngày vừa qua. Và rồi cũng sẽ đến

đoàn lái buôn của SinhGaLa chịu cái số phận làm mồi cho bọn yêu tinh tàn ác dâm dục này.

SinhGaLa không lấy gì làm ngạc nhiên vì chàng đã đoán thấy các quyến rũ gian trá của người đàn bà làm vợ chàng. Chàng nắm chặt thanh kiếm lại. Rồi chàng hỏi các người kia thử họ có biết cách gì để thoát khỏi nơi này không.

Có người trả lời :

- Mỗi năm, đến một ngày nhất định, có một con ngựa trắng, bay được, từ trên trời hạ xuống đảo này. Nó sẽ kêu lên ba lần :

"Ai về Ấn Độ sông Hằng,

Theo đây ta giúp vượt bằng bể này".

Người nào vững tâm theo bám chặt mình nó, sẽ trở về được quê hương, gia đình.

SinhGaLa hỏi lại :

- Thế tại sao các anh không nắm cơ hội trên để thoát khỏi nơi nguy hiểm này ?

- Trời ơi ! Chỉ vì chúng tôi bị mê đắm. Những lời thân mật, những cử chỉ vuốt ve của bọn đàn bà kia làm chúng tôi bỏ lỡ mất cơ hội rồi. Đến phút này, chúng tôi chỉ còn một lời cuối cùng là chúc các anh may mắn cạn dâm để trở về nước Ấn Độ yêu quý của

chúng ta và nhấn chung với các người sau chúng ta
hãy đừng mê đắm mà thiệt hại cả một đời.



Từ trên cây trụt xuống, SinhGaLa trở về nhà trước khi người đàn bà vợ chàng thức dậy. Chàng làm ra vẻ tự nhiên như không có điều gì xảy ra, và giữ kín những bí mật đã biết được.

Ngày quan trọng đến rồi. Ngày ngựa thần hạ xuống đảo. Chàng họp các bạn bè mình lại, nói cho họ biết số phận đen tối của họ. Mọi người đều kinh hãi và khi ngựa thần mới vừa hạ xuống thì ai nấy đều nhanh chóng bám chặt vào thân mình ngựa khổng lồ để được bay về xứ sở.

Ngựa đã bay lên cao và sắp vượt bể cả. Lúc bấy giờ bọn yêu tinh mới hay biết. Chúng nhờ phép lạ mà đuổi theo kịp ngựa BaLaHa. Mỗi con yêu bồng trên tay đứa bé mới sinh và đem hết những lời nói đường mật, những cử chỉ ái ân để quyến rũ chồng nó trở lại. Chúng đã đạt được kết quả. Từng người, từng người đàn ông mê hồn, buông tay ra và rơi vào trong lòng bọn quỷ đàn bà dâm dục ấy. Cuối cùng chỉ còn một mình SinhGaLa, người thanh niên can đảm, cương quyết đến không có gì lay chuyển nổi, bám chặt cổ ngựa thần và trở về được

yên ổn, đáp xuống nước Ấn Độ, quê hương của chàng.

Về phần bọn nữ quái khi trở về đảo, chúng tỏ vẻ giận dữ với con yêu chúa bất lực đã không làm lay chuyển được lòng dạ SinhGaLa. Chúng trực xuất yêu chúa ra khỏi đảo cho đến khi nào con này đem được SinhGaLa trở lại.

Yêu chúa biến hình thành một người đàn bà đẹp, lông lẩy vô cùng trong bộ áo lụa mỏng, kết kim cương lỏng lánh. Nó mang cả con nó theo vào đến tận nhà SinhGaLa. Nó tìm đến ông bà phú thương, thân sinh của SinhGaLa, tự xưng là Công chúa một nước ở phương Nam. Rồi nó chỉ đến đứa bé và trách SinhGaLa đã bỏ mẹ con nó sau những năm ăn ái nồng thắm, để cho nó phải lận lội nhiều ngày mới ra được đến đây. Ông bà phú thương vừa cảm động cho tình nghĩa con dâu, vừa sung sướng được trông thấy cháu trai mập mạp kháu khỉnh nên lưu cả hai mẹ con lại và hứa sẽ bắt buộc SinhGaLa thuận tình hòa hợp. Ông lão nói với chàng :

- Con ơi ! Con nỡ từ bỏ người con gái con một vị Quốc vương và đứa bé này hay sao ? Mẹ con chúng nó là những kẻ đáng thương. Hãy rộng lượng mà tha thứ cho chúng nó nếu có gì mà con không bằng lòng.

SinhGaLa thấy cần trình bày cho cha mẹ mình rõ tông tích bọn đàn bà này :

- Thưa cha, người đàn bà này không phải là một công chúa, chính nó là một con yêu tinh ghê tởm.

- Con ạ ! Không nên nghĩ như thế cho riêng nó. Phần nhiều đàn bà là yêu tinh . Hãy tha thứ.

- Không thể được ! Thưa cha, con cương quyết rồi. Nếu không con đã mãi mãi cách biệt cha mẹ và quê hương như những người đã đi theo con. Giờ đây chỉ có hai cách, hoặc là cha mẹ giữ nó lại đây để con đi chỗ khác, hoặc là con ở đây và đuổi nó ra khỏi nhà này.

Thấy con một mực cương quyết, ông bà phú thương đành phải mời nàng công chúa giả mạo đi khỏi nhà mình. Cùng kế, con yêu tinh vào triều đình, kiện SinhGaLa với Đức vua. Cố nhiên là việc nàng không thể làm SinhGala thay đổi ý định của chàng được, nhưng mang lại một điều tai họa, ấy là chuyện ông vua phải lòng người đàn bà đội lốt công chúa. Vua nói với SinhGaLa :

- Hỡi chàng thanh niên ! Nếu chàng không thích, chàng hãy nhường nó lại cho ta.

SinhGaLa tâu rằng :

- Xin Đức Vua hãy suy nghĩ lại. Tôi không thể

nhận người đàn bà này và tôi cũng không có quyền nhường nó cho ai cả.

Từ sau khi xử vụ kiện này, con yêu tinh đã thấu nhận được lòng ái mộ của Nhà vua. Sắc đẹp mê hồn và những hành động quyến rũ của nó càng làm cho nhà vua ngây ngất, cho đến một hôm nó hoàn toàn làm chủ được tinh thần của Đức vua.

Rồi đêm đến, dùng tà thuật, nó bắt mọi người trong cung vua lẫn ra ngủ mê man. Nhanh như chớp nó bay về tìm các chị em nó và thúc giục :

- Hãy nhanh lên ! Ta mất một SinhGaLa nhưng ta được trọn một cung vua. Nhanh lên, ai thêm máu tươi ! Hãy theo ta !

Trong đêm tối, cả bảy yêu tinh hăm hở xuất hành với nguyên hình ghê sợ của chúng. Chúng đã hoành hành hết sức kinh tởm trên các thân người đang ngủ say.

Đến sáng hôm sau, cửa cung vua vẫn đóng im im. Người ta đồn lại ghê tởm cả trên khúc đường vào cung điện. Các triều thần, các quan chức, các vị chỉ huy quân đội... Đêm chẳng lành truyền lan nhanh chóng và trên không trung, bảy quạ đen lượn qua lượn lại, kêu từng tràng tiếng dài rùng rợn. SinhGaLa hiểu được công chuyện trước ai hết. Chẳng bảo người bắc thang rồi leo nhanh vào

thành, thanh gươm quý nắm chặt nơi tay. Chàng
vung gươm xông vào giữa đám yêu tinh đang hối
hả thanh toán bữa tiệc ngon của chúng. Cùng lúc
ấy, quân lính ngoài thành cũng đã phá được cửa
để vào trợ giúp SinhGaLa. Người ta hét lên vì
căm giận cho sự tàn bạo của bầy yêu tinh. Bọn này
hoảng hốt bay đi, đưa mang theo một cánh tay,
đưa mang theo một cẳng chân người đang ăn dở.
Không ai ngờ có sự tàn phá khốc hại trong cung
vua như thế này, từ xưa nay. Đức vua, Hoàng hậu,
Hoàng tử, Công chúa, Cung phi, Mỹ nữ tất cả đều
bị tàn sát.

Sau khi an táng thi hài Đức vua và các người
xấu số, triều thần lẫn dân chúng thấy mình lâm
vào một tình trạng quẩn bách : thiếu người đứng
đầu quốc gia, thiếu vua : Ai sẽ lên đảm nhận ngôi
báo ?

Mọi người đồng thanh :

- Trọng trách ấy phải dành cho kẻ thông minh
nhất, can đảm nhất. Kẻ ấy, không ai xứng đáng
hơn chàng thanh niên anh hùng SinhGaLa.

SinhGaLa từ chối vì chàng chưa có danh phận
gì. Nhưng chàng chẳng đã chiến thắng bọn yêu
tinh một cách rực rỡ hay sao ? Chàng đã vững tâm
không để sa mê vào lưới dục vọng hay sao ? Đến

cuối cùng SinhGaLa nhận lời với điều kiện là mọi người hăng hái giúp chàng phá tan sào huyệt bọn yêu tinh dâm dục để báo thù cho những người bị giết, để giải phóng cho những kẻ hiện đang bị giam cầm. Toàn thể đều tán thành công cuộc thích đáng ấy.



Hôm SinhGaLa lên ngôi vua cũng là hôm chàng xuất quân. Đội binh thuyền trương buồm tiến về phía Nam. Không có hy vọng đánh bọn yêu tinh vào lúc bất ngờ được, vì trên bãi bể chúng có dựng hai trụ cờ : trụ ngoài mé bãi bể báo tin mừng như tin có tàu chìm, trụ trên đồi cao phía trong bãi báo tin hung dữ như tin tấn công của chiến thuyền từ xa đến. Thành ra, muốn đánh chúng phải thật là tài giỏi và can đảm.

SinhGaLa đã tiến quân lên đảo. Bọn yêu quái đã chuẩn bị đối phó. Chúng hiện nguyên hình hung ác hòng đe dọa quân lính của SinhGaLa. Nhưng trái lại, chính bộ mặt yêu quái của chúng đã làm cho mọi binh sĩ phấn uất thành ra họ càng thêm hăng hái mạnh mẽ. Và lại cái quá khứ đầy tội ác của bọn chúng đã đưa chúng ngày hôm nay phải đền tội.

SinhGaLa thúc quân, oanh liệt chiến đấu, bọn yêu tinh núng thế, tan rã. Phần lớn đã bị tiêu diệt. Chỉ còn những đứa biết hối cải, nguyện từ bỏ cuộc sống tội lỗi để quay về đường lành được SinhGaLa ra lệnh tha thứ. Chẳng khuyên chúng nên đi nơi khác để làm ăn lương thiện.

Từ độ ấy hòn đảo tên SinhGaLa tên của vị anh hùng đã chiến thắng bọn yêu tinh dâm dục. Vị anh hùng ấy là tiền thân Đức Phật Thích Ca. Một vị đại từ bi nhưng không kém phần dũng mãnh...

QUẢNG HUỆ

Chẳng có sự thắng trận nào cao thượng bằng sự thắng trận của Chánh pháp. Chẳng có sự bại trận nào đê hèn hơn sự bại trận giặc lòng.

Quả báo của lời nói, hành động đâm thọc ly gián

Xưa có một vị Tỳ kheo tên Kondaahana kể từ khi vị này xuất gia, hề thầy đi đâu thì sau lưng Thầy cũng có một người phụ nữ đi theo sau, riêng Thầy thì Thầy không thấy biết gì cả, nhưng ai ai cũng đều thấy.

Khi đi khất thực, những thí chủ cúng dường để vào bát Thầy hai muổng cơm, muổng thứ nhất họ nói : Muổng này là phần Thầy, và muổng thứ nhì là phần cô bạn của Thầy.

Các vị Tỳ kheo thấy như vậy đành nín Thầy phạm giới Bất cộng trụ mới đi nói với Trưởng giả Cấp Cô Độc và yêu cầu ông đuổi Thầy Tỳ kheo Kondaahana ra khỏi chùa. Ông trưởng giả không dám, chư Tỳ kheo cho bà tín nữ Visakha biết, bà cũng không dám. Các thầy mới vào chầu Đức vua Ba Tư Nặc và thuật tự sự. Đức vua nhận lời. Chiều lại vào chùa, vua cho quan quân bao vây chánh

điện, còn vua thì lên điện, Thầy Kondaahana nghe ồn ào mới ra coi, thì vua thấy sau lưng Thầy có một người phụ nữ, riêng Thầy thì biết vua đến liền trở vào. Gặp Thầy, vua không đánh lễ, nhưng vua lại không thấy hình người phụ nữ lúc ở ngoài. Vua tìm trong kẹt cửa dưới gầm giường cũng không thấy, mới hỏi :

- Bạch Thầy, trăm vừa trông thấy một người phụ nữ ở tại đây, cô ấy đâu rồi ?

- Tâu Đại vương, bản đạo không thấy.

- Chính trăm thấy một người phụ nữ đứng sau lưng Thầy.

Thầy Tỳ kheo vẫn quả quyết :

- Bản đạo không biết và không thấy.

Đức vua nghĩ : "Chuyện này sao kỳ thế !". Vua mới nói :

- Vậy xin Thầy hãy đi ra ngoài.

Khi Thầy đi thì lập tức có người phụ nữ theo sau lưng. Vua trông thấy rõ rồi, mới mời Thầy vào. Thầy trở vào và ngồi xuống.

Khi Thầy đi vào, vua trông chừng theo hình của người phụ nữ ấy, nhưng bỗng dưng lại biến mất. Vua lấy làm lạ mới hỏi :

- Bạch Thầy, còn người phụ nữ ấy đâu ?

- Tàu Đại vương, bần đạo chẳng thấy người phụ nữ nào cả.

- Xin Thầy thành thật nói cho trăm rõ.

- Tàu Đại vương, hàng Đại chúng đều nói rằng có một người phụ nữ đi sau lưng bần đạo, mà bần đạo thì không thấy.

Vua mới nghĩ rằng đây là hình giả, nhưng hãy còn nghi nên lại phán rằng :

- Vậy xin mời Thầy đi khỏi chỗ này lần nữa.

Thầy ra đứng ngoài thì hình người phụ nữ lại hiện ra đứng sau lưng. Đức vua hỏi Thầy vẫn trả lời như trước.

Vua mới nghĩ : "Quả thật là hình giả", vua mới thưa rằng :

- Bạch Thầy, một khi đã có điều không được trong sạch thế này, thì không có ai trong sạch cúng dường cho Thầy, vậy từ đây Thầy cứ vào cung nội, trăm xin cúng dường những vật dụng cho Thầy.

Các thầy Tỷ kheo mới nói với nhau rằng : Quý Thầy nghĩ xem nhà vua ương hèn thái quá, chúng ta đã mời vào để xem tình tệ như thế này lại

không chịu đuổi Thầy Tỳ kheo phá giới ấy, mà còn mời vào cung để cúng dường. Rồi các thầy mới nói với Thầy Kondaahana rằng : "Này kẻ phá giới ! Nhà vua cũng là kẻ hèn như ngươi vậy".

Lúc trước thầy không có bằng cứ để đáp lại, nhưng bây giờ đã được nhà vua làm chứng nên liền trả lời rằng : "Các người là kẻ phá giới, các người là kẻ dẫn gái đi". Các thầy Tỳ kheo mới đem chuyện ấy vào bạch với Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn gọi Thầy vào hỏi :

- Thầy có mắng các Thầy Tỳ kheo kia không ?

Thầy bạch :

- Bạch Thế Tôn, vì các Thầy ấy nói đệ tử.

Đức Thế Tôn hỏi các Thầy kia :

- Tại sao các Thầy lại mắng Thầy Tỳ kheo này ?

- Bạch Thế Tôn, vì chúng con thấy một cô phụ nữ đi theo sau lưng của Thầy Tỳ kheo này.

Đức Thế Tôn mới phán hỏi Thầy Tỳ kheo Kondaahana rằng :

- Các Thầy Tỳ kheo này có thấy một người phụ nữ đi theo sau lưng người, vậy tại sao người lại không thấy, mà lại gây gỗ với các Thầy Tỳ kheo này. Quả này cũng do nơi nghiệp đê tiện của người

kiếp trước, vậy mà hiện nay tại sao người cũng không bỏ tánh đê tiện ấy ?

Lúc ấy các Thầy Tỳ kheo đồng bạch với Đức Phật :

- Bạch Đức Thế Tôn, thầy Kondaahana làm nghiệp thế nào trong quá khứ ?

Đức Thế Tôn mới dạy rằng :

- Trong thời kỳ Đức Phật Ca Diếp, có hai vị Tỳ kheo yêu thương nhau chẳng khác nào anh em cùng một cha mẹ. Thời kỳ ấy, mỗi năm Chư Tăng hội làm lễ Phát Lồ một lần. Gần đến ngày Phát Lồ, hai thầy rủ nhau đi định đến nơi làm lễ Phát Lồ.

Lúc đi giữa đường, có một vị Chư Thiên ở cõi Trời Đao Lợi thấy hai vị thương nhau mới nghĩ rằng : "Hai vị Tỳ kheo này rất thương yêu nhau, ta có thể chia rẽ được không ?". Trong khi đang nghĩ kế chia rẽ, thì một trong hai thầy nói rằng :

- Xin Thầy vui lòng đợi tôi một chút, tôi cần đi sông.

Vị Chư Thiên mới đợi cho thầy Tỳ kheo ấy đi sông xong, khi từ trong bụi đi ra, vị này liền hóa ra một người phụ nữ một tay nắm lấy quần, một tay vén tóc làm như mới vừa ân ái với Thầy Tỳ

kheo ấy xong. Vị Chư Thiên cố ý đợi cho Thầy Tỳ kheo kia thấy rồi, mới biến mất.

Do đó, khi Thầy Tỳ kheo này đến thì vị kia liền nói :

- Thầy là người phá giới.

- Thưa Thầy đâu có !

Vừa rồi tôi thấy một cô gái đi sau Thầy.

- Thưa Thầy chuyện này thật tôi không có.

Hai Thầy cãi nhau, kết cuộc hai Thầy chia đường nhau đi không bao giờ hợp nhau, vì không bằng lòng cùng nhau làm lễ Phát Lồ.

Vị Chư Thiên thấy kết quả tai hại như vậy mới nghĩ rằng : "Ta đã làm nên tội quá đáng lắm rồi", liền hiện xuống nói :

- Giới đức của vị Tỳ kheo này vẫn trong sạch, đây là do nơi tôi muốn thử hai Ngài thôi. Xin hai Ngài cùng làm lễ Phát Lồ chung.

Chừng ấy, hai vị Tỳ kheo mới chịu nghe theo và hoan hỷ cùng nhau làm lễ Phát Lồ.

Vì nghiệp đê tiện ấy, sau khi chết, vị Chư Thiên mới bị đọa vào địa ngục A Tỳ, thời gian nhiều kiếp, đến nay mới sanh làm Kon-daahana.

Khi nhắc tiền kiếp của Thầy Tỳ kheo Kon-daahana xong, Đức Thế Tôn mới phán rằng :

- Người vì nghiệp đê tiện ấy nên mới có chuyện phi thường như hôm nay. Thế mà người vẫn giữ tánh đê tiện ấy. Người không nên nói tiếng gì với các Thầy Tỳ kheo. Người phải nín lặng như người câm, khi người làm được như thế mới mong hết nghiệp và chứng đạo quả...

THÔNG KHAM

Thánh hiền kiêng mọi lời nói vu khống. Nghe thấy điều gì, người cũng không nhắc lại để gây mối bất hòa giữa người này với người nọ. Bực hiền hòa giải những người chia rẽ, kết chặt dây thân ái giữa người đồng tâm nhất trí. Bực hiền lấy sự hòa hợp của người khác làm sự vui thích của mình, coi đó là công việc là lạc thú của mình. Người chỉ nói những lời làm cho mọi người hòa hợp:

Nàng kỹ nữ Phệ Sa

Ở thành Ma Đà La, có nàng kỹ nữ sắc đẹp tuyệt trần tên là Phệ Sa. Nàng thường để ý đứa thị tỳ của nàng, khi nào đi mua phấn sáp gì thì cứ đến nhà một người lái buôn trẻ tuổi tên là Ưu Bà Cấp Da.

Một hôm nàng kêu hỏi :

- Người có tình ý với chàng làm sao, mà mua gì cũng đến đây cả ?

Đứa Thị tỳ thưa :

- Chàng người phong nhã, tánh tình thuần hậu, lại là người chí thành theo đạo Phật, mọi người đều kính mến.

Nàng Phệ Sa nghe nói liền sai thị tỳ đến mời chàng đến chơi.

Chàng bảo về trả lời :

- Bây giờ chưa phải lúc gặp tôi.

Nàng nghĩ sợ chàng hiểu lầm phải có tiền, nên sai đến nói lại. Chàng cũng vẫn trả lời :

- Bây giờ chưa phải lúc gặp tôi.

Cách ít lâu, nàng Phệ Sa muốn bán mình cho một nhà buôn giàu bèn mưu giết người nhân nghĩa cũ. Việc tiết lộ, bị vua Na Đà La truyền bắt, cắt tay, cắt mũi rồi đày ra ở ngoài bãi tha ma.

Chàng Ưu Bà Cấp Da biết đầu đuôi câu chuyện nghĩ bụng rằng : Khi nàng còn đẹp đẽ sung sướng thì người tu đạo không nên đến làm chi. Nay nàng đã bị cụt tay, cụt chân, đau đớn khổ sở, chính là lúc ta phải đến thăm nàng. Nghĩ xong chàng cùng người hầu cận đi đến thăm. Đứa thị tỳ nay vẫn không rời bỏ nàng, trông thấy chàng đến, liền hốt hoảng vào tin. Nàng Phệ Sa vội vàng lấy miếng vải khoác trên thân, khóc lóc tủi thẹn mà nói rằng :

- Thưa chàng, khi người thiếp thơm đẹp như đóa sen báu thì chàng không đoái hoài đến. Nay thiếp thân tàn ma dại như thế này, chàng còn đến làm gì cho tủi cực lòng thiếp.

Chàng đáp :

- Trước kia tôi không đến vì tôi không có tâm, ngày nay nàng bị nạn, tôi đến để thăm nàng

và chỉ cho nàng rõ những thâm trạng của sự khoái lạc gây ra ở trong đời. Rồi chàng đem đạo Phật nói cho nàng nghe, chỉ rõ nhân quả tội phước, khuyến hóa an ủi nàng.

Nàng Phệ Sa tự biết tội lỗi của mình, phát lòng sám hối, tâm được an vui nhẹ nhàng. Và từ đó, chỉ thành cải hóa theo lời Phật dạy, nàng luôn luôn làm điều lành, tránh điều ác, mở rộng thân tâm, quên nỗi đau khổ của mình, nghĩ đến đau khổ của người.

MINH CHÂU

Người say mê sắc dục như cá nuốt lưới câu, như tằm kén tơ, như thiêu thân bay vào đèn, tự dẫn thân vào chỗ chết mà không hay biết.

Vàng ngọc phải chăng là hạnh phúc

Thời Phật tại thế, có một vị Quốc vương tên là Đa Vị Tả kính thờ cả 69 dòng ngoại đạo. Bỗng một ngày vua phát thiện tâm muốn bố thí rất nhiều, bao nhiêu của báu chất đầy như núi, rao rằng hễ ai đến xin đều cho bốc đi một nắm.

Vì số người đến xin đã dài ngày mà núi báu vẫn chưa suy suyển.

Đức Phật biết Quốc vương có nhiều phước duyên về trước có thể hóa độ, liền hóa làm một vị Phạm Chí đến thăm. Vua rất mừng rỡ, làm lễ xong hỏi rằng :

- Ngài muốn cần dùng gì xin cho tôi biết ? Tôi vui lòng cúng dường.

Vị Phạm Chí đáp :

- Tôi từ xa đến đây, cốt xin nhà vua ngọc báu để đổi lấy vật liệu làm nhà ở.

Vua đáp :

- Tôi rất vui lòng xin Ngài bốc lấy một nắm.

Vị Phạm chỉ bốc một nắm, đi bảy bước, trở lại trả chỗ cũ.

Vua hỏi :

- Có sao Ngài không lấy ?

- Với số báu ấy thật đủ làm nhà, nhưng khốn cho tôi về sau còn phải cưới vợ nữa, thì không đủ dùng, nên tôi không lấy.

- Thôi, Ngài lấy thêm ba nắm.

Vị Phạm chỉ bốc ba nắm, đi bảy bước trở lại trả chỗ cũ.

- Sao Ngài lại thế ?

- Với số báu vật ấy thật đủ cả cưới vợ, nhưng lấy gì sắm ruộng đất, đầy tớ, trâu ngựa, tôi tính không đủ, nên thôi là hơn.

- Thôi, Ngài lấy thêm bảy nắm.

Vị Phạm chỉ lấy xong, đi bảy bước lại trở lại trả chỗ cũ.

- Có gì Ngài vẫn chưa vừa ý ?

- Nếu tôi có con cái phải lo cưới gả, sắm sửa, lại còn việc nhà đám kỵ, giao tiếp thân bằng, tôi tính vẫn cứ thiếu, nên không lấy.

- Tôi vui lòng cúng tất cả, Ngài lấy về dùng cho đủ !

Vị Phạm chỉ bước lên núi báu rồi trở xuống không nhận.

Nhà vua rất quái lạ thưa rằng :

- Ý Ngài thế nào, tôi thật không hiểu.

- Bản ý tôi đến xin Ngài để mưu cầu sự sống. Song tôi xét lại mạng con người sống chẳng bao lâu, muôn vật cũng không thường, sáng còn tối mất, khó giữ lâu bền.

Dầu tôi được cả núi báu, vị tất đã lợi ích hoàn toàn cho bản thân. Lo toan tham muốn bao nhiêu, luống công nhọc nhằn bấy nhiêu, chẳng bằng dứt bỏ dục vọng, cầu đạo giải thoát, rèn luyện các đức tính tốt cho bản thân, cho gia đình, cho xã hội, đều hướng về mục đích từ bi, trí tuệ là hơn, nên tôi không lấy.

Khi đó nhà vua tỉnh ngộ, tâm ý sáng suốt, cầu được nghe pháp.

Vị Phạm chỉ liền nói bài kệ rằng :

Tuy được núi vàng báu

Chất cao đến trời xanh.

Thế gian nhiều như thế

Chẳng bằng thấy nguồn đạo.

Đời không lành tưởng lành,

Ưu mà thấy như ghét

Lấy khổ dùng làm vui,

Cuồng phi bị tai hại.

Nói bài kệ xong, Ngài đã hiện Phật thân phóng hào quang sáng rực rỡ, vua và quần thần vui mừng hơn hở xin thọ ngũ giới, chứng quả Tu Đà Hoàn.

VIÊN MINH

Đời người ngắn ngủi lắm, thoáng qua lệ làng như bóng chớp. Không ai sống mãi mà khỏi chết, thì con người có trường thọ được đâu. Vậy ta nên diệt lòng tham lam và bố thí cho kẻ nghèo.

Sự giàu sang phong phú không phải thuộc về ta mãi và thường thường vì nó mà ta lụy thân.

Oanh Vũ cứu đàn

Ngày xưa, bên một sườn núi cao là cụm rừng hoang, lá xanh bao phủ độ vài mươi mẫu đất, đấy là nơi trú ngụ của hàng vạn gia đình hươu, nai và chim chóc.

Một buổi trưa hè, vạn vật như bị tê liệt dưới sức nóng của những tia lửa mặt trời thiêu đốt. Chim thú uest oải gần như chết ngạt trong bầu không khí nặng nề oi bức. Tiếp theo đó những ngọn lửa hồng khe khắt bùng cháy từ góc rừng này qua góc rừng khác. Ngọn lửa độc ác cứ lên cao, lan rộng, bao vây đồn lờn thú rừng, chim chóc vào những cụm rừng chưa cháy kịp...

Áo nảo thay ! Những tiếng kêu la thảm thiết, tuyệt vọng vang động một góc trời...

Trước cảnh bi thương, nhìn thấy sự chết chóc đau đớn của đồng loại, một chiếc chim bé nhỏ trong đàn oanh vũ vút bay qua làn khói đen nghi ngút làm cho đàn ngạc nhiên và hoảng sợ.

Thì sau đó vài phút, cũng chiếc chim bé nhỏ ấy trở về với một thân hình ướt đẫm, rồi đập mạnh đôi cánh và vung văng cho nước tưới vào lửa.

Chiếc oanh vũ ấy bay đi bay lại nhiều lần như thế. Với năm thân bé nhỏ, với sức lực không bao nhiêu, oanh vũ mệt nhoài, không bay được nữa. Nhưng một lát sau, người ta thấy oanh vũ lại làm công việc đã làm...

Cũng khi ấy đứng chơi trên đồi cao, một chủ trại vô tình trông thấy nghĩa cử của oanh vũ động lòng thương xót, đem tâm cảm phục, bèn sai người nhà ra cứu lửa và kết quả ngọn lửa bạo tàn kia bị dập tắt.

Khi lửa đã tàn, thú rừng chim chóc kêu nhau trở về nơi quê hương tổ ấm, sum họp trong cuộc sống an lành của gia đình thân mến.

Chim Oanh Vũ ấy là tiền thân của Đức Phật Thích Ca.

THIỆN CHÂU

Trước khi làm phước tứ phương, hãy giúp đỡ cho ngay người ở gần mình đi đã.

Tĩnh Tấn vì đạo hay là Tôn Giả Phú Lâu Na

Mùa Đông đã tàn, khí trời dần dần ấm áp. Dưới ánh sáng bình minh, muôn cánh hoa đang vươn mình phô sắc. Trên cành, chim chóc đã rời tổ cất tiếng hát trong trẻo, như để chào mừng ánh sáng đã trở về, hay để tiễn chân nhà Đạo sĩ sắp lên đường quên mình vì Đạo.

Trong thành Ba La Nại ngôi Tịnh xá Trúc Lâm kiến trúc trên một cánh đồi rộng rãi, cây cối um tùm tĩnh mịch dần dần hiện rõ trong đám sương mù.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đang an tọa trong Tịnh xá Trúc Lâm, dùng đạo nhãn thấy dân chúng ở nước Rô Na Ba Răn Ta đang chịu nhiều điều thống khổ dưới quyền thống trị của nhà cầm quyền Kê Hoa Đà người Bà La Môn giáo. Người ấy đã dùng bao thế lực sẵn có trong tay, ép buộc dân chúng phải tôn thờ Phạm Thiên và ngược đãi bắt bớ những người chống đối lại.

Trước hành động bạo ác và bất công ấy, Đức Thế Tôn thương hại cho Kê Hoa Đà là một nhà trí thức mà hiện tại không có người hướng dẫn sáng suốt, tương lai không tránh khỏi ác báo trong ba đường.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy trong hàng đệ tử, chỉ có Tôn giả Phú Lâu Na là người có thiện duyên với Kê Hoa Đà và dân chúng xứ ấy nên sai đến đó để giáo hóa.

Đức Thế Tôn biết rằng : Trên con đường truyền bá Chánh Pháp dắt người trở về con đường tươi sáng của ánh đạo Từ bi, Tôn giả Phú Lâu Na sẽ gặp nhiều trở ngại thử thách của đối thủ.

Biết vậy, nên Đức Thế Tôn gọi Tôn giả Phú Lâu Na đến dạy rằng :

- Dân xứ ấy và Kê Hoa Đà độc ác lắm, ta sợ người không đủ can đảm để chịu đựng.

- Bạch Thế Tôn, con nguyện đem hết năng lực để làm tròn sứ mạng.

- Nếu đến đó bị chửi mắng, thì người nghĩ sao ?

- Con nghĩ : Những lời chửi mắng kia cũng như những tặng phẩm nếu họ đem đến tặng cho con, con không nhận, họ sẽ mang về, và con nghĩ rằng : Những người ấy còn hiền từ lắm, vì họ chỉ chửi mắng mà không nhận nước con.

- Nếu họ đem nhận nước người ?
- Con nghĩ rằng : Họ là những người tối dạ, và chỉ nhận nước mà không lấy đá ném vào đầu con.
- Nếu họ dùng đá ném vào đầu người ?
- Con nghĩ rằng : Họ rất tốt vì chỉ lấy đá ném vào đầu mà không dùng gậy đập con.
- Nếu họ dùng gậy đập người ?
- Con nghĩ rằng : Họ rất hiền từ vì chỉ dùng gậy đập mà không giam cầm, ngăn cản bước đường truyền đạo của con.
- Nếu họ giam cầm người ?
- Con nghĩ rằng : Những người ấy rất tử tế, vì họ giúp con có thời gian tịnh dưỡng tinh thần để nung luyện thêm ý chí, mà không dùng gươm đâm chém con.
- Nếu họ lấy gươm đâm chém người ?
- Con nghĩ rằng : Họ rất tốt dạ, vì chỉ đâm chém mà không giết chết con.
- Nếu họ giết chết người ?
- Bạch Thế Tôn, con rất vui mừng, vì những người kia đã dùng tâm từ bi giúp cho con sớm

thoát khỏi tấm thân giả tạm đau khổ này, để chóng thành quả vị Vô Thượng Giác.

Đức Thế Tôn dạy : Hay thay ! Hay thay ! Phú Lâu Na người đã có một ý chí mạnh mẽ. Người đã biết khinh thường thân mạng để phụng sự chân lý. Người thật là một người đệ tử trung kiên của ta, đáng thay ta đến xứ ấy truyền bá Chánh pháp, hướng mọi người trở về con đường sáng đầy an lạc và giải thoát.

Tôn giả Phú Lâu Na đánh lễ, vâng lời Phật dạy rồi từ giả lên đường sang xứ Rô Na Ba Răn Ta.

THIỆN BÌNH

Chúng sanh cần con đến

Đạo pháp cần con đi

Không nề gian lao, không từ khó nhọc.

Quyết tâm làm tròn nhiệm vụ của vị

NIHU LAI SỨ GIẢ.

Công-chúa Ly Cấu

- Em cài thêm hoa lên mái tóc cho ta.

- Chà Công chúa đẹp quá !

Hoa Nô thốt ra câu nói ấy trong khi nàng cúi xuống cài đôi chim sè nạm toàn kim cương lên đôi cấm hài của Công chúa.

Trước điện Quỳnh La 50 vị Phạm Chí đã túc trực sẵn sàng, hai hàng Ngự lâm quân đứng nghiêm như tượng, mấy chục nàng cung nữ xiêm y rực rỡ, tiếng lục lạc vàng dưới mấy chục chân tròn trắng cùng tiếng xao xuyến chạm vào nhau hòa thành một điệu nhạc lạ mà hay.

Tất cả đang chờ Công chúa. Bỗng tiếng vọi thối lên để dẹp đường, người ta đều đổ dồn đôi mắt vào chính điện. Bức rèm nhung tơ màu hồng lật thêu đôi phụng hoàng bằng kim tuyến lay động. Công chúa, một con người ngọc dải các bước ra.

Những ai đứng sau xa phải kiểng chân lên mới

nhìn rõ Công chúa dễ mà thì thầm khen ngợi cái sắc đẹp đoan trang lộng lẫy của nàng, cũng như thầm phục đức khiêm tốn của con người đẹp khi đi ngang qua hàng Ngự lâm quân người đã cúi đầu kính cẩn đáp lễ.

Đây là một buổi lễ hành hương của Công chúa Ly Cấu con vua Ưu Điền.

Cũng giờ phút ấy, trong ngày hôm ấy, ở Tịnh xá Trúc Lâm các vị đại đệ tử của Đức Thế Tôn sau thời thanh đán xả thuyền định rồi. Các Ngài phân phó nhau đi khất thực theo lệ thường.

Trước khi ra đi, Trưởng lão Xá Lợi Phất bắt đầu chú nguyện : Tôi nguyện cho tất cả chúng sanh đều thâm hiểu pháp tứ đế, y theo tu hành và thành tựu quả vô sanh, Đại đức Mục Kiền Liên : Tôi nguyện tất cả chúng sanh đều tránh khỏi sự ma chướng, phát tâm bồ đề cầu đạo vô thượng, Tôn giả Đại Ca Diếp : Tôi nguyện cho tất cả chúng sanh đều phát thiện tâm, tu hành giải thoát hưởng phước vô lượng, thành tựu đạo quả, Thánh giả Tu Bồ Đề : Tôi nguyện cho tất cả chúng sanh thâm hiểu vạn pháp như huyền trừ sạch tâm chấp trước, cầu chứng quả Niết bàn, Tôn giả A Nan : Tôi nguyện cho tất cả chúng sanh bỏ dữ làm lành, đầy đủ phước đức hiện sống tâm hồn ly dục, khi thác được sanh về các cõi an vui... cho đến Ngài A

Nan Luật Đà, ngài Phú Lâu Na, La Hầu La... mỗi Ngài đều có chú nguyện cho chúng sanh trước khi ra đi.

Xe giá Công chúa vừa ra khỏi cửa thành phía Bắc thình lình nghe tiếng hô lớn : "Dừng xe", bọn Phạm Chí và tất cả tùy tùng đều kinh ngạc, có một vị Trưởng lão trong bọn Phạm Chí ra thưa : "Tôi thấy xa xa ở bên cửa phía đông có một đoàn đệ tử của Cù Đàm (chỉ Đức Phật) đương hướng về ngã này, nếu chúng ta gặp những người ấy chắc có việc không hay xin Công chúa hãy truyền cho lui xe đi về ngã khác". Nghe tâu, Công chúa để ý ngó xa quả thấy những vị tu hành ấy khoan thai trong chiếc áo vàng, đỉnh đạc và giải thoát làm sao, lòng nàng bỗng nhiên kính mến lạ. Sự thông cảm đến với Công chúa một cách đột ngột, nên chẳng những nàng không cho lui xe mà còn truyền xe giá ngừng hẳn lại, rồi Công chúa xuống kiệu để chờ đón đoàn người đức hạnh kia.

Bọn Phạm Chí và tất cả tùy tùng như bộ máy bị phanh, không một lời thưa lại.

Đoàn người ly dục đương từ từ đi đến, bước đi thong thả nhẹ nhàng trong im lặng, phải chăng ý niệm của người đương mãi chú nguyện cho chúng sinh và cử chỉ oai nghi ấy còn ham lo ái hộ loài sâu kiến.

Đầu đoàn là Trưởng lão Xá Lợi Phất vừa đến nơi thì Công chúa quý sụp xuống cúi đầu đánh lễ, tất cả bọn tùy tùng bất giác cũng sụp xuống quý theo.

Đoàn người cao khiết ấy, cứ im lặng đi qua, cho đến khi Công chúa ngẩng lên và nhìn theo chỉ còn thấy những tà áo vàng bay nhẹ nhẹ.

- Ủa, Công chúa hành hương ở miếu Kỳ Bà sao mới đến bây giờ chưa về ? Trăm phiên khánh truyền người xuống điện Quỳnh La xem thử.

Buổi hành hương của Công chúa bị về trễ, vua Ưu Điền ở nhà lo ngại.

Từ khi Hoàng hậu Băng Sa thăng hà, để lại cho nhà vua một nỗi nhớ nhung vô hạn và một người con gái yêu quý vô cùng. Vua cha đã cô đọng tình thương con cả cha lẫn mẹ, thêm vào đó những đức hạnh cao quý của Công chúa, nên đức Vua để ý lo cho con từng cử chỉ.

Ngoài cái việc làm người con hiếu, Công chúa còn giúp vua cha nhiều ý kiến lành mạnh để trị nước an dân, nhờ vậy mà các nịnh thần tham quan ô lại không mọc lên, nên nhà vua tận hưởng thái bình, mà dân chúng thời ấy thật đã sống đúng ý nghĩa an cư lạc nghiệp. Vì thế nhà vua đối với Công chúa chẳng những yêu quý mà còn kính nể như một người bạn vậy.

Nhà vua đã ngoài 60 tuổi, không có con trai, Ngài vẫn canh cánh bên lòng ước ao được người rể quý để ký thác non sông lúc tuổi già. Nhưng Công chúa không bao giờ nghĩ đến chuyện trăm năm, nên mặc dù đã 19 tuổi mà vua cha cũng không dám đá động đến lương duyên của con.

Sau buổi lễ hành hương hôm ấy, Công chúa trở về thâm cung chỉ xuất gia bỗng manh nha trong lòng người đẹp.

Thời ấy có bà Đại Ái Đạo là Ma Ha Ba Xà Ba Đề, Di Mẫu của Đức Thế Tôn đã xuất gia lãnh đạo một đoàn thể Ni Lưu (phái nữ tu sĩ) hiện an trú tại Kiều Đàm Tịnh Xá.

Công chúa xin phép vua cha được thường thường đến hỏi đạo với Ngài.

Một hôm Công chúa đem ý nguyện cầu xuất gia thưa với Di Mẫu nhưng Công chúa đã thất vọng, vì theo qui luật nhà Phật thì phải có sự thỏa thuận của gia đình, việc ấy Công chúa chắc chắn không bao giờ được vua cha cho phép.

Chỉ cầu giải thoát, lòng thương cha già đương phân tranh, thì Di mẫu đã tìm cho nàng một giải pháp vẹn toàn là có thể thực hiện hạnh xuất gia của bậc Thượng Nơn (nghĩa là thân tại gia, tâm cầu xuất gia tam giới).

Vâng lời Di Mẫu, Công chúa như phăng được
mối tơ lòng, nàng liền thực hành theo hạnh Bồ
Tát tại gia.

Công chúa ngày nay không còn trang điểm như
xưa, nàng ăn mặc thô sơ theo lối tu hành. Đồng
thời nàng đã tìm nhiều phương tiện đưa vua đến
yết kiến Đức Thế Tôn, nhờ vậy mà vua Ưu Điền
cũng trở thành một Phật tử chân chánh và tận lực
phục vụ đạo. Và chẳng cao hạnh của người ai lại
phủ nhận ?

Vì vậy, cung điện Quỳnh La nay đã biến thành
một tịnh thất trang nghiêm thùy vi, mỗi tháng
cứ đến ngày trai Công chúa lại thỉnh Di Mẫu vào
cung truyền giới "Bát quan trai" và dĩ nhiên tất
cả cung nữ đều thừa thuận theo tu tập thuần
thành.

Mấy kho châu báu là tư sản của vua cha cho
để chờ ngày xuất giá, Công chúa đã đem ra bố
thí cho dân nghèo. Nàng tâu vua cha mở mang
nền kinh tế, dạy dân nghề nghiệp thiện, Công
chúa đứng lên mở các trường huấn luyện đạo
đức cho phái phụ nữ, nhất là người khéo áp
dụng Phật pháp vào lối sống của dân chúng.
Công chúa chủ trương các viện dưỡng lão, tế
bần và lập một bệnh viện mà nàng phát nguyện
tự thân săn sóc bệnh nhân.

Công chúa Ly Cầu là người đầu tiên tham gia công việc xã hội ở nước Ấn Độ thời ấy vậy.

Nàng vui với đạo say với việc làm : Năm năm qua đều đều như thế. Một hôm, người ta khệ nệ khiêng đến một bệnh nhân bệnh tình trầm trọng, người bệnh phung lác lở cùng cả mình, một chứng bệnh khốc liệt đã ăn cụt mười ngón tay chân, còn chảy nước cùng mình, mặt mày lở loét trông rất dễ sợ.

Bệnh nhân rên la thảm thiết, mới thoát trông thấy con người đáng thương kia. Công chúa phải rùng mình nghĩ đến khi tay mình đụng nhằm để tắm rửa sần sóc. Nhưng lòng từ bi cứu khổ đã thắng, đôi bàn tay tròn thuôn thuôn như ngọc chuốt từ từ khoát nước nhẹ nhẹ rửa cho bệnh nhân, tay Công chúa lấy lụa nước ghê, bệnh nhân thì giầy giữa quần quai nàng phải ôm đỡ bệnh nhân và không nhẫn tâm được, Công chúa đã trằn đày đôi mắt lệ, nàng phải nhắm lại để rơi hai giọt nước mắt từ bi.

Nhưng khi mở mắt, thì lạ thay bệnh nhân đau mất mà trước mắt nàng ánh sáng chói lòa Đức Như Lai uy nghi đứng như pho tượng độc tôn. Công chúa sung sướng quá nàng sụp xuống đánh lễ Phật. Tất cả nhân dân trong bệnh viện lúc bấy giờ tâm hồn nhẹ nhàng, bao bệnh nhân đều thoát khỏi bệnh khổ.

Đức Như Lai tán thán công hạnh của Công chúa và thuyết lý "Tứ Diệu Đế" cho nàng nghe, Công chúa liền chứng quả Tu Đà Hoàn và tất cả chúng hội nghe pháp đều chứng được lý dục.

THẾ QUÁN

**Dầu xây chín đợt phù đồ,
Không bằng làm phúc cứu cho một người.**

Giao du cần chọn bạn

Trong Tuyết Sơn có một khu rừng cây cối um tùm, có rất nhiều thứ quả thơm ngon, lại ở về phía mặt trời soi luôn, được thêm phần ấm áp.

Có đủ các thứ chim tụ họp, một hôm chúng bàn với nhau rằng : Chúng ta ở đây với nhau được đông đúc như thế này, kể cũng là một sự quý hóa. Song cũng cần nên có một con đứng đầu để trông coi giữ gìn trật tự, mong khỏi xảy ra những sự đáng tiếc về sau.

Chúng đều cho là phải, lập tức chiêu tập hội họp cùng nhau, bầu lên một con làm vua, cầm quyền thống trị cho chúng.

Khi hội bàn cái hội lâu, bắt đầu bầu chim Hạc.

Có con phản đối nói : Không thể được, vì chim Hạc chân cao mỏ dài, bầu lên một khi con nào không may có lỗi sẽ bị mổ vỡ óc.

Phần đông cho là phải, Hạc bị bác.

Thứ hai đề cử chim Ngan.

Lại có con phản đối nói : Chin Ngan tuy lông trắng mỏ đỏ mình đẹp, ai trông thấy cũng yêu thực, song vì cổ dài lại hay ngoẹo, vậy cổ mình đã vênh, cử lên làm gương chính cho cả chúng ta thế nào được.

Ngan bị bác.

Thứ ba cử chim Công, chúng cho chỉ chim Công là xứng đáng, vì lông cánh đầu đuôi đều có vẻ, vậy có thể làm vua được.

Lại phái phản đối nói : Vẫn biết chim Công đẹp, xong chỉ tốt mã bề ngoài, không phải là loài biết liêm sỉ, mỗi khi mùa là xù ngay hình ra thực rất khó coi.

Công cũng bị bác. Trông đi trông lại thấy chim Cú, chúng cho là Cú ban ngày thích yên tĩnh, ban đêm hay rình mò, như thế có thể trông coi cho chúng được mọi sự yên ổn, cả đàn vỗ cánh ưng thuận.

Cú được đại đa số tán thành.

Bấy giờ chim Vẹt đứng ngoài nghĩ rằng : Phàm như phép làm chim, ban đêm cần yên tĩnh để ban ngày đi kiếm ăn, nay bầu Cú lên, ban đêm thì hấn lẩn mò, chúng mình phải châu chực, ban ngày hấn

ngủ ngơi, mình phải kiếm ăn như thế là cả chúng ta bị vất vả khổ sở suốt đêm ngày. Nay nếu ta nói ra tất bị hấn giận có thể sẽ bị hấn vật lỏng và mổ chết. Nhưng nếu nay ta bỏ đi thì tất cả đàn cùng khổ.

Cuối cùng Vẹt lại nghĩ rằng : Thà là mình bị khổ, song khổ để bênh vực lẽ phải cho công chúng được nhờ, còn hơn là yên phận sống lấy một mình.

Vì thế, Vẹt giữ một thái độ rất bình tĩnh và cương quyết ra nói với công chúng rằng : Cứ theo thiên ý của tôi thì không nên bầu Cú làm vua. Vì lúc vui vẻ trông mặt hấn khó coi, hướng chỉ khi hấn cúi lên, thì còn ai dám nhìn nữa. Và lại ban ngày thì hấn nằm dài ra, ban đêm lặn mò đến sáng, thì còn ai chịu được, đó là lòng thành thực của tôi xin bày tỏ.

Cả chúng đều tỉnh ngộ, cho Vẹt nói là đúng đều nhận Vẹt là trí tuệ, nhanh nhẹn sáng suốt nhất, kết cuộc bầu Vẹt lên làm vua.

TRÍ HẢI

Bạn bè có 3 pháp yếu :

- Một là thấy lỗi liền chỉ rõ can gián.
- Hai là thấy làm việc hay hết sức tùy hì.
- Ba là khi gặp tai nạn không rời bỏ nhau.

Tiếng đàn vi diệu

Trong một đêm trăng sáng, trời trong xanh hiên lành như một tâm hồn giải thoát. Trong Kỳ Hoàn tịnh xá, Đức Phật trang nghiêm ngồi trên Bửu tọa, hào quang ngũ sắc tỏa khắp quanh Ngài ánh sáng chói ngời làm tăng thêm vẻ uy nghi của một đấng Thế Tôn.

Đêm càng về khuya, khí trời càng thêm mát dịu, gió nhẹ mơn man đem muôn vàn hương lạ từ Hy Mã Lạp Sơn về, luồn qua kẽ lá của rừng cây, len vào trong Tịnh xá, hòa hợp tạo nên một hương vị đậm đà mùi đạo vị.

Giữa sự vắng lặng của đêm khuya, các vị Tỷ kheo đều ngồi quanh trong Tịnh xá, trầm tư mặc tưởng, cố công tu luyện tìm rõ cội gốc nghiệp chướng của con người, để diệt trừ mọi dây oan nghiệt hầu trở nên con người lành mạnh hữu ích cho thế nhân. Với tâm niệm bao la, với tâm hồn phóng khoáng, các vị Tỷ kheo tùy theo căn cơ tùy

theo sở thích của mình, đều một lòng tinh tấn tu tập theo phương pháp của mình lựa chọn không ngừng.

Nhưng trong đêm nay, một trong hàng ngàn vị Tỷ kheo đương tu tập có một vị mới được thọ giới Tỷ kheo vì chỉ bông bột, muốn mình sớm đắc đạo liền, đã tụng kinh Di giáo của Đức Phật Ca Diếp suốt đêm, cầu nguyện Ngài gia hộ để mau chứng Thánh quả. Nhưng đêm càng về khuya, thân thể của vị Tỷ kheo ấy càng thêm mệt mỏi, mà nhìn lại bản thân và nội tâm của mình vẫn chưa giác ngộ được điều gì. Vì thế, sau một hồi suy nghĩ chưa thấu đáo, vị Tỷ kheo ấy sinh tâm buồn chán, có ý định muốn thôi lui trốn tất cả bạn đồng tu để về sống lại cuộc đời trần tục.

Ý định của vị Tỷ kheo kia vừa khởi Đức Phật biết được. Ngài cho vị Tỷ kheo thị giả gọi ngay vị Tỷ kheo sắp thoái chí kia đến. Thoáng qua nét mặt ưu tư, với lòng Từ bi cao cả Đức Phật liền dịu dàng hỏi :

- Khi còn ở thế gian, con thích chơi thứ gì ?
- Bạch Đức Thế Tôn, con thích chơi đàn cầm.
- Dây chùng thì thế nào ?
- Bạch Ngài đàn không ra tiếng.

- Dây căng quá thì sao ?

- Bạch Thế Tôn, mọi tiếng đều đứt.

- Còn dây lên vừa vừa thì thế nào ?

- Bạch Thế Tôn, tiếng đàn vi diệu, vang ngân đó đây.

- Cũng vậy con ạ ! Người học đạo không tinh tiến thì không hiểu đạo, mà tinh tấn quá cũng không đem lại kết quả nào. Nếu muốn có kết quả tốt đẹp, con cần phải tu tập vừa phải, tinh tiến đều đặn. Đừng nên thái quá rồi bất cập, sanh tâm chán nản, như con vừa có ý định thoái lui.

Nghe Phật dạy xong, vị Tỳ kheo kia liền tỉnh ngộ. Thấy sự tu tập của mình quá khờ dại, ý định trở về trần tục thật điên rồ, nên đã thành thật ăn năn sám hối, đánh lễ Phật và nguyện vâng lời chỉ dạy của Ngài, cố công tu tập vừa phải, tinh tiến không ngừng trên đường đạo.

Sau khi lễ Phật trở về phòng riêng của mình, vị Tỳ kheo thoái chí kia vẫn còn nghe văng vẳng lời Phật dạy, trong lòng thấy khoan khoái và mãn nguyện lắm. Vì không có gì quý giá hơn, khi vị Tỳ kheo ấy thấy rõ hướng đi của mình trên đường tu tập không khác gì chiếc thuyền sau bao ngày lênh

dành lạc hướng giữa bể cả, vừa tìm thấy được lối về quê hương bến cũ.

Chuông trong Tịnh xá nhẹ nhàng, khoan thai điểm từng tiếng một, báo hiệu một đêm đã tàn. Ánh sáng ban mai hòa hợp với không khí trong lành của Tịnh xá, tạo thành một sớm bình minh vô cùng tươi sáng. Chim trong vườn tỉnh dậy, cất tiếng hát líu lo hòa theo tiếng gió, tạo nên một bản nhạc trầm hùng của vũ trụ.

Chư thiên khắp nơi, từ những phương trời xa thăm vượt qua giới hạn của không gian, rộn ràng bay về trong Tịnh xá, và mang theo vô số hoa lạ của ngàn phương về cúng dường Đức Phật, làm cho buổi sáng của Tịnh xá đã linh động lại từng bừng và càng linh động thêm. Nhưng có bình minh nào trong lành tươi sáng, có cảnh nào từng bừng linh động bằng tâm hồn của vị Tỷ kheo kia, khi vị ấy nhận rõ được đường lối tu tập của đời mình qua một đêm dài đen tối của cõi lòng...

TRÚC TI

Trên đường đạo nhiều khi ta khổ sở,
Một lòng hằng hái tiến không thôi,
Dù cho non nước có đổi dời,
Ta cũng nguyện muốn đời tinh tiến mãi.

Hy sinh

Ngày xưa, có một người lái buôn nham đức và hiền hậu, một ngày kia, chàng cùng năm người khách khác vượt trùng dương chèo thuyền qua xứ lạ để mua các thực phẩm và châu báu. Mua xong, mọi người đều vui vẻ dong buồm trở về xứ.

Khi ra đi thì trời quang mây tạnh, gió thuận buồm xuôi, nhưng khi thuyền ra khơi, thì tiết trời bỗng thay đổi, gió quay chiều, từng đám mây đen ùn ùn kéo đến dần dần lan tỏa khắp cả bầu trời. Những làn chớp rạch từng luồng sóng quần quèo giữa vùng trời mây gió. Tiếng sấm vang dậy, mưa ào ào đổ xuống. Gió mỗi phút mỗi mạnh, sóng mỗi lúc mỗi to, tiếng gầm thét dữ dội và nhào lộn như điên cuồng. Chiếc thuyền nhỏ, lên xuống theo với đợt sóng nổi chìm. Được một lúc thì lái gậy, buồm đứt, chiếc thuyền lão đảo quay tít mấy vòng như chiếc lá vàng, giữa cơn gió lốc, bỗng bị úp lại và chìm hẳn.

Cuống quít hải hùng và lo sợ, những người trong thuyền đều bị sóng cuốn ra giữa bể. Trong khi ấy người lái buôn bám vào được cột buồm, còn năm người bạn đồng hành không bám víu vào đâu được cả và sắp bị chìm sâu vào đáy bể. Họ kêu cầu rên la rất thảm thiết. Ai đã từng chứng kiến tiếng khóc não lòng của một kẻ sắp lìa trần mà không động lòng đau xót ? Cũng chính vì tiếng khóc ấy, đã khơi dậy ở lòng người thương gia một tình thương vô hạn, một sự hy sinh cao cả mà trừ phi những bậc Thánh nhân thì ít người làm được.

Chàng ta quay mũi cột buồm lại, rồi bơi đến vớt từng người một, khi cả năm người bạn đều nứu vào cột buồm chàng mới hơi yên lòng, nhưng vì cột buồm nhỏ, không thể chịu đựng được sức nặng của sáu người. Kể cả người lái buôn kia nữa, nên bị chìm dần xuống nước. Người lái buôn tự nghĩ : Nếu ta ham sống cứ nứu vào cột buồm này, thì không những một mình ta chết mà năm người kia cũng không tài nào thoát khỏi. Nếu ta dùng sức mạnh mà gạt bớt một người ra khỏi cột buồm thì có lẽ cứu được thân ta và bốn người kia nữa. Nhưng việc ác đức ấy ta không nỡ và không thể làm. Chi bằng ta hy sinh ta để cứu những người khốn nạn ấy.

Nghĩ như thế nên người lái buôn thả cột buồm và bị sóng đánh chìm ngấm. Cột buồm bấy giờ được nhẹ bớt, từ từ nổi lên lại. Năm người kia nhờ thế mà được an toàn, trở về quê hương sum họp với gia đình họ.

Người lái buôn nhân đức và hiền hậu ấy là tiền thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

THIỆN CHÂU

Cứu một người bị nạn hơn bố thí tất cả.

Các sao tuy có sáng, chẳng bằng sức sáng của mặt trăng.

Bố người ta ! Ăn cướp !

Thuở xưa, lúc Đức Xá Lợi Phất xuất gia, Ngài còn một người em trai và một người em gái. Mẹ Ngài là người tà kiến, không tin theo Phật giáo, nên Ngài có căn dặn Chư Tăng, khi nào em trai Ngài có xin xuất gia thì cứ tự tiện cho, không cần chờ sự ưng thuận của mẹ Ngài.

Bà mẹ thấy con trai lớn của bà là Ngài Xá Lợi Phất xuất gia, bà sợ con trai út cũng xuất gia theo anh nên bà lo đi cưới vợ cho con. Ngày làm lễ rước dâu, theo phong tục thời ấy thì phải chọn một người rất già mà còn đủ vợ chồng đến xối nước trên tay cô dâu và chú rể.

Trong khi ấy chọn được bà ngoại của cô dâu là người có đủ điều kiện. Khi làm lễ bà ngoại vợ lại nắm tay đôi tân nhân rồi xối nước và nói rằng : "Bà cầu chúc cho hai con được ăn ở với nhau cho đến đầu bạc răng long như bà vậy".

Em của Ngài Xá Lợi Phất nhìn vợ thật là đẹp, nhưng khi day qua nhìn bà ngoại già nua, miệng thì móm mém, da nhăn tóc bạc, thật là xấu xí.

Chàng ta mới có cảm tưởng rằng : "Bà ngoại vợ ta trước kia chắc cũng đẹp lắm mà hôm nay cái đẹp ấy không còn, thì sau này vợ ta cũng phải chịu cái cảnh già hủ hóa chỉ phối, vậy thì sắc đẹp đâu có tồn tại mãi được.

Trên đời không có gì trường tồn bền vững. Khi mà sắc đẹp của vợ ta phai lạt với thời gian, thì còn thú vị gì nữa. Thảo nào mà anh cả ta lại không đi tìm đường giải thoát !"

Suy xét đến đó, chàng phát tâm chán nản mùi giàu sang, vợ đẹp, ý chàng muốn xuất gia theo gương của anh, chàng mới nghĩ ra một kế, khi rước dâu theo đường chàng làm bộ đau bụng cứ đòi xuống đi sông mội.

Nhiều lần như vậy, bà mẹ tưởng con mình bị bệnh kiết nên không để ý, để cho chàng tự do và cho xe rước dâu về trước, để chàng đi sau. Dịp may đã đến, chàng bèn đi thẳng vào Chùa ở gần đấy, xin Chư Tăng cho phép xuất gia.

Chư Tăng nói :

- Nhà người đã được sự ưng thuận của cha mẹ chưa ?

- Bạch chư Đại Đức, chưa !

Chư Tăng không dám cho xuất gia, vì theo luật

Đức Thế Tôn cấm không cho người xuất gia trong khi cha mẹ chưa cho phép.

Khi hết sức yêu cầu Chư Tăng mà quý Ngài không bằng lòng cho xuất gia, chàng mới la lên rằng : "Bớ người ta ! Ăn cướp nó cướp của tôi đây này".

Chư Tăng lấy làm lạ mới hỏi :

- Gã kia ! Người đã điên rồi chăng ? Tại sao ở giữa chúng Tăng mà người lại la lên như thế ? Ai cướp của người ?

Chàng đáp :

- Bạch Chư Tăng ! Trong vòng sanh tử luân hồi, đệ tử đã bị Ma Vương cướp lấy duyên lành của đệ tử rất nhiều rồi, và hơn nữa tử thần đã lấy sanh mạng của đệ tử. Tử thần sẽ đến cướp mất sanh mạng này đi, thì làm sao gặp được chân lý giải thoát của chư Phật !

Chư Tăng nghe nổi có lý, mới hỏi :

- Người là con của ai ?

- Bạch Chư Tăng ! Đệ tử là em của Ngài Xá Lợi Phất. Chư Tăng mới sực nhớ đến lời dặn của Ngài Xá Lợi Phất, nên cho em Ngài xuất gia...

THÔNG KHAM

Trí tuệ là gốc của muôn hạnh lành.

Ngươi si là nguồn tội lỗi.

Làm vua trong 7 ngày

Hoàng đệ Vi Ta gò cương ngựa, quay sang lão tướng Kiên Đà :

- Ta muốn đi tản bộ để được cùng lão tướng đến cạnh các đạo sĩ tu khổ hạnh trong rừng già này.

Đòi ngựa dừng lại ngoan ngoãn, hai người cùng nhảy xuống đất. Trong khi chờ đợi vị lão tướng của mình buộc xong ngựa vào gốc cây, Hoàng đệ Vi Ta đưa mắt nhìn theo con đường mòn sâu thẳm, mơ màng suy tưởng đến những cảnh trí mình sắp được trông thấy : "Dưới tàn cây, hốc đá của rừng xanh vắng lặng, thân đạo sĩ uy nghi như thần tượng.

Điệu nhạc thoảng lên từ hơi gió ngàn phương, thanh tịnh vô cùng như nắng hồn người thoát tục cao thêm mãi tận hư vô. Thật là huyền diệu".

- Xin mời Ngài dâng trình.

Vi Ta bỗng quay lại, nhìn lão tướng Kiên Đà và nói với giọng u buồn :

- Lão tướng ạ ! Lão nay ta ôm ấp một mối băn khoăn khó giải. Ta tưởng đến một hướng đi cho cuộc đời. Phải chọn một trong hai con đường. Một là bằng mọi cách, chiếm đoạt tất cả những gì mình ao ước để tạo được hạnh phúc hiện tiền, hai là ép buộc thân xác vào cảnh thiếu thốn, khổ hạnh để hủy diệt thân này mà được hạnh phúc trong tương lai. Ta không tán thành cách tu tập của các vị Sa môn theo đạo Phật, vẫn ăn uống đầy đủ mà luyện tâm thanh tịnh.

Lão tướng có hiểu được ta chăng !

Ta buồn vì anh ta Hoàng Đế A Dục, một bậc trí tuệ, một vị anh hùng cái thế lừng danh của Đại quốc Magada này lại bị cám dỗ bởi những lời đường mật của hàng đệ tử của Phật. Nhưng mà thôi, ta không nên nhắc chuyện ấy lại làm chi, lão tướng hãy dẫn ta vào tận núi thâm rừng sâu để ta được chiêm ngưỡng các đạo sĩ tu khổ hạnh.

Lão tướng Kiên Đà dăm chiêu nghĩ ngợi, lão vẫn giữ im lặng khi bước đi bên cạnh ông Hoàng. Nhưng bỗng vị cận thần chỉ về hốc đá, cung kính :

- Tâu Hoàng đế, dưới hốc đá, một bóng hình đạo sĩ.

Ông Hoàng tiến nhanh về phía hốc đá. Dưới tàn cây rậm rạp, một đạo sĩ gầy như một bộ

xương khô. Đôi mắt sâu như hai vực thẳm, và cái đầu tóc, tóc dài quấn rối ghê gớm, phủ kín cả đôi vai, tỏa xuống bộ sườn trần trụi. Thân thể đạo sĩ ở trong tình trạng gần như chết hẳn, chỉ còn cái lưng vẫn giữ thẳng, lồng ngực hồi lâu thấp thòm.

Hoàng đệ Vi Ta đến bên cạnh Đạo sĩ :

- Bạch Đại Đức, Ngài tu hành khổ hạnh đã bao năm rồi mà thân xác ốm yếu như thế này ? Thật đệ tử lấy làm bái phục.

Đạo sĩ vẫn nhắm nghiền đôi mắt trả lời :

- Đã mười hai năm rồi, mười hai năm mong giải thoát, chiếc thân uế trược này để linh hồn siêu thoát.

- Bạch Đại Đức, Ngài dùng món chi để nuôi mạng qua ngày ?

- Bàn đạo ăn rễ rau và trái cây thôi.

- Bạch Đại Đức, Ngài ăn nghỉ ở đâu ?

Đạo sĩ chỉ đồng cỏ khô bên cạnh :

- Bàn đạo nằm nghỉ trên đồng cỏ khô này.

- Bạch Đại Đức, trên đường tu học Thiên Ma bách chiếc, những chương ngại nào làm tâm hồn Ngài không an tĩnh ?

Đạo sĩ lắc đầu tỏ vẻ chán nản :

- Điều làm cho bản đạo khổ tâm và tốn nhiều công phu nhất là nhìn thấy những đôi chim trời, thú rừng "nhảy nhót" với nhau.

Hoàng đệ Vi Ta buồn than :

- Ngài đã thấy chân đích của sự tu hành sắp đạt đến chưa ?

Đạo sĩ yên lặng giây lâu, Ngài khẽ lắc đầu rung rinh mái tóc dài :

- Họa may khi thân xác này tàn rụi !

Ông Hoàng đứng dậy nét mặt buồn rười rượi. Mười hai năm khổ hạnh hành hạ thân xác đến cùng kiệt mà vẫn chưa diệt hết được dục tình, dục ái ! Phải đợi đến khi cái thân này hủy diệt, các giác quan không còn cảm xúc, cái biết hoàn toàn vô năng lực thì mới tin rằng có thể đạt được chân lý ?

Lão tướng Kiên Đà đến bên cạnh góp lời :

- Xin Ngài chớ khá bận tâm ! Chúng ta còn viếng thăm đôi vị danh tiếng nữa. Rồi Ngài được tận mắt tỏ tường, sức chịu đựng khổ đau vô cùng tận để mong cho cuộc đời riêng thoát khỏi khổ đau của kiếp người.

Hoàng đệ Vi Ta khua tay :

- Ta hiểu đủ rồi lão tướng ạ ! Chúng ta sắp sửa về đi thôi.

Chiều đã xuống bóng cây đổ dài trên đường. Trước khi lên ngựa ông Hoàng quay lại vị cận thần nói :

- Kiên Đà ạ ! Sự tu hành của vị Đạo sĩ kia khó khăn biết là bao mà chưa thoát được ước muốn tâm thường. Thế các vị Sa môn tu theo Đạo Phật ở trong các chùa viện, tuy sống trong chay tịnh đạm bạc nhưng no ấm, thì làm sao mà thành tựu được đạo quả. Ấy thế mà Hoàng huynh ta vẫn mãi cung kính, cúng dường cho họ.

Lão tướng Kiên Đà không trả lời. Và trên đường về hai người lặng lẽ cho ngựa chạy chậm chậm. Trong tâm trí mỗi người đều nặng một mối suy tư.

*

- Kia lão tướng Kiên Đà và cả Đại thần Châu Đan nữa. Các Ngài làm gì ở đây ?

Đại thần Châu Đan cung kính trả lời Hoàng đế Vi Ta :

- Tâu Ngài, trời hè nóng bức, Hoàng đế tắm ở trong cung, cho nên chúng tôi đứng đây giữ long bào và mào ngọc.

Ông Hoàng Vi Ta nhìn đắm đắm vào chiếc vương miện trên tay Châu Đàn. Vị Đại thần biết ý, đưa chiếc vương miện lên trước mặt Hoàng đệ Vi Ta :

- Thưa Hoàng đệ, đây quả thật là một chiếc mào vô giá và đẹp nhất kinh thành. Nó kết bằng một trăm hạt xích châu, hai trăm hạt lưu ly và năm mươi hạt mã não. Lót bên trong là gấm quý xứ Ty La và ở ngoài bọc vàng Đê Bạt.

Ông Hoàng tỏ ý thêm thường :

- Thật là một chiếc vương niệm quý giá và đẹp đẽ vô cùng ước gì ta sẽ được một chiếc nhỉ !

Lão tướng Kiên Đà nhìn Vi Ta, mỉm cười :

- Thưa Hoàng đệ, với dung mạo đẹp đẽ uy nghi và gương mặt khôi ngô của Ngài, nếu Ngài đội chiếc vương miện quý giá này thì hạ thần sẽ tưởng đến một vị trời Đế Thích vừa giáng hạ.

Vi Ta khoái chí, cầm chiếc vương miện mân mê.

Đại thần Châu Đàn liếc nhanh về phía ông hoàng :

- Lão tướng Kiên Đà nói đúng đấy. Thưa Hoàng Đệ, Ngài hãy đội thử để chúng tôi chiêm ngưỡng dung nhan.

Hoàng đế mỉm cười nhìn quanh :

- Nhưng ta ngại...

Châu Đan cướp lời :

- Thưa không, Hoàng đế mới đi tắm. Và lại, Ngài là Hoàng đế tương lai kia mà. Chiếc vương miện này sẽ là của Ngài.

Kiên Đà phụ họa :

- Vâng, Ngài sẽ là Hoàng đế. Ngài hãy đội thử tít thôi.

Hoàng đế Vi Ta không còn tự chủ được lòng ham muốn. Ngài trịnh trọng đặt chiếc vương miện lên đầu và dang ra xa :

- Các khanh ngắm ta có đẹp không nào ?

Bổng cửa phòng vụt mở và Hoàng đế A Dục đã bước ra khỏi phòng.

Vi Ta hốt hoảng đứng ngậy người chiếc vương miện vẫn còn mang trên đầu.

Nghiêm nghị Hoàng đế A Dục phán :

- Ngự đệ Vi Ta ! Hành động của ngươi tố cáo một tham muốn cuồng loạn.

Ông Hoàng Vi Ta quỳ xuống run run van xin :

- Em khờ dại lắm lỗi. Xin Hoàng huynh mở

lượng bao dung. Thật tình em không có lòng bội phản chỉ một phút...

Hoàng đế A Dục cất ngang lời :

- Pháp luật nghiêm minh của triều đình không cho phép ta dung tha, dù tội phạm chính là em ruột ta.

Rồi đổi sắc mặt Ngài truyền lệnh :

- Lục sĩ đầu. Hãy dẫn phạm nhân ra pháp trường.

Vi Ta sụp xuống chân vua, nức nở khóc. Các cận thần cũng lay lức, xin vua thương tình, giảm tội. Hoàng đế A Dục hạ giọng và chậm rãi, Ngài nói :

- Ta niệm tình các khanh ! Và để thỏa lòng ước muốn của em ta, ta sẽ cho Vi Ta làm vua trong bảy ngày, nhưng...

Ngài dừng lại một lát, rồi phình thẳng vào Hoàng đế Vi Ta, Ngài tiếp :

- Nhưng sau bảy ngày làm Hoàng đế, ngươi sẽ phải chịu y luật tử hình.

Hoàng đế A Dục đỡ Vi Ta dậy, truyền khoác thêm áo cấm bào và bảo các quan đón rước Vi Ta về cung điện đặt lên ngôi cao cả.

*

Trước sân rồng, Hoàng đế Vi Ta tiêu tụy, rũ rượi trong bộ áo cẩm bào, phủ phục dưới bệ. Hoàng đế A Dục nghiêm nghị :

- Ngự dệ Vi Ta !

- Dạ !

- Bảy ngày đã qua ! Trong bảy ngày trên ngôi vàng điện ngọc, say sưa bên cung nữ yêu kiều, có trong tay muôn vạn quyền lực, hân em đã được sung sướng rồi chứ ?

Hoàng đế Vi Ta à chề, chán nản :

- Tàu Hoàng huynh, em khổ lắm Hoàng huynh ! Ngồi trên nệm gấm vương giả, chung quanh dầy dặt tiếng nhạc, tiếng ca của những cung tần mỹ nữ, nhưng lòng em không thể nào vui được khi trí em mãi nghĩ đến lưỡi gươm sáng quắc của tên đao phủ, đến dòng máu đào phun giọt từ cổ em sau khi chiếc đầu em lăn lóc. Trời ơi ! Lại thêm nỗi, mỗi khi hoàng hôn vừa tắt, bốn tên lực sĩ Chiên Đà La đứng bốn góc Hoàng cung, tay cầm gươm trần, tay nắm xích sắt, khua lổn cốn hô to : "Một ngày qua. Một... còn sáu ngày nữa, tân vương sẽ bị chặt đầu. Cái chết của Ngài đang đi tới... một ngày qua..."

Hoàng đế Vi Ta buông tiếng thở dài náo ruột, rồi tiếp :

- Tàu Hoàng huynh, mỗi tiếng nói của họ là mỗi lưỡi gươm nhọn đâm vào tim em. Suốt cả bảy ngày, em sống trong pháp phòng lo sợ. Ngai vàng điện ngọc, cung phi mỹ nữ, quyền lực danh vị nào có nghĩa lý gì đâu khi tâm em đang đau khổ, Hoàng huynh à ! Rồi Vi Ta bùng bật khóc nức nở. Đôi vai run run trong chiếc cấm bào rộng. Bá quan đều cảm động.

Vua A Dục từ từ bước xuống ngai vàng, đến bên cạnh đỡ em Ngai dậy, dịu dàng an ủi :

- Vi Ta em ! Trong cái danh vị cao cả nhất của người đời, em chỉ sợ sệt, lo âu chết mất một thân này, một kiếp này mà đã cảm thấy thống khổ đến như thế.

Vậy em hãy nghĩ lại, các vị Sa môn tu theo đạo Phật, họ luôn luôn nghĩ đến cảnh sanh, già, bệnh, chết của hết thấy con người, trong vô lượng kiếp, qua nhiều cảnh giới đau thương khốn nạn như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thì thử hỏi ăn một đôi bữa trong ngày, khoác hài gai áo vải, có gì là sung sướng đâu em !

Hoàng đệ Vi Ta trầm ngâm nghĩ ngợi, Ngai nhớ lại những bản khoán trước đây của mình mà đã có lần Ngai thổ lộ với lão tướng Kiên Đà.

- Tàu Hoàng Thượng...

Vua A Dục không để em nói hết lời :

- Ta đã hiểu hết những thắc mắc của em. Có phải em đã cho rằng cần phải tu hành ép xác, làm tê liệt giác quan mới có thể tạo được tâm thanh tịnh. Và sự thật đã trả lời cho em thế nào rồi. Vì Ta ă ! Đức Phật có dạy : Chẳng phải đi chân không, chẳng phải để tóc bờm xồm, chẳng phải xoa tro đất vào mình, chẳng phải tuyệt thực, chẳng phải nằm trên đất, cũng chẳng phải ngồi mãi mà người ta có thể trở thành thanh tịnh nếu không tiêu diệt dục vọng tự tâm mình.

Và Đức Phật cũng đã dạy : "Có hai cực đoan mà kẻ cầu đạo giải thoát phải lần tránh. Cực đoan thứ nhất là sống cuộc đời buông lung theo dục vọng, để mưu cầu những thọ hưởng ích kỷ, ty tiện, xấu xa. Cực đoan thứ hai là sống đời sống khổ hạnh, hành thân hoại thể mình một cách khô ố, ghê tởm. Cả hai cực đoan kia đều không lợi ích gì để đưa đến cứu cánh giải thoát. Phải đi trên con đường trung đạo. Chỉ có con đường trung đạo mới đưa hành giả đến chánh tri kiến, đến thanh tịnh yên vui, đến đại giác ngộ, và cứu cánh "Niết Bàn". Em đã nghe rõ chưa ?

Mắt sâu hóm của Hoàng đế Ví Ta khô dần, mặt Ngài tươi tỉnh. Ngược lên nhìn Hoàng đế A Dục, Ngài nói :

- Tàu Hoàng huynh. Em đã hiểu rồi ! Những mối bận khoăn lâu nay của em đã được cởi mở. Em đã thấy được con đường tu tập chân chánh. Em thấy lòng nhẹ nhõm dù bây giờ đây em phải bị tội tử hình.

Hoàng đế A Dục nắm lấy tay em cảm động :

- Không ! Không ! Em không còn có tội lỗi gì nữa. Nếu như trước đây, lòng ước vọng cuồng loạn của em đã gây nên tội lỗi, thì bây giờ chính sự giác ngộ của em đã tự nó xóa được hết cả lỗi lầm của em rồi ! Hoàng đế Vi Ta nắm lấy tay anh nói qua ánh mắt trìu mến kính yêu :

- Hoàng huynh, Hoàng huynh thương em đến ngàn ấy sao ! Hoàng huynh đã chỉ cho em con đường giải thoát. Em đã thấy rõ rồi và em nguyện sẽ đi theo con đường sáng suốt của Đức Phật.

Hai anh em ôm nhau. Tình thương yêu chan hòa trong đôi tim đồng nhịp điệu thông cảm, giác ngộ.

Ngoài vườn ngự, con chim hoàng oanh chuốt lưỡi tung một tràng nhạc mừng vàng dương lên mang ánh sáng đến loài người.

QUẢNG HUỆ

Nghĩ đến cái chết, đến cái đời mơ hồ, không biết mình sống bao lâu và không biết thời thế nó xảy ra cho mình như thế nào, nghĩ như vậy khiến mình sống theo chân lý.

Con rối

(Truyện cổ Phật giáo Miến Điện)

Ngày xưa có hai vợ chồng người thợ chuyên làm các con rối có được một cậu con trai đặt tên là Aung. Đến ngày trưởng thành, Aung quyết định lên đường đi làm ăn xa.

Để giúp đỡ con, ông bố mới làm cho con 4 con rối đặc biệt : Con thứ nhất mang hình dáng một thiên thần, con thứ hai thì lại bộ dạng của một con yêu tinh, con thứ ba là một ông thiên lôi, riêng con thứ tư thì làm theo kiểu một vị thầy Tăng một tay cầm thiên trượng và một tay cầm bát đi khất thực.

Trên đường đi phiêu lưu, lần lượt cả ba con rối đầu tiên đều hóa thành người thật theo mẫu người sẵn có để giúp đỡ Aung. Con rối thiên thần giúp Aung thoát khỏi nanh vuốt của các loài thú dữ gặp phải trên đường đi. Con rối yêu tinh giúp chàng chiếm đoạt của cải một đoàn thương nhân và con rối thiên lôi thì giúp biến những của cải đó sanh

sôi nảy nở thêm. Thế là cả mấy thầy trò trở nên giàu có, mua một lâu đài lớn để cư ngụ.

Nhưng dù đã thành công trên đường đời, Aung lại vướng một món nợ tình không nguôi. Nguyên do là : Trong vụ chiếm đoạt của cải của đoàn thương nhân họ, chàng đã bắt được một cô con gái của Chủ đoàn thương nhân. Aung đem lòng yêu thương cô ta nhưng cô gái thì căm thù, nhất quyết cự tuyệt. Cuối cùng cô gái bỏ ra đi.

Thất tình, Aung trở nên vô cùng buồn khổ dù đang sống trong cảnh giàu sang tột độ. Lúc đó, chàng mới quay sang xin lời khuyên của con rồi thứ tư tức là con rồi thầy Tăng. Con rồi thầy Tăng mới cho Aung một lời khuyên là :

- Hãy thử sống như tôi : Tôi không có ham muốn xấu nên tôi không biết đến đau khổ, tôi ăn ở hòa thuận với mọi người nên lúc nào tâm hồn cũng cảm thấy bình yên.

Thế là Aung quyết định bắt đầu sống cuộc đời như con rồi thầy Tăng là rời bỏ lâu đài và cảnh giàu sang, một mình đi khất thực trên khắp các nẻo đường. Tuy chưa hẳn trở thành một tu sĩ xuất gia nhưng kỳ lạ thay từ cách sống đó, tự nhiên lần hồi chàng cảm thấy tâm hồn yên ổn, thanh thản hơn.

Thế rồi, một ngày nọ trên đường đi khất thực, Aung đã tình cờ gặp lại hai cha con cô gái chàng từng yêu dấu. Nhìn thấy Aung phải chịu đựng và nghe Aung thuật lại đầu đuôi sự tình, bấy giờ cô gái mới động lòng, hiểu là Aung đã thực sự hối lỗi. Tha thứ cho Aung, cô gái và cha nàng bằng lòng cùng chàng trở về ngôi lâu đài cũ để làm lễ cưới...

Tại lễ cưới có mặt đông đủ 4 con rối bạn thân của Aung, con rối thầy Tăng, một lần nữa đã giảng giải cho Aung nghe về lẽ đời và lẽ đạo :

- Trước kia, cậu đã giàu sang, được quyền lực nhưng như cậu đã thấy, của cải và quyền lực nào có mang lại hạnh phúc đâu. Nay cậu đã có hạnh phúc, lại tiếp tục sống trong giàu sang và quyền lực, nhưng nên nhớ cái hạnh phúc này không phải do của cải và quyền lực mà là do phải biết bất chấp những thứ đó. Của cải và quyền lực tự nó không làm nên điều thiện hoặc điều ác. Cái đó chỉ tùy thuộc vào việc cậu dùng nó như thế nào mà thôi...

Thấm thía bài học do con rối thầy Tăng gợi nên, hai vợ chồng Aung cho xây một ngôi chùa thờ Phật cạnh lâu đài, để đón tiếp thiện nam tín nữ khắp nơi đến cùng mình chứng ngộ chân

lý Phật pháp như những điều con rối thầy Tăng
đã giảng dạy...

C.T.N.

**Thắng lợi thì bị oán thù, thất bại thì bị đau khổ, kẻ nào
không màng đến thắng bại, kẻ ấy sẽ sống một cuộc đời
hòa hiếu an vui.**

Hoàng tử A Xà Thế

Hoàng tử A Xà Thế, bị Đè Bà Đạt Đa xúi dục, âm mưu sát hại vua cha là Tần Bà Ta La để chiếm ngôi. Nhưng công việc bị bại lộ, A Xà Thế bị bắt quả tang, và người cha đầy lòng từ bi không đành xử phạt xứng đáng như quần thần xin, mà còn nhường ngôi vàng cho Hoàng tử vì thấy con thêm muốn làm vua.

Để trả ơn, vị Hoàng tử bất hiếu vừa lên ngôi liền hạ ngục cha và ra lệnh bỏ đói cho chết dần. Chỉ một mình Hoàng thái hậu được phép vào thăm. Mỗi khi đi bà giấu đồ ăn trong túi áo đem cho chồng, A Xà Thế hay được quả trách mẹ. Sau lại bà giấu trong đầu tóc, A Xà Thế cũng biết được. Cùng đường bà tắm rửa sạch sẽ rồi thoa vào mình một thứ đồ ăn làm bằng mật ong, đường và sữa. Vua gọt lấy món ăn này để nuôi sống. Nhưng A Xà Thế cũng bắt được và cấm hẳn mẹ không cho vào thăm vua cha nữa.

Lúc ấy vua Tần Bà Ta La cam chịu dối, nhưng lòng vẫn không oán trách con. Ngài đã đặc quả Tư Đà Hoàn nên thân nhiên, cố gắng đi lên xuống kinh hành, thọ hưởng hạnh phúc tinh thần. Thấy cha vẫn vui tươi A Xà Thế nhất định giết cho khuất mắt nên hạ lệnh cho người thợ vào khám, lấy dao bén gọt gót chân vua cha, xát đầu và muối vào rồi hơ trên lửa nóng.

Khi người cha bất hạnh thấy người thợ cạo đến thì mừng thầm ngờ rằng con mình đã ăn năn hối cải, cho người đến cạo râu tóc để rước về. Trái với sự mong ước của Ngài, anh thợ cạo đến chỉ đem lại cho Ngài cái chết vô cùng thâm thảm.

- Cùng ngày ấy, vợ A Xà Thế hạ sanh một hoàng nam. Tin lành đến vua một lượt với tin vua Tần Bà Ta La chết trong ngục.

Tin chánh hậu hạ sanh hoàng nam được đọc trước. Nỗi vui mừng của A Xà Thế không sao kể xiết. Cả người nghe nhẹ nhàng vui sướng. Tình thương của một người cha lần đầu tiên chớm nở trong lòng, mặn nồng sâu sắc, thấm vô từng khớp xương ống tủy. Đứa con đầu lòng là một nguồn yêu thương, là cơ hội để cha mẹ thương thức một tình thương mới mẽ đậm đà, vô cùng trong sạch. Cảm giác đầu tiên của người mới được đứa con đầu lòng dường như đưa họ vào một cảnh giới kỳ lạ, khiến

họ có cảm tưởng rằng máu huyết mình đã đổ giọt ra để nối tiếp mình.

Tức khắc A Xà Thế vội vã chạy đi tìm người mẹ yêu dấu và hỏi :

- Thưa Mẫu hậu, khi con còn nhỏ Phụ hoàng có thương con không ?

- Tại sao con hỏi lạ vậy ? Mẹ tưởng trên thế gian này không tìm đâu ra một người cha lành như cha con. Để mẹ thuật lại cho con nghe. Lúc mẹ còn mang con trong lòng, ngày nọ mẹ nghe thềm lạ lùng một món kỳ quái. Mẹ thềm nút vài giọt máu trong bàn tay mặt của cha con. Mà nào mẹ dám nói ra. Rồi càng ngày mẹ càng xanh xao, và sau cùng phải thú nhận với cha con. Khi nghe vậy, cha con vui vẻ lấy dao rạch tay cho mẹ nút máu. Lúc ấy các nhà chiêm tinh trong triều tiên tri rằng con sẽ là người thù của cha con. Do đó tên con là A Xà Thế (Ajatasattu kẻ thù chưa sanh). Mẹ có ý định giết con ngay trong lòng nhưng cha con không cho. Khi sanh con ra mẹ nhớ tới lời tiên tri nên một lần nữa muốn giết con, một lần nữa cha con lại cản mẹ. Một hôm con có cái nhọt trên đầu ngón tay, nhức nhối vô cùng, khóc suốt ngày đêm, không ai dỗ được. Cha con đang cùng bá quan phân xử việc triều đình, nghe vậy cảm lòng không đành, bế con trong lòng và không ngần ngại ngậm ngón tay của

con trong miệng nhẹ nhẹ nút cho con đỡ đau. Gồm thay ! Cái mụt nhọt bể, máu mủ tuôn ra trong miệng cha con và sợ lấy ra con sẽ nghe đau nên cha con nuốt luôn vào bụng cả mủ lẫn máu. Phải, người cha hết lòng thương yêu con, vì tình phụ tử đậm đà, nhẹ nhẹ nuốt hết vừa máu vừa mủ.

Nghe đến đó bỗng vua A Xà Thế đứng phất dậy, kêu lên như điên : Hãy chạy mau, thả ra lập tức người cha yêu quý của trẫm.

Than ôi ! Người cha yêu quý đã ra người thiên cổ.

Tin thứ nhĩ được trao tận tay vua A Xà Thế, vua xúc động rơi lụy đầm đề. Bây giờ ông mới nhận định rằng chỉ khi bắt đầu làm cha mới biết được tình cha thương con như thế nào.

Vua Tần Bà Ta La băng hà và tức khắc tái sinh vào cảnh trời Tứ Đại Thiên Vương tên là Janavasabha.

Về sau vua A Xà Thế được gặp Đức Phật, trở nên một thiện tín lỗi lạc và tạo được nhiều công đức trong cuộc kết tập Tam Tạng lần đầu tiên.

NARADA

Còn cha gót đỏ như son,

Một mai cha thác gót con đen sì !

Còn cha nhiều kẻ yêu vì,

Một mai cha chết ai thì yêu con !

Thầy nhường đệ tử đi trước

Thuở xưa, ở chùa Tước Lý có một vị Trưởng lão Tỳ kheo đắc quả A La Hán. Một hôm, vị Tỳ kheo dẫn ông Sa di vào thành hóa đạo. Ông Sa di gánh y bát rất nặng theo sau Thầy.

Dọc đường ông Sa di suy nghĩ : "Người ta sanh ra ở trần gian, không ai chẳng bị khổ. Muốn thoát khỏi khổ này, phải phát tâm tu những pháp gì ?" Rồi lại suy nghĩ : "Phật thường khen ngợi hạnh Bồ Tát là thù thắng. Nay ta phải phát tâm Bồ Tát". Vừa khởi ý niệm đó, thì vị La Hán dùng tha tâm thông soi suốt tâm suy nghĩ kia, liền bảo ông Sa di :

- Dem y bát đưa đây ! Ông Sa di bèn đem y bát trao cho thầy mình. Nhận xong y bát vị La Hán liền bảo :

- Người đi trước đi !

Ông Sa di đi trước, lại vừa suy nghĩ :

- Đạo Bồ Tát rất cần khổ, xin đầu cho đầu, xin mất cho mất. Việc này rất khó, ta làm không thể trọn vẹn chẳng bằng sớm cầu quả La hán, mau được xa lìa khổ nạn thì hơn.

Vị La Hán biết rõ tâm niệm ấy lại bảo ông Sa di :

- Người hãy gánh y bát trở lại đi theo sau ta !

Ba lần như thế. Ông Sa di rất lấy làm lạ, không biết ý gì. Đợi đến khi dừng nghỉ, ông Sa di chấp tay bạch Thầy, thỉnh vấn ý ấy.

Vị bốn sư đáp :

- Người đối với đạo Bồ Tát ba phen tinh tấn tâm Đại thừa, nên ta cũng ba phen nhường cho người đi trước. Nhưng vì tâm người ba phen thoái chuyển, nên ta ba phen để người đi sau.

Vị Sa di hiểu được ý Thầy dạy. Từ đó phát tâm tinh tấn tu hạnh đại thừa...

ĐẠO LƯỢC

Người tu hạnh Bồ Tát phải lấy từ bi làm gốc. Cây bồ đề lớn mạnh nhờ bám sâu gốc rễ trong đất, kẻ tu hành lấy từ bi lợi lạc hữu tình làm lẽ sống.

Bố thí thân mạng

Về thời kỳ quá khứ xa xăm, trên một đại thọ có ổ chim năm con. Một chim trống, một chim mái và ba chim con.

Ngày kia, chim trống thấy ba lữ khách thoát đến nghỉ chân dưới gốc cây, bèn nói với chim mái rằng :

- Nay, chúng ta phải làm sao bây giờ ? Khách lạ đến nhà, nhằm mùa đông lạnh lẽo mà ta lại không có chút lửa !

Dứt lời, chim trống cất cánh bay đi, rồi tha về một miếng củi cháy, nhả ngay xuống chỗ ba người. Lữ khách mới lượm cành khô nhúm thành một đồng lửa để sưởi.

Thấy vậy, chim trống cũng chưa thỏa lòng, bèn nói cùng chim mái :

- Nay, chúng ta phải làm sao bây giờ ? Khách đã đói lòng, nhằm tiết đông thiên mà chẳng có chi đãi khách ! Đây là nhà của ta, vậy ta có trách nhiệm phải nuôi mấy kẻ xa lạ đến tá túc. Cái chi

có thể làm thì phải làm ngay ! Vậy để tôi hiến thân cho khách đỡ lòng.

Vừa dứt lời, chim trống bay nhào xuống đồng lửa hồng.

Ba lữ khách ngồi dưới gốc cây, thấy vậy lật đật lại cứu chim, nhưng đã muộn.

Chim mái bùi ngùi, than rằng :

- Dưới gốc cây, có ba người mà một thân của chồng ta thì sao cho đủ ! Bốn phận của ta là vợ, phải tỏ rằng chồng đã cư xử đúng theo lẽ đạo. Vậy ta cũng phải hiến thân cho khách qua đường ! Dứt lời, chim mái liền nhào xuống ngay đồng lửa...

Ba chim con chứng kiến thiên cử của cha mẹ, và biết rằng bấy nhiêu cũng chưa đủ cho ba khách no lòng, nên bàn tính với nhau :

- Cha mẹ đã tùy theo sức mà tròn bốn phận, nhưng việc cúng chưa xong ! Vậy thì chúng ta lại phải hiến thân cho khách lạ !

Dứt lời, cả ba nhào xuống đồng lửa một lượt...

Trích chính bản THIÊN HUYỀN

Người thọ thí là ân nhân của người bố thí. Vì người kia có đến xin, người này mới thực hành được hạnh bố thí.

Chuyện đung mãnh

**PHÓNG HẠ ĐỒ ĐẠO
LẬP ĐỊA THÀNH PHẬT**

Xưa kia có một vị Thiền sư tên là Diệu Pháp ở chùa Dư Sơn, tuổi đã ngoài bảy mươi. Một hôm, Thiền sư đang ngồi niệm Phật trên bàn thạch, bỗng thấy một người nhảy xuống suối tắm, cách Thầy độ mười thước. Thầy trừng mắt nhìn một hồi lâu rồi than rằng :

- Bản tính chúng sanh chẳng phải là dữ, chỉ vì mê mà đến nỗi gây nên tội ác như kia, đời nay mắc lưới pháp luật, đời sau phải đọa vào tam đồ. Biết mấy kiếp mới ra cho khỏi.

Người đi tắm kia độ ba mươi tuổi, mi to mày rậm, vai rộng lưng dài, nghe tiếng được tiếng mất, vội vàng lên bờ mặc áo rồi đến hỏi :

- Tôi tắm can chi đến Thầy, mà Thầy lại rửa tôi chi chi, nhưng là tam đồ, là độc ác ?

Thầy Diệu Pháp đáp :

- Nam mô A Di Đà Phật, tôi là người tu hành, lẽ đâu sanh lòng rủa ai. Anh đừng ngờ vực mà mang lấy tội. Vì tôi thấy anh tai nạn sắp đến nơi, sẽ bị gông cùm khổ sở nên tôi thương xót, thở than một đôi lời, chứ không có gì ác cả.

- Thầy già lẫn quáng mắt, Thầy sao biết được tai nạn của tôi mà nói càn như vậy ?

- Anh thực là nóng nảy quá, tôi tu hành đã lâu năm, lẽ đâu phạm giới vọng ngữ. Khi vừa thấy anh tôi đã biết nghề anh làm không phải là nghề lương thiện. Có nhân duyên thì có quả báo, anh còn mê nên không biết đó thôi. Ước chừng trong một tháng nữa, dù anh cao bay xa chạy thế nào cũng mắc lưới pháp luật.

Anh ta giật mình, chấp tay lạy Thầy và nói :

- Thầy thực là một vị Đại sư đoán không sai một mảy, con tự biết tội lỗi đã nhiều, xin Thầy liệu có phương pháp gì cứu con khỏi tai, khỏi nạn.

- Cứu khổ cứu nạn là bản nguyện của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Nhưng từ nay về sau anh phải biết cải hóa tự tâm, thường niệm tên Ngài thì thế nào cũng thoát khỏi tai ách.

- Bạch Thầy, Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát vì sao mà được phép màu như vậy ?

- Các vị Phật, các vị Bồ Tát cũng một tâm như mình cả, vì có công tu tập nên tâm ấy được hoàn toàn tấn hóa, rũ sạch các lối mê lầm và chứng được công đức vô lượng vô biên. Người đời cũng một tâm như vậy, nhưng vì không chịu tu tập nên bị màng vô minh bao phủ, dễ mắc vào lưới tham sân si, phải luân hồi mãi mãi. Cổ nhân có câu "Nhất thất nhân thân, vạn kiếp nan phục" nghĩa là một phen mất thân người, muôn kiếp khó được lại. Như thế được sanh làm người, nghe được Phật pháp mà không biết tu hành cho giải thoát, thì uống biết chừng nào. Lỡ ra làm điều tội lỗi rồi phải sa đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì muôn kiếp gỡ ra không khỏi. Anh nên nghe lời tôi, về nhà tự tu tự tỉnh, đừng để đến khi lửa cháy đến mi thì dù có lo cũng không kịp nữa.

Anh nghe rồi, chào Thầy đi về, ra tuồng hối hận, vài bữa sau, khi Thầy đương ngồi tọa thiền niệm Phật thấy một người đến trước mặt quỳ lạy ba lạy và xin qui y làm đệ tử.

Thầy hỏi :

- Anh có phải là người tắm bữa trước không ? Anh quê quán ở đâu, suy nghiệm thế nào mà nay đến đây xin xuất gia đầu Phật ?

- Nam mô A Di Đà Phật tên con là Dũng Mạnh, ở làng này vẫn là con nhà lương thiện, khi còn nhỏ cũng có theo học chút ít về Nho giáo. Nhưng chẳng may cha mẹ mất sớm không ai dạy bảo, rong chơi trong xóm cờ đấm bạc bày mưu định kế, gian xảo đủ vánh, mà gia tư càng ngày càng sa sút. Khi ấy các bạn lại rủ rê thêm một nghề ăn trộm nữa. Lòng tham sẵn, biết đâu là phải trái miễn được đồng tiền. Ban đầu còn e ngại rụt rè, đến sau tập dượt thành, chỉ biết rình ngó dò đường cho thành thuộc, nghĩ mưu mẹo cho khôn ngoan cốt lấy được nhiều tiền là sung sướng, chứ không biết gì nữa hết. Con ma tham dục đã dắt lối đưa đường, dù mưa gió lớn cũng ngồi chỗ xó vườn không biết chi lạnh lẽo. Một mực trèo tường đào ngạch, cạy đổ, khoét vách. Vào nơi hổ huyết mà cũng không biết gì là nguy hiểm, dầu được của như nước mà cũng không giàu có hơn ai.

Tháng ngày lần nữa, từ khi gặp Thầy, về nhà ngồi nghĩ lại những hành động ấy mà rung mình rờn ớn.

Ôi ! Vì tôi mà bao nhiêu người tan nát cửa nhà, vì tôi mà bao người đau lòng xót ruột, càng suy nghĩ càng thương, thương đến nỗi ước chừng các của lấy được giá có còn cũng đem trả lại.

Ngờ đâu ngần ngừ đôi ba ngày mà xem trong lưng gạo không tiền hết, con ma ích kỷ thúc dục

bên tai tôi, cái dúi đã tới kề bên tai. Thôi, xếp đạo đức lại, mà đi kiếm gạo.

Bấy lâu rình nhà bà Quân Oai một nhà giàu có, đường xá thông lâu cả rồi, hôm nay lại mưa to gió lớn, trời tối như mực, cũng nên qua nhà ấy mà kiếm món tiền tiêu, thói cũ lại tuôn ra như nước.

Tôi bất giác vai mang đồ nghề bước ra, đi thẳng đến nhà bà Quân Oai, bấy giờ chỉ có một mẹ một con ở nhà nên tôi lách dậu, thuốc chó rồi thì chắc có lẽ đêm ấy cũng được món tiền kha khá. Tôi lần bước đến gần, nhòm vào cửa thấy một người con gái tuổi trẻ đương ngồi tựa án, chong ngọn đèn khuya, đầu bù tóc rối ra dáng âu sầu khổ não.

Tôi đứng nép bên chái nhà chờ cho cô ta đi ngủ, ngờ đâu từ canh một tới canh tư mà thính thoảng vẫn nghe tiếng đi ra đi vào, tâm sự tôi đêm hôm ấy bối rối tợ tợ.

Khi nhớ đến lời Thầy dạy thì muốn quay trở về mà cứ hể cất bước đi thì con ma tham dục kéo dắt trở lại, không sao về được. Đêm khuya thanh vắng, nghe trong mình mỗi một nhường nào thì lòng tham lại thôi thúc lên chừng nấy. Khi sắp đến canh tư trong lòng tôi chỉ còn là một thằng ăn trộm hung dữ mà thôi, chứ không nhớ chi lời Thầy dạy bảo nữa, rồi lại nhòm lối cửa sau một lần

nữa cũng vẫn thấy cô ta còn thức. Khi bấy giờ giận tức nổi lên, tôi rút dao phá cửa quyết vào giết đi cho đáng kiếp. Giận thực sao mà giận. Đến bây giờ tôi nghĩ lại thật là vô lý quá, nhưng khi đó lòng tham đã nổi lên còn biết chi là phải trái. Của người ta để trong rương đã nghĩ như của mình, thì người thức không cho mình lấy tức là người giữ, phân đối với mình, vì vậy mà mình giận, mình quyết giết người ta cho bằng được.

Ôi ! Cái năng lực của con ma tham dục nghĩ mà ghê mà sợ. Một người đã được nghe lời phải lại biết hối hận như tôi mà còn tối tăm mù mịt, làm càn làm dỡ, huống chi ai ai. Thật đáng thương cho những người còn mắc trong vòng tham dục.

Tôi vừa phá cửa vào thì người con gái ấy đứng dậy một cách tinh táo, bảo tôi rằng :

- Chú ơi ! Chú cứu mẹ tôi với, mẹ tôi đau mệt, Thầy thuốc chạy cả chỉ còn một chút hơi thở thôi thóp mà thôi. Anh tôi đi xa, tin không về kịp, không biết làm sao bây giờ. Chú có phương chi cứu mẹ tôi thì dù bỏ đầu lấy não, mổ bụng lấy gan tôi cũng đành lòng chết thay cho mẹ tôi. Xin chú làm ơn cứu mẹ tôi với.

Lúc ấy kỳ thực cô ấy chỉ biết có mẹ đau mệt, gặp ai thì xin cứu mạng chứ không còn biết chi

nữa cả. Tôi thấy lòng cô ấy chỉ hiểu như vậy cũng cảm động sa nước mắt. Sức nhớ lời Thầy dạy, tôi liền khuyên cô ta đặt bàn thờ giữa sân mà niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, cầu Ngài linh ứng cứu cho bà mẹ cô ấy sống lại.

Cô ta nghe lời mừng rỡ khôn xiết, đặt hương án ngoài sân, khấn nguyện niệm Phật, lại nhờ tôi ngồi bên trong giúp bà mẹ cô ta.

Tôi nghĩ cũng ngán thiết, ai ngờ trong đời lại có người lạ như thế, ăn trộm đã phá cửa vào nhà, không kêu la người cứu thì thôi, lại trao cả nhà cửa tài sản cho người ăn trộm nữa.

Cô ấy quy niệm Phật ngoài sân, đêm hôm tối tăm lại thêm mưa gió lạnh lẽo mà không hề lay động, thực là chí thành chí kính.

Khi ấy giá tôi muốn lấy của, dù vợ nhặt cả tài sản cũng không ai biết, nhưng tôi thấy người con gái hiểu hạnh như vậy, nghĩ đến phận mình làm trai càng thêm tủi hổ, lòng tham của tôi đã tiêu tan hết, tôi chỉ còn nghĩ thân người cũng như thân mình, lo trông nom bà mẹ cô ta chứ không còn nghĩ đến tiền bạc nữa.

Tôi sức nhớ tới Thầy là một vị Cao Tăng Đại Đức mới thấy tôi mà Thầy đã biết đầu đuôi gốc ngọn, chắc ai cầu khấn chuyện chi Thầy cũng hiểu

rõ nên tôi cả đêm cầu Thầy cứu mạng cho bà Quân Oai kéo tội nghiệp quá.

Quả nhiên đến khi gần sáng có một vị Đạo nhân trong chùa ra đưa cho cô con gái quỳ ngoài sân một chén thuốc. Thuốc có linh nghiệm hết sức, vừa đổ vào miệng là bà Quân Oai đã hắt hơi thở một tiếng mạnh, chân tay nóng lên rồi mở mắt ra hồi lâu một cách tỉnh táo. Bà bảo người con gái : "Con ơi ! Ngờ đâu mẹ còn sống được trông thấy mặt con".

Bà lại chỉ tôi mà hỏi : "Có phải nhờ chú này mà mẹ sống lại chăng ?". Cô con gái thưa : "Phải". Bà bảo con gái lạy tạ ơn tôi rồi nói : "Mẹ trông chú này cũng thiếu túng lắm, con hãy vào trong nhà lấy một món tiền khá lớn đưa cho chú về tiêu dùng. Người sống hơn đồng vàng, con đừng suy ít tính nhiều mà mang lấy tội. Chú túng cũng như mình túng, con lấy mau mang ra đây để chú còn về nghỉ kéo chú thức khuya mỏi mệt".

Tôi liền đáp :

- Chút công nhỏ mọn đâu dám kể ơn, bà sống lại đây là nhờ lòng hiếu hạnh của cô em chí thành cầu nguyện cảm động đến chư Phật. Tôi không dấu chi bà, tôi chính là một thằng ăn trộm, khi tôi phá cửa vào nhà thấy cô em chí hiếu, cảm phục bội

phần nên không nỡ hạ thủ. Một đêm tôi đã giác ngộ được rồi, muôn sự lỗi lầm từ trước xin sám hối, từ nay nhất định cắt tóc đi tu, của cải thế gian tôi không cần dùng làm chi nữa đâu mà bà phải đền ơn đáp nghĩa.

Thưa Thầy, sau khi từ giã hai mẹ con bà Quân Oai, tôi đi một mạch đến đây để bạch Thầy xin xuất gia đầu Phật. Tôi xét ăn năn hết sức, người ta cũng một tâm mà sao lại hiếu hạnh khiêm cung, mình cũng một tâm mà sao lại gian tham độc ác. Nói rộng ra, Phật cũng một tâm mà sao lại từ bi, hỉ xả, nhu hòa, nhẫn nhục, công đức vô lượng vô biên, tôi cũng một tâm mà sao lại tham sân si hiểm độc, ích kỷ hại người, tội ác vô cùng tận. Như vậy nghĩ mà ghê mà gớm cho tâm mình, muốn bỏ cái tâm ấy đi, rồi tu theo cái tâm tốt lành như của chư Phật.

Thưa Thầy, tôi đã trình bày đầu đuôi gốc ngọn, muôn sự về trước đều sám hối cả, xin Thầy tin lòng mà thu nhận làm đồ đệ, tôi nguyện một lòng xin theo lời Thầy dạy bảo dù muôn thác cũng không chối từ.

Đại sư làm thỉnh hồi lâu rồi nhẹ nhàng bảo :

- Tập quán anh đã nhiều kiếp nhiều đời, phép giới luật nhà Phật e về sau anh chịu không nổi,

nhưng anh đã nguyện thì hể tôi bảo chỉ dù muôn thắc cũng không nan từ. Vậy tôi thử bảo anh một việc :

"Kìa, cây đại thọ trước cửa chùa, anh hãy trèo lên chót ngọn cây rồi nhảy xuống đất. Làm như vậy tôi mới tin bụng anh và mới truyền phép cho anh tu tập".

Dũng Mạnh nghe dứt lời, vui mừng đứng dậy chấp tay thưa :

- Con xin vâng lời Thầy dạy.

Cây đại thọ cao ước chừng ba mươi thước Dũng Mạnh trèo tới ngọn liền nhắm mắt, miệng niệm Nam Mô A Di Đà Phật rồi nhảy xuống, khi ấy nghe trong mình nhẹ nhàng như bắc, hình như có ai bồng đỡ. Khi hai chân chấm đất, Dũng Mạnh mở mắt ra đã thấy Thầy đứng trước mặt. Dũng Mạnh sụp xuống lạy, Đại sư liền đỡ dậy và khen :

- Lòng anh đã quyết định như vậy, lo chi không thành chánh quả.

Sau đó thầy liền làm lễ thể phát, truyền giới, giảng lý duy tâm và dạy Dũng Mạnh ngồi kiết già niệm Phật theo phép Nhất Hạnh tam muội.

Dũng Mạnh nhờ túc căn đã sẵn, giảng đâu hiểu đó, vừa thọ pháp xong liền tạ ơn Thầy và thưa :

- Con nhiều kiếp nhiều đời, say mê trong bể khổ, nay nhờ Thầy chỉ bảo đã biết đường tu tập. Nhưng con trộm nghĩ con còn phải mang lốt Dưng Mãnh này thì dù có cao đàm diệu luận đến đâu cũng khó lòng phát khởi tín tâm cho thể gian được. Vậy con xin phép Thầy tọa thiền niệm Phật dưới gốc cây này chờ đến khi nghiệp chướng tiêu diệt, thực tướng hiện tiền, bỏ thân này mà vãng sanh tịnh độ, về sau may ra mừng Phật thọ ký, con cũng nguyện phân thân trở lại xứ này để cùng Thầy hoằng tuyên Phật pháp.

Đại sư nhủ :

- Nhất cú Di Đà vô biệt niệm, bất lao đàn chi đáo Tây phương, con hãy cố gắng trì niệm, tinh tiến tu hành, thì có lo chi không chứng được quả vãng sanh Cực lạc.

Từ đấy, mỗi ngày Đại sư thường ra hỏi cảnh giới Dưng Mãnh và chỉ đường tu tập trong bảy ngày đêm Dưng Mãnh ngồi kiết già nhập định, đến ngày chót phá màn vô minh thấy được chơn như bản tánh, Dưng Mãnh xét mình sắp về cõi Tịnh độ, nên đến đánh lễ Tôn sư, từ giả Đạo hữu.

Trưa hôm sau cả Tăng, Ni, Đạo hữu trong chùa đều đến hộ niệm, bốn đạo xa gần nghe tin đến xem đông vô kể.

Thầy Dũng Mạnh ngồi kiết già, hai tay chấp rồi niệm bài kệ rằng :

"Biến quan pháp giới,

Bản vô nhất vật.

Phóng hạ đồ đao,

Lập địa thành Phật".

Đọc bài kệ rồi, trời đã đúng Ngọ Thầy Dũng Mạnh nhập tịch. Mùi hương bát ngát, hào quang sáng ngời, Tăng, Ni, Đạo chúng lại sờ mình Thầy Dũng Mạnh thấy đã viên tịch.

Nhìn cây đại thọ trước cửa chùa, cành lá đều ửng sắc vàng, các thú chim tụ về kêu nhịp nhàng như là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Hơn ba ngày bầy chim mới giải tán...

Trích KHÓA NIỆM TÙY THÂN

Một lòng kính lạy Phật đà,

Ngàn đời con nguyện ở nhà Như Lai.

Con hằng mặc áo Như Lai,

Con ngồi pháp tọa Như Lai muôn đời.

Nên kính trọng người già cả đức hạnh

Thuở Đức Phật còn tại thế, một hôm chư Tăng hội lại rất đông để hầu Phật. Nhiều Thầy Tỷ kheo choán chỗ rộng lớn, có vị một mình chiếm hai hoặc ba chỗ. Đại Đức Xá Lợi Phất đến sau, không có chỗ ở, đành phải ở ngoài trời. Khuya lại đi kinh hành gặp Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn đã biết chuyện ấy, nhưng để đến khi gặp đức Xá Lợi Phất, Ngài mới hỏi tại sao ở ngoài đồng. Đại đức Xá Lợi Phất mới bạch rằng : "Bạch Đức Thế Tôn ! Vì con đến trễ nên không có chỗ nghỉ".

Nhân chuyện ấy, sáng ngày Đức Thế Tôn mới cho họp chúng và nhắc một tích như vầy :

- Về thời quá khứ, tại rừng Tuyết Lãnh có một cây vừng to, nơi cây vừng ấy là nơi tụ họp của ba con thú và cũng là ba người bạn thân : Chim đa đa, khỉ và tượng. Ba con thú ấy chơi với nhau rất thân nhưng không biết ai lớn ai nhỏ. Ba con mới

nói với nhau rằng : "Chúng ta chơi với nhau như vậy chưa đủ vì chúng ta thiếu phép cung kính nhau, vì không biết kẻ lớn người nhỏ để chỉ dạy nhau, vâng lời nhau. Vậy trong chúng ta ai biết cây vừng này từ bao giờ ?".

Tượng đáp : "Này các bạn, trong khi tôi còn là tượng con, mẹ tôi dẫn đi ăn thì cây vừng này còn ở dưới bụng tôi. Tôi biết cây vừng từ khi ấy.

Khi đáp : "Này các bạn, khi tôi còn bú, tôi ngồi trên đất, không cần phải ngước đầu lên, cũng có thể dùng miệng cắn ngọn cây vừng này được. Vậy tôi biết cây vừng này từ khi ấy".

Chim đa đa đáp : "Còn tôi, khi trước ở bên kia có cây vừng to, tôi ăn trái vừng về đại tiện nơi đây nên mới có cây vừng này".

Từ ấy về sau, khi, tượng tôn chim đa đa lên làm anh cả, cả hai phải kính trọng vâng lời chỉ bảo. Khi và tượng vâng lời chim đa đa lánh ác làm lành, nên sau khi chết đều được sanh về cõi trời.

Sau khi nhắc tích này Đức Thế Tôn mới dạy các Tỷ kheo :

"Này các Thầy Tỷ kheo ! Loài thú mà nó còn

biết kính trọng nhau thay hướng chỉ các Thầy, xuất gia hành theo giáo pháp chân chánh của Như Lai sao không biết kính trọng nhau ?...".

THÔNG KIAM

Sự vui mừng của người xuất gia, chỉ khi nào chánh pháp được thường trú lan rộng, đau buồn khi chánh pháp bị xuyên tạc suy vong.

Mê hoặc bị tai nạn

Thuở xưa, có một vị Tỳ kheo bị tấn xuất, ảo não buồn rầu, than khóc mà đi. Dọc đường gặp một con quỷ. Con quỷ này phạm pháp cũng bị Tỳ Sa môn Thiên Vương tấn xuất. Con quỷ hỏi vị Tỳ kheo :

- Vì sao Ngài buồn rầu than khóc ?

- Tôi phạm việc trong Chúng Tăng, bị Chúng Tăng tấn xuất mất hết sự cúng dường của tất cả đàn việt. Tiếng xấu bị đồn khắp gần xa, nên tôi buồn rầu than khóc !

Con quỷ bảo vị Tỳ kheo :

- Tôi có thể làm cho Ngài được cúng dường nhiều, và tiếng xấu tiêu tan. Ngài có thể đứng trên vai tôi của tôi. Tôi sẽ đội Ngài đi trên hư không. Người ta chỉ thấy Ngài mà không thấy hình tôi. Nếu Ngài được cúng dường nhiều, trước phải chia cho tôi !

Con quỷ kia tức thời mang vị Tỳ kheo đi trên không đến nơi địa phương mà Thầy Tỳ kheo đã bị

tấn xuất. Bấy giờ mọi người trong địa phương ấy trông thấy, đều lấy làm kinh ngạc, cho là người đắc đạo có thần thông, lại cùng nhau truyền tụng : "Chúng Tăng vô cố, lại tấn xuất oan uổng một vị Đạo nhân chân chính".

Đồng thời cùng nhau đến ngôi chùa này trách mắng Chúng Tăng, và đưa vị Tỳ kheo ấy trở lại ở trong ngôi già lam, lại cúng dường hơn xưa rất nhiều vị Tỳ kheo này lãnh thọ cúng dường áo cơm, tài vật được bao nhiêu, đều phải chia sớt cho con quý, không làm trái với lời cam kết khi trước.

Thế rồi, một ngày khác, con quý này lại công vị Tỳ kheo du hành trên hư không. Hôm ấy, lại rủi ro gặp người quen thuộc của Tỳ Sa môn Thiên Vương, quý rất kinh hoàng ném bỏ vị Tỳ kheo, chạy trốn thực mạng. Vị Tỳ kheo bị quăng xuống đất, thân hình tan nát phải mạng chung tức khắc...

ĐẠO LƯỢC

Nên tạm lánh trong chốn lạt người nóng giận và xa lánh vĩnh viễn kẻ giả dối.

Bố thí vật thực

Thuở xưa, bên cội Thiên Trúc, có năm anh em phú thương kia cử hành một cuộc lễ tế long trọng, và nhằm cơ hội này mới tổ chức một cuộc bố thí vĩ đại giúp mọi người nghèo khổ.

Ai ai đều hoan hỷ và đồng thanh tán dương cuộc bố thí hy hữu, số tài vật thí ra thật nhiều, quá sức tưởng tượng.

Cuộc lễ vừa chấm dứt thì từ đâu một con chồn đèn lại chạy đến. Nửa thân của chồn đã trở màu vàng lóng lánh và nửa thân thì lông còn giữ màu xám như thường. Chạy đến dưới đàn hành lễ, chồn lăn tròn dưới mặt đất mấy vòng, rồi đứng dậy nói cùng mấy người dự lễ như vậy :

- Các anh đều phạm tội vọng ngữ cả ! Nào có hiến tế chi đâu ?

- Sao người dám quyết là chẳng có ? Gia chủ đã thí cho kẻ nghèo vô số tài vật ai lại còn chẳng

biết ! Nay người phải nhớ rằng đây là cuộc bố thí hy hữu trên cả thế gian.

Nghe nói như vậy, chồn đứng nhóng hai chân, rồi chậm rãi nói rằng :

- Các anh hãy lắng tai nghe, tôi thuật lại chuyện này ! Trước đây, trong một làng hẻo lánh, có hai vợ chồng cư sĩ kia rất nghèo mà phải nuôi cả con và dâu. Họ nghèo đến nước túng thiếu trọn năm và nhờ láng giềng thương xót mà giúp đỡ không biết bao nhiêu lần.

Vận rủi dập dồn. Từ đâu không ai rõ, hạn hán thoát xảy đến, thiêu hủy hết cỏ cây. Nạn đói lan tràn khắp thôn quê và thành thị trong ba năm liên tiếp. Thật là vận khử lời vang tiến phước bìa ! Gia đình của cư sĩ đã lâm vào cảnh khốn cùng không bút nào tả được. Cả nhà đã nhịn đói trọn ba ngày.

Buổi sáng kia vì đói quá, cư sĩ mới vét khắp gom nhóp được một nắm bột lúa mạch. Cư sĩ bèn đem hòa với nước lã, nấu chín thành bánh, chia ra bốn phần : cho mình, cho vợ, cho con và cho dâu. Khi cả nhà xúm lại để ăn phần bánh tí ti cho đỡ đói, thỉnh linh có ai gõ cửa. Cư sĩ vội bước ra mở cửa và trông thấy một người khách lạ.

Nên biết rằng, theo cổ tục của xứ Thiên Trúc, thì bốn phần của gia chủ phải tôn trọng bất cứ

khách nào đến nhà. Khách là hóa thân của Thượng đế thì phải kính nhường cho xứng địa vị cao quý ấy.

Vì bốn phận, cư sĩ cúi mình chào khách thưa rằng :

- Xin mời Ngài bước vào và chúc Ngài được vạn phúc.

Sau lúc khách đã an tọa, cư sĩ bèn đem dâng phần của mình. Khách dùng trong phút chốc là hết miếng bánh rồi nói rằng : "Thí chủ hại ta đó ! Nhịn đói mười hôm, nay ăn một miếng bánh thì đói lại càng đói thêm".

Nghe vậy, bà chủ nhà xin phép chồng đem luôn phần bánh của mình dâng cho khách. Nhưng cư sĩ biết vợ đã đói quá nên lòng chẳng nỡ... Bà vợ cố van lơn : "Tội nghiệp ! Thấy ông đói quá, tôi thật cảm lòng không được ! Ta hữu phúc có nhà có cửa, vậy ta có phận sự giúp kẻ lỡ đường. Tôi là vợ, ông không còn chi thì tôi phải giúp thêm". Bà liền dâng phần bánh của mình. Khách dùng luôn, rồi cũng than rằng chưa hết đói. Người con trai của gia chủ bèn thưa rằng : "Xin cha hãy dâng phần bánh của con đi ! Đó là con phải giúp cha thì hành nhiệm vụ". Rồi khách lại dùng miếng thứ ba mà cũng còn than đói. Người dâu của cư sĩ đem dâng

luôn phần bánh của mình. Xong việc, khách mới vừa lòng, chúc phúc cho gia chủ rồi từ tạ ra đi...

Trong đêm ấy, cả gia đình bị đói cả nên kiệt lực. Bốn người đều qua đời.

Qua ngày sau, có dịp tạt qua làng đó, chính ta đây đã ghé vào cái nhà bất hạnh ấy. Thấy còn rơi rớt một chút bột trên mặt đất ta vội lăn mình trên bột, và bột ít quá nên sắc lông của ta mới trở màu vàng được có nửa phần thôi.

Than ôi ! Từ đó đến nay ta bôn tẩu khắp bốn phương trời xa lạ, lòng thầm ước dự một cuộc hiến tế vĩ đại thứ nhì, nhưng mà ngày tháng trôi đi, đã biết mấy thu mà ta chưa mãn nguyện. Thứ bột vàng quý ấy dường như đã tuyệt trên cảnh sắc Ta bà... Hiện thời, màu vàng lóng lánh chỉ nhuộm được nửa thân ta. Vì có đó ta quyết rằng đây chẳng phải là một cuộc hiến tế thích đáng.

Trích chính bản THANH NGUYỄN

Bổ thí là vị đồng tướng điều phục giặc xan tham.

Lời thệ nguyện

(Phỏng theo Kinh Địa Tạng bốn nguyện)

Đã hơn một tuần nhật rồi, vị Thánh nữ buồn rầu ủ ê, ăn không ngon miệng, ngủ không yên giấc, vì mẹ nàng vừa từ biệt cõi đời.

Gọi nàng là Thánh nữ, bởi vì nàng là một người tu hành đoan chánh, rất hiếu thảo với cha mẹ và tử tế với mọi người. Tuy nàng thuộc dòng dõi quý tộc Bà La Môn, song lại tu theo Phật giáo, ăn ở rất phúc hậu nên được nhân dân địa phương kính nể và mến phục mà tôn xưng là Thánh nữ.

Vị Thánh nữ thương mẹ lắm, song không phải là nàng thương vì mẹ nàng không còn ở cõi đời. Vốn là bậc tu hành chân chánh, nàng đã hiểu rõ lẽ sống chết như thế nào rồi. Đối với nàng, sự sống chết thật ra không làm cho nàng bị lụy xót xa cho lắm, nhưng nàng thương mẹ vì một lẽ khác.

Lúc còn sinh thời, mẹ nàng vốn theo ngoại đạo, tà giáo, không tin Phật pháp, không kính Tam bảo, không tin lẽ nhân quả, luân hồi, thường sát sanh hại vật, ăn ở tàn ác với mọi người, nói lời không chân thật... Đã nhiều lần, nàng cố sức khuyên can, mong phát huy chánh kiến cho mẹ, nhưng mẹ nàng không chịu tin theo.

Vì hiểu rõ lý luân hồi, nghiệp báo, nên nàng càng cảm thấy thương xót mẹ vô cùng. Nàng tin thế nào sau khi thác, mẹ nàng cũng bị đọa vào các đường ác như : Địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh chớ chẳng không.

Nghĩ như vậy, rồi hai hàng nước mắt chan hòa, lòng đau như cắt. Bỗng nhiên đôi mắt vị Thánh nữ sáng ngời, trước mắt nàng hình ảnh Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai hiện ra.

- Chỉ có Đức Phật mới có thể cứu được mẹ ta. Ta hãy cầu nguyện nơi Ngài.

Sáng hôm sau, khi vàng thái dương vừa ló dạng, muôn chim ca hát vui mừng chào đón ánh bình minh, vị Thánh nữ Bà La Môn thức dậy, nàng thu xếp hành trang và lễ vật, rồi khoan thai đi về phía chùa làng.

Sau khi dâng hương và lễ vật Thánh nữ ngược nhìn pho tượng Đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại

Vương Như Lai oai nghi rực rỡ. Bất giác, nàng phục xuống chân Ngài, trong lòng thốn thức.

Nàng tự nghĩ : "Phật là bậc Đại giác, đầy đủ trí tuệ. Song là bậc phước cho ta, nên không được gặp Ngài lúc Ngài còn trụ thế. Nếu lúc này Ngài còn tại thế, tất ta có thể hỏi được, mẹ ta bị dọa nơi nào ?".

Còn đang suy nghĩ chưa dứt, bỗng một làn gió thổi mạnh, ngọn nến lung linh. Văng vẳng bên tai Thánh nữ, như có ai nói tiếng rất ngọt ngào :

- Hỡi Thánh nữ đang khóc lóc kia, hãy nín đi và nghe đây, ta sẽ chỉ bảo cho nơi mẹ con bị dọa.

Bàng hoàng như vừa tỉnh giấc mộng, Thánh nữ ngạc nhiên và hướng lên không trung và bạch rằng :

- Chẳng hay vị thần linh nào ứng hiện, xin rủ lòng thương xót mà giải cho con tấm lòng lo âu. Từ khi mẹ con mất đến nay, ngày đêm thương xót, không biết mẹ con bị dọa vào ngã ác nào ?

Ở trên không lại có tiếng nói vang lên văng vẳng như tiếng chuông chiều :

- Hỡi Thánh nữ ! Ta đây chính là Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà con đang cúng dường và chiêm ngưỡng đó. Vì tấm lòng hiếu

thảo gấp mấy thường tình của con, nên ta mới bảo cho con biết.

Thánh nữ nghe nói khôn xiết vui mừng, liền chấp tay quỳ lạy. Đức Phật lại phán :

- Hỡi Thánh nữ Bà La Môn kia, sau khi cúng dường, hãy trở về tọa thiền nghiêm chỉnh mà niệm danh hiệu ta, thì sẽ thấy nơi mẹ con bị dọa.

Vì nóng lòng thương mẹ, Thánh nữ Bà La Môn vội vã làm lễ tạ Phật rồi ra về. Y theo lời Phật dạy, Thánh nữ trang hoàng bàn thờ Phật và đối trước tượng Phật, nài ngồi kiết già nghiêm chỉnh, miệng và tâm đều kính cần niệm danh hiệu Đức Phật Giác Hoa Định Tụ Tại Vương Như Lai luôn luôn không dứt.



Một bầu không khí mơ màng và trong ánh sáng bỗng hiện ra Thánh nữ Bà La Môn ung dung tiến bước đến một bờ biển mênh mông bát ngát. Nhưng lạ thay, nước biển lại sôi lên sùng sục. Trên mặt biển, làn sóng cuộn cuộn nhấp nhô rất nhiều thú dữ, hình dáng quái dị, hung ác, bay nhảy, bơi lặn tung tăng, tranh nhau xé xác hàng ngàn, hàng vạn người trôi nổi trong

đó, đàn ông có, đàn bà có, tiếng rên la khóc lóc vô cùng thảm thiết. Những cảnh tượng diễn ra vô cùng tàn ác, dã man, rùng rợn, không nỡ nhìn lâu. Tuy vậy Thánh nữ chỉ thấy thương xót cho những kẻ bị thú dữ ăn thịt đó thôi, chứ lòng nàng không cảm thấy sợ hãi chút nào.

- Lòng Thánh nữ rất phân vân về cái cảnh tàn sát ghê rợn ấy, nàng định tâm nếu gặp người nào sẽ hỏi cho rõ nguyên do !

Bỗng từ đằng xa đi lại một người hình dáng rất kỳ dị, cổ quái. Tới gần Thánh nữ, người kia vội vã chấp tay vái chào mà rằng :

- Mô Phật ! Bạch Bồ Tát, chẳng hay vì duyên gì mà Ngài lại tới đây ?

- Thánh nữ vô cùng ngạc nhiên về cách xưng hô của người kỳ dị kia. Nàng bèn hỏi lại :

- Mô Phật ! Chẳng hay Người là ai mà kêu tôi là Bồ Tát ?

Người kia mỉm cười đáp lại :

- Mô Phật ! Đệ tử là Quý Vương Vô Độc, cai quản cõi này nên được biết rõ : Vào được cõi này, chỉ có các bậc Bồ Tát hoặc các tội nhân mà thôi. Cứ nhìn cốt cách ung dung của Ngài thì biết ngay Ngài là bậc Bồ Tát mới đủ thần thông để chứng

kiến những cảnh ghê gớm ở chốn này mà chẳng chút sợ hãi.

Thánh nữ suy nghĩ giây lát, rồi hỏi Quý Vương Vô Độc :

- Vậy đây là chốn nào ?

- Bạch Bồ Tát ! Đây là từng bể thứ nhất về phía Tây núi Đại Thiết Vi.

- Phải chăng, trong núi Đại Thiết Vi là địa ngục ?

- Thưa vâng, trong núi Đại Thiết Vi quả có địa ngục ! - Tôi có việc muốn vào địa ngục có được chăng ?

Thánh nữ hỏi.

- Bạch Bồ Tát ! Muốn vào địa ngục chỉ có hai cách : Uy thần và nghiệp lực. Ngoài hai cách ấy thì chẳng bao giờ vào được. Hiện nay Bồ Tát đang nhờ sức niệm Phật nên có uy thần, có thể vào được, song tôi muốn hỏi Bồ Tát muốn vào địa ngục có duyên có chứ ?

Thánh nữ nghe Quý Vương Vô Độc hỏi, ngậm ngùi nhớ đến mẹ và liên tưởng đến những cực hình ghê gớm trong địa ngục. Nàng đáp :

- Tôi muốn đi tìm nơi mẹ tôi bị dọa. Mẹ tôi mới thác, không biết người bị dọa đến ngã nào ?

Quý Vương Vô Độc phân vân giấy lát, rồi hỏi Thánh nữ :

- Bạch Bồ Tát ! Dám hỏi mẹ Ngài khi còn trên dương thế, hạnh nghiệp thế nào ?

Thánh nữ gạt lệ đáp :

- Mẹ tôi vốn tin theo tà đạo, thường chê bai Tam bảo và tạo nhiều nghiệp dữ.

- Chẳng hay mẹ của Bồ Tát thuộc dòng dõi nào và tên họ là chi ?

- Cha mẹ tôi đều thuộc dòng dõi Bà La Môn. Cha tôi tên là Thi La Thiện Kiến, mẹ tôi là Duyệt Đế Lợi.

Thánh nữ vừa dứt lời, Quý Vương Vô Độc vội vã chấp tay đánh lễ Thánh nữ mà rằng :

- Mô Phật ! Bạch Bồ Tát ! Xin Bồ Tát chớ bi lụy nữa và hãy hoan hỷ trở về cho. Bà Duyệt Đế Lợi rất may mắn. Tuy bà có phạm nhiều tội ác bị đọa vào địa ngục Vô Gián, song nhờ lòng hiếu thảo của Bồ Tát, hết lòng tu phước, bố thí, cúng dường, nên đã được sanh lên cõi trời từ ba hôm nay rồi. Chẳng những một mình bà, mà tất cả những tội nhân trong địa ngục Vô Gián hôm ấy đều được hưởng chung sự vui sướng ấy cả.

Quý Vương Vô Độc vừa dứt lời. Thánh nữ vui sướng quá, bất giác ra khỏi cõi Thiên định. Nàng

bừng tỉnh đứng dậy, chạy lại trước bàn thờ Phật làm lễ và phát lời thệ nguyện rất to tát và chân thành :

- Con xin thề nguyện rằng mãi mãi về đời sau này, nếu còn chúng sanh nào có tội khổ, con sẽ mở rộng phép phương tiện mà giải thoát cho họ và con cũng thệ nguyện đời đời kiếp kiếp sẽ tu theo pháp của Phật, làm hạnh của Bồ Tát để độ hết chúng sanh và chỉ thành Phật khi nào hết thấy chúng sanh đều thành Phật.

Lời thệ nguyện vang lên như tiếng sắt chạm vào nhau, cương quyết và hùng mạnh, ghi sâu vào tâm khảm vị Thánh nữ chí hiếu và dư âm còn vang dội vào tâm tư muôn triệu tín đồ của Đức Phật trong muôn triệu thế hệ sau này.

Vị Thánh nữ nói trên là tiên thân ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Y. CHU NGUYỄN LONG TIẾP

Đôi đường nhân hiếu vẹn hóa đời,
Vững vạc gương soi ước vạn đời.
Tích trượng phá tan bao cửa ngục,
Minh châu chiếu sáng mọi chân trời.
Độ sanh nhiều kiếp không sòn dạ,
Cứu mẹ hai phen thật hiếm người.
Bể khổ ví còn chưa tát cạn,
Cần thuyền tế độ vẫn còn bơi.

Cái đuôi chó xoắn ruột gà

Ngày xưa, có một anh rất nghèo, cùng quần đến mức không tiền mua vật thực để sống lây lất với vợ con dưới mái tranh xơ xác.

Ngày kia, đang lúc than van số phận hẩm hiu cùng vợ, anh ta chợt nhớ có nghe ông bà thuật rằng : "Ai có phước nhờ thần linh phù trợ thì được cấp vô số bạc tiền". Do đó, anh bèn thành tâm cầu Trời khẩn Phật ban cho cái phúc hy hữu. Khẩn vái xong, anh bèn cất bước ra đi khỏi làng, lang thang cùng rừng khắp núi.

Rồi một buổi sáng nọ, bước chân đưa anh ta đến gần một đồng đá cheo leo dựa trên non, kê bên một vực thẳm. Một dị nhân đang ngồi luyện phép. Anh ta sụp lạy lia lịa, xin ban cho mình một vị Thần linh. Thấy lạ, dị nhân mới hỏi có sự.

- Bạch Thầy ! Con xin thỉnh một vị Thần linh, mong Thầy thương xót mà ban cho ân huệ đó.

- Người chó khá nghĩ đến chuyện ấy ! Trở về

đi ! Bữa sau anh nghèo lại tìm đến than van, quỳ lạy dị nhân, cố sức nài nỉ thỉnh cho được một vị thần linh. Chung cuộc bị khuấy rầy quá, tham thiền không được, dị nhân buộc lòng phải nhận lời thỉnh cầu và nói rằng :

- Thôi, ta cho người phép này ! Hễ đọc câu thần chú của ta truyền thì Thần linh hiển hiện và thi hành mọi việc người xin. Nhưng người phải rằm nhớ kỷ lời ta dặn mới được ! Là các Thần linh thì hung tợn lắm. Phải cất việc cho Thần linh mới thi người mới yên thân, nhược bằng không có việc để cho Thần ở không, thì Thần vạ người lập tức.

- Bạch Thầy, việc đó không sao cả. Tôi sẽ cậy Thần làm việc suốt đời không hết.

Xong đầu đó, anh ta quảy trở xuống núi, băng vô rừng sâu, lập đi lập lại câu thần chú cho thuộc lòng. Nào ngờ thỉnh linh một vị Thần hiển hiện trước mắt. Thần khổng lồ, hình thù dữ tợn, quát lớn rằng :

- Ta là Thần linh ! Phải cất việc lập tức ! Để ta rồi, ta nuốt sống ăn tươi ! - Dâng một tòa cung điện !

- Xong cả !

- Đem vàng bạc đây !

- Đủ hết rồi đó !

- Phá rừng này dựng lên một đô thị !

- Đã hoàn thành !

Đến đây chàng ta phát sợ, run lập cập, nghĩ thầm : "Biết cốt việc chi bây giờ ? Làm như nháy mắt, ai xây trở lại cho kịp".

- Cắt việc cho mau ! Không thì ta nuốt sống !

Chàng ta hoảng hốt, không việc chi mà cắt, tức tốc chạy nhào lên động đá, quỳ lạy dị nhân, cầu xin cứu mạng.

- Chuyện chi vậy ?

- Bạch Thầy, thần lệ quá. Không còn việc đòi nuốt tôi.

Chàng ta vừa dứt lời thì Thần hiện đến ngay, toan nuốt sống, làm gã kinh hồn, chạy núp sau lưng dị nhân.

- Thôi, ta chỉ cho một cách. Con chó này có cái đuôi xoắn ruột gà. Người lấy dao chặt đuôi nó, giao cho Thần uốn lại cho thẳng, mau đi !

Hắn lật dật chặt đuôi chó trao liền cho Thần. - "Kéo ra ngay". Thần lãnh lấy đuôi chó, rón vuốt cho ngay, rồi buông ra thì đuôi xoắn lại như cũ. Thần lại vuốt đuôi chó lần thứ nhì rồi buông ra thì

đuôi chó cũng xoắn lại in như lần trước. Làm lại, làm lại mãi, làm như thế ấy trong bao nhiêu lần không kể xiết... Sau cùng, Thần bị kiệt sức, chịu thua, nói lên rằng : "Bình sinh ta chưa hề gặp việc nào khó khăn như vậy ! Ta chẳng phải bất tài, nhưng cái việc này thì ta chịu thua !"

Trích chính bản THIÊN NGUYÊN

Cuộc đời nào khác chỉ cái đuôi chó xoắn ruột gà ! Đã bao thế kỷ lần trôi, con người vẫn rán sức uốn cái đuôi chó xoắn lại cho ngay, mà nó không thể nào ngay được cả. Buông ra, nó xoắn lại. Trò đời vẫn éo le, tình người vẫn đen bạc, kẻ đi trước phải học lấy bài học kinh nghiệm ấy, rồi người đi sau cũng khinh suất mà sa ngã vào cạm bẫy của dục tình.

Thử lòng

Vui thay sáng lạng cả trời,

Hoa đàm đã nở rạng ngời khắp nơi.

Đại từ Đức Phật ra đời,

Dem thuyền Bát nhã độ người trầm luân.

Thiều quang chói lọi cõi trần.

Hỡi ai có biết Hồng Ân gần kề

Ca di "Ánh sáng đã về..."

Tiếng hát trong thanh ấy, dường như ở tận cõi trời xa đưa lại, bay lác trong gió thoảng lạnh lạnh dội từ rừng này sang rừng khác, từ non cao đến đồng thẳm, từ biển cả đến đồng bằng, chẳng chỗ nào mà không nghe cái nhạc diệu thần tiên ấy.

Từng đàn bướm cánh vàng, xanh đỏ tím bay liệng nhón nhở, rập rờn trên cánh hoa thắm, từng đàn chim non riu rít ở trên cành cây, từng đàn sóc xinh đẹp ranh mãnh rượt bắt nhau le

làng trên cổ thụ, cả thầy đều chuyển nhau cái tin mừng qua kẻ lá.

Những điệu nhạc du dương, những âm thanh đều đặn như diu dặt ở mấy tầng không vang động những làn sóng điện của bể trần.

Chúng sanh ơi ! Đấng giải thoát đã đến rồi. Đi ! Ta hãy đi cùng về phía Nam dãy núi Hy Mã Lạp Sơn để nhờ Ngài giác ngộ. Tạo vật tung bừng vừa mới tái sinh. Trên trời sương mù đã tan hẳn. Vùng thái dương ẩn hiện sau đám mây thưa chiếu ánh sáng huy hoàng trong khoảng không gian trong tạnh. Lòng người như cảm thấy một đêm lạnh, một ánh sáng thiêng liêng để phá tan bóng tối của cõi đời.

Những cánh hoa sắp héo bỗng đổi màu tươi thắm, những vòm lá úa vàng bỗng chuyển sang màu xanh biếc, nhưng cái ảnh hưởng huyền diệu nhất của ánh sáng này là nó biến đổi lòng người trong nháy mắt : Con người cảm thấy mình tốt đẹp hơn và cao thượng hơn. Kẻ sát nhân bỗng ghê rợn bàn tay đầm máu của mình, bèn ăn năn hối tiếc. Chị bán hàng đang cân thiếu bỗng giật mình không dám gian lận nữa. Người đau yếu mỉm cười trên giường bệnh, cách hẳn tiếng rên than và nghe lòng mình ấm dịu, reo nhảy một nguồn vui. Kẻ sắp lìa trần không còn sợ hãi mà được an tĩnh

và đây hy-vọng. Người giàu sang vương giả không còn thiết tha cảnh vào đái ra các, dâm ra chán nản mùi phú quý hồng trần, muốn tìm đường thiêng liêng giải thoát để độ rỗi linh hồn.

*

Ngày hôm ấy, khi vầng ô vừa gác non đoài, bóng hoàng hôn hiện giữa rừng sâu rung động chập chờn trong làn gió lạnh. Rải rác ở cánh đồng cô lục, vài ba chú nông phu với cặp bò vàng đi về phía chận đôi xanh biếc. Giữa cảnh rừng hoang tĩnh mịch, thỉnh thoảng lắng chìm những tiếng rù nhàu về tổ. Trên núi Tuyết, gió lạnh từ xa thổi đến ngạt ngào hương thơm của trăm thứ hoa rừng, xen lẫn mùi ngọt dịu của trái chín muồi.

Dưới cội Bồ Đề hùng vĩ, Đức Phật Thích Ca đang ngồi kiết già, trầm tư mặc tượng, chân xếp bằng, tay để trên gối, đầu ngay thẳng, Ngài ngồi tham thiền yên lặng như pho tượng đá. Trong cõi âm u tĩnh mịch, hào quang Đức Phật tỏa sáng, rực rỡ cõi trời, và ân huệ của Ngài cũng ban ra khắp chốn, thỉnh thoảng vài con sóc vàng nhảy lên về Ngài, vài con bạch điểu xinh tươi nghiêng đầu vào cánh tay Ngài như mong chờ mơn trớn. Cái không khí thiêng liêng tràn đầy bác ái, khiến cho kẻ nào

thiếu đức tin đi ngang qua đó cũng phải cúi đầu quỳ gối kính phục, như những thú rừng hung dữ kia, mà khi đến gần Ngài cũng hóa ra hiền lành và kính sợ !

Nhưng kìa con nai cái đang nằm úm con dưới áo Ngài, lại ngược mõm lên ngửi trên không một cách lạ thường, dường như có linh tính đoán trước sẽ xảy ra chuyện gì. Một tiếng động rập rình ở tận phương xa đưa lại. Rồi kế tiếp tiếng nện gót giày một cách vội vàng trên mặt đất rêu xanh. Làm xáo xạc cây cỏ phá tan sự tĩnh mịch của cảnh rừng im lặng. Đi đâu là một vị thiếu niên anh tuấn, ăn mặc xênh xoang điểm lệ, đeo ngọc ngà châu báu khắp mình, xăm xăm đi lại chỗ Đức Phật. Trước vẻ uy nghiêm, an tĩnh và hiền lành của Đức Phật, chàng bỗng khiếp sợ, vội vàng quỳ mọp xuống chân Ngài một hồi lâu. Khi đứng dậy hết sức cung kính. Trong khi đó Đức Phật vẫn ngồi điềm nhiên như không có gì xảy ra. Nhưng trong cặp mắt Ngài cũng nảy ra một tia sáng dịu dàng chứa chan vẻ từ bi bác ái.

Chàng thiếu niên ấy nói :

"Bạch Đức Thế Tôn, con xin kính lạy Ngài. Con ở tận xứ xa, từ nước Cam Sa Ba, trải qua ngàn dặm xuyên sơn mới tới đây. Con là Đồng cung Thái tử Djeta đến xin Ngài một chút an lành. Đức Thế

Tôn ơi ! Từ khi con nghe đặng thanh danh Ngài, con không còn an nghỉ đặng nữa. Cung điện nhà vua, kho vàng lẫn bạc, hoàng thân quốc thích cho đến mỹ nữ cung phi nhận sắc tuyệt trần cũng không làm con phi dạ. Cái bã đĩnh chung mùi phú quý hết làm cho con say đắm nữa. Con muốn tìm cái gì cao thượng hơn, trường cửu hơn và thiêng liêng hơn. Lạy Đức Thế Tôn, con xin Ngài chỉ giáo cho con và thâu con làm đệ tử. Ôn đức ấy ngàn năm con nguyện khắc cốt ghi tâm".

Đức Phật vẫn điềm nhiên trầm tĩnh, không thốt một lời nào, Ngài nhìn Thái tử một cách dịu dàng hiền lành và thương xót.

Thái tử nói tiếp :

- Đức Thế Tôn ơi ! Xin Ngài huệ cố chỉ dạy cho con rõ, xin Ngài hỷ xả cho con biết, con có xứng đáng cái đặc ân này chăng ?

Bạch Đức Thế Tôn ! Từ khi còn bé, con đã giữ mình tinh khiết, con tập làm lành lánh dữ thuận với luật trời. Con giữ vẹn cang thường đạo lý, sớm công phu chiêu bát sám, hằng xem kinh sách trau mình. Những hành vi của con như thế Ngài cũng đã rõ lắm rồi. Vậy Ngài cho con biết : Con có đủ tư cách làm người đệ tử chăng ?

Đức Phật chỉ đáp vồn vồn rằng : "Không".

Thái tử Djêta lấy làm thất vọng, buồn rầu bạch rằng :

- Lay Đức Thế Tôn, vậy con phải làm sao mới đặng ? Con cúi xin Ngài phán cho con rõ, con nguyện sẽ đem tất cả bình sanh chí lực tuân theo, hầu được Ngài hạ cố thâu con làm đệ tử.

- Con tự tìm lấy... rồi con sẽ rõ.

- Ôi ! Con biết tìm cái gì bây giờ ?

Hoàng tử nói với giọng đau thương rung cảm vô ngần, nhưng Đức Phật vẫn giữ vẻ mặt điềm nhiên lặng lẽ...

Hoàng tử mới tiếp rằng :

- Bạch Đức Thế Tôn cao cả ! Vậy thì để con tự tìm lấy. Có lẽ Ngài muốn thử lòng con ?

Đức Phật nói : "Phải".

- Bạch Đức Thế Tôn, bao giờ Ngài cho phép con trở lại hầu Ngài nữa ?

- Bảy trăng sau mùa mưa này.

Thái tử Djêta lặng lẽ mọp xuống một lần nữa, hồi lâu rồi mới từ từ đứng dậy, chậm rãi ra đi. Đoàn quân hộ tống khuất dạng trong đêm khuya. Thanh khí nhẹ nhàng trở lại dần từ phía. Mảnh trăng rằm treo lơ lửng trên những chóp núi cao

đầy tuyết phủ. Những dòng ánh sáng trắng màu sữa chảy lóng dài trên không gian tĩnh mịch. Muôn sao nhấp nháy kết thành ngàn chuỗi hạt kim cương... Rừng đêm khuya lặng lẽ như tờ. Dưới cội Bồ Đề Đức Phật cứ mãi tham thiền, đưa tâm linh lên tận cõi Niết Bàn Cực Lạc. Con nai cái hiền lành tựa đầu lên gối Ngài lim dim đôi mắt.

Bảy trăng vừa qua, ngày kỳ hạn đã đến, cũng dưới cội Bồ Đề, cũng tại mé rừng hoang ấy, Đức Phật đang chờ đợi...

Mặt trời đã chen lặn ửng đỏ một vùng phía tây rồi dần dần biến ra màu xám sẫm.

Từ phương Đông mây đen kịt nặng trĩu đủ các hình kỳ quái kéo đến. Bỗng chớp nhoáng, sấm sét vang động, gió thổi mỗi lúc mỗi mạnh, cành cây oằn oại lá cuốn bụi bay, cả thảy đều báo tin trận bão to sắp đến. Thú rừng xôn xao rạo rức, tìm nơi ẩn trú. Chim từng đàn bay núp dưới cội Bồ Đề, kêu líu lo riu rít ra dáng hãi hùng. Một con beo cái chui vào chân Phật, điềm nhiên an tĩnh như không biết cảnh giông tố bên ngoài.

Mưa bắt đầu tuôn xuống, nước chảy ào ào như lở núi, lở non gió thổi mạnh kêu vi vút xô ngã nhiều cây đại thụ. Thật là đáng khiếp. Nhưng cảnh bão bùng sấm sét hiểm nguy như thế không

cường chế được cái nghị lực bên trong. Đúng giờ kỳ hẹn, Thái tử Djeta đã quỳ dưới chân Phật. Rồi vì rét mướt, vì cảm động Thái tử lảng lảng giây lâu mới bạch rằng :

- Bạch Đức Thế Tôn, con đếm từng ngày đợi cái buổi hạnh phúc hôm nay. Đối với lòng con mong mỗi thấy thời gian qua rất chậm và hôm nay. Ôi ! Giờ phút thiêng liêng đã đến sung sướng cho con biết đường nào ! Bạch Đức Thế Tôn ! Từ khi con vâng lệnh Ngài về nước, con ráng đời mài đạo đức, con giữ mình khiết bạch, chịu khổ hạnh nhiều bề : Ăn không dám no, ngủ không dám ngủ kỹ, để kiểm xác thân. Con buộc mình thức khuya dậy sớm, tham thiền, sửa tánh để ăn năn sám hối. Vậy hôm nay Ngài có bằng lòng thâu con làm đệ tử chăng ?

Đức Phật trả lời : "Không".

Vừa nghe lời vắn tắt này Djeta rất đổi kinh hoàng, ghen ngào rưng rưng giọt lệ vén áo lên chùi với bao nỗi thất vọng. Hoàng tử lảng lảng một hồi lâu, mới lập cập bạch rằng :

- Kính lạy Đức Thế Tôn ! Xin Ngài mở lòng từ bi bác ái thương xót con, cho con hiểu làm sao con không được Ngài thâu làm đệ tử. Đức Thế Tôn ơi ! Xin Ngài giải rõ cho con nhờ.

Trong lúc ấy, con beo cái ngẩng đầu lên ngó Hoàng tử mà hàm hừ, Đức Phật đưa tay vuốt ve nó. Lúc bấy giờ sấm sét đã dứt, mây tan mưa tạnh, cảnh vật trở lại êm đềm như cũ, tựa hồ như để lắng nghe lời Phật dạy :

- Này Hoàng tử cao quý ơi ! Những sự thù lòng mà ta mong chờ ở con chẳng phải thuộc bên ngoài, mà chính về cõi tâm tình của con. Vậy ta chẳng biểu con bỏ vợ và cung phi mỹ nữ đâu. Ta chẳng biểu con ly gia đình, cắt ái để hủy bỏ cuộc đời xuân xanh lạc thú của con đâu. Ta nào bắt con chịu khổ hạnh để ép mình trì giới.

- Không, không đâu. Ta không muốn con dứt bỏ những gì bên ngoài trong khi tâm con còn vương vấn những cái không hay.

Bởi kiếp xưa con vụng đường tu, gây ra nghiệp chướng nặng nề, kiếp này tự nhiên con phải trả... Nhưng khi con đứng trước sự thù lòng khó khăn kia, thì con không có đủ nghị lực để thắng nó ! Con đã sa ngã một cách si nhục, uơ hèn mà con không hay. Vậy con hãy trở lại đền vua làm người đạo đời suông, chớ những cách hành thiện của con vừa kể đó, không chứng tỏ rằng con có đủ điều kiện để làm người đệ tử.

Nghe dứt mấy lời Phật nói, Hoàng tử Djêta như sét đánh vào tai, vừa thắm đạm vừa hổ thẹn mà bạch rằng :

- Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài từ bi chỉ cho con rõ : Con sa ngã ở chỗ nào ? Nói ra càng thêm thẹn cho con. Nhưng con muốn biết để ăn năn sửa mình.

Đức Phật dạy : Được, con hãy lắng tai nghe ! -
Điều thứ nhất : Con phẫn nộ khi người ta vu cáo con.

Này, Hoàng tử cao quý ơi ! Con hãy nhớ lại một khi kia, tại triều đình của phụ vương con có người vu cáo con một chuyện để mưu đồ đoạt ngôi vị của con. Đó là một thử lòng đến cho con, đối phó cách nào cho xứng đáng là người đệ tử Phật. Mà rồi con không bình tĩnh đợi chờ cái ánh sáng chơn lý đến chứng tỏ kẻ ngay người gian, hoặc giả con chịu ô nhục chuốc lấy sự vu oan một cách nhẫn nại và từ tâm, để trả lại cho rồi cái quả báo kiếp xưa mà con đã gây ra. Trái lại con lại thối thoát, con nhứt quyết minh oan cho bằng được và con lại còn phẫn nộ lời đình nữa. Đó là sự sa ngã thứ nhất của con.

Hoàng tử Djêta xanh mặt đáp rằng :

- Bạch Đức Thế Tôn ! Nếu con biết đó là nghiệp chướng tiền khiên thì ắt con đã vui lòng cam chịu

sự nhục ấy rồi. Nhưng vì con còn vô minh, phải có bốn phạm minh oan, trước cứu danh giá cho mình, sau cho Hoàng tộc mình.

- Này Hoàng tử ! Người thiện nhân ở đời bao giờ cũng có quyền phản kháng và minh oan cho mình khi mình bị vu cáo. Nhưng kẻ tu hành muốn bước chân vào đường Đạo và muốn làm môn đồ nhà Phật thì phải làm thỉnh cam chịu nổi bất công xảy đến riêng cho mình. Bởi vì kẻ nào sống với tình thần rồi thì những sự vật bên ngoài như danh giá, giàu sang, thế lực... không còn trọng đại nữa. Chúng nó chỉ có giá trị tương đối với đời sống tạm mà thôi. Con hãy tin chắc rằng : Trên đời này chẳng có sự ngẫu nhiên đâu, ta sướng hay cực, ta được người thương hay bị người ghét, ta giàu sang hay hèn hạ đều do duyên lành hay quả xấu của ta đã gây ra nghiệp báo. Bởi vì thiên địa chí công và không bao giờ hữu nhân mà vô quả đặng. Người học đạo nên đợi một cách lãnh đạm cái mảo vinh hoa hay ô nhục, và luôn luôn bình tĩnh, tâm không xao động : Chẳng khinh bên nào mà chẳng trọng bên nào. Khi con bước chân vào nền vương giả tâm con cũng phải giữ mực quân bình như con đến chốn lều tranh vách đất. Con chớ vì ngoại cảnh mà khinh hay trọng.

Hoàng tử Djêta cúi đầu bái phục.

Dức Phật dạy tiếp :

- Điều thứ hai : Con sa ngã vì cái ích kỷ. Con ích kỷ trong tình thương. Con rất yêu mến một người bạn tên là Da Sa (Jachas) chẳng khác gì con. Tình thương ấy là do nhơn duyên kiếp trước mà tạo thành.

Rồi có một ngày kia, có một người lạ mặt tên là Ba Ti Ca (Batika) đến tại triều của phụ vương con cậy Da Sa làm một việc ý con không muốn. Và khi người xin kết nghĩa kim bằng với bạn con, con lại ghen tức. Đó là cơn giông tố đã xảy ra ở trong lòng con mà người ngoài đâu biết dạng ! Đáng lẽ con phải có đủ can đảm để chống chọi lại tính xấu của con, đáng lẽ con phải ôm lòng chịu lẽ loi và ráng nhổ tận gốc những cỏ xấu đang xâm chiếm lòng con. Đáng lẽ con phải thương Da Sa chớ chẳng phải thương để chiếm lấy một mình, nhưng con lại dăm ra uất ức buồn rầu, con tìm cách ngăn cản không cho bạn con thân thiện với kẻ khác. Và từ đấy trong lòng con đã nhen nhúm lửa phiền ghen hận ! Đó là điều con sa ngã lần thứ hai vậy.

- Bạch Đức Thế Tôn, sở dĩ con không muốn Ba Ti Ca kết bạn với Da Sa vì con biết y lợi dụng bạn con, y vì tư lợi, chứ chẳng phải vì tình thương. Con thầm nghĩ con có bốn phận bảo hộ bạn con, khỏi lâm vào cạm bẫy đó thôi.

Đức Phật trả lời :

- Này Hoàng tử cao quý ơi ! Với tai phàm mắt thịt, với thất tình lục dục của con, con làm sao đoán người trúng đặng ? Làm sao con dám quả quyết rằng : Ba Ti Ca vì tư lợi ?

Con phải đề phòng sắc tướng bên ngoài nó gạt gẫm ngũ quan con, làm cho con đã vô minh càng thêm vô minh hơn nữa. Và lại người học đạo nên biết người mà không tìm thấy tật xấu của người, chỉ lưu ý đến tánh tốt mà thôi. Ví dầu con có đoán trúng đi nữa thì cái tính tư lợi kia sẽ không vì thời gian mà để lại tính chơn chánh hay sao ?

Hoàng tử con ơi ! Người thiện hơn ngoài xã hội có quyền bảo vệ tình yêu của họ để cho họ thường thức đến mãi đời, chứ người đã xả thân cầu đạo và muốn làm đệ tử Phật Tiên thì phải dứt bỏ cả mọi điều, cho chí tình yêu độc nhất cũng vậy, và phải nhớ trong lòng mình những rổ nhuộm máu của sự ghen ghét và ích kỷ. Hơn nữa, người ấy phải ôm chân, không than van phiền muộn, sự phân bội và bất trung của người thân yêu nhất đời. Con ơi ! Chẳng phải người học đạo nên đặt chữ thương như nhiều người lầm tưởng mà trái lại nên rộng lòng bác ái, yêu thương một cách vị tha không mảy gì ích kỷ. Tình thương chân chính là nấc thang đưa con đến đài minh triết muôn đời.

Hỡi hoàng tử, những của tiền phụ vương con, những sự vui sướng về nhục dục không làm cho con ưa thích nữa vì lẽ con đã hưởng rồi, con dám ra chán ngán, chớ chẳng phải công trạng gì mà con kể.

Hoặc giả con muốn dứt bỏ cảnh phú quý để tồn mình hơn người chớ có giá trị gì. Còn trước các công đức vĩ đại này, mà duyên may đã đưa đến cho con. Con lại thiếu can đảm, thiếu nghị lực để khoác trên thân chiếc áo hy sinh thật sự, một mảnh chiến bào bác ái, cứ cho ra mãi không trông mong hồi đáp.

Hoàng tử Djeta bèn bạch rằng :

- Lạy Đức Thế Tôn, xin Ngài mở lòng từ bi, giảng thêm cho con nghe nữa ! Xin Ngài hãy làm cho con thêm thẹn nhục để con được thức tỉnh mà ăn năn những sự lầm lạc, chiếc màn vô minh tự đám mây đang phủ kín phần hồn con, làm cho con ở trong cảnh đêm tối hơn giữa đêm khuya.

Đức Phật dạy tiếp :

- Hỡi Hoàng tử cao quý ! Điều con sa ngã thứ ba là vì con thiếu lòng nhân ái : Nan Đà (NanĐa) một vị thứ phi của con đã làm nên tội trạng : Vì tánh lăng loàn, con không cảm xót sự ngây thơ khờ dại của nàng, con đành nhẫn tâm mặt sát rồi xô đuổi

ra khỏi hoàng cung. Vô cùng tủi nhục, nàng van lơn khóc lóc, lạy lục xin tha thứ nhưng con cũng đành nhắm mắt trừng trị thẳng tay. Tại sao không mở rộng chút lòng hơn, để khoan dung tội lỗi. Biết đâu chừng trước sự cao thượng của con, trước dạ từ bi bác ái của con, con sẽ cảm hóa đặng nàng, và sẽ đem nàng lại con đường ngay chánh ?

Thái tử bạch rằng :

- Bạch Đức Thế Tôn ! Con biết làm cách nào hơn bây giờ ?

Nàng Nan Đà đã dơ danh xú tiết, nếu con còn giữ nàng lại ngôi vị xưa, thì tự nhiên con bôi lọ danh giá của Hoàng gia và của con nữa. Nếu con cứ điềm nhiên trước sự lỗ lã ấy, có phải con làm bại hoại luân thường đạo lý của xứ con chăng ?

Đức Phật nói :

- Hỡi Hoàng tử Djêta ! Ta phải cần lập lại với con nữa sao ?

Người thiện hơn ở đời có thể nghĩ đến quyền lợi mình và tự do thưởng phạt cùng phán đoán theo lý trí mình. Nhưng người đã bước chân vào đạo rồi, thì không được xét xử ai, phải tìm hiểu để mà tha thứ, chớ chẳng phải để kết án. Con cứ tưởng con là riêng biệt với kẻ điên cuồng tội lỗi.

Họ chính là con đó, mặc dầu còn ở hạng thấp kém hơn con.

Nhưng nếu con nghĩ rằng : Con không liên đới một người hoặc một vật khác, tức là con đã tạo ra một nghiệp quả, nó sẽ buộc con với vật đó, hoặc người đó cho tới chừng mà con cảm thấy sự duy nhất của vạn vật mới thôi. Con nên nhớ rằng : Tội lỗi và nhục nhã của thế gian là tội lỗi và nhục nhã của con, bởi vì con vốn là một phần tử của thế gian. Nghiệp quả của con, vốn dết chặt với nghiệp chung của nhân loại. Và trước khi con được giác ngộ, con phải trải qua mọi chỗ dơ, cũng như mọi chỗ sạch. Cái áo dơ mà bây giờ con gồm, có thể là cái áo của con hôm qua hoặc ngày mai. Và nếu con tỏ vẻ nhõm gồm thì khi đặt lên vai con, nó sẽ siết chặt lấy con hơn nữa.

Vậy người đạo đức thật sự bao giờ cũng để ý tìm những lý do để châm chế và tha thứ, hơn là để vạch lỗi người. Cái tâm họ chứa chan nguồn bác ái, từ bi đối với nhân loại nhiều hơn là những giọt nước mắt trong biển cả, hơn là những hạt cát trên đồng sa mạc.

Sự thanh bạch là gì ?

Chẳng qua là một cái đức đó thôi.

Người tu hành không nên lấy sự thanh bạch

làm nền đạo riêng của mình, lắm khi sự thanh bạch làm trở ngại bước đường tinh thần của mình, nếu nó không đi đôi với tình bác ái từ bi, và nó sẽ dẫn ta đến chỗ kiêu căng và tự phụ, đến chỗ lãnh đạm trước sự đau khổ của người đời. Như thế sự thanh bạch chỉ là một cái bóng không hồn đó thôi. Này Hoàng tử Djeta ơi ! Trong khi nhàn hạ, con có bao giờ nhìn lên chót núi Hy Mã Lạp Sơn lúc mặt trời sắp lặn chẳng ? Con có thấy đỉnh núi đầy tuyết phủ sừng sững giữa bầu trời xanh biếc chẳng ? Núi thật oai nghiêm, hùng vĩ, nhưng bốn mùa lạnh như đông.

Ồi ! Cái cảnh ấy quá tiêu sơ, lạnh lùng âm đạm. Không ngày nào khi có ánh sáng chiều ấm áp vừa dịu dàng, chiếu ngay vào, thì cái cảnh buồn tênh, náo nức kia, lại bỗng hóa ra linh động, rực rỡ và đẹp để phi phàm. Tạo vật trở nên mỹ tú kỳ quan làm cho ta ngoạn mục và phơi phới tấm lòng.

Sự thanh bạch mà thiếu lòng nhân ái, thì có khác gì chót núi đầy tuyết phủ, lạnh lùng lãnh đạm, trông tê ngắt như xác không hồn. Còn sự thanh bạch mà đi đôi với lòng nhân ái thì có khác gì suối thần hề chảy tới đâu là vạn vật hơn hờ vui mừng tới đó.

Thái tử Djeta đem hết tinh thần nghe Phật giảng không sót một lời nào. Trong lòng rất hồ thẹn, ăn năn, cứ quỳ gối mà bạch rằng :

- Lạy Đức Chí Tôn ! Con xin Ngài cho con cái đặc ân gặp Ngài một lần nữa, để con ráng sửa mình cho hợp với lý đạo. Bây giờ con đã biết làm cách nào cho Ngài vui lòng rồi.

Đức Phật từ bi dịu dàng đáp :

- Ta bằng lòng.

Đoạn Ngài nhìn Thái tử Djeta với nụ cười tươi dịu, chứa chan tình thương...

Cặp mắt hiền lành của Ngài bỗng chói lên như ngôi tinh đầu, lóng lánh rạng ngời, sáng khắp cả rừng, làm cỏ hoa hớn hờ chim chóc liú lo giữa đêm khuya như buổi bình minh vậy.

Trời đất tối đen như mực, xa xa đoàn quân hộ giá đốt đuốc dẫn đường, theo sau là Hoàng tử Djeta là chân chậm rãi, trong trí còn văng vẳng lời vàng tiếng ngọc của Đức Phật từ bi. Ra khỏi rừng thì trời đã sáng. Hoàng tử cùng đoàn tùy tùng lên đường trở về nước Cam Sa Ba. Làn sương mờ đục đêm hôm đã tan dần trong không khí nhẹ. Nơi phương Đông một dãy mây hồng nhạt nằm ngang chân trời xanh, phút chốc lại lan rộng ra và đổi màu đỏ ra màu da cam. Rồi bỗng vụt biến sau những tia sáng rực rỡ thành hình ré quạt. Vàng ó đã mọc, cảnh vật trở nên trong sáng tung bừng với những màu tươi thắm, vang động những

tiếng chim muông đón chào buổi bình minh
ngọn mục.

Lúc bấy giờ trong chốn rừng xanh tĩnh mịch,
dưới cội Bồ Đề, Đức Phật Thích Ca vẫn ngồi yên
như pho tượng.



Khi Hoàng tử Djeta hồi trào gặp lúc vua cha lâm
bệnh nặng, Ngài lên cầm quyền thống trị, lấy sự
công bằng và nhơn ái làm căn bản.

Trước nhất Ngài ban tước lộc cho Da Sa và Ba
Tì Ca.

Ngài truyền cất cho hai người hai cái cung điện
đẹp để khít nhau cho đôi bạn được ở gần. Ngài lại
cho người tìm vị thứ phi Nan Đà rước về hoàng
cung ở với Ngài.

Khi tất cả triều đình và các vị cự thần hay tin
Thái tử Djeta phục chức năng Nan Đà thì như bị
sét đánh ngang tai họ hết sức kinh ngạc, họ mới
sỉ tiểu dèm pha và khiển trách Ngài thậm tệ.

Thái tử Djeta còn giảm thuế cho dân và thả tội
nhân. Ngài bãi bỏ những sự dị đoan mê tín. Tuy
những sự cải cách sửa sang việc nước được công

binh và nhân ái. Nhưng vì quá đột ngột nên Hoàng tử không tránh khỏi lời dèm siểm của triều đình và dân chúng. Họ nói Ngài quá lạm quyền, bỏ chế độ quốc gia, phá hoại phong tục nước nhà, khuyến khích sự loạn luân...

Hoàng tử giả mặt nạ, tai điếc, trầm tĩnh và yên lặng trước sự sỉ tiểu cũng như trước sự khen ngợi. Ngài thấy mình đang trải qua của sự thử lòng để tiến tới, bằng phải động lại thì sẽ thất bại như mấy lần kia. Ngài nhớ rằng : Nếu muốn đến chỗ toàn thắng lợi, trước nhất phải chịu lao khổ. Mỗi mũi gai đâm vào chân làm rướm máu là mỗi lần bước kè ngôi vị thiêng liêng. Người muốn đi xa trên con đường đạo thì phải làm chủ lòng mình và phải tìm trong thâm tâm cái gốc rễ của sự quấy, dặng diệt tận gốc nó đi. Sự quấy cũng sống và đâm chồi mọc rễ trong tâm của người chân tu cũng như trong tâm của các bậc thượng nhân, nếu ta không cương quyết thì làm sao thắng nó dặng. Nó là một thứ cây cứ sống và cứ lớn mà kiếp này sang kiếp khác. Và nó chỉ đơm bông khi nào con người đã thu thập nhiều sự kinh nghiệm của muôn kiếp luân hồi. Và lại trong kinh cổ điển đã có nói như vậy : "Gốc rễ của tật xấu mọc tận thâm tâm con người, nếu ta nhổ nó đi, thì tâm ta phải rướm máu và đời sống của ta dường như tan rã ! Nhưng đó là

một cuộc thử lòng ta phải trải qua. Nó có thể xảy ra ở nấc đầu hay cuối thang Minh Triết để đưa ta đến con đường sống thật, ta phải tập trung tất cả lực lượng của tâm hồn vào đó mới được".

Trong khi thái tử Djêta thấy đang cái chân lý vĩ đại này, thì có một phái bí mật lập ra để đánh đổ Ngài do em ruột Ngài chủ mưu. Họ họp nhau để tìm mưu thần chúc quỷ lật Ngài đang đem em Ngài lên thay thế. Họ phủ dụ quần chúng : "Hoàng tử Djêta độc tài. Những sự cải cách của Ngài sẽ làm cho nước Cam Sa Ba mắc phải vòng nước lửa binh đao và sẽ đi đến chỗ diệt vong". Họ lại còn phao rằng : "Thái tử mê tín dị đoan nghe lời một vị ác Tăng khét tiếng tại thành phố Cam Sa Ba làm cho nước nhà rối loạn và đã bãi bỏ nhiều quốc luật lưu truyền từ cổ chí kim, cốt ý để lập ra một cái tôn giáo phù thủy !".

Người ta cứ tuyên truyền như thế để gây ác cảm trong lòng dân chúng. Rồi một ngày kia, Hoàng tử Djêta nghe kẻ tâm phúc mách rằng : "Có một nhóm người định thích khách Ngài". Cái tin sét đánh ấy không làm cho Ngài lo sợ và xao xuyến, vẫn an tĩnh như thường trong lòng cứ tưởng niệm đến đấng từ bi. Nhưng tốp quân hầu trung tín của Ngài sốt sắng hộ giá cho Ngài, ngày đêm không ngớt.

Một ngày kia, Hoàng tử Djêta vừa bước chân ra khỏi Hoàng cung, thì có người cầm dao nhẩy tới toan thích khách Ngài. Người ấy là A La Da thuộc dòng Kshattriyas. Ngài hô lên, thì thần nhào tới bắt trối dâng thủ phạm. Hoàng tử Djêta mới bảo dẫn tên sát nhân đến trước mặt Ngài. Hoàng tử bình tĩnh hỏi rằng :

- Này A La Da ! Tại sao nhà ngươi muốn giết ta ?

- Bởi vì tôi thấy Ngài là một mối hại cho đất nước. Ngài phá hoại luân thường đạo lý. Ngài muốn hủy bỏ phong tục thiêng liêng của nước nhà và đem lại cho chúng tôi một cái cách nguy hiểm, có thể đưa xứ sở đến chỗ diệt vong, tôi phải giết Ngài để trừ hậu họa mai sau.

Hoàng tử Djêta nhìn kẻ sát nhân với cặp mắt chứa chan tình thương xét nghĩ : "A La Da phạm tội chỉ vì mê tín mà thôi".

Đoạn Ngài dạy qua đám quân hộ giá mà nói rằng :

- Ồ các khanh ! Các khanh có nhận thấy kẻ sát nhân này còn chút điểm lương tâm không ? Vậy các khanh hãy mở trối thả nó ra !

Các quan chực hừng, nhưng không dám cãi lệnh. Rồi Thái tử nói tiếp với một giọng oai nghiêm như vậy :

- Bây giờ đây các khanh hãy lui ra, để một mình ta với người này nói chuyện mà thôi !

Trước sự cương quyết ấy đoàn hộ giá rất kinh ngạc, nhưng bất đắc dĩ phải riu riu lui ra xa, không dám ngó ngoái lại, cả thấy đều phập phồng - lo sợ cho tính mạng của Hoàng tử không cùng.

A La Da ngạc nhiên và không còn hoảng sợ nữa. Y khoanh tay uốn ngực nhìn vào mặt Thái tử như muốn khiêu khích, không để ý đến cử chỉ khinh thị ấy, Djeta bước lại gần nhẹ nhàng để tay lên vai y lặng lặng nhìn y trần trối. Trong mắt Ngài chứa biết bao là từ bi bác ái và sẵn sàng tha thứ các tội lỗi. Ngài càng nhìn càng thâm nghĩ : "Người đời cũng vì sự tự kỷ mà gây ra lắm điều tội lỗi. Bậc chân tu hay để mắt tìm cái nguyên nhân của sự tội lỗi để tha thứ chứ không chịu tìm cái tội lỗi để mà trách phạt. Mọi việc xảy ra dưới trần này đều có nguyên nhân cả. Ngày nay người hung dữ với ta muốn tận sát ta, biết đâu kiếp trước ta chẳng hung dữ, muốn tận sát người ? Trời đất chí u công bình, lưới trời tuy thưa mà mũi kim dễ lọt được nào ! Tội nghiệp thay cho kẻ tàn ác ! Vì vô minh mà kiếp sau phải chịu muôn vàn đau đớn".

Rồi một tình thương không bờ bến chiếm cả tâm hồn của Thái tử và lan cùng vạn vật một sự ước muốn được cứu độ chúng sanh đến đổi tâm tư

Ngài đã thoát ra ngoài bản thể. Thành linh Thái tử Djêta tiếp xúc một cái cảm giác mới lạ và phi thường dường như Đức Phật mà Ngài đã tôn sùng là Đấng Tôn Sư, trong âm thầm, đã ban ân bố hóa Ngài được minh tâm kiến tánh, biết rõ điều quá khứ vị lai...

Nhân quan bậc tổ chốc thời, Ngài thấy được kiếp trước của A La Da vốn là một Tướng sĩ hung tàn bạo ngược, tạo ra biết bao nghiệp quả nặng nề. Rồi ngày nay cũng vì sự vô minh mà nó phải lâm lạc như thế này ! Nếu ta lấy oán mà báo oán thì biết bao giờ oán nợ mới tiêu ! Ta phải lấy ân mà đáp oán thì oán kia mới dứt.

Ôi ! Tội nghiệp thay cho A La Da ! Chớp mắt, Hoàng tử Djêta không còn thấy A La Da nữa, Ngài thấy hiện ra chỗ A La Da đứng một cõi hồng trần với vô số sanh linh đang mê man lẫn lóc trong cảnh lầm than đau khổ ! Chúng sanh vì vô minh mà mắc vào bánh xe luân hồi, mãi sanh rồi tử, tử rồi sanh, chịu biết bao lần khổ não đau đớn. Khi vào các ra đài, lúc lên xe xuống ngựa, khi làm kẻ cùng đinh tàn tật... mà mỗi kiếp luân hồi đều đem lại sự đau khổ, nhưng con người luôn luôn muốn đầu thai, chịu sự đau đớn, mà sự đau khổ là cái kết quả của sự ham muốn vậy ! Than ôi ! Đời là bể hoạn. Nghĩ

đến thân phù thế mà đâu có khác gì bọt trong bể khổ. Tội nghiệp thay cho nhân loại, đang oằn oại dưới màn vô minh, mãi đắm chìm theo mùi trụy lạc, chớ nào dè : "Phú quý tợ môn tiền tuyết, công danh như thảo thượng sương !"

Hỡi thế giới đau khổ ! Hỡi nhân loại đang dầy dụa trong lưới đau thương của cuộc đời. Ta đã thấy và đã nghe hơi thở hấp hối của trần gian. Ôi ! Đời vẫn là thế mà sao chính ta đây cũng đã say đắm với những khoái lạc huyền hoặc của cuộc đời.

Người hiểu rõ cơ trời, thì cho cõi trần chẳng khác giấc mộng huỳnh lương, nên không tranh giành cầu xé vì bã vinh quang phú quý. Phải chi mọi người đều biết thương yêu lẫn nhau như tình huynh đệ, thì đâu có sự thống khổ này ? Nếu biết chắc chúng sanh vốn một gốc mà ra và huynh đệ với nhau, thì đâu có cảnh nời da xáo thịt ?

Suy nghĩ đến đây, Thái tử Djêta cảm thấy trong lòng tràn ngập một mối yêu thương tha thiết !... Ngài muốn dang tay xiết chặt loài người vào lòng đang thốn thức của Ngài, mong đem tánh mạng, và tinh thần với một tình thương vô tận mà áp ủ vuốt ve, những kẻ tội lỗi, rầu đau !... Ngài muốn hy sinh cái gì cao quý của lòng mình để đưa người trần tục lên một nấc thang tiến hóa...

Đến đây Thái tử Djeta bỗng trở lại thực tế, dường như chợt tỉnh sau một giấc mộng phi thường. Rồi nhìn lại thấy A La Da gục đầu kinh khùng. Ngài bèn nói với một cách tha thiết rằng : "Anh ơi ! Tôi không biết gì hơn là anh và tôi vốn thật là anh em với nhau cùng chung một đấng Cha lành. Tôi thương anh lắm. Vậy anh hãy ngã vào lòng tôi, cũng như muốn chia sự vinh quang của tôi, cũng như tôi muốn chia điều đê nhục của anh".

Từ đằng xa quân hầu đợi đã lâu, lấy làm lo sợ cho tánh mạng Hoàng tử, mới bạo gan bước đến thì thấy A La Da ngã lên vai Hoàng tử khóc mùi...

Rồi một buổi bình minh rực rỡ, ánh thái dương rọi xuống giữa rừng sâu, vạn vật tung bừng cây cỏ tươi xanh, muôn hoa đua nở hương sắc thanh kỳ phô vẻ ngàn hồng muôn tía như mỉm cười duyên dáng trước ngọn gió mai. Xa xa, mấy gốc thụ dương dụ dàng nghiêng mình soi bóng bên dòng suối nhỏ trong veo. Dưới cội Bồ Đề hùng vĩ Đức Phật đang ngồi kiết già thiền định, Ngài đang đợi Thái tử từ đêm hôm, bởi vì Ngài định ninh Thái tử không bao giờ thất hẹn. Cảnh vật lúc bấy giờ như đang đón một niềm hạnh phúc thiêng liêng gì. Đóa hoa hàm tiếu trong kệt đá bỗng ngừng lên

và khoe nhụy. Những con sóc vàng mắt sáng đang uốn mình dưới ánh thái dương, bỗng nhảy nhót lên như mừng rỡ, đợi chờ. Gió hôm nay, lại rào thổi ngạt ngào hương rừng từ cõi xa xăm đưa lại. Trên cành hoa sứ trắng tinh, bầy chim non riu rít mà Đức Phật thường nói là bầy con đại đang uốn lưỡi tung ra tràng nhạc thiêng liêng nghe thánh thót, xa trông những giọt sương nặng trĩu trên cành tơ liễu buông mình xanh mượt lóng lánh dưới ánh mặt trời buổi sáng như những hạt kim cương vô giá. Bởi vì, trong cảnh tĩnh mịch của núi rừng sự hoan khởi của tạo vật tức là hoan khởi của tinh sương trong sạch...

Bỗng đâu có tiếng động từ xa đưa lại và Đức Thế Tôn bèn mỉm cười mở mắt. Thái tử Djêta đã đứng trước mặt Ngài, không một tên quân hầu, không ăn mặc xôm xuề, chỉ khoát trên mình một manh áo vàng của người hành khất với dáng điệu mệt nhọc vì đã trải qua bao dặm xuyên sơn. Thái tử bèn quỳ mọp xuống chân Đức Từ Bi vô cùng cảm động, chẳng thốt một lời nào ! Đức Thế Tôn xòe bàn tay mặt đưa lên khỏi đầu Thái tử để ban ân huệ rồi nói với một giọng hết sức dịu dàng :

- Đệ tử Djêta con ơi ! Ta vui mừng và hoan nghênh con vậy.



Rồi từ đây trên con đường giải thoát rộng lớn
thênh thang của Đức Từ Bi, bên cạnh Ngài hình
bóng Djêta sớm hôm luyện đạo để một ngày kia
thay mặt cho Tôn Sư mà phổ độ thế gian...

Trên đường đạo nhiều khi ta khổ sở
Một lòng hăng hái tiến không thôi
Dù cho non nước có đổi dời
Ta cũng nguyện muôn đời tiến mãi.

Hai con cọt tinh ở Hoành Sơn

Đời Đường bên Trung Hoa, ở vùng Mân Trung có một xứ sĩ tên là Mã Thừa. Mã Sinh tánh thanh thoát nhàn tĩnh, ưa ngao du ở nơi danh lam thắng cảnh, dù trời non vượt tuổi cũng không nài sự gian lao. Trong niên hiệu Trường Khánh, Mã sắm sửa hành trang đem theo một đứa tớ, đến du ngoạn các cảnh đẹp ở Hoành Sơn. Nghe nói nơi ngọn Chúc Dung có một ngôi chùa cổ, khi xưa vốn là Đạo Tràng của Phục Hổ Thiên sư, cảnh trí bốn bề rất nên u nhã, Mã liền lần hỏi sơn dân tìm đường đến thăm viếng.

Một buổi xế ngọ, Mã cùng đứa tớ đã dễ bước đến đạo tràng ngọn Chúc Dung, tuy lộ trình khó nhọc, nhưng nhờ gió non phất phơ, thanh khí mát mẻ, xung quanh cỏ thụ xum xuê, nhìn xa xa núi đồi thấp cao trùng điệp, chim hót véo von dường chào hỏi, hoa tươi muôn sắc tợ đón cười, thầy tớ cơ hồ

như quên cả mệt mỏi. Đi lần vào trong, thấy ngôi chùa xưa đã hư đổ gần phân nửa, một vị lão Tăng, tướng mạo khôi vĩ, tóc mày đều bạc, mừng rỡ bước ra đón chào lên viếng Đại Hùng Bảo điện, Mã Sinh thấy nơi bàn Phật có ba chiếc hốt bằng bạc. Hành lễ xong, thầy trò được lão Tăng đưa xuống nhà hậu uống trà. Giải lao giây lát, vị Tăng bảo : "Ở đây duy có một mình tôi đơn chiếc, xin ông tạm nghỉ nơi liêu sau và cho tôi nhờ đưa tở xuống chỗ quán gần Huyện đây mua chút ít tương muối". Mã Sinh vui lòng chấp thuận, đưa tở cầm tiền ra đi, vị lão Tăng cũng có việc bên ngoài vắng mặt. Năm nghỉ độ nửa giờ, Mã Thừa bước ra ngoài định đi dạo quanh, thì vừa gặp sơn dân tên Mã Chiêu cũng một mình lên non viếng cảnh. Cả hai cùng mừng rỡ hỏi han. Chiêu bảo Thừa rằng : "Tôi lên đến lưng chừng núi bỗng thấy con cọp trắng rất lớn vồ bắt một người ăn thịt. Quá kinh hãi, tôi liền ẩn mình vào chỗ khuất, chờ con cọp đi rồi mới vội vã lên đây". Thừa gạn hỏi cách phục sức của người đó, nghe Chiêu tả lại hình dạng, biết là đứa tở của mình, trong lòng bỗng nhiên thê thảm. Chiêu lại nói : "Từ xa tôi thấy cọp trắng sau khi ăn thịt người, liền trút bỏ lớp da ngoài, hoàn lại hình người mặc chiếc áo nhà Thiền, nghiêm nhiên là một vị lão Tăng". Mã Thừa nghe nói lại càng kinh khủng.

Đang khi nhỏ to trò chuyện, vị lão Tăng ở bên ngoài về đến Mã Chiêu cả sợ bảo : " Thôi đúng là lão này rồi !". Mã Thừa nắm tay bạn, ngậm bảo nên trấn tĩnh. Đợi lúc vị lão Tăng đến gần, Thừa liền lựa lời dò hỏi rằng : "Anh bạn tôi vừa thuật lại có người ở lưng chừng núi bị cọp ăn thịt, việc ấy Sư có biết chăng ?". Vị Tăng lộ nét giận bảo : "Ở cảnh của bần đạo đây, núi chẳng cọp beo thú dữ, cô không rắn rết trùng độc, cho đến rừng cũng vắng bóng ác điều như loài chim cú, chim mèo. Đó là lời đồn đãi của những kẻ nông nổi mà thôi !". Thừa lặng lẽ quan sát, thấy nơi khóe miệng vị lão Tăng còn ứa máu tươi, lòng đã tin chắc, liền thác cớ nói rằng : "Bây giờ trời đã hoàng hôn, chúng tôi đi đường xa mệt mỏi, xin phép vào nhà sau an nghỉ, rạng ngày sẽ hầu chuyện".

Đoạn hai người đem hành trang vào hậu trường, nhìn quanh thấy đây là nhà trai. Nơi bàn giữa có thờ cốt tượng một vị Tăng mày trắng râu dài, nơi vách trên đề câu : "Nam mô Giám Trai sư giả Tân Đầu Lô Phả La Đạo Xà Tôn Giả". Cả hai liền gài đóng cửa chắc chắn, khiêng bàn tấn chắt thêm cửa sau trước, đốt ngọn nến sáng để ở chỗ thờ Tân Đầu Lô A La Hán. Xong, mới lấy lương khô ra ăn, rồi cùng thì thăm bàn luận : "Đây tất con cọp bạch lâu năm đã thành tinh. Chắc mấy vị

Tăng khi trước ở chùa này đều bị nó ăn thịt cả, sau nó mới hóa thành hình sa môn để gạt người. Những du khách lên viếng cảnh, có thể đã nhiều kẻ bị mất mạng vì nó. Cái chết đã đến gần, chúng ta chớ nên ngủ, phải cùng nhau bàn định để thoát qua tai nạn này".

Lần bản đã gần nửa đêm, cả hai tính chưa ra kế, bỗng nghe từ phía trước rồi đến sau, có tiếng va vào cửa rầm rầm. Biết là cọp tinh muốn phá cửa vào ăn thịt, hai người kinh hoàng vội chạy đến đốt hương nơi bàn thờ, cùng quỳ xuống chấp tay niệm danh hiệu Đức Tân Đầu Lô Tôn Giả cầu xin cứu độ. Chín thành niệm được một lúc lâu bỗng nghe từ pho tượng có tiếng ngâm chậm rãi nhỏ rằng :

"Người Dân sẽ đắm trong thành nước

Gã Ngo nên chia hương cấn Kim

Nếu như độc Tiến thêm giường ná

Tướng dữ đi sau bị tổn tim".

Vì cửa rất chắc cọp tinh không vào được, nên tạm thôi lui. Trong khi đó hai người duy để hết tâm cầu nguyện, quên cả ngoại duyên. Đến chừng nghe rõ bài kệ, dò lắng bên ngoài thấy yên, mới cùng nhau bàn giải rằng : "Người Dân - Dân thuộc

về hành chi Hổ, tức chỉ cho cạp tinh hóa thành người. Thành nước - nước có thành quách xung quanh, đó là nước giếng. Gã Ngộ - Ngộ là ngựa, tức chỉ cho chúng ta vì đều là họ Mã. Hương Cẩn Kim - chữ Cẩn đứng bên chữ Kim, thành chữ Ngân. Đó là ý bảo chúng ta phải chia thứ gì bằng bạc. Còn hai câu sau, hai người không thể giải thích được.

Sáng ra gần đến trưa, có tiếng vị lão Tăng gọi đi ăn cháo. Không còn lòng dạ nào để ăn uống, mà ở mãi trong nhà cũng bị chết đói, bất đắc dĩ cả hai phải mở cửa ra ngoài. Mã Chiêu than thở : "Tình thế này chúng ta không thể liệu lĩnh xuống núi, vì sợ nó hoàn hình đón đường vật chết !". Mã Thừa nhìn quanh thấy cái giếng bên nhà trai, chợt động tâm cơ bảo : "Thôi đúng rồi, Tôn Giả mách bảo chúng ta phải như vậy...".

Liên đó hai người tới giếng, gọi to lên rằng : "Sư lại đây xem dưới giếng có cái chi lạ lắm". Lão Tăng đến nơi nhìn xuống, bất ngờ bị hai người xô xuống giếng, rồi cả hai cùng khuân tảng đá lớn liệng bồi thêm. Kết cuộc lão Tăng chết đuối dưới giếng hoàn thành hình con cạp bạc nổi lên. Hai người rảnh mỗi bận tâm, vào chùa tìm thức ăn thấy ba cái hốt bằng bạc nơi bàn Phật, nhớ lại lời kệ, liền thâu lấy rồi cùng xuống núi.

Đi đến nửa đường, trời đã sẩm tối. Cả hai gặp một người thợ săn đón lại bảo : "Đêm đã đến, đường xuống núi e có nhiều thú dữ. Phía trước tôi đã đặt bẫy, xin hai ông tạm lên chòi gác ở với tôi cho qua đêm nay". Hai người kinh sợ, vội theo thợ săn leo lên cây, ngủ trên chòi gác. Giấy lát trắng non mọc lên. Trong ánh sáng mờ màng, bỗng có một đoàn độ năm mươi người, Tăng Ni, Đạo sĩ, đàn ông, đàn bà từ trên núi đi xuống. Đoàn người có kẻ trầm lặng, có người ca ngậm hoặc nhảy múa. Khi đến chỗ đặt bẫy, cả bọn nổi giận bảo : "Hồi trưa có hai tên giặc giết chết vị sư già của chúng ta. Nay bọn ta theo dấu mà tìm bắt, lại có kẻ cả gan dám đặt bẫy muốn giết tướng quân của chúng ta nữa". Nói xong gỡ tháo chốt ná rồi bỏ đi. Mã Chiêu gạn hỏi : "Bọn đó là chi, Tướng quân là ai". Thợ săn đáp : "Đó là những người bị cộp giết chết thành ma trành, gọi là hồ trành. Bọn ma này tiền đạo đi trước dọn đường. Tướng quân, có lẽ là chỉ cho con cộp đi sau". Mã Thừa nhớ lại lời kẻ liền hỏi thợ săn : "Anh tên họ là chi ?". Thợ săn đáp : "Tôi họ Ngưu tên Tiến". Hai người cả mừng bảo : "Nếu thế, lời kẻ có ứng nghiệm rồi. Hai câu "Nếu như đặc Tiến thêm giương ná, tướng dữ đi sau bị tóm tim". Chữ Đặc có chữ Ngưu ở một bên, Đặc Tiến tức là ám chỉ cho Ngưu Tiến. Còn tướng dữ đi sau chỉ cho tướng quân mà họ nói. Đây chắc là một con

cọp thành tinh nữa, nên mới gọi là "dữ". Có lẽ cọp kia là chánh tướng, cọp này là phó tướng".

Không kịp giải thích câu chuyện hai người vội thôi thúc nên giương ná lại. Anh thợ săn y lời, xuống giường bầy ná rồi leo trở lên. Vừa ngồi yên, bỗng thấy từ xa có con cọp xám rất to lần lần tiến đến. Vì thờ ơ, chân trước cọp đạp nhằm chốt nỏ, mũi tên phát ra xuyên trúng vào tim, nó gào rống một lúc rồi tắt thở. Bọn ma tránh nghe tiếng chạy trở lại, phục xuống bên xác hổ than khóc rằng : "Ai lại nỡ giết hại tướng quân của chúng ta như thế này ?".

Ở trên cây Mã Chiêu nghe khóc bỗng tức giận quát lớn : "Chúng bay thật là lũ ma khờ dại ! Lúc sống đã bị cọp giết một cách thê thảm nay ta vì chúng bay báo thù, sao không cảm tạ lại còn than khóc ? Ma quỷ gì mà không linh hiển chi cả vậy !". Tiếng quát vừa dứt, bốn bề yên lặng, bỗng có con ma đáp rằng : "Chúng tôi bị thế lực của nó ám, nên không biết tướng quân là cọp tinh. Nay nghe ông nói mới bàng hoàng chột tỉnh ngộ !". Nói xong cả bọn đáp xác cọp rửa máng, tạ ơn ba người rồi tản đi mất. Mã Thừa lần lượt thuật lại trước sau câu chuyện cho anh thợ săn nghe. Đoạn lấy ra ba chiếc hốt bạc, chia nhau ba người mỗi người một cái. Thợ săn than thở bảo : "Những con cọp

tinh đều có tánh linh thông, nếu không nhờ sự
ám trợ của Tôn Giả Tân Đầu Lô, tất chẳng dễ g
giết hại được chúng nó !".

Sáng lại, hai họ Mã từ biệt người thợ săn, xuống
núi trở về...

LIÊN DU

Việc làm hư thật tự mình hay
Họa phúc do ta chớ hỏi Thầy
Thiện ác chung qui đều báo ứng
Nếu không sớm đến ắt là chầy.

Thọ trì ba giới

Tương truyền, khi Phật còn tại thế, nơi thành Xá Vệ có một thanh niên, con một gia đình trưởng giả lương thiện, thường nghe PHẬT thuyết pháp, phát tâm quy y Tam Bảo và xin xuất gia học đạo.

Bấy giờ, trong hàng Tăng chúng có một vị Tôn Giả được giao cho trách nhiệm giảng giải về giới luật cho thanh niên học hỏi. Tôn Giả dạy rằng : "Này pháp hữu, đây là loại giới thứ nhất, đây là giới thứ hai, giới thứ ba, thứ tư... thứ chín, thứ mười v.v... Đây là tiểu giới của người xuất gia, đây là trung giới, đây là đại giới, đây là Ba La Đề Mộc Xoa, đây là giới căn bản, đây là Tịnh giới về hành vi, đây là những thường giới để dùng hàng ngày...". Vị Tôn Giả còn giảng nhiều hơn nữa.

Nghe xong, vị tân Tỷ kheo nghĩ rằng : "Số mục, danh từ của giới quá nhiều, một lượt mà phải thọ giữ bao nhiêu giới luật như vậy, e rằng khó bảo toàn ! Đã không giữ giới được hoàn

toàn, thì sự xuất gia không lợi ích gì. Chỉ bằng trở về làm một trưởng giả (như cha mình trước kia) làm ít việc thiện như : Bố thí, phóng sanh... rồi nuôi dưỡng vợ con là đủ rồi". Nghĩ vậy, vị tân Tỳ kheo mới thưa với Tôn Giả rằng : "Thưa Tôn Giả, tôi không thể giữ một lúc nhiều giới luật như vậy được ! Không giữ được thì xuất gia có ích gì ? Tôi sẽ hoàn tục để sinh sống, xin dâng y bát lại cho Ngài !".

Tôn Giả đáp : "Đành rằng ông có thể hoàn tục, nếu thấy mình không kham lãnh, nhưng ông cũng phải đến dâng lễ Đức Phật một lần cuối đã". Nói đoạn, Tôn Giả dẫn vị tân Tỳ kheo đến lễ Đức Phật. Đức Phật vừa trông thấy hai người đã hỏi rằng :

- Các ông hôm nay đến đây có việc gì ?

- Bạch Thế Tôn, vị Tỳ kheo này nói là không thể chấp trì giới luật, giao trả y bát, và hoàn tục. Vì vậy chúng con hướng dẫn người đến dâng lễ lần cuối, từ biệt Đức Thế tôn.

Hiếu được nguyên cố, Đức Phật mới dạy rằng :

- Này Tôn Giả, sao Tôn Giả lại giảng cho vị tân Tỳ kheo này nghe nhiều giới luật như thế ? Ông ấy chỉ nên tùy theo sức mình mà tuân giữ

giữ chớ ! Về sau Tôn Giả không nên giảng giới nhiều như vậy nữa. Bây giờ hãy để ông ấy ở lại đây với tôi...

Rồi Đức Phật bảo vị tân Tỷ kheo kia rằng :

- Ông hãy nghe đây, ông không còn phải giữ nhiều giới như vậy chỉ có 3 giới thôi. Chừng ấy ông có nhứt định giữ được không ?

Vị Tỷ kheo muốn hoàn tục kia thưa rằng :

- Bạch Đức Thế Tôn, chỉ có 3 giới thôi, thì con có thể giữ được.

Đức Phật mỉm cười :

- Tốt lắm ! Từ nay về sau ông chỉ giữ 3 giới là Ngăn ngừa 3 nghiệp THÂN, KHẨU, Ý không để chúng phạm vào các điều ác. Tôi nhắc lại là ông chỉ cần giữ 3 giới ấy mà thôi, chớ nên hoàn tục làm gì.

Nghe Đức Phật dạy như thế, vị Tỷ kheo kia hết sức vui mừng, hướng về Đức Phật đánh lễ và phát nguyện trọn đời giữ 3 giới mà Đức Phật vừa trao, rồi đánh lễ Đức Phật theo chúng trở về tịnh xá. Ông nghĩ rằng : "Các vị Tôn Gia không được như Đức Phật, giảng dạy giới luật cho mình mà dùng nhiều loại danh số quá, khiến cho mình trong một lúc không thể lãnh

ngộ, nhưng khi đến Đức Phật Ngài tóm thâu các danh số phiền phức của giới, chỉ còn có 3 môn để trao dạy cho mình, thì mới vỡ lẽ thấu rõ. Đức Phật quả là một vị Pháp Vương trong thế gian không còn ai hơn nữa".

Từ đó trí tuệ ông tăng trưởng rất mau. Sau mấy hôm, ông chứng được quả vị A La Hán.

Khi rõ được sự kiện trên, các vị Tỳ kheo mới họp nhau bàn luận : Các pháp hữu, đối với vị Tỳ kheo sắp sửa hoàn tục kia, Đức Thế Tôn đã khéo léo phương tiện đem tất cả giới luật gồm thâu làm 3 môn học mà trao cho ông ta, làm cho ông ta sớm chứng được quả vị, Ngài thật là một người vĩ đại ! Trong khi mọi người đang bàn luận về công đức của Đức Phật, thì ngay lúc ấy Đức Phật cũng vừa đi đến, Ngài hỏi :

- Các ông nhóm họp bàn luận việc gì ?

Một vị Tôn Giả thay mặt đại chúng thưa rõ mọi điều vừa bàn luận, Đức Phật nghe xong liền dạy :

- Này các Tỳ kheo, một bao to thì nặng quá nhưng khi chia thành mấy bao nhỏ, vác lên vai mà đi thì sẽ nhẹ nhàng. Xưa có một Trưởng giả được một khối vàng rất lớn không thể nhấc lên, ông bèn phân làm mấy khối nhỏ, sau đó ông

lần lượt đem về nhà, không có gì gọi là nhọc sức cả.

Tiếp theo Đức Phật thuật lại một mẫu đời như sau :

"Thuở xưa, trong thành Ba La Nại, có một nông phu một hôm ra đồng cày ruộng. Đó là một khoảnh ruộng được di tặng bởi một phú ông trong thôn. Phú ông trước khi qua đời có đem chôn giấu một khối vàng lớn trong đám ruộng ấy. Người nông phu đang cày ruộng, thì bỗng dưng lưỡi cày chạm phải khối vàng trượt lên. Ông tưởng là cái rễ của một đại thọ, bèn moi đất lấy lên, mới biết là một khối vàng vĩ đại ! Ông vui mừng trong lòng, rồi lấp đất phủ lại như cũ, đánh trâu tiếp tục cày những nơi khác. Đến chiều, khi mặt trời lặn, ông cho trâu nghỉ ngơi và đến moi lấy khối vàng. Nhưng khối vàng quá nặng, ông mới suy nghĩ : "Chỉ có cách chẻ khối vàng này ra làm bốn, một phần để sinh kế, một phần chôn lại chỗ cũ, một phần để dành làm vốn buôn bán về sau, và một phần đem ra bố thí làm các việc thiện". Nghĩ như vậy, ông liền chẻ khối vàng ra làm bốn, rồi lần lượt đem về nhà ba phần một cách dễ dàng không mệt sức. Ông giữ lời nguyện đem một phần ra làm việc phước thiện. Nhờ đó, đời đời kiếp kiếp được sanh vào các cảnh thiện..."

Rồi Đức Phật kết luận :

- Người nông phu được khối vàng lúc bấy giờ chính là tôi ngày nay đây !

TÂM HIỆN

Này các người, không có công đức gì lớn hơn cung kính và cúng dường Xá Lợi, nhưng công đức ấy hãy để lại cho các vị Quốc Vương Trưởng giả làm; nhiệm vụ cần thiết của người tu hành chúng ta là phải kết tập Pháp tạng và thanh tịnh tu hành, làm sao cho Phật pháp ở thế gian thường còn không tiêu diệt.

Món nợ truyền kiếp

Ngày xưa, hồi mới khai thiên lập địa, có một con chim họa mi, làm ổ trên cành cây đào, ngày nào nó cũng hát để ca tụng vẻ đẹp của muôn loài. Dưới gốc cây, có một con rắn rất hiền lành, bây giờ thuộc loại rắn mù, nhưng hồi đó nó có một mắt. Con rắn rất mê giọng hát lạnh lốt của chim họa mi. Nó thường nằm khoanh dưới gốc cây hay nằm dài phơi nắng để thưởng thức tiếng hát thần tiên của họa mi. Thuở ấy, chim họa mi cũng chỉ có một con mắt ngay giữa trán.

Một hôm, con bướm có đôi cánh ngũ sắc rất đẹp, ở gần đấy đến mời chim họa mi đi ăn cưới. Bướm biết mình đẹp đẻ, uyển chuyển, nhẹ nhàng, thường được ca tụng nên bướm rất kiêu hãnh. Không bao giờ bướm chịu nhìn xuống, nên bướm không biết sự có mặt của rắn trên mặt đất. Tiếng hát của chim họa mi đã nhiều lần giúp đôi cánh bướm dịu dàng thanh thoát nên bướm nhất định mời chim họa mi, để tiếng

hót làm tăng thêm phần long trọng cho bữa tiệc tân hôn.

Được bướm mời mọc ân cần, chim họa mi rất hãnh diện, nhưng sau đó chim cảm thấy lo sợ, khi nhìn lại thấy bộ lông của mình quá tầm thường, chim sợ mình sẽ không được ai để ý trong tiệc cưới của anh bướm rực rỡ màu sắc. Chim liền than thở với con rắn hiền lành. Nghe xong rắn nói :

- Có được tiếng hót như anh, lo gì không được người để ý. Tôi tin chắc, lúc anh cất tiếng hót, không ai còn để ý đến đôi cánh rực rỡ của anh bướm hay bộ lông trắng muốt của chị thiên nga. Tất cả đều sẽ mê tiếng hót của anh, không ai để ý đến bộ lông tầm thường của anh đâu. Anh bướm mời anh dự tiệc, cũng vì tiếng hót của anh hay. Anh hãy yên tâm đi đi, đừng lo sợ gì cả.

Tuy nghe rắn nói thế, nhưng chim vẫn không hết lo sợ, sau cùng chim nói :

- Phải tôi có được hai con mắt, có lẽ tôi sẽ đẹp hơn. Một con mắt giữa trán làm cho tôi có vẻ dữ tợn và nghèo nàn làm sao ấy.

- Có được giọng hót như anh, ai dám bảo anh nghèo ?

- Nhưng bề ngoài tôi có gì có thể làm cho mọi người chú ý. Phải chỉ anh chịu giúp tôi...

- Tôi mê tiếng hát của anh lắm, anh cần tôi giúp việc gì, tôi cũng sẵn sàng cả.

- Tôi chỉ cần anh cho tôi mượn con mắt của anh một hôm để đi ăn cưới. Anh nằm phơi nắng không có mắt cũng đâu có sao...

Rắn lắc đầu nói :

- Không được đâu, tôi cũng chỉ có một mắt như anh, nếu tôi cho anh mượn thì làm sao tôi thấy đường ?

- Nhưng tôi chỉ mượn có một hôm thôi, buổi chiều mãn tiệc, tôi đem trả anh ngay lập tức. Trong lúc chờ đợi, anh cứ nằm ngủ ở đây. Nếu anh thật tình mê giọng hát của tôi thì anh cố giúp lần này...

Chim họa mi cứ van xin, nài nỉ, giọng chim càng lúc càng êm đềm, gợi cảm, làm rắn cảm động xiêu lòng nên bằng lòng cho mượn mắt trong ngày cưới của bướm.

Vào một ngày nắng ấm, lúc màn sương mỏng còn phủ cánh rừng, chim họa mi đã vội vã sửa soạn bộ lông cho thật mượt để đi ăn cưới. Thêm được một mắt, chim thấy cuộc đời đẹp đẻ thêm lên.

Trong lúc chim ra đi, sung sướng hài lòng hơn bao giờ hết, thì ở gốc cây đào, con rắn trở nên mù, nhút nhát, sợ hãi, ẩn mình trong đám lá khô, chờ đợi chim trở về, trả lại ánh sáng cho mình.

Chim đến nhà bướm nghe người ta chào mừng, chúc tụng nhau, không ai để ý đến chim họa mi bé bỏng không bóng sắc cả.

Đến lúc bướm mời chim ra hát, những loài thú có mặt mới để ý đến chim. Tiếng chim hót thanh tao, lạnh lót, làm cả thây đều im lặng, lắng nghe. Chim hót say mê lột hết tinh thần làm cả thây đều mê mẩn như say. Tiếng hót trong trẻo vang đến tai rắn, rắn mỉm cười tự nhủ mình cũng có góp phần tham dự cuộc vui đó.

Đến khi dứt bản, tất cả đều bị chim chinh phục và bắt đầu từ đó trở đi, mọi loài đều bao vây khen ngợi bộ lông, giọng hót của chim. Tất cả cũng không quên ca ngợi mắt đẹp của chim.

Bây giờ tiếng tăm lừng lẫy, chẳng những chim không thú nhận mình chỉ có một mắt, còn con mắt kia là của rắn, mà chim thì đặt điều nói thêm :

- Ở dưới gốc cây chỗ tôi ở, có một con rắn mù từ thuở mới lọt lòng mẹ, nó buồn bã chán đời, nhiều lần nó có ý định quyên sinh, nhưng nhờ tiếng hót tuyệt vời của tôi đã an ủi được nó. Tội nghiệp,

hàng ngày tôi phải đem thức ăn về và ca hát vỗ về nó. Tất cả đều cảm phục tính rộng rãi và lòng bác ái của chim.

Mãi đến khuya, chim mới trở về, bên tai còn vang nghe tiếng vỗ tay vang dội và những lời ca ngợi nồng nàn.

Về đến gốc cây đào, chim thấy rắn nằm ngủ, phơi mình dưới ánh trăng thanh dịu mát. Thấy thế, chim không gọi rắn dậy và tự nói, mai mình sẽ trả mắt lại cũng không muộn. Chim về ổ định ngủ một giấc thật ngon lành nhưng nằm mãi mà giấc ngủ vẫn không đến. Muôn ngàn ý nghĩ bao vây tâm trí của chim : bây giờ chim đã nổi tiếng nổi danh với đời rồi, nếu chim trả mắt lại, tức là tự thú cho mọi loài biết chim chỉ có một mắt, còn con mắt kia là của mượn, thì còn gì là tiếng tăm chim đã tạo ra với bao khó nhọc. Hơn nữa, với hai con mắt chim nhìn đời thấy rộng rãi, đẹp đẽ hơn khi chỉ có một mắt. Bỏ tất cả danh vọng để trở thành tầm thường như trước, chim thấy mình không có đủ can đảm. Hay là xin rắn cho mắt luôn, nhưng chim kịp nghĩ là không đời nào rắn chịu cho mắt để lại thành mù lòa vĩnh viễn. Nhưng rắn thường ở một chỗ mà nếu bò đi cũng không cần thấy đường gì cho lắm. Một ý nghĩ xấu từ từ xâm nhập vào đầu óc chim.

Nếu mình không trả thì rấn cũng không làm sao đòi được, bây giờ rấn đã mù rồi.

Nghĩ thế nên chim nhất định giựt luôn con mắt của bạn. Đêm đó, chim lên dọn đi ở nơi khác và tìm đủ cách tránh rấn luôn.

Tội nghiệp, con rấn cứ bò lẩn mò, dò dẫm đi tìm chim họa mi để đòi mắt lại. Nghe chim họa mi hót ở đâu, rấn cũng cố gắng tìm đến, mặc dù rấn bò đi khó khăn và gặp rất nhiều trở ngại trên bước đường phiêu lưu đi tìm người bạn phản phúc, bội ân. Thế mà buồn thay, mỗi khi chim họa mi thoáng thấy rấn thì chim vội bay đi, để rấn lại ngơ ngác trong sự mù lòa đáng thương.

Một đêm, chim họa mi đang ngủ mê trong tổ ấm, bỗng chim giựt tỉnh giấc vì một tiếng động thật nhỏ. Chim thấy rợn cả người khi nhìn thấy một cái đầu rấn mù sờ soạng bò đến. Chim la lên một tiếng kinh hoàng bay tìm nơi khác ẩn náu.

- Từ đó, sự yên tĩnh trong giấc ngủ cũng như sự yên tĩnh trong tâm hồn không còn nữa - Con rấn mù cứ không ngớt tìm chim để đòi con mắt đã cho mượn với tất cả lòng tin, mà lại bị cướp mất một cách quá tàn nhẫn.

Chim họa mi không muốn trả mắt nên phải luôn luôn canh chừng. Ban ngày thì chim được

yên thân, vì răn biết ánh sáng mặt trời làm chim thấy rõ tất cả, nên răn đợi đêm xuống để tìm cách đến gần chim trong lúc ngủ say, để bắt ngờ buộc chim phải trả mất lại cho mình.

Chim họa mi biết được ý định của răn, nên nhất định không ngủ những đêm trong mùa đẹp trời. Mùa lạnh và mùa mưa thì chim có thể ngủ yên, vì những mùa ấy răn sợ lạnh không dám bò ra ngoài.

Đến mùa xuân, chim bay hót suốt đêm, để không buồn ngủ có thể canh chừng răn mò tìm đến.

Vì thế, những đêm xuân, chúng ta thường nghe tiếng chim họa mi hót vang lên ru hồn vào mộng ảo, chúng ta mỉm cười thấy lòng rung động vì tiếng hót thanh tao trong suốt, nhưng chúng ta có biết đâu tiếng hót đó ca tụng một niềm vui không vững chắc luôn luôn bị đe dọa, một hạnh phúc mong manh pha trộn đôi chút hối hận làm ray rứt cả tâm hồn.

BẢO LIÊN

Người nào cầu hạnh phúc cho mình mà lại phá hoại hạnh phúc kẻ khác, người ấy sẽ không được hạnh phúc.

Cứu người bị giặc cướp

Khi chưa thành Đạo, đức Phật Thích Ca có một kiếp làm một người lái buôn, tên là Đại Bi, đức hạnh hoàn toàn, tài trí hơn người.

Một hôm, Đại Bi cùng năm trăm người khác đi thuyền ra biển tìm châu báu. Thuyền đang đi giữa biển thì gặp một bọn cướp bẻ đuôi theo, định giết hết cả những người trong các thuyền để cướp giạt của cải. Quân cướp đuổi theo một lúc một gần, và reo hò vang dậy một góc biển. Những người lái buôn sợ hãi quá, kêu la rất thảm thiết. Phen này họ chắc chết mà thôi, không còn được thấy mặt vợ con nữa.

Đại Bi thấy thế mới nghĩ rằng : "Nếu ta giết bọn cướp này, thì ta sẽ mang tội sát nhân, nhưng nếu ta để cho chúng giết hết năm trăm người thì lòng ta không nở. Thôi thà ta chịu tội sát nhưn một mình mà vừa cứu được năm trăm người khỏi chết, vừa cản ngăn được những việc làm tàn ác của quân cướp để đỡ tội cho chúng nó sau này".

Tuy nghĩ thế, nhưng Đại Bi chưa ra tay liền. Người đứng lên trên mũi thuyền to, lấy lời ôn hòa mà khuyên lơn bọn cướp, nhưng bọn này quen thói hung tàn, không nghe lời Đại Bi nói cứ hăm hồ hung hăng xông tới quyết giết hết cả con buôn. Đại Bi liền nhảy qua thuyền quân cướp, một mình địch với cả bọn, vung vẩy nhanh lẹ và oai phong như một người tướng tài ra trận. Quân cướp biết thế không địch nổi, liền hè nhau quay thuyền chạy trốn.

Năm trăm người thoát chết, vui mừng không xiết, liền quỳ xuống tạ ơn Đại Bi, rồi cùng trưng buồm cho thuyền trở lại quê nhà.

Lược sử PHẬT TỔ

Hạnh từ bi của Phật giáo phải đi đôi với trí tuệ và dũng cảm

Đại vương và khí chúa

Ngày xưa, có một vị Đại Vương bị cướp mất ngôi nên cùng Hoàng Hậu lẩn tránh vào rừng. Một hôm, lúc đi hái quả trở về, Đại Vương không thấy Hoàng hậu đâu cả. Ngài lang thang tìm kiếm khắp nơi. Đến một khu rừng kia, Ngài gặp một con khí về mặt rất buồn bã, đi đầu một đàn khí rất đông. Vua hỏi sao nó buồn bã thế, nó liền kể lể : "Tôi là khí Chúa rừng này, mới bị cậu tôi đến cướp mất nước nên tôi phải ra đi. Vậy xin Ngài mở lòng từ bi giúp tôi lấy lại nước, thì tôi xin đội ơn Ngài lắm".

Vua tuy trong lòng buồn bã, nhưng thấy việc đáng làm, nên nhận lời ngay. Khi cậu nghe tin có người đến đánh, kéo cả bầy ra chống cự. Đại Vương thấy vậy liền trèo lên một hòn đá cao nói với Khí cậu rằng : "Mày phải trả lại nước này cho cháu mày, nếu không nghe lời sẽ bị giết ngay". Khí cậu thấy Đại Vương nắm một cái cung thần, sợ hãi lắm liền riu riu kéo cả bầy đi nơi khác.

Khi Chúa lấy lại nước, mừng rỡ lắm. Nhưng nhìn về mặt không vui của Vua, nó liền hỏi nguyên nhân vì sao, Vua kể lại chuyện mất vợ cho Khi Chúa nghe. Khi Chúa bèn hội cả bày khi lại, cùng Đại Vương đi tìm Hoàng Hậu. Đến một nơi kia, cả đoàn gặp một con khi lạc. Hỏi nó thì nó có gặp một con Độc long cống một người đàn bà vào một cái hang gần đấy. Đại Vương cùng cả đoàn Khi đến hang tìm, con Độc long nằm trong hang thấy có người đến cứu Hoàng Hậu, nổi giận hóa một trận mưa gió rất to, rồi phóng một luồng ánh sáng, làm cho cả bày khi sợ hãi vô cùng. Khi liền tâu với Vua lấy cung thần ra bắn. Vua nghe lời lấy tên lấp vào cung thần bắn. Luồng ánh sáng bị trúng tên thần biến mất và con Độc long cũng chết. Bầy khi chen vào hang, cứu Hoàng Hậu ra. Cả đoàn rất đổi mừng, cùng nhau trở về rừng cũ.

Lược sử PHẬT TỔ

Chớ khinh điều ác nhỏ mà làm. Chớ khinh điều lành nhỏ mà không làm. Phải biết giọt nước nhỏ lâu ngày cũng làm đầy bình. Kẻ ngu phu sở dĩ đầy tội ác. Kẻ trí sở dĩ toàn thiện cũng bởi chứa đôn từng khi ít mà nên.

Đạo thầy trò

Xưa có một con thỏ (Tiên thân của Đức Phật Thích Ca) rất thông minh và đức hạnh, thường ngày nó cứ quanh quẩn bên mình một vị Đạo Nhơn, tu hành ở trong rừng để nghe kinh kệ. Đến bữa ăn nó chạy đi kiếm hoa quả đem dâng cho Đạo Nhơn. Được ít lâu trời đổi tiết những ngày mưa tầm tã nối tiếp nhau, từng luồng gió lạnh thổi đến, rét tận xương, cây cối tả tơi, hoa quả thối rụng. Con thỏ đi kiếm mãi không ra thức ăn cho Đạo Nhơn, vì thế mà đói rét rất thảm thương. Người định hoãn việc tu hành, thu dọn đồ đoàn để trở về nhà, đợi đến mùa xuân sang năm sẽ vào rừng tu lại. Thỏ nghe vị Đạo Nhơn sắp về nhà buồn bã lắm. Nó nghĩ : "Đạo Nhơn lòng nhơn từ rộng như biển, xem ta như con, ngày nào cũng giảng kinh kệ cho ta nghe, ơn ấy thật không có gì sánh kịp. Nay nghe người gặp cảnh hoạn nạn như thế mà ta không có cách để giúp đỡ thật ta lấy làm xấu hổ lắm". Nghĩ như vậy nó chạy đi tìm thức ăn lại.

Nhưng lần này cũng như lần trước, nó không tìm được gì cả. Nó buồn bã trở về nói với vị Đạo Nhơn rằng :

- Xin Ngài hãy nhóm lửa lên, tôi vừa kiếm được một vật ăn ngon lắm.

Đạo Nhơn nghe theo, nhóm lửa lên. Khi lửa đã đỏ rực, con thỏ nhảy ngay vào đống lửa mà nói rằng :

- Vật ấy là tôi đây !

Đạo Nhơn hoảng kinh, vội ôm thỏ ra, rồi hỏi nó tại sao mà làm như thế ? Nó trả lời :

- Con mang ơn Ngài nhiều lắm ! Nay Ngài gặp cơn đói khát phải hoãn việc tu hành, lòng con không nở, nên con xin hiến thân con để Ngài dùng đồ cho qua ngày, khỏi phải bỏ lỡ cuộc tu hành.

Đạo Nhơn nghe thỏ nói, thương nó lắm. Từ đấy về sau, hai thầy trò người và thỏ, cùng nhau ở lại rừng tu hành, không quản đói rét.

Lược sử PHẬT TỔ

Tình yêu của thế gian thì ích kỷ và bắt nguồn từ những ham muốn của dục vọng. Tình yêu của tứ vô lượng tâm trái lại cho ra không điều kiện, vô giới hạn và không thay đổi. Tâm hồn con người được tiếp xúc với tứ vô lượng tâm sẽ vĩnh viễn trở nên siêu thoát.

Động mối từ tâm

Đây là một dãy núi rừng phía bắc kinh thành ở khoảng giữa hai ngọn núi cao, núi sà thấp xuống như một lòng chảo. Thung lũng này là đường thường bay qua của loài chim nhạn di cư.

Những ngày đông giá lạnh đang sắp trở về. Chim nhạn vượt qua thung lũng của dãy núi cao, từ Bắc bay về Nam, từng đàn từng đàn cất tiếng kêu vang trời như rù rê, như hò hẹn. Bầy chim vô tình không để ý rằng đã có một người đó biết được sinh hoạt thường kỳ trên của chúng. Người đó là tên bầy chim của nhà Vua, một ông Vua rất ưa ăn thịt chim nhạn.

Tên bầy chim đã chuẩn bị một kế hoạch qui mô. Hắn sắp sẵn cung tên, mang theo một con chim mồi tuyệt khôn. Và tất cả hy vọng của hắn đặt hết vào một chiếc lưới vừa rộng, vừa dài mà nó sẽ giăng ngang thung lũng trên con đường thường bay qua của bầy chim nhạn. Lần này, không

những một vài con sẽ sa vào lưới mà có thể hấn sẽ
bẫy trọn cả một đàn.

Một buổi sáng kia, tên bầy chim thức dậy thật
sớm. Hấn nghe có tiếng chim nhạn riu rít gọi đàn.
Như có cái gì báo trước một đêm lạ, hấn vuốt ve con
chim mồi rồi giả tiếng chim khê kêu lên vài tiếng.

Khác ngày thường, sáng nay chim mồi buồn bã,
ủ rũ, vẫn không đáp lại hấn. Giữa lúc đó, thì trên
không trung có tiếng vỗ cánh rồi một đàn chim
nhạn xếp hàng thứ tự, bay về phương Nam. Chim
đầu đàn, lông trắng như tuyết, đuôi thẳng đôi
chân ra sau, lướt tới nhẹ nhàng như tên bắn.

Bỗng chim đầu đàn, buông lên vài tiếng đau
thương làm cả đàn kinh hoảng. Rồi chim lộn lại
mấy vòng và bay sà thấp xuống. Chim vừa thấy
dưới thung lũng một con chim nhạn, lông cánh
phờ phạc, đôi chân bị trói vào nhau và đôi mắt u
buồn. Chim đầu đàn sà thấp hơn nữa. Chim muốn
cứu lấy bạn mình. Và có ngờ đâu, trong khi đôi
mắt chỉ để ý đến con chim mồi đau thương, chim
nhạn đầu đàn sa vào lưới của tên đánh bẫy, đầu
chim lọt trọn vào một mắt lưới, đôi cánh cũng bị
kẹt vào trong những dây tơ. Càng muốn vươn tới,
chim càng bị quấn thêm chặt vào, càng muốn thối
lui thì các đường lông bị đẩy ngược xù lên,
không tài nào gỡ ra được.

Bầy nhận trên không quần lại, buồng lên những tiếng kêu đau xót trong lúc tên bầy chim, từ trong khóm cây, mừng rỡ chạy ra. Hắn đang tóm lưới lại. Hắn thật hài lòng về cái cách đánh bầy mới lạ của hắn và trong trí hắn tưởng tượng đến một lồng nhốt đầy chim nhận để dâng lên cho Vua hắn.

Hắn đang gom thâu gần hết lưới rồi. Chim nhận đầu đàn sắp phải nằm gọn trong tay hắn, bị nhốt vào trong lồng để rồi ngày hôm sau biến thành thức ăn thích thú của Hoàng Thượng. Trong lúc đó, thì trên không trung, một con nhận vụt sà thấp xuống, bay quanh chim đầu đàn, kêu lên những tiếng dài náo nức như là những tiếng khóc than. Người bầy chim giơ tay xua đuổi mà chim vẫn không chịu bay đi. Giận dữ, hắn nói :

- Tao mà có sẵn cung tên đây thì tao cho mày một phát để mày cùng chết theo bạn mày. Lời nói hung bạo, những tia lửa căm tức, vẫn không làm cho chim nhận kia sờn lòng. Chim cứ quần đi, quần lại bên chim đầu đàn, có lúc như muốn đâm sầm vào trong lưới và hai ba lần suýt bị người bầy chim nắm được.

Chửi rủa đã chán, tên bầy chim lại cụp lần hết tay lưới. Tay hắn đã nắm được chim đầu đàn và lần gỡ chim ra. Phải như mọi lần, nó chỉ làm trong

nhảy mất là xong để rồi giăng lưới lại, chờ bắt thêm con chim khác, nhưng lần này hắn không thể nhanh tay được. Hắn thấy bộ lông trắng nõn của chim đầu đàn như có cái gì quý giá vô song, nên nó giữ gìn cẩn thận từng tí. Đôi mắt chim không lộ vẻ gì sợ hãi mà trái lại vẫn nhìn thẳng như an nhiên tự tại.

Tên bầy chim cầm chim đầu đàn trong tay, ngồi xuống một phiến đá, bên cạnh lồng. Hắn để ý rằng từ nãy đến giờ, chim nhận kia vẫn theo sát nó, quần quít một bên chim đầu đàn, tiếng kêu khàn trông rất thảm thương. Bỗng nhiên tên bầy chim tự nghĩ : "Con chim nhận đầu đàn đẹp đẻ, khí thế oai nghiêm này mới đáng quý làm sao. Nếu đem chim nhốt trụ lồng đi, chộc tiết để dọn cỗ cho nhà Vua mua lấy cái thú vị ở đầu lưới, chất đầy một cái dĩa đầy thì thật là quá uổng phí. Hay ta phải trả chim lại cho trời đất !".

Nhưng liền sau đó, hắn nhớ lại nét mặt giận dữ của Vua, trong những bữa ăn thiếu thịt chim nhận, những lần hắn bị quở mắng và đe dọa bị bãi chức. Không thể được ! Hắn còn phải nghĩ đến vợ con, gia đình hắn đang sống nhờ bổng lộc của Hoàng Thượng. Tên bầy chim mở nắp lồng và nhốt chim nhận đầu đàn vào. Nhưng nó lại thấy chim nhận kia sà ngay xuống bên lồng, hai chân

bám vào hai vành tre. Chim nhận mất vẫn không rời chim nhận đầu đàn, mồm cất tiếng kêu thê thảm, máu miệng trào ra, chảy thành hai vạch đỏ trên đám lông trắng dưới cổ chim.

Tên bảy chim ngừng tay lại, ngẫm nghĩ rằng : "Loài chim muông còn biết thương nhau đến nỗi quên thân mạng như thế này, ta há nhẫn tâm giết hại chúng hay sao ?".

Vừa lúc đó thì chim nhận đậu ngoài lồng buông tiếng kêu than và se se đập cánh để khỏi ngã ngất xuống đất. Tên bảy chim lòng đã quyết. Hắn đứng dậy, mở tay vừa thả chim ra. Chim đầu đàn bay thẳng lên cao cùng với chim nhận kia, cất tiếng vui mừng như để cảm ơn rồi nhập vào đàn. Cả đàn chim quần quít lấy nhau, vỗ cánh tung bừng rồi xếp đặt lại đội ngũ, lướt nhanh về phương Nam như một đám mây trắng nổi trên vùng trời xanh.

Khi thả chim xong người bảy chim chợt thấy mình đứng trước cảnh tình khó xử. Hắn sẽ nói thế nào để nhà Vua khỏi quở trách khi hắn trở về với hai bàn tay không ? Nếu như nhà Vua cho hắn là một kẻ bất tài rồi nổi giận mà bãi chức thì gia đình, vợ con hắn sẽ ra sao ? Suy tính hồi lâu, hắn chỉ thấy còn cách là trình bày hết sự thật và trông mong nhà Vua sẽ thương tình mà tha tội cho hắn.

Hắn lúi thúi trở về, lòng nặng một mối lo âu. May mắn cho hắn, hắn gặp đức Vua trong khi Ngài đang dạo chơi ngoài vườn. Vua cho gọi hắn đến, muốn xem những chim nhạn mà hắn vừa bắt được. Lâu nay, Ngài chỉ thấy những con chim nhạn quay vàng trên đĩa bàn ăn mà thôi. Nhà Vua nhìn con chim nhạn lông trắng tuyết đầu cúi gục buồn thảm, trong chiếc lồng tre nhỏ và hỏi tên bắt chim :

- Chim nhạn kia có bộ lông trắng đẹp như thế, sao trông buồn thảm vậy !

Hắn quỳ xuống tâu :

- Tâu Bệ hạ, đây là con chim nhạn mồi. Lông chim nhạn đều màu trắng như tuyết. Thần đã dùng nó để nhử các chim nhạn khác bay sà vào lưới để bắt chúng dâng thịt cho Bệ hạ.

Nhà Vua nhìn dăm dăm vào bộ lông chim nhạn, vào đôi mắt u buồn của nó. Một lát, Ngài quay sang tên bắt chim.

- Ta khá khen cách bắt chim khá sâu hiểm của ngươi. Lấy chim nhạn để giết chim nhạn. Vậy thì ngươi đã sắp sẵn để sẽ dâng cho ta một bữa ăn tuyệt vời !

Tên bắt chim cúi đầu sát đất và run run hắn cất tiếng thưa :

- Tàu bè hạ ! Hôm nay Thần bắt được con chim nhận đầu đàn, lẽ ra phải dâng lên cho Bệ hạ. Nhưng vì con chim nhận khác đã không sợ chết, lặn xả vào chim đầu đàn mà kêu than thảm thiết đến nỗi trào máu miệng ra, suýt chết ngất đi. Nghe những tiếng kêu đầm máu, nhìn thấy cảnh tượng đau thương ấy, Thần đã mủi lòng nên đã thả chim ra. Thật là Thần đắc tội với Bệ hạ. Cúi xin Bệ hạ rộng lòng tha thứ.

Nhà Vua truyền đỡ tên bắt chim dậy. Vừa đứng lên, hần phan vân lo lắng không biết nhà Vua sẽ xử trí với hần như thế nào ? Bỗng hần nghe Nhà Vua phán :

- Người đã tự tiện giải quyết, như thế là phạm tội khi quân. Tuy nhiên người đã dám trình bày lại sự việc trước mặt ta, nên ta cũng vui lòng tha thứ.

Và trong khi tên bắt chim lạy tạ lui ra, Nhà Vua nghĩ rằng :

"Loài chim thú mà còn biết thương yêu nhau đến quên mạng sống như vậy ! Đến cả tên bắt chim mà còn xúc động để thả chúng ra. Lẽ nào, ta là một vị Vua lại không biết trải lòng thương yêu rộng rãi hơn ư !".

Nghĩ rồi, Ngài liền phát từ tâm và quay sang các cận thần. Ngài phán :

- Các khanh ! Các khanh có nghe thấy không ? Chim nhạn mà biết thương yêu nhau đến quên cả thân mạng, đó là một bài học cho chúng ta vậy. Riêng ta, ta muốn từ đây không sát hại đến chim nhạn. Ta thề sẽ không ăn thịt chim nhạn nữa".

Rồi quay phía tên bầy chim, nhà Vua nói :

- Ta khá khen cho người đã thả chim nhạn đầu đàn. Và ta còn dặn người điều này nữa, hãy từ bỏ phương pháp hiềm độc : Dùng chim nhạn để sát hại chim nhạn. Nghĩa là người hãy mở cửa lồng, thả cho chim nhạn mỗi trở lại tự do. Trở về với đất trời cao rộng.

Tên bầy chim làm theo ý Vua. Mọi người cảm thấy lòng thanh thản trong khi chim nhạn cất cánh bay vút lên tận mây xanh tiếng kêu vui mừng đưa theo gió ngàn lồng lộng.

*

Chim nhạn đầu đàn trong câu chuyện trên là tiền thân của Đức Phật Thích Ca, con chim nhạn đã liều chết để cứu chim đầu đàn đến nỗi đã làm lay chuyển cả lòng hung bạo của tên bầy chim, phát động từ tâm của nhà Vua trên đây, chim

nhận ấy là tiền nhân của Ngài A Nan, người Đệ tử gần gũi và tin yêu nhất của Phật.

DƯƠNG TRƯỜNG GIANG

**Bạn bè mấy kẻ đá vàng, hồng khi mưa nắng lữ làng cây
nhau. Khi vui thì vỗ tay vào, đến khi hoạn nạn thì nào
thấy ai.**

Con khi nhân từ

Đời xưa, có một con khi lớn, sức lực mạnh mẽ, trí não thông minh và lòng nhân từ của nó chưa chắc người đã bì kịp (tiền thân của Đức Phật Thích Ca) nó đi khắp cả rừng này, núi nọ để cứu giúp những kẻ gặp cơn hoạn nạn.

Một hôm, đang ngồi ăn trái ở trên cây, nó nghe có tiếng than khóc ở trong cái hang đá đưa ra. Ngạc nhiên nó nhãy đến nhìn xuống hang, thì ra một người bị rơi xuống đáy mà chẳng có đường lên. Nó tìm lối xuống hang rồi nói rằng : "Anh kia, anh đừng sợ hãi. Tôi xuống để cứu anh đây. Anh cứ leo lên lưng tôi để tôi công anh ra".

Người bị nạn trong lòng sợ hãi, nhưng cũng liều trèo lên lưng khi. Khi lần mò vịn từng cành cây khớp đá, cố đem hết sức lực mới ra khỏi hang. Cả hai cùng mừng rỡ nhưng vì quá mệt mỏi, phải nằm lăn trên thảm cỏ xanh, dưới một bóng cây to để nghỉ cho lại sức. Gió hiu hiu đưa người và khi

vào giấc ngủ say. Khi tỉnh dậy, người vừa được cứu thoát nạn nghĩ thầm : "Ta lâu nay đói khát và đường về nhà còn xa xôi, đồ ăn chẳng có, chỉ bằng trong lúc con khi đang ngủ ta lên giết quách, lấy thịt ăn qua ngày".

Người ấy liền lấy một hòn đá to ném vào đầu khi. Khi bị thương máu ra lai láng, liền nhảy lên cây, nhìn xuống, nó biết người kia cố tâm hại mình lòng ngao ngán nhưng không giận hờn. Nó đau đớn nhìn con người ác độc ấy và để rơi từng giọt nước mắt theo từng giọt máu đỏ xuống đám cỏ xanh. Một hồi lâu, nó liền chườn qua cây khác đi mất.

Lược sử PHẬT TỔ

Hãy tưới tình thương và đức độ xuống hận thù.

Đừng bao giờ lấy gươm giáo trả lời với gươm giáo.

Hãy sống cuộc đời Chư Phật, Hỷ Xả, Từ Bi.

Chết vì không chịu vâng lời

Đời xưa, có một bầy rùa rất đông, ở dưới một gốc cây đại thọ. Trong bầy có một con rùa chúa (tiền thân của Đức Phật Thích Ca) rất thông minh có thể đoán trước được những việc sắp xảy ra. Trên cây đại thọ có một bầy thần lùn thường hay tự thả mình từ trên nhánh cao xuống để khoe tài với bầy rùa ở dưới. Bọn rùa rất lấy làm khâm phục. Rùa chúa thấy thế mới bảo bầy rùa rằng :

- Các người không nên ở chỗ này, vì cách hành động của bọn thần lùn có khi sẽ làm cho chúng ta mang họa. Vậy các người nên theo ta mà đi ở một nơi khác, yên ổn hơn.

Trong bọn rùa có nhiều con nghe theo rùa chúa đi ở chỗ khác, nhưng có nhiều con cứng đầu không chịu đi. Khuyên bảo mãi nhưng bọn rùa cũng không nghe, rùa chúa đành đau đớn mà bỏ đi ở nơi khác với bầy rùa biết vâng lời.

Cách mười ngày sau, có một đàn voi đi ngang qua đây, đến nghỉ dưới gốc cây đại thọ. Bấy giờ những con thần lùn cũng như mọi ngày biểu diễn để rơi mình xuống đất chẳng may có con rơi vào lỗ tại một con voi. Voi bị nhột khó chịu, kêu la ầm ỹ. Cả bầy voi tưởng có thú dữ đến hại, hoảng kinh, chạy tán loạn. Bầy rùa ở dưới gốc cây không tránh kịp, bị đập chết rất nhiều.

Lược sử PHẬT TỔ

Trí tuệ là gốc của muôn hạnh lành.

Ngu si là nguồn tội lỗi.

Người không tai, mắt, mũi, lưỡi

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đang trú tại nước Xá Vệ, Tịnh xá Kỳ Đà diễn giảng giáo lý cho chúng Tỳ Kheo.

Có một gia đình trưởng giả, sinh được năm người con, nhưng toàn là gái, chẳng có thằng con trai nào hết. Trong lúc bà đang mang thai người con thứ sáu thì chẳng may ông trưởng giả chết.

Theo luật nước, nếu sau khi người cha chết rồi mà gia đình ấy không có con trai để thừa hưởng gia tài, thì của cải đó được sung công vào kho nhà nước.

Sau khi ông trưởng giả qua đời, thì chính quyền địa phương đến lập thủ tục giấy tờ tịch thu tài sản, sung công quý. Nhưng người con gái lớn không cho và đến tâu vua :

- Tàu bệ hạ, cha con mới mất, gia đình con hiển nhiên hiện giờ là không có con trai rồi, nhưng mẹ con còn đương mang một người con trong bụng, biết đâu sau này sinh ra sẽ là con trai thì sao. Vậy mong ơn Vua xin hẹn lại một thời gian, sau khi mẹ con đủ ngày, đầy tháng, chừng ấy quả thật là con gái thì vua hãy tịch thu cũng chẳng muộn. Vua nghĩ có lý bèn nói :

- Con nói có lý, ta sẽ cho quan địa phương dừng lại.

Chẳng bao lâu, bà trưởng già hạ sanh một cậu con trai, nhưng tiếc thay chẳng có tai mắt mũi lưỡi gì cả, chỉ có hình dáng như người con trai nên gọi là con trai mà thôi, bèn đặt tên là Man Từ Tỳ Lê.

Dù chẳng đầy đủ bộ phận con người, nhưng cũng là con trai, nên tài sản đó không bị nhà nước tịch thu làm của công.

Tuy được một người em trai, nhưng người chị chẳng hài lòng tí nào cả, mặc dù tài sản vẫn còn nguyên, vì đứa em trai chẳng giống vật chi mà cũng mang danh hưởng trọn một gia tài đồ sộ, cô chán nản cho thân gái bèn bỏ nhà đi làm kẻ hầu hạ cho người : Khi nấu ăn, khi dâng nước, chẳng khác như đứa tớ gái.

Gần đó có một nhà trưởng già, ông thấy vậy bèn hỏi :

- Nhà con giàu có, đâu phải nghèo hèn gì, tại sao không ở nhà mà thụ hưởng, tiêu xài mà phải ra thân tôi tớ cực nhọc vậy ?

- Thưa ông, cha con vừa chết, của cải đầy kho dựn, mà chị em chúng con đều là con gái, nên của kia bị Vua thu làm của công, nhưng may sao mẹ con vừa hạ sinh được một đứa con trai, nhưng nghiệt nỗi chẳng có tai mắt mũi lưỡi gì cả, nhờ vậy mà tài sản khỏi bị tịch thu. Em trai của con được trọn quyền sử dụng, nhìn thấy vậy mà buồn tủi cho phận gái vô duyên, chẳng bằng một người con trai mà chẳng ra người nên thân con mới ra nông nỗi này.

- Buồn làm gì vô ích, con muốn thoát khỏi thân gái bây giờ hãy tạo nhân lành, làm phước để kiếp sau sanh làm con trai khỏi ngô tuấn tú, vậy giờ con hãy đi với ta đến chỗ Phật.

Hai ông cháu cùng đi đến yết kiến Thế Tôn.

- Kính Bạch Thế Tôn, Man Từ Tỳ Lê được phước duyên gì mà sinh vào nhà giàu sang, phú quý, nhưng bạch Thế Tôn, bị tội gì mà sinh làm thân người mà chẳng đủ lực căn, xin Thế Tôn chỉ dạy.

- Lành thay, trưởng giả, về đời quá khứ có hai anh em sanh vào một gia đình giàu có, người anh

tên là Đàn Nhã Thế Chất người em tên là Thi La Thế Chất.

Người anh nết na thuần hậu, trung chính và hay bố thí, giúp đỡ kẻ nghèo cùng, bởi vậy nên được mọi người trong nước kính nể, tôn trọng, về sau được Vua chọn vào triều giữ chức bình sự, để xử lý việc kiện tụng của dân.

Theo luật bấy giờ, những người vay nợ, chẳng có giấy tờ bút mực gì cả, mà hai bên đều đến quan bình sự làm chứng cho là được.

Lúc ấy, nhà Thi La Thế Chất giàu sang cho vay tiền lấy lãi. Hôm ấy, có người lái buôn đến vay ông một số tiền khá lớn để đi buôn. Ngày giao tiền cả hai cùng đến trước quan bình sự để làm chứng. Khi đi Thi La Thế Chất dắt theo đứa con trai nhỏ, nói với anh rằng :

- Em chỉ có đứa con trai này, vậy sau này em có chết đi, thì món nợ người lái buôn mượn trả lại cho nó. Xin anh làm chứng cho.

- Em đừng lo, không sao đâu, sau này ông ta sẽ trả lại cho cháu, miễn sao ông đi được tốt đẹp và trở về an toàn là hay.

Sau thời gian chẳng bao lâu, Thi La Thế Chất qua đời, để lại tài sản cho vợ và con, còn người lái

buồn kia không may, khi thuyền ra biển bị trận bão đánh đắm tàu tất cả, ông bám vào khúc gỗ và gió thổi tạt vào bờ.

Người con trai của Thi La Thế Chất hay được tin ấy lấy làm thương tình, nên khi gặp lại người lái buôn cũng chẳng đòi nợ.

Thời gian sau có người lái buôn khác, cho mượn vốn và dẫn ông ta đi để đền bù lại chuyến thất bại trước. Rất may, chuyến này gặp tốt đẹp hoàn toàn, vàng bạc, châu báu chở đầy tàu. Thế là ông ta phát tài lớn. Ông mời họ hàng anh em vui say, thanh toán món nợ của người lái buôn cho mượn vừa rồi, nhưng còn món nợ của Thi La Thế Chất thì không trả. Ông nghĩ : "Chuyến trước mình về chẳng thấy đứa con trai ông đòi hỏi gì, có lẽ khi mình với cha nó giao ước mượn tiền thì nó còn nhỏ quá nên không nhớ, hoặc là thấy mình buồn bán lỗ lã nên không đòi, vậy mình thử cậu bé có còn nhớ hay không".

Hôm đó ông mặc áo đẹp, cỡi ngựa đi chợ, gặp cậu con trai Thi La Thế Chất, cậu con trai hỏi :

- Người lái buôn, bây giờ ông đã phát tài lớn rồi, vậy hãy trả lại số tiền mượn khi trước của cha tôi đi.

Ông ta giả dò vó vắn rồi đáp :

- Nào tôi có mượn tiền của cha cậu hồi nào đâu, hay là ai, cậu nhầm ư ?

Trở về nhà, ông ta liền lấy một viên ngọc đi ngay đến nhà quan binh sự, nhét viên ngọc vào tay vợ quan, thưa rằng :

- Thưa bà quan lớn, khi trước tôi có vay của ông Thi La Thế Chất một số tiền nên bây giờ con ông theo đòi, mà hiện giờ gia đình tôi túng thiếu nên không trả nổi, vậy thằng con trai ấy đến kiện tụng thì xin bà nói giúp giùm quan lớn để cho qua, tôi khỏi trả số nợ ấy.

- Ôi ! Quan lớn nhà tôi trung thực lắm anh ơi ! Tôi không dám đâu.

Nhưng ông ta theo năn nỉ mãi nên bà ta cũng động lòng, chấp nhận. Đến tối, vợ đem câu chuyện ấy thuật lại cho chồng nghe, chồng gạt phắt đi và nói :

- Bà chỉ làm việc rầy rà, bà có biết nó là cháu tôi, hơn nữa tôi là người thành thực liêm chính, nhà Vua tin dùng, giờ này bà biểu tôi làm điều can dơ hay sao, mai nó có đến, sai lính đuổi đâu nó ra.

Sáng ngày người lái buôn lại lóc ngọc đến, vợ quan lớn thấy liền nói rằng :

- Không được ông ơi, tôi nói rồi nhưng chồng tôi không nghe, còn la tôi nữa.

Thấy bất ổn người lái buôn lòi ra hai viên ngọc nữa và nói rằng :

- Xin bà lớn giúp giùm cho một phen nếu giả như thằng con trai kia có kiện tụng và số tiền bồi thường ấy bà cũng đâu có dùng được. Bà cầm tất cả đi, xin bà thương cho trăm sự nhờ bà.

Nghe êm tai, và lòng tham nổi dậy bà hứa sẽ giúp.

Tối đến quan lớn làm việc về, cơm nước xong xuôi, vào phòng khách ngồi nghỉ, bà léo đéo theo sau và nói với chồng :

- Này mình, đó là việc nhỏ mọn mà, mình giúp tí thôi, có gì mà liêm chính quá.

- Không có lý như vậy, tôi là người thiên hạ tin dùng, nếu tôi làm điều gian dối, ăn hối lộ thì đời nay không ai tin tôi, rồi đời sau dọa vào địa ngục để trả nợ, biết chừng nào cho xong. Bà hãy dẹp đi, đừng nói nữa.

Đứng phắt dậy, ông bỏ vào phòng ngủ.

Lúc ấy đôi vợ chồng sinh được một mụn con trai chưa biết đi. Bà bèn lập mưu bế con vào phòng, gian dối :

- Tôi với mình kết duyên với nhau hai thân như một, gặp việc dù đến chết cũng chẳng thể rời nhau và cũng chẳng lúc nào trái ý, huống nữa đây là một

việc chẳng đáng kể, trọn quyền nằm trong tay mình, vậy mà tôi đã hết lời năn nỉ mà mình chẳng chiều tôi một chút, vậy mà tôi sống làm gì cho bạn lòng mình, tôi giết con trước rồi sau tự sát cho xong đời túi hổ này.

Quan bình sự nghe vợ nói quyết liệt như vậy, như nhát búa bổ vào đầu, nghẹn cả cổ họng, thầm nghĩ : "Ta chỉ có một mụn con, nếu chết rồi thì ai nối dòng gia thất, còn nếu chiều theo bà vợ oan nghiệt này thì trái pháp luật, làm điều xằng bậy, đời này bị phi nhò, rồi đời sau chịu quả báo khổ muôn kiếp. Thật là một việc nan giải, từ chối cũng không được mà nhận lời cũng chẳng yên". Cuối cùng buộc lòng ông phải đáp :

- Thôi, bà cứ yên tâm.

Thấy chồng chấp nhận bà vui mừng, sáng hôm sau gặp người lái buôn, bà hôn hờ nói :

- Mọi việc đều xong, quan lớn nhận lời rồi, ông khỏi lo.

- Thật cảm ơn bà muôn vạn, quý hóa quá, nhờ bà tận tình giúp đỡ.

Sáng hôm sau người lái buôn thức dậy, mặc áo quần bánh bao, đeo vòng vàng ngà ngọc, cưỡi ngựa đi vào chợ, cậu bé con trai Thi La Thế Chất thấy

minh ông đeo dây vòng vàng, ngà ngọc thăm
tường chắc ông ta mang đến trả nợ cho mình,
nhưng một đổi chẳng thấy ông nói gì hết và có vẻ
làm lơ, cậu bèn chạy lại hỏi :

- Này người lái buôn, tiền nợ của cha tôi khi
trước ông nên trả cho tôi đi chứ !

- Ô kia, cậu bé, ai vay nợ cha cậu hồi nào ?

- Ông quên rồi hả ? Có quan bình sự làm chứng
mà !

- Tôi không biết, cậu có muốn cứ trình quan.

- Vậy ông theo tôi.

Hai người bèn đi đến trước quan bình sự.

- Thưa bác, ông lái buôn này ngày trước có vay
tiền của cha con để đi buôn và khi ấy bác làm
chứng, lúc ấy cũng có con nữa. Vậy mà bây giờ con
đòi, ông nói chẳng có vay mượn chi cả. Xin bác giải
quyết dùm con.

- Này cháu, bác có nghe nói gì đâu ? Hay là cháu
nhầm ai rồi. Thôi cháu nghe lời bác, hãy bỏ qua đi,
đừng rầy rà nữa.

- Không, chính bác đã quên chứ cháu không có
nhầm đâu, hôm đó bác có đưa tay chỉ và nói với
cha cháu rằng : "Được rồi không sao đâu, chú cứ

yên lòng cho họ vay, miễn họ đi về được yên lành thì tốt". Vậy mà bây giờ bác bảo là không thấy, không nghe, không chi, không nói gì.

- Bác là người xử đoán công minh, luật pháp rõ ràng, lẽ nào bác lại ép cháu. Thôi cháu chớ có nhiều lời.

- Thưa bác, bác là người liêm chính, trung thực nhà Vua cử làm Quan bình sự, ai ai cũng tin dùng bác, còn tôi, tôi là cháu ruột của bác mà bác xử ngược lý như vậy thì người ngoài ra sao nữa, bác sẽ ép họ đến mức nào. Nhưng riêng cháu, cháu cũng chẳng biết điều phải lẽ trái như thế nào, thôi thì, đời sau sẽ rõ.

Thuyết giảng đến đây, Đức Thế Tôn nhắc lại :

- Này Trưởng Giả, Quan bình sự thuở trước nay chính là Man Từ Lê Tử, chịu phải quả báo không tai mất mũi lưỡi, bởi do một lời nói dối và già bộ làm ngơ lúc đó, nhưng cũng vì hay giàu lòng bố thí nên được phước thọ sanh nhà giàu sang, phú quý và làm chủ một gia tài đồ sộ như thế.

Sự báo ứng thiện ác rõ ràng, hãy cẩn thận miệng lưỡi chớ nói càn mà mang họa.

GIỚI ĐỨC

Kiếp này nợ trả chưa xong

Làm chi thêm nợ chồng kiếp sau

Tai hại của sân hận

Thuở xưa, tại thành Ba La Nại dưới quyền thống trị của Đức Vua Ki Ta Va Sa, Ngài là một minh quân, thương yêu dân chúng như con ruột của mình.

Hiền nội của Ngài là một trang tuyệt sắc giai nhân, đủ tài cầm kỳ thi họa. Trong chuỗi ngày hạnh phúc trọn vẹn ấy, Hoàng Hậu thọ thai, thật là một tin lành khiến cho Hoàng gia và dân chúng vui mừng không sao tả xiết. Đức Vua Ki Ta Va Sa vốn đã thương yêu Hoàng Hậu, bây giờ lại quý mến hơn, và hăng gia tăng lễ bái cầu nguyện thường xuyên hơn, tự thân Ngài chăm sóc từng miếng ăn thức uống của nàng, cho đến màn nệm gối loan thật êm ấm, thật tinh khiết. Một đoàn ngự y được lệnh túc trực bên Hoàng hậu để theo dõi sức khỏe, từng biến chuyển của Hoàng Hậu và thai nhi.

Thời gian thấm thoát trôi qua, ngày khai hoa nở nhụy đã đến, Đức Vua Ki Ta Va Sa cùng Hoàng

tộc hết sức đợi chờ, dân chúng Ba La Nại đều kéo về Hoàng Cung, hàng vạn dân chúng tụ tập quanh Hoàng thành để chờ đợi tin mừng, thời gian hình như lắng đọng. Khi tiếng loa tin Hoàng Hậu trở sanh Hoàng Tử thì tiếng reo mừng của dân chúng vang trời dậy đất. Mọi người ôm nhau nhảy nhót hò hét như điên để biểu lộ niềm vui tột cùng ấy. Nhưng người sung sướng nhất hôm nay phải kể là Đức Vua Ki Ta Sa Va. Ngài truyền lệnh dân chúng kết hoa ăn mừng, một đại tiệc được tổ chức sau đó, Hoàng Tử mới ra đời được chọn một tên thật đẹp là Đút Tha Ku Ma Ra.

Một vị tiên tri đại tài được mời đến, sau khi quan sát Thái Tử nhiều lượt, nét mặt nhà tiên tri bỗng thoáng vẻ âu sầu. Đức Vua liền phán hỏi :

- Khanh xem tướng Thái Tử như thế nào mà lo về lo âu như vậy ?

Vị tiên tri ngập ngừng :

- Tàu Hoàng Thượng... Tàu Hoàng Thượng...

Đức Vua nóng lòng hỏi :

- Hoàng Tử thế nào ? Khanh cứ trình bày, ta sốt ruột lắm !

Vị tiên tri đáp :

- Muốn tàu Bệ hạ, hạ thần không muốn vì

một lời nói của mình làm suy giảm cuộc vui hôm nay.

Đức Vua vội nói :

- Kể từ các vị Tiên Đế dựng nước đến nay, dòng dõi của ta là một chủng tộc anh hùng, chỉ biết chiến thắng không hề biết chiến bại, ta và chủng tộc bao giờ cũng nhìn thẳng vào sự thật, Khanh cứ tâu trình đi, đừng ngại chi cả.

- Muốn tâu Hoàng Thượng, sau này Hoàng Tử sẽ lìa đời một cách khổ sở lắm.

- Khổ sở đến mức nào ?

- Kính tâu, Hoàng Tử sẽ lìa trần bởi khát nước.

Đáp xong vị Tiên tri xin phép cáo từ, Đức Vua cho tùy tùng đưa vị Tiên Tri đến nơi cư ngụ.

Vốn biết tài tiên đoán của vị Tiên Tri không bao giờ sai. Đức Vua cho triệu tập bá quan một phiên họp khẩn cấp, tại Kim Loan điện. Hôm ấy, bầu không khí thật u buồn và nghiêm trọng. Ai ai cũng hiểu rằng, Hoàng Tử bây giờ không phải riêng của Đức Vua và Hoàng tộc mà sinh mạng của Hoàng Tử bây giờ gắn liền với niềm hy vọng của toàn thể dân tộc này. Bá quan ai cũng thi nhau đưa những ý kiến hay nhất của mình. Cuối cùng một kế hoạch tỉ mỉ được thảo ra với niềm hy vọng

lớn sẽ ngăn ngừa những điều tai hại xảy đến cho Hoàng Tử.

Một mặt Đức Vua truyền lệnh cho đào giếng trong và ngoài thành, trữ nước bằng lu để trong các chòi lá rải rác theo dọc đường. Một mặt Vua ra lệnh cho các nơi gia tăng nguyện cầu mong được nhiều sự an lành đến cho Thái Tử. Nhưng than ôi ! Nghiệp chướng của Hoàng Tử Đút Tha Ku Ma Ra quá sâu dày, cho nên bây giờ dù muốn chuyển nghiệp cũng rất khó, những nghiệp ác đó đã tạo phải trả không sai vậy.

Thời gian thấm thoát trôi qua, Hoàng Tử Đút Tha Ku Ma Ra lớn dần trong sự vui mừng của Đức Vua, Hoàng Hậu cùng Hoàng Tộc, nhưng ai cũng lo lắng không hiểu đại họa chừng nào sẽ đến cho Hoàng Tử.

Càng lớn lên Đút Tha Ku Ma Ra cũng tỏ ra thông minh đỉnh ngộ, văn võ song toàn, nhưng trước sự nuông chiều của Đức Vua cùng Hoàng Hậu và sự kính trọng của mọi người, lòng kiêu hãnh cũng lớn dần theo thời gian. Bao giờ Đút Tha Ku Ma Ra cũng nghĩ rằng ngoại trừ phụ vương và mẫu hậu, ai ai cũng phải cúi đầu trước mặt chàng.

Cách kinh thành Ba La Nại không xa, một khu lâm viên tươi tốt, thú rừng rất nhiều. Dân chúng

không được phép bén mảng đến đây, khu lâm viên này chỉ dành cho Hoàng tộc, Hoàng Tử Đút Tha Ku Ma Ra rất thường đến đây tha hồ bắn giết không một chút nương tay. Trong xứ ấy dân chúng rất tôn trọng những nơi tu hành này. Các vị tu sĩ kể từ các triều đại trước, những ngôi tu viện luôn luôn được Nhà Vua xây dựng và bảo hộ, những vị tu sĩ luôn luôn được tôn trọng, vì họ hiểu rằng có như thế các vị Thánh nhân mới đủ cơ duyên ra đời, bởi một nước nào nơi tôn thờ được giữ gìn có các vị Thánh nhân xuất hiện, xứ ấy sẽ hưởng thanh bình an lạc, mưa gió thuận hòa, thiên tai sẽ không đến, và triều đại sẽ rất bền vững.

Một hôm Hoàng Tử Đút Tha Ku Ma Ra cùng đoàn tùy tùng đến khu lâm viên săn bắn, Đút Tha Ku Ma Ra rất thích khu rừng này vì nơi đây có đủ muông thú để thỏa mãn lòng hiếu sát của chàng.

Ngược chiều với đoàn xa giá, một vị Phật Độc Giác lặng lẽ ôm bát vào thành khát thực, trước vẻ trang nghiêm và oai nghi tế hạnh của vị Bích Chi Phật, những tư tưởng an lành của ngài luôn luôn phát tiết, khiến mọi người khi nhìn Ngài cảm thấy hoan hỷ lạ thường. Không ai bảo ai, đoàn tùy tùng đồng loạt chấp tay cung kính hướng về Đức Phật Độc Giác đánh lễ.

Hoàng Tử Đút Tha Ku Ma Ra thấy thế, lòng sân hận nổi lên như thác lũ, nghĩ rằng bọn tùy tùng ấy chỉ được phép cúi đầu trước mặt mình mà thôi, bây giờ trong khi đi với mình mà ngang nhiên cúi đầu trước lão tu sĩ này.

Nhanh nhẹn rời lưng voi, tiến đến trước mặt Đức Phật Độc Giác giựt lấy bình bát trên tay Ngài quăng xuống đất rồi dẫm lên cho bể. Đoàn tùy tùng kinh ngạc lẫn hãi hùng trước hành động quá ngông cuồng của Thái Tử nên không ai kịp can gián điều gì.

Với lòng bi mẫn, nghĩ rằng hành động tội lỗi vĩ đại như thế sẽ gây nhiều thảm họa cho kiếp hiện tại và kiếp vị lai, nên Đức Phật Độc Giác nhìn Hoàng Tử với đôi mắt từ bi vô lượng.

Không một chút hối hận ăn năn, Thái tử cất lên một chuỗi cười ngạo nghễ và khiêu khích :

- Này lão Sa môn kia, ông biết tôi là ai không ?

Đức Phật Độc Giác vẫn yên lặng.

Hoàng tử nói tiếp :

- Ta là Hoàng Tử Đút Tha Ku Ma Ra con của Ki Ta Va Sa đây.

Vị Độc Giác Phật vẫn lặng yên không nói gì. Đút Tha Ku Ma Ra thao thao bất tuyệt :

- Lão có giận ta không ? Lão hãy mở mắt nhìn ta cho kỹ. Xem bộ dạng ông như thế mà dám làm gì ai.

Đức Phật Độc Giác vẫn thản nhiên yên lặng, Ngài đành chịu đói và vận thần thông bay về núi Nam Dra Mu Ha Ka.

Không còn hứng thú trong việc đi săn đó nữa, Hoàng Tử truyền lệnh cho đoàn tùy tùng trở lại hoàng cung. Đoàn tùy tùng nặng nề lui bước, ai ai cũng lo sợ vì nghiệp dữ quá nặng nề mà Hoàng Tử mới tạo.

Trên đường về, Hoàng Tử bỗng cảm thấy nói năng lạ thường, sức nóng ngày càng tăng, cảm thấy khát nước. Hoàng Tử truyền lệnh cho đoàn tùy tùng tìm nước uống, nhưng do nghiệp lực quá nặng nề khiến hồ ao giếng đều khô cạn, đoàn tùy tùng tìm mãi không được một giọt nước nào, trong khi ấy Hoàng Tử đang lẫn lộn la hét :

- Nước ! Nước ! Hãy cho ta uống nước. Ôi ! Khát nước quá ! Có lẽ ta chết mất !

Dù tận tâm tận lực, đoàn tùy tùng vẫn không tìm ra chút nước nào, thậm chí đến một giọt cũng không có.

Chịu khát không nổi, Đút Tha Ku Ma Ra quần quai khổ sở, cuối cùng trút linh hồn.

Sau khi lìa trần, linh hồn Hoàng Tử bị dọa vào địa ngục A Tỳ chịu khổ không sao tả xiết.

GIỚI DỨC

Giận lên là phát cơn điên

Người khôn hóa dại, người hiền hóa ngu.

Tai hại của lòng tham

Thời Đức Phật còn tại thế, một hôm Ngài cùng A Nan đi du hóa tại một vùng quê, Đức Phật đang đi trên đường bỗng Ngài bước đi bên bờ cỏ. A Nan ngạc nhiên, tự nghĩ : "Đức Thế Tôn không bao giờ đi dặm trên cỏ non, vì lý do nào hôm nay Ngài không đi trên đường mà lại đi bên cỏ". Nghĩ thế A Nan bạch Phật :

- Bạch Thế Tôn, vì sao Thế Tôn không đi trên đường mà lại tránh đi bên cỏ !

- Nay A Nan, phía trước ta có kẻ giặc, sau ta có ba Phạm Chí đang đi, họ sẽ gặp giặc đó.

Ba người Phạm Chí đang đi bỗng thấy bên đường có một gói vàng bên dừng lại lấy bỏ túi.

Khi được của, ba anh mới bàn tính, rồi bảo một người đến chợ mua đồ về ăn uống no say, khac nhau một bữa.

Anh đi chợ vừa đi vừa nghĩ : "Gói vàng ấy nếu chia cho hai anh kia thì ta sẽ ít đi, chỉ bằng nhân

lúc này ta cho thuốc độc vào đồ ăn để giết cả hai người kia thì số vàng đó do ta hưởng trọn". Nghĩ thế, anh liền thực hành ngay ý định.

Trong khi đó, hai người ở lại cũng cùng nhau bàn tính :

"Nếu chúng ta chia chò người kia thì số vàng sẽ bị ít đi, chi bằng đợi nó về rồi cả hai cùng ra giết quách là xong". Nghĩ vậy hai người cùng núp vào chỗ kín, chờ người kia đi chợ mua đồ ăn về, liền nhảy ra giết chết. Giết xong, hai người đem đồ ăn ra, ăn uống, no say thỏa mãn, nhưng khi ăn xong thuốc độc thấm vào người, liền lăn đùng ra đất chết hết.

Đức Phật bảo A Nan :

- Cả ba người vì lòng tham nên sanh ác tâm để rồi cùng giết hại lẫn nhau. Kẻ ngu si thật đáng thương.

GIỚI ĐỨC

Khi lòng tham đã xâm nhập con người thì họ quên mất đạo đức ở đời này và quả báo ở đời sau.

Trì giới thanh tịnh

Xưa tại núi Trung Nhạc có thầy Tỳ kheo Nguyên Khuê hằng ngày ngồi dưới gốc cây trong chốn rừng sâu u tịch để nhập định. Thầy đã giữ giới rất thanh tịnh trong tâm tư đã không, ngoài cảnh được tịch nên mới chứng được Pháp Hoa Tam Muội. Công phu tu luyện của Thầy đã khiến Thầy nhận thấy tâm Thầy với Phật đã phối hiệp, thân với Đạo đã cảm thông.

Thần linh các cõi đều cảm phục công đức Thầy và rải hoa Mạn Đà La xuống để dâng cúng.

Một buổi nọ, trăng thanh gió mát, Tỳ kheo Nguyên Khuê tụng niệm vừa xong, bỗng thấy có một người tướng mạo oai vệ đứng một bên mình, Thầy vui vẻ cất tiếng hỏi :

- Nhân giả là ai vậy ? Người đến với tôi đàm đạo chơi hay có điều chi cần thiết ?

Khách đáp rằng :

- Tôi là Thần Nhạc Đế ở núi này, thấy Thầy tri giới thanh tịnh nên hết lòng cảm phục. Nay tôi đến cầu xin Thầy mở lòng từ bi truyền giới cho tôi được tu tập, vì giới Pháp của Đức Phật sẽ hóa độ tất cả chúng sanh vượt ra ngoài sông mê bể khổ.

Tu sĩ đáp :

- Nhân giả đã thành tâm cầu giới thì ắt được, hà tất còn xin ta truyền giới làm chi vì giới tự trong tâm mà ra chứ đâu phải tự ngoài tâm mà tới.

Nhạc Đế khẩn khoản thêm :

- Lời Thầy dạy đó hẳn là tâm lý giới. Tôi còn mê muội chưa thấu suốt được xin Thầy truyền giới cho tôi, tôi tập hành theo sự tướng để ngộ nhập lý tánh.

Tỳ Kheo bèn lên điện thắp đèn đốt hương kính cẩn lễ Phật và ngồi lại nghiêm trang thuyết thần Nhạc Đế :

- Năm giới rất khó giữ gìn cho được thanh tịnh viên mãn. Khi kể các giới, nhân giả phải suy nghĩ cho kỹ, liệu giữ được giới nào thì thọ giới ấy, bằng không giữ được thì thôi chớ đừng nên nói giữ được mà sau lại hủy phạm. Như thế thọ giới đã chẳng được công quả gì mà còn thêm mắc tội "phá giới".

Vị thần kính cẩn thưa lại :

- Tôi xin vâng theo lời dạy của Thầy.

Thầy Nguyên Khuê lại nói :

- Giới thứ nhất : Phật cấm sát sanh, không cho giết hại thân mạng các giống hữu tình dù nhỏ mọn như loài sâu kiến, liệu người có giữ được chăng ?

Nhạc Đế đáp :

- Tôi lãnh nhận nhiệm vụ sát hại kẻ hung ác để răn đời. Nếu bỏ việc ấy tôi sẽ không làm tròn bổn phận.

Giới sư nói :

- Không phải thế, ta muốn người lưu ý đến những kẻ vô tình không cố tâm phạm tội mà trót lỡ làm phạm phải thì hãy nên châm chúc và những án nào mà người còn nghi ngờ thì hãy xét lại tận tường rồi mới ra tay thi hành để tránh giết oan người vô tội.

Nhạc Đế nghe xong nhận xin thụ giới thứ nhất.

Giới sư lại tiếp :

- Giới thứ hai Phật cấm trộm cắp, không cho phép giữ lấy vật gì không thuộc quyền sở hữu của mình, dù là vật mọn không đáng giá là bao như

ngọn cỏ cành rau nếu người không cho, ta không được phép lấy. Nhân giả nghĩ thế nào ?

Nhạc Đế nói :

- Tôi làm Thần linh, ngay thẳng lắm không hề trộm cắp của ai.

- Ý ta muốn bảo nhân giả đừng hưởng lễ của kẻ ác mà tha thứ nó, cũng chớ nên trách người lương thiện không hay cúng dường mà chẳng độ trì.

Nhạc Đế nhận giữ một lòng vô tư, làm tròn phận sự đúng như lời Giới sư chỉ bảo.

Giới sư lại tiếp :

- Giới thứ ba, Phật cấm phạm dâm, liệu người có giữ được chăng ?

Nhạc Đế ngấm nghĩ rồi thưa :

- Tôi lỡ đã có vợ rồi, biết làm sao giải được.

- Được, điều đó không sao, nhân giả có vợ nhưng phải gìn giữ cho có tiết độ, ngoài ra không được gian dâm với vợ người hoặc con em người.

Nhạc Đế nhận mình chuyên trưng trị nghiêm khắc những kẻ tà dâm, sẽ không phạm giới ấy.

Đến đây, Giới sư lại tiếp :

- Thứ tư là Phật cấm nói vọng : Không nói dối trá, không nói hai lời, không nói bóng bẩy xa xôi, không nói lời gian ác, nhân giả giữ được không ?

- Tôi chánh trực công minh không bao giờ nói vọng.

Giới sư nói :

- Như thế chưa đủ, ta muốn nhân giả trước khi nói điều gì phải suy nghĩ chín chắn, coi lời nói có đúng với chân lý hay không. Lời nói là vô cùng quan hệ nhất là đối với người quyền thế, có thể làm cho kẻ khác nên cửa nên nhà hoặc tán thân mất nghiệp.

- Tôi xin tuân lời Thầy.

Giới sư tiếp :

- Giới thứ năm Phật cấm uống rượu, nghĩa là các chất làm say người.

- Rượu là vật đứng đầu trong các lễ vật cúng tế của người thế gian, thiếu nó thì không ra lễ.

Giới sư ngắt lời :

- Như thế có thể châm chước cho nhân giả được dùng chút ít trong dịp đại lễ. Ngoài ra không nên nhận những buổi tiểu lễ và lai rai uống mãi vì

uống nhiều sẽ say đến mất trí khôn, làm hỏng các công việc. Còn khi nào người ta cúng mà lỡ thiếu rượu thì đừng vịn câu "Vô từu bất thành lễ" mà trách phạt hay không chứng cho người.

Nhạc Đế nguyện xin tuân theo giới từu trong điều kiện ấy. Giới sư giảng giải thêm :

- Năm giới tôi vừa kể là năm giới gốc làm căn bản cho mọi giới, phạm hề trì giới thì phải biết kinh quyền, biến thông chớ không thể câu nệ chấp nhất.

Nhạc Đế từ khi thọ giới hết sức vui mừng ra công gìn giữ. Có lần Nhạc Đế quá hào hứng thốt với Giới sư rằng :

- Thưa Thầy, từ khi trì giới đến nay, Thần thông của tôi rất là diệu dụng, chỉ kém có Đức Phật mà thôi.

Tỳ kheo vội bảo :

- Nhân giả thọ giới thứ tư "Không vọng ngữ" mà đã vội quên. Trước khi nói lời gì phải suy nghĩ chín chắn xem có đúng hay không rồi sẽ nói, thế mà người cao hứng quá nói ra như thế nên phạm tội nói dối. Vì người tuy làm thần, có phép biến hóa nhưng còn năm việc chưa làm nổi.

Thứ nhất là người không thể trái lệnh bề trên cai trị người.

Thứ hai người không thể đi bảy bước từ phương Đông sang phương Tây, hay từ phương Bắc xuống phương Nam.

Thứ ba là người chưa đủ sức cai quản tất cả chư vị bách linh và thống lãnh hết quyền chánh trong Tòa Ngũ Nhạc.

Thứ tư người không thể chuyển đi được bốn biển.

Thứ năm người không thể trốn khỏi luật vô thường.

Chính Đức Phật là bậc vô thượng Chí Tôn của Tam giới còn nhận rằng Ngài có ba điều chưa làm được thay.

- Thứ nhất Ngài không thể diệt ngay được định nghiệp.

- Thứ hai tuy Ngài biết rõ được tất cả nghiệp tánh của chúng sanh với nhân quả muôn kiếp ngàn đời của họ, nhưng Ngài không thể cứu độ được những chúng sanh vô duyên với Phật.

- Thứ ba là tuy Ngài hóa độ được vô lượng, vô biên, vô số chúng sanh nhưng Ngài cũng không độ được hết thế giới chúng sanh.

Vậy khuyên người nên ngẫm điều đó mà từ đây cố gìn giữ lời ăn tiếng nói keo mắc lấy khâu nghiệp.

Thần Nhạc Đế cúi lễ Giới Sư nguyện sám hối và thưa rằng :

- Tôi nhờ Thầy chỉ dạy lý huyền của Đạo vô thượng như kẻ đi đêm được nhờ ánh sáng soi đường. Thật là một điều duyên phúc lớn vậy. Từ nay tôi xin tình nguyện hiến thân này để Thầy sai khiến gọi là đền đáp ân nghĩa.

Thầy Nguyên Khuê vội chối từ :

- Bấy lâu nay trong tâm ta đã rộng không mà ngoài cảnh ta vẫn tịch, ta còn mong mỏi gì hơn mà nói đến ân nghĩa.

Nhạc Đế thưa :

- Đức Phật còn hoan hỷ cho Chư Thiên Bát Bộ hộ pháp Ngài, nay mặc dù Thầy không lưu tâm đến chuyện đền ân trả nghĩa nên lòng tôi phát nguyện muốn để lại chút kỷ niệm với Thầy trong cảnh Già lam.

Giới Sư mỉm cười và sau đó Thần Nhạc Đế dùng phép thần thông biến nơi am cỏ của Tỳ kheo thành một nơi đầy hoa lá tốt tươi, hương thơm bóng mát, phong cảnh thật là thanh khiết u tịnh để đền ơn vị giới sư đã giác ngộ mình...

Trích Niên Lịch P.G.

Giới luật còn đạo pháp còn.

Phật xử kiện

Có một người đàn bà bồng một đứa bé đến hồ sen của Đức Mahosadha để rửa tay cho nó. Sau khi rửa ráy cho con và để con ngồi trên đồng áo quần khô, người đàn bà ấy xuống hồ tắm rửa.

Lúc bấy giờ, một con quỷ Dạ Xoa cái trông thấy và thèm ăn thịt đứa bé. Nó liền biến thành một người đàn bà và đến nói với mẹ đứa bé rằng :

- Chị ơi, thằng nhỏ dễ thương quá ! Phải con chị không ?

- Vâng con tôi đấy.

- Tôi cho nó bú nhé ?

- Được, chị cứ cho.

Lúc ấy con quỷ ẵm đứa bé lên, nâng niu rồi bồng đi mất.

Trông thấy con mình bị người lạ mặt bồng đi, mẹ đứa bé đuổi theo và la lên :

- Chị, chị đem con tôi đi đâu đấy ?

- Sao, con chị à ? Đây là con của tôi.

Hai người đàn bà tranh chấp nhau về đứa bé.

Từ trong nhà nghe tiếng cãi cọ ồn ào, Đức Mahosadha gọi họ và hỏi :

- Có chuyện gì xảy ra đấy ?

Sau khi biết được lý do của cuộc tranh chấp và nhận ra con quý Dạ xoa cái qua đôi mắt đỏ ngầu và thân hình không in bóng của nó, Đức Mahosadha hỏi thêm :

- Các người có muốn ta phân xử việc này không ?

- Xin Ngài phân xử cho.

Đức Mahosadha gạch một đường thẳng trên mặt đất, đặt đứa bé nằm cân phân trên đường thẳng ấy và bảo con quý cầm hai tay đứa bé, mẹ nó cầm hai chân đoạn Ngài hô lên :

- Hai người kéo đi. Đứa bé sẽ thuộc về người kéo được nó.

Hai người đàn bà nong sức kéo, đứa bé đau quá ré lên khóc.

Mẹ đứa bé, vì quá thương con, không kéo được nữa và đứng khóc.

Đức Mahosadha hỏi mọi người chung quanh :

- Trong hai người, mẹ ruột và người dưng, ai là kẻ thương yêu đứa bé ?

- Kính thưa Ngài, mẹ ruột.

- Và ai là người mẹ của đứa bé ? Người giữ đứa bé hay là người tha đứa bé ?

- Kính Bạch Ngài, người tha đứa bé.

- Các người có biết người ăn cắp đứa bé này không ?

- Kính Ngài, chúng con không biết được.

- Đấy chính là một con quỳ Dạ xoa cái, nó đã ăn cắp và định ăn thịt đứa bé.

- Kính Bạch Ngài, tại sao Ngài biết ?

- Bởi vì đôi mắt của nó đỏ ngầu, thân hình của nó không có bóng, nó không có một chút tình thương đối với đứa bé và kéo đứa bé một cách tàn nhẫn.

Bấy giờ Đức Mahosadha mới hỏi con quỳ Dạ xoa cái :

- Mày là ai ?

- Tôi là quỳ Dạ Xoa.

- Tại sao mày ăn cắp đứa bé ?

- Để ăn thịt nó.

- Vì mê muội, kiếp trước mầy đã phạm nhiều tội ác và phải đầu thai làm quỷ. Thế mà ngày nay mầy vẫn tiếp tục phạm tội ác. Ngu si làm lạc như thế thật là quá đỗi !

Sau khi ban dạy những lời vàng ngọc trên, Đức Mahosadha quy y cho con quỷ Dạ Xoa trước khi nó từ giả.

Mẹ của đứa bé hướng về Đức Mahosadha và bạch rằng :

- Kính Bạch Ngài, con xin kính chúc Ngài được trường thọ.

Rồi với đứa con trong tay và niềm hoan hỷ trong lòng, người đàn bà bái biệt Đức Mahosadha...

THIỆN CHÂU

Không bố thí tiền của, không bố thí pháp, không bố thí vô úy, thường ôm lòng tham lam ganh ghét, do nhơn duyên ấy sẽ sanh vào cõi ngạ quỷ.

Phận đẹp duyên may

Ngày xưa, tại một địa phương nọ bên nước Ấn Độ có một ngọn núi tên gọi Âm Sơn. Trên núi cây cối um tùm, cỏ hoa tươi tốt, quanh năm ít có người qua lại, thực là một cảnh thích nghi cho những ai muốn lên đây tu hành. Về sau, ngọn núi tĩnh mịch này được nhiều vị tu hành để ý mỗi ngày một nhiều, nên dần dà thành ra chốn đạo tràng của các vị thánh Tăng, được hàng vạn người kính mộ và lên núi cầu phúc, cúng dường, thiết trai luôn luôn không ngớt.

Một hôm có một vị Trưởng giả đem người nhà lên núi chuẩn bị một bữa cơm chay rất tinh khiết để cúng dường chúng Tăng. Mọi người lũ lượt lên núi, dự buổi tập phước này, trong số đó có một cô gái nghèo, tuổi 17, 18 nghĩ rằng : "Hôm nay nhà Phú ông cúng dường Chư Tăng trên núi, nếu ta lên theo chắc thế nào cũng được một bữa no nê, nhất là đã mấy hôm nay, ta chưa hề được bữa ăn nào gọi là lưng lửng dạ". Nghĩ

xong, với một vẻ mặt hớn hờ, người con gái đó rảo bước chân đi.

Khi cô gái nghèo ấy lên đến đỉnh núi thấy cổ chay của Trưởng giả bày ra đủ thứ mỹ vị thơm tho tinh khiết thì trong bụng nghĩ : "Kiếp trước vị Trưởng giả này chắc là dày công tu thân tích phước, nên ngày nay mới thành người giàu có, đó là quả báo đền bù. Đến ngày nay Phú ông lại có Thiện tâm thiết trai cúng dường Chư Tăng, sửa tạo những công đức lớn, chắc rằng phước quả kiếp sau còn nhiều, có lẽ còn nhiều hơn cả đời hiện tại này nữa.

Ngẫm lại thân ta - cô gái nghèo nghĩ tiếp - thực là đáng thương ! Chỉ vì kiếp trước không biết tu tạo phước quả, cho nên bây giờ mới chịu cảnh cùng khổn như thế này. Nếu giờ đây ta không lo tu phước thì kiếp sau chắc còn nghèo khó gấp mấy ! Vậy, hiện tại trong lưng còn hai đồng tiền đồng mà ta đã dành dụm được, sao ta chẳng đem ra cúng dâng các vị Hòa Thượng có được không ? Mặc dù hai đồng tiền này cũng có thể mua được hai chiếc bánh ăn tạm cho đỡ đói lòng, xét ra : Nếu ta đem cúng dâng các vị tu hành xuất gia thì ta không đến nỗi chết kia mà".

Nghĩ rồi, cô gái nghèo lẳng lặng đợi các vị Tăng Ni dùng trai xong, liền móc trong bị ra hai đồng tiền đồng cung kính dâng lên Hòa Thượng.

Theo qui tắc đã định trên núi Nà, nếu có ai bỏ thí cúng dường thì chỉ có vị sư tri khách đứng lên thay mặt Chư Tăng hướng thí chủ mà chúc phước. Nhưng lần này cô gái nghèo lại được chính vị Hòa Thượng trụ trì thân hành ra trước mặt cô gái mà chúc phước rằng :

"Tất cả bảo vật trên trái đất đều ở cả trong người đồng nữ này đã đem bố thí cho kẻ xuất gia, vật bố thí đây nguyên là việc tu phước. Vậy bản Tăng chúc cho thí chủ vĩnh viễn là khỏi nghèo khổ".

Cô gái nghèo nghe xong, trong lòng không thể kể xiết nỗi niềm hân hoan. Rồi đại chúng ai ai cũng cấp thức ăn cho cô, thật là một sự vui về đạo pháp không còn gì sánh kịp.

Sau khi cô gái đã no nê liền dùng đỉnh ra khỏi cửa chùa tới dưới một gốc cây cổ thụ nằm nghỉ và chợp mắt đi lúc nào không biết. Lúc đó vàng Thái dương đã xế chiều, thế mà bóng cây vẫn y nguyên không thay đổi. Nhìn lên xem thấy trên đỉnh cây cao bỗng có đám mây năm sắc như chiếc tàn che cho cô gái. Đó là một chuyện hiếm thấy từ trước đến nay.

Giữa lúc ấy, Đức Quốc Vương nước đó vừa vận đi qua, nhân vì Hoàng Hậu mới từ trần, nên trong

lòng Ngài u uất buồn rầu mới ruổi xe đi du sơn ngoạn thủy để cho tiêu sầu giải muộn, bỗng nhiên gặp thiếu nữ nghèo nằm ngủ dưới gốc cây mà trên đỉnh ngọn cây có đám mây ngũ sắc che cho như chiếc tàn vàng thì Quốc Vương lấy làm kinh ngạc, khác nào được thiên nữ hiện xuống dưới trần. Nhà vua tự tán thán :

"Thiếu nữ này ở đâu mà dám nghỉ nơi đây ? Sắc đẹp của nàng chẳng kém gì hằng nga ! Với cái thân hình yếu điệu, với vẻ mặt xinh tươi, nàng đã khiến cho nhiều người để ý". Nói rồi, sai cung nữ ẵm nàng lên xe.

Cô gái trong cơn mộng chợt tỉnh, mở choàng mắt ra, thấy mấy người khiêng mình bỏ lên xe thì kinh hãi kêu lên :

- Ôi Phật ơi ! Các người là ai ? Định mang tôi đi đâu ?

- Xin cô đừng sợ, chúng tôi không phải là quân gian phi đâu, chúng tôi vâng mệnh Quốc Vương đón cô về cung đây !

Cô gái nghèo sau khi đã được đặt nơi sau xe Quốc Vương ngồi rồi, Quốc Vương liền dịu dàng hỏi :

- Năm nay cô nương bao nhiêu tuổi ?

- 18 tuổi.

- Cô nương đẹp quá, rất đáng yêu, trăm muốn đem cô nương về cung lập làm đệ nhất phu nhân. Vậy cô nương có bằng lòng không ?

Cô gái nghèo liếc nhìn vị Quốc Vương thấy Ngài xinh đẹp trẻ trung thì nở một nụ cười. Nhưng trong lòng vẫn nghi nghi hoặc hoặc không tin, cô nghĩ : "Có lẽ nào ta lại được mạng vận quá tốt, đến nỗi đương từ một đứa con gái nghèo đi ăn xin mà bỗng trở nên một vị phu nhân số một". Cô càng nghĩ càng ngáy người ra, không nói được câu gì.

- Thế nào cô nương không vui lòng hay sao mà làm thinh không trả lời ?

- Tâu Đại Vương ! Tôi hoài nghi rằng : Tôi đương ở cõi thực hay là cõi mộng đây ?

- Không phải mộng mị gì đâu. Đây là cõi thực đấy ! Đoàn xe Quốc Vương đã về tới cung. Ngài liền tuyên bố với toàn quốc lập cô làm đệ nhất phu nhân.

Sau khi đã trở thành người đàn bà cao sang nhất nước, nào ăn ngon, nào mặc đẹp lại được mọi người kính nể nhưng trong lòng cô vẫn không đoạn tuyệt với ý nghĩ :

"Sở dĩ ta có hạnh phúc ngày nay chỉ vì đã có nhân duyên bố thí hai đồng tiền ! Vậy thì vị sư

phụ chúc phước cho ta hôm trước đã là một vị ân nhân tuyệt đối cao quý của ta".

Nghĩ rồi, liền bẩm với Quốc Vương :

- Tâu Đại Vương, tiện thiếp vốn là cô gái hèn mọn, ngày nay được ơn Đại Vương yêu mến, lập làm đệ nhất phu nhân, lẽ tất nhiên phải cảm tạ hồng ân của Vua. Nhưng nghĩ đến cái ân của vị xuất gia mà tiện thiếp đã bố thí hai đồng tiền đồng, tiện thiếp muốn được đem chút gì lại chùa bố thí cúng dường để tỏ lòng báo ân. Vậy chẳng hay ý Đại Vương thế nào ?

- Tốt lắm, tùy khanh định liệu, khanh muốn như thế nào trăm cũng vui lòng cho phếp.

Rồi đó, Quốc Vương và Hoàng Hậu sắm sửa thật nhiều cỗ chay long trọng và tinh khiết, chất đầy hàng mấy chục xe đem lại núi Âm Sơn bố thí.

Sau khi các vị Tăng chứng thọ trai rồi đến lúc ra chúc phúc cho thí chủ, thì không thấy vị Hòa Thượng trụ trì thân ra chúc phúc như lần trước mà chỉ là vị sư trụ khách thay mặt người chúc phúc thí chủ mà thôi. Việc này khiến cho cả Vương lẫn Hậu đều lấy làm kỳ quái mà rằng :

- Ngày trước, tôi đem bố thí hai đồng tiền đồng được vị sư trụ trì ra chúc phước. Ngày nay, tôi

bố thí biết bao nhiêu là phẩm vật trân quý, thế mà không thấy sư phụ ra chúc phúc là tại làm sao ?

Dại chúng đều nhận xét như thế và ai ai cũng thắc mắc như nhau.

Vị sư phụ trụ trì thấy mọi người cùng xôn xao, liền vân tập quần chúng lại mở lời khai thị rằng :

"Ngày trước, tuy Hoàng Hậu bố thí chỉ có hai đồng tiền đồng là vật nhỏ mọn, nhưng là cả một tấm tâm thành phát ra, đấy là điều chí cao và khả quý. Ngày nay Quốc Vương và Hoàng Hậu tuy bố thí rất nhiều, nhưng trong lòng có hàm chứa điều "ngã mạn" không giống như lần trước.

Nên biết rằng Phật pháp không trọng "vật chất" mà trọng ở điều "phát tâm" sở dĩ vì đó mà lần này ta không thân ra chúc phúc. Vậy mọi người nên hiểu rõ Phật pháp độ kẻ nghèo cùng bố thí là như thế nào !".

Quốc Vương và Hoàng Hậu nghe lời Hòa Thượng giảng giải thì trong lòng vừa thẹn vừa vui mừng : Bây giờ mới hiểu rõ nghĩa thực và giá trị của hai chữ bố thí.

PHẠM NGỌC KHIÊU

Nếu có người được tiền của, tham tiếc không bố thí, nên biết rằng người ấy đang tạo hột giống bần cùng đời sau vậy.

Câu chuyện Phật nhận con

Khi Phật trở về nước Xá Vệ, vào trong Vương cung thì bà Cung phi Da Du Đà La đến nép xuống mà lạy chào. Vua cha Tịnh Phạn bèn thuật lại cho Ngài rõ rằng :

"Từ khi Thái tử bỏ cha, lìa vợ, dứt con mà đi tìm đạo, thì nàng ở trong cung rất niềm hiếu thuận, nét hạnh và giữ nghĩa cùng chồng, việc nhà trọn vẹn. Khi nghe tin Thái Tử tu khổ hạnh thì nàng ở trong cung cũng làm như vậy, bỏ những việc hầu hạ và sự cung phụng, lìa bỏ giường ngủ, chiếu ngọc, lại cũng không trang điểm như trước nữa".

Khi đó bà Da Du Đà La bèn dắt con là La Hầu La ra cho cha thấy mặt. Lúc ấy trong hàng quyến thuộc của Phật thấy vậy, thì ai cũng nghĩ rằng : "Ngài đã bỏ cha mẹ vợ con, bỏ nước đi tu lâu rồi, mà bà cung phi của Ngài làm sao lại có thai sinh ra người con như vậy ?" (Bà có thai 6 năm mới sinh La Hầu La).

Phật hiểu ý những người quen thuộc nghĩ như vậy bèn nói rằng :

- Nàng Da Du Đà La vốn thiết là người chân chính, thanh tịnh chẳng có nhiễm một chút chi mà phải ngại, làm cho tội nghiệp thân nàng, nếu chẳng tin, thì ta làm phép mới rõ chân giả.

Phật nói rồi, liền dùng phép thần thông làm cho mấy vị Tỳ Kheo theo hầu, ai nấy cũng đều biến thân hình ra như Phật, không khác chút nào cả. Bà Da Du Đà La bèn lấy chiếc nhẫn ấn tín đương đeo nơi thân mình mà trao cho con là La Hầu La và bảo rằng :

- Con nhìn người nào là cha của con, thì con đem chiếc nhẫn này trao cho người ấy.

La Hầu La liền lấy chiếc nhẫn trao đúng cho Phật. Rồi Phật dùng thần thông làm cho các vị Tỳ Kheo kia hiện lại nguyên hình. Vua cha và những người trong hàng quyến thuộc thấy vậy rất vui mừng và khen rằng :

- La Hầu La thiết là con của Phật.

Phật ở lại Vương cung ít lâu thì Vua và bá quan nghe pháp đều phát tâm tu hành, còn tất cả trọng hàng cung phi mỹ nữ cũng đều thọ Pháp Tam qui, Ngũ giới, chăm tu phạm hạnh, càng ngày càng tấn

tối, cho nên cảm được khí hậu điều hòa, mưa hòa
gió thuận, lúa đậu được mùa, nhân dân no ấm, và
các nước lân bang đều kính phục.

TÂM MINH

- Trời tối, nhân gian mờ mịt quá !
Giờ này Thái Tử định đi đâu ?
- Chính đời mờ mịt nên ta phải,
Đi để tìm ra ánh nhiệm mầu !
- Ngày mai, hao kẻ trong than khóc,
Ly biệt, thưa Ngài, nỗi khổ đau !
- Tu sẽ trở về khi thấy đạo,
Giải thoát nhân gian vạn thăm sâu !

Một chồng hai vợ

Thuở quá khứ, có chàng thanh niên rất mực hiếu thảo, mặc dù là con trong một gia đình và đã đúng tuổi trưởng thành, nhưng y vẫn không chịu lập gia đình, nhứt định sống độc thân để phụng dưỡng mẹ già, vì người cha đã mất sớm.

Thấy con lo trong lo ngoài vất vả, người mẹ khuyên chàng cưới vợ. Nhưng chàng cương quyết từ chối. Vì quá thương con người mẹ tự động hỏi vợ cho con. Cục chẳng đã, chàng phải đành làm vừa lòng mẹ.

Dứa con dâu rất nết hạnh, lại thêm quán xuyến công việc gia đình và tỏ ra đảm đang cả việc nặng nhọc, nhưng rủi cho nàng không thể sanh con

Đã buồn cho số kiếp bất hạnh của mình, nàng lại càng khổ hơn, khi thấy chồng thương tở ra nghi ngại xa xôi, nét mặt đăm chiêu tư lự.

Đọc rõ tâm trạng chồng, nàng tự động cưới vợ lẽ cho chồng. Người vợ sau này chẳng bao lâu đã thọ thai. Bấy giờ người vợ lớn cảm thấy như mình

bị bỏ rơi vì trông người chồng ra tuồng nưng niu vợ lẽ rất mực. Lòng ganh tỵ của người đàn bà dùng dùng nổi lên như trời giông biển động. Không tự chủ và kèm hãm được lòng ghen tức, người vợ lớn tự nghĩ, nếu không sớm chặn đứng thì hậu quả cô đơn sẽ đến với đời mình trong một sớm một chiều. Thế là, một chương trình hiểm độc mọc lên trong óc nàng và nàng nhất định ra tay thực hiện dù phải trả với bất cứ giá nào.

Để cho vợ lẽ tin lòng, người vợ lớn tỏ ra sẵn sàng và dùng nhiều thì giờ trong việc giúp đỡ người vợ lẽ từ việc nhỏ đến việc lớn. Thỉnh thoảng nàng hỏi thăm sức khỏe và ngày sinh nở của người vợ lẽ.

Tương vợ lớn thật lòng, người vợ nhỏ không dấu diếm chi cả. Được cơ hội người vợ lớn làm thuốc phá thai bỏ vào thức ăn. Thế là người vợ lẽ bị sảy thai. Tuy thế, người vợ lẽ vẫn còn tin tưởng người vợ lớn như thường.

Đến lần thứ hai, người vợ lớn cũng dùng thủ đoạn phá thai người vợ lẽ như trước.

Hai lần bị hư thai, người vợ lẽ đã học được một bài học giá trị. Bắt đầu từ ấy, nàng biết ra sức đề phòng kín đáo.

Khi thấy cái thai của người vợ nhỏ ngày càng to, người vợ lớn mới tìm cách phá thai, nhưng vì

cái thai đã già tháng, nên người vợ nhỏ phải chết cả mẹ lẫn con.

Trước khi nhắm mắt, nỗi đau khổ và căm thù đã dâng tràn lên khoé mắt. Cẩn rằng, rút nước mắt người vợ nhỏ quyết chỉ rửa thù trong những kiếp lai sinh.

Người nào gây gió người đó phải gặt bão. Sau khi người vợ nhỏ chết đi, người chồng điều tra biết rõ sự thật, bèn đánh đập hành hạ người vợ lớn, không bao lâu người này cũng chết.

- Luật luân hồi vay trả, trả vay. Sau khi chết người vợ nhỏ sanh làm con mèo cái, còn người vợ lớn sanh làm con gà mái ở chung một nhà. Mỗi lần gà mái có con là mỗi lần mèo ta bắt ăn thịt và lần sau cùng giết luôn cả gà mẹ.

Kiếp thứ ba, sau khi chết, gà sanh làm con beo cái, còn mèo thì sinh làm nai cái. Mỗi khi nai sinh con thì beo ta tìm đến ăn thịt nai con, và cuối cùng giết luôn cả nai mẹ.

Kiếp thứ tư, sau khi chết nai cái sanh làm hung thần, còn beo sanh làm con gái của một gia đình giàu có.

Đến tuổi trưởng thành cô gái về nhà chồng. Cứ mỗi lần cô này sinh nở là hung thần hóa làm người bạn

đến thăm chơi để rồi thừa cơ chụp lấy hải nhi ăn thịt, lần thứ hai, tấn tuồng quái gở của hung thần và cảnh nát lòng của người mẹ cũng diễn ra như trước.

Người đàn bà đau khổ ấy đã gần như mất trí, khi biết mình thọ thai lần thứ ba. Gần ngày sinh nở người chồng đề nghị đưa vợ về sinh nở bên quê ngoại. Nói về hung thần vì đến phiên hầu nước cho Đức Vessa Vanna là vị chúa tể cai quản tất cả hung thần. Sau khi hết phiên, hung thần lập tức đến nhà tìm người thù truyền kiếp của nó. Khi biết người thù của mình đã về quê ngoại, nó liền bay vọt lên mây nương mình theo gió để tìm cho bằng được người thù không đội trời chung.

Nhắc lại người đàn bà nạn nhân của hung thần, sau khi cùng chồng về quê sinh nở và dưỡng sức một thời gian, bèn đem nhau lên đường trở lại quê chồng. Vợ chồng đi bộ gần đến Kỳ Viên Tịnh Xá, thấy có ao nước trong mát, bèn rủ nhau tắm rửa và nghỉ mệt. Người vợ tắm trước lên ẵm con cho chồng tắm. Trong khi đang cho con bú, nàng bỗng nghe tiếng gió từ xa đưa đến như cuồng phong bão tố. Nhìn lên trời nàng thất kinh hồn vía, vì vừa nhận ra hung thần. Không kịp chờ chồng tắm xong nàng la thất thanh : "Nó đến kia ! Nó đến kia !". Rồi cầm đầu ôm con chạy thẳng vào Kỳ Viên Tịnh Xá, đem con để nằm dưới chân Đức Phật và yêu cầu Ngài cứu mạng con mình.

Ngay lúc ấy, hung thần cũng vừa đến cửa Tịnh xá, nhưng Chư Thiên gác cửa không cho vào. Đức Phật dạy Ngài A Nan Đà ra gọi hung thần vào. Nhờ oai lực của Đức Phật nên hung thần tỏ ra hiền lành dễ dạy.

Trước sự gặp mặt của hai nạn nhân, Đức Phật từ tốn khuyên bảo :

"Này hai người, tại sao hai người làm khổ nhau như thế. Nếu hai người không may mắn gặp được Như Lai thì mối thù truyền kiếp này đến bao giờ mới chấm dứt được và hai người sẽ như quạ với chim mèo, như rắn với chồn, cứ gặp nhau là tìm cách giết hại nhau, để rồi oán thù chồng chất thêm mãi".

Tiếp theo Đức Phật kể lại mối thù truyền kiếp giữa hai người, đồng thời nói bài kệ :

"Trên thế gian này,

bất cứ thời đại nào

nếu lấy oán báo oán

thì oánchap chồng

lấy ân báo oán

thì oán tiêu mất

đó là chân lý của bậc hiền xưa"

Nhờ nghe bài kệ và lời khuyên của Đức Phật
mà mối thù truyền kiếp giữa hai người từ đây
chấm dứt, oan khiên không còn vay trả...

H. G.

**Luân hồi nhân quả không sai,
Không tu ắt phải đọa đầy khổ thân**

Lát thịt để cứu con bò câu khỏi chết

Thuở đời quá khứ, tại Diêm Phù Đề này có một vị Quốc Vương tên Tát Bá Đạt, thống lãnh trọn một quốc độ lớn mà cai trị, tiếng nhưn hiền đồn dậy bốn phương chỗ bố thí khắp trăm trăm họ. Đến đời tất cả mọi người ai muốn thọ dụng món chi, cứ đi ngay vào đền mà trình bày, thì thầy đều tùy tiện theo chỗ khuyết điểm của cá nhân mà chu cấp, chứ Vua không lán tiếc chút nào, bởi vậy lúc bấy giờ những người cô bản đều nhờ dư phước mà đặng phần tự tại.

Khi ấy, thiên thần quan sát thấy vậy bèn vào tâu với Đế Thích rằng : "Tại cõi Diêm Phù Đề có vị Quốc Vương tên là Tát Bá Đạt, ngôi cao phước lớn, đức hạnh hoàn toàn, ơn nhuần rộng khắp. Tôi sợ Vị Quốc Vương ấy nhờ công đức đó, đến khi mạng chung chắc sanh về cõi trời mà làm chức lớn".

Đế Thích nghe tâu, thì có ý sợ ngày sau mất ngôi, nên kiếm có thử lòng Vua Tát Bá Đạt.

Đoạn rồi Ngài mới bảo Biên Vương rằng :

- Nay tại cõi Diêm Phù Đề, có một vị Quốc Vương tên là Tát Bá Đạt, chỗ phổ tế được nhuận lễ thứ và lòng ví hoà với vợ vô cùng, ta sợ nhờ phước quả to tát đó mà đoạt ngôi Thiên Vị của ta.

Vậy nhà ngươi biến hóa làm một con bồ câu, bay xán xá đến bên mình Vua, rồi giả đồ bị nạn mà yêu cầu khẩn thiết xin cứu mạng. Nếu Vua có lòng từ bi thì thế nào cũng che chở cho nhà ngươi. Còn phần ta thì hóa làm con ó bay theo sau, cứ nằng nặc quyết một lòng đòi Vua trả con bồ câu lại mà ăn thịt. Thoảng như ý Vua là bậc chân chánh, chịu lắt thịt của mình cân cho bằng thịt con bồ câu mà đổi, thì ta mới bằng lòng. Khi cân thịt đó thì ngươi dùng thần biến làm con bồ câu nặng trĩu, dầu có lắt hết thịt người thì cũng không đủ. Hết thịt hết thì phải đau nhức, phải hối hận, nếu ý có hối hận, thì chỗ chí hướng không thành tựu. Chừng đó ta sẽ an hưởng nơi cõi trời này đời đời, không ai tranh giành nữa.

Đế Thích bàn tính kế hoạch xong, biến hóa ra một con ó, còn Biên Vương thì hóa con bồ câu mà bay đi.

Đây nói về Vua Tát Bá Đạt đang đứng nơi chốn hoa viên với người tôi thị thần mà hóng mát, bỗng dẫu con bồ câu bay xán xá rớt ngay bên chân, rồi ra bộ sợ sệt mà nói hốt hải rằng :

- Đại Vương ơi ! Xin thương đến mạng tôi đương lúc nguy biến này, vì con ó rượt bắt tôi mà ăn thịt. Xin Ngài mở lượng từ bi ra tay tế độ, ơn ấy nguyện ngậm vành về sau mà đền đáp".

Vua Tát Bá Đạt thấy tình cảnh của loài phi điều như vậy thì động mối từ tâm liền nói rằng :

- Không sao đâu ! Không sao đâu ! Có ta cứu người được bảo toàn tánh mạng.

Vua nói vừa dứt lời, kể con ó bay đến mà kêu nài rằng :

- Xin Đại Vương thả con bồ câu ra, vì nó là miếng mồi của tôi ăn thịt.

Vua Tát Bá Đạt nghe con ó năn nỉ hoài thì trả lời lại rằng :

- Số là con bồ câu đến đây yêu cầu ta cứu mạng mà ta đã hứa rồi, nên phải thủ tín, như nhà người có nói vậy, thì ta đem thịt khác mà thưởng lại hơn gấp bội nữa.

Con ó liền đáp lại rằng :

- Tôi chỉ muốn ăn thịt con bồ câu đó mà thôi, chứ không chịu dùng thịt nào khác đâu ! Đại Vương là bậc sang cả, nhờ nào đoạt món ăn của tôi cho đành.

Vua Tát Bá Đạt nghe con ó nói một cách khẳng khái như vậy, thì lật đật an ủi :

- Bởi vì ta đã hứa cứu mạng con bồ câu, thì ta phải nhớ lời. Vậy bây giờ người muốn dùng thịt chỉ cho ta biết, thì ta y theo cho vừa lòng người chứ không có chút gì chấp nệ, miễn là để cho con bồ câu được toàn tánh mạng mà thôi.

Con ó nghe Vua đáp lại như vậy thì chi xiết nỗi vui mừng liền trả lời :

- Nếu Đại vương có lòng từ huệ muốn cứu giúp tất cả chúng sanh thì xin lột thịt nơi mình của Đại Vương đó đem ra cân cho bằng con bồ câu thì thôi, trước là cứu tôi khỏi sự đói khát, sau cứu con bồ câu kiaặng toàn tánh mạng. Như vậy cả hai đều tiện lợi cả.

Vua Tát Bá Đạt nghe con ó kêu nài như vậy, thì trúng cái bản nguyện của mình bèn đáp :

- Hay lắm ! Hay lắm ! Ta không có luyến tiếc khối huyết nhục này đâu.

Vua liền bảo thị thần đem gương và cân ra hoa viên bèn bắt con bồ câu để đứng trên giá cân này, rồi cầm gương theo thịt của mình để lên giá cân

kia, song theo bao nhiêu thịt thì cũng vẫn không cân bằng.

Vua thấy vậy lắt hết thịt cả mình mà cũng thấy thiếu mãi, đến nỗi mình mấy lồi xương mà cứ tự nhiên không có gì nhứt nhát.

Vua Tát Bá Đạt bèn dạy bảo thị thần rằng :

- Mau giết ta đặng lấy cốt tủy cân cho đủ thịt con bồ câu kia, bởi vì ta thuận theo trong giới luật chân chính của Chư Phật, nguyện phổ tế sự nguy ách cho chúng sanh.

Chứng đó Đế Thích và Biên Vương thấy sự xả thí của Vua chẳng có chút nào dôi dỗi, nên cảm phục lòng từ tế không ai sánh bằng, và hườn lại bốn thân rồi đến trước mặt Vua cúi đầu bạch rằng :

- Chẳng biết Đại Vương muốn hy cầu sự chi mà chí hướng rất cao thượng, đến đổi thân hình khổ não như thế mà không có chút nào thối chuyển xin nói cho anh em tôi biết.

Vua Tát Bá Đạt đáp lại rằng :

- Tôi sở dĩ bố thí đây bốn ý chẳng phai hy cầu những điều phước báu nơi cõi Nhơn thiên hay là các ngôi Hoàng Đế phi hành ! Vì tôi thấy chúng sanh cứ lặn hụp nơi ô trược chẳng nghĩ đến ngôi

Tam Bảo và chẳng tường giáo lý của Phật, mãi buồn lung làm các việc bạo ngược, thường bị gieo mình trong ngục hỏa trạch mà không thức tỉnh hồi đầu chút nào, nên tôi thương xót vô cùng, thề nguyện cầu được đến chỗ chứng ngộ mà cứu vớt chúng sanh đem lên cảnh an vui tịch tịnh. Bởi thế, nên đầu chỗ sở hành của tôi rủi có vong thân tánh mạng đi nữa thì cũng cương quyết cho đến cùng chứ không bao giờ thối chuyển.

Đế Thích và Biên Vương nghe nói cả kinh và tự hồi rằng :

- Theo ngụ ý của chúng tôi tưởng Đại Vương muốn đoạt ngôi thiên vị, cho nên mới lập kế mà nhiều hại ra nông nổi này. Bây giờ chúng tôi mới rõ bản nguyện cao cả của Ngài thì biết phương pháp gì mà sám hối cái tội ác này cho đáng !

Vua Tát Bá Đạt nói :

- Các Ngài biết mình làm việc sai quấy, nay muốn sám hối tội lỗi, vậy thì làm sao cho mấy chỗ dẫu cắt trong thân thể tôi lành lại như cũ.

Đế Thích nghe nói vui mừng, tức thời khiến các vị Thiên Y và Thần Y đồng đến điều trị cho Vua.

Linh nghiệm thay ! Ban đầu thoa thuốc vào, thì thấy mấy chỗ vết thương đều phát động, phút

chốc thoạt nhiên bình phục lại như cũ, thân thể hình dáng có vẻ càng tốt đẹp hơn xưa.

Lúc ấy, Đế Thích và Biên Vương đồng cúi đầu từ tạ và đi giáp vòng ba lần rồi bái biệt trở về bốn vị.

Sau đó Vua Tát Bá Đạt về triều thuật chuyện ly kỳ đó cho bá quan và phu nhân nghe, thì tất cả đều tán thán xưng tụng.

Từ đó sắp sau, Vua càng bố thí hơn trước đến bội phần, thành thử cả quốc độ gió thuận mưa hòa, ruộng nương thanh mậu, thật là một thời kỳ nước trị dân an.

Nguyên vị Quốc Vương Tát Bá Đạt lật thịt cứu con bồ câu nói trên đây, chính là tiền thân của Phật Thích Ca vậy.

Trích chuyện TIỀN THÂN PHẬT TỔ

Người bố thí nên nhớ người đến xin như khi đói suy nghĩ món ăn, khi thấy người đến xin, tâm sanh hoan hỷ như nhà bị cháy đem được của quý ra.

Liên Hoa tiểu thư

Khi Đức Phật Thích Ca còn tại thế, ở một nước nhỏ Ấn Độ, có một phú ông rất lương thiện, thích chơi Hoa sen. Chung quanh biệt thự của ông là ao sen vây quanh. Cứ mỗi năm về mùa hạ thì Hoa Sen đua nở. Những người phụ cận đều gọi nơi biệt thự của ông ta là "Liên Hoa công quán". Nguyên Lai, nhà phú ông đó có một người con gái, dung mạo mỹ lệ, tánh tình ôn hoà, giống như hóa thân của Hoa Sen, nên người ta gọi cô là "Liên Hoa tiểu thư". Phú ông rất thương con gái của mình, nhưng có một việc mà phú ông không vừa ý, đó là âm thanh của con mình không thích nghi với vẻ đẹp và tánh ôn hòa. Bởi vì tiếng nói của Tiểu Thư vang như sấm động, mỗi khi nói chuyện, làm cho người nghe phải long óc mà bịt tai lại. Đã thế, Tiểu Thư lại thích ca hát.

Có một năm về tiết mùa hạ, Vua nước Ma Kiệt Đà (Magadha) phái khiến một sứ thần tới, được phú ông tiếp đãi rất ân cần. Sứ thần nói :

- Quốc Vương có ý định tới đây xem hoa trong mùa hạ năm nay. Ông phải gấp rút chuẩn bị để cung nghinh xa giá !

Vì xa giá của Quốc Vương ngự lãm, không phải là một việc dễ dàng, nên phú ông không khỏi sợ hãi kinh ngạc. Sứ thần lại nói :

- Vậy phú ông có chuẩn bị nghênh giá được chăng ?

- Thưa được ! Đó là một việc rất hân hạnh cho tôi.

Sau khi sứ thần ra về, phú ông cao hứng tự nói : "Mừng thay, đó thực là một vinh dự lớn cho nhà ta".

Lúc đó, Liên Hoa tiểu thư từ hoa viên đi tới thấy phụ thân có vẻ hân hoan liền hỏi :

- Phụ thân có việc chi mà vui mừng ?

- Tại sao âm thanh của con lại thô kệch đến thế ?

Phú ông mắng con như vậy.

Liên Hoa tiểu thư vừa tủi vừa hổ thẹn, nhưng cũng biết tiếng nói của mình quá lớn, hạ giọng nói :

- Phụ thân ! Con xin lỗi ! Con đã quên mất.

Tuy Tiểu thư đã hạ thấp giọng nói, nhưng âm thanh vẫn còn vang lớn, phú ông phải bịt tai mình lại và nói :

- Không cần phải nói ra tiếng nữa. Im lặng đi ! Im lặng đi !

Tiểu Thư bực mình quá, bất giác òa lên khóc. Phú ông đứng dậy an ủi Tiểu Thư và nói :

- Thôi đi con ! Cha đã làm và đã quên mất âm thanh quá lớn của con, con đừng khóc nữa.

Tiểu Thư lau nước mắt trở về phòng riêng, Phú ông thở dài nói :

- Ôi ! Thực là điều không hay. Âm thanh của con mình giả sử làm Quốc Vương phải phẫn nộ thì đó là tội lớn của ta. Đó là sự bất hạnh cho gia đình ta.

Trải qua một ngày, hai ngày, rồi đến năm ngày, phú ông cứ ngày ngày lo buồn. Tiểu Thư thấy thế tự nghĩ : "Đó chẳng phải là nguyên nhân vì âm thanh của mình để cho phụ thân phải nhọc lòng lo nghĩ ? ". Thế rồi hai cha con đều sinh buồn rầu.

Tiểu Thư ngẫm nghĩ mãi, chợt nảy ra một biện pháp mắt sáng ngời hẳn lên rồi nói với cha :

- Phụ thân ! Con đã nghĩ được một phương pháp rất hay.

- Phương pháp chi thế ?

- Giản dị lắm ! Tối khi hoa nở, nếu cha muốn con không phải nói chuyện tốt hơn hết là để con im lặng, cho đến lúc Vua xem hoa xong trở ra về.

Đó cũng là một phương pháp hay, nhưng đó cũng không phải là lối thoát khổ của Tiểu Thư. Tiểu Thư lại nói :

- Phụ thân cho phép con đi. Con nhất định sẽ thực hành như thế.

Sau khi nghe lời yêu cầu khẩn thiết đó, phú ông bất đắc dĩ phải ưng thuận cho.

Qua xuân sang hạ, chung quanh biệt thự của phú ông được bao quanh bởi những đóa hoa sen hương thơm ngào ngạt vẻ đẹp lạ thường, nào Bạch Liên Hoa, nào Thanh Liên Hoa và Hồng Liên Hoa đua nhau phô diễn màu sắc.

- Đẹp thay hoa sen xanh, khả ái thay hoa sen trắng.

Tiểu Thư thốt ra những tiếng như vậy, chợt lại nghĩ chỉ 3, 4 ngày sau nữa, Quốc Vương sẽ xa giá tới !

- Ôi ! Thời gian trôi nhanh quá ! Còn chi hơn ta cất giọng hát cuối cùng cho ngày hôm nay :

Hoa sen nở ngát đầy ao,

Từ trong bùn nọ mà nào gợn chi.

Hoa tươi lá biếc xanh rì,

Ba ba má má cùng đi xem nào !

Tiết trời sơ hạ gió hiu hiu thổi hương thơm phảng phất tỏa ngát bốn bề. Từng đóa hoa sen đưa đi đưa lại theo chiều gió. "À ! Hình như chúng cũng lộ vẻ vui mừng cho lời ca tiếng hát của ta chăng ? Thôi ta không thể ca hát được nữa vì Quốc Vương sắp tới nơi đây. Hoa sen ơi ! Mi cũng hiểu được ý ta chăng, nếu vậy hãy nhất tề nở đều để ta xem !".

Hoa sen tuy là loài thực vật nhưng chúng cũng cảm động với ý niệm thành khẩn của Tiểu Thư mà nhất tề mãn khai làm cho cảnh đẹp mỹ lệ phi thường. Phú ông thấy thế vui mừng khôn xiết, liền gấp rút chuẩn bị để hoan nghênh Quốc Vương. Hôm đó Quốc Vương đem rất nhiều bộ hạ theo hầu. Nhà Vua ngồi trên xe ngựa trắng ngự giá tới. Phú ông rất hoan nghênh và nói :

- Thưa Đại Vương tôn quý ! Thần dân được gọi hồng ân, hân hạnh hôm nay được Thánh gia quan tâm.

• Tiểu Thư và tất cả nhà đều ra cửa đón xa mã của Vua tiến vào trong biệt thự. Phú ông ứng tiếp

chu áo phi thường. Ngày hôm đó, Quốc Vương rất cao hứng dạo gót quanh hoa viên rồi tới nghỉ mát ở Liên Hoa đình. Phú ông chuẩn bị các thứ đồ ăn cỗ bàn lại dâng Quốc Vương. Tiểu Thư cũng tới ứng tiếp.

-Ồ ! Tiểu Thư, quả thực người con gái có dáng đẹp phi thường.

Lúc đó trống ngựa của Phú ông đồn dập quá độ không dấu nổi niềm vui.

- Tiểu Thư đây chính là lệnh ái của Phú ông ?

- Thưa vâng ! Đó chính là người con gái độc nhất của tôi năm nay vừa 15 tuổi.

- Hừ ! Thực có vẻ khả ái. Cô nương tên cô nương là gì ?

Tiểu Thư muốn trả lời ngay nhưng lại sợ làm xúc náo đến Quốc Vương, sẽ xảy ra việc không hay, nên Tiểu Thư im lặng không đáp.

- Cô nương ! Không nên khách khí cứ tự do nói đi.

Tiểu Thư đang lúc e thẹn luống cuống, Phú ông vội vã trả lời thay :

- Kính tâu Đại Vương ! Vì âm thanh của con gái nhỏ tôi, bản lai vẫn lớn, nên không dám cất tiếng

nói, sợ làm náo động Quốc Vương và các quan. Xin lượng trên khoan thứ.

- Không hề chi ! Đã là bản lai như vậy, thì có quan hệ gì. Vậy cô nương tên là gì ?

Tiểu Thư tuy đã được nghe lời Vua phán, nhưng vẫn không dám cất tiếng. Phú ông nói tiếp.

- Xin lượng cả tha thứ, quả thực là vì âm thanh con gái tôi quá lớn...

- Biết rồi ! Không cần nói, chính ta cũng thích tiếng nói lớn...

Quốc Vương phát gất, Tiểu Thư bất đắc dĩ phải tới trước mặt Vua và nói :

- Tôi tên là Liên Hoa.

Âm thanh của Tiểu Thư vang động quá lớn, gần như phá vỡ màng tai của người nghe. Quả là thứ âm thanh đáng sợ và vô ý nghĩa.

Do thế Quốc Vương, sứ thần và các quan đều bỏ ra về.

Phú ông là người nhất đảm, bất luận việc lớn hay nhỏ xảy ra đều làm cho ông buồn rầu phiền não. Lần này, nhân vì Tiểu Thư xúc phạm đến oai nghi của Quốc Vương, nên luôn luôn sợ hãi không yên, thờ dài rồi nói :

- Tôi lỗi đều vì cơ duyên này, chắc đó là tiền nghiệp đã định. Con gái ta nhất định sẽ bị Quốc Vương quả phạt.

Phú ông cứ như thế nghĩ tưởng liên miên không lúc nào nguôi, nên phát ra bệnh nặng đã đón nhiều danh y tới chạy chữa. Nhưng đều vô hiệu. Trong đó có một ông thầy thuốc nói :

- Kỳ lạ quá ! Tôi không thể chữa khỏi bệnh này, phải đi tới thỉnh lời giáo huấn của Đức Phật.

Không may lúc đó Đức Phật đi giáo hóa chưa về, duy có Ngài Tân Đầu Lư Tôn Giả còn ở lại tịnh xá. Vì lòng hiếu thảo nên Liên Hoa tiểu thư tới tận đình núi thỉnh Tôn Giả và nói :

- Kính xin Tôn Giả thương tình cứu bệnh hoạn cho phụ thân của con...

Tôn Giả đương lúc ngồi thiền định, im lặng, Tiểu Thư lại thỉnh một lần nữa.

- Xin Tôn Giả tới ngay nhà con...

Tôn Giả y nguyên không động, chợt có một cơn gió thổi mạnh làm rung động những chiếc lông mày trắng của Tôn Giả và liên tiếp hai, ba chiếc lá rơi xuống. Tôn Giả mới đồng dạng nói :

- Tiếng nói của con sao lớn thế ! Căn cứ vào lời nói tha thiết mà ta thấu rõ được lòng hiếu thảo của

con. Đức Phật rất trọng người con có hiếu. Để đáp lại lời khẩn cầu của con và để giúp con làm tròn đầy đạo hiếu, nghĩa là con phải vâng theo lời giáo huấn của Đức Phật, để tạo cho cuộc đời chân hạnh phúc ở hiện nay và ngày mai, con hiểu ý ta nói chẳng ?

Tiểu Thư cúi đầu chăm chú nghe, Tôn Giả lại nói tiếp :

- Ta bảo cho con hay. Cách đây về phương Tây chừng ba trăm dặm, có một ngọn núi cao gọi là Long Sơn. Trên núi có một cái hồ, trong hồ có cung điện. Trong cung điện thường thường có một thứ nước trong suốt chảy ra, con nên tới đấy múc thứ nước đó về cho cha con uống, thì bệnh của cha con tự nhiên khỏi ngay, và âm thanh của con cũng trở nên êm dịu.

Tiểu Thư nghe xong vui mừng khôn xiết cúi đầu bái tạ và tiếp nói :

- Đa tạ ! Con hiểu ý Tôn Giả nói. Con xin đi ngay.

Tôn Giả nói :

- Đừng lo ngại ! Uống thứ thuốc đó mà cha con sẽ được khỏi bệnh, đó là từ ở lòng hiếu thảo của con mà ứng nghiệm.

Tiểu Thư thưa tiếp :

- Nếu vậy sau khi cha con khỏi bệnh con sẽ lại tới đây xin thỉnh giáo Đức Phật.

Tôn Giả gật đầu.

Tiểu Thư hạ sơn hướng về phương Tây mà đi đột nhiên mê mất đường. Trong khi đó, Tiểu Thư thấy một người tiên đầu tóc bạc phơ xuất hiện, Tiểu Thư vội tới hỏi thăm đường, người tiên chỉ đáp một câu : "Cách đây ba trăm dặm phương Tây". Nói xong biến mất. Tiểu Thư nghĩ tại sao đến ba trăm dặm ? Bất đắc dĩ lại tiếp tục cuộc hành trình, đi rẽ qua bờ sông, lại thấy người tiên xuất hiện ở dưới cây Bồ Đề. Tiểu Thư lại hỏi. Người tiên lại đáp : "Cách đây ba trăm dặm về phía Tây". Trả lời xong rồi lại biến mất. Tiểu Thư buồn rầu quá liền òa lên khóc : "Thôi không còn hy vọng gì nữa, ta lại phải trở về chăng ?". Lúc đó chợt nhớ lời Tôn Giả dặn nên Tiểu Thư lại tiếp tục cuộc hành trình vừa đi vừa khóc.

Bỗng người tiên lại xuất hiện liền tới an ủi Tiểu Thư :

- Cô nương ! Người con hiếu thảo, đáng kia là ngọn núi Long Sơn, con hãy cỡi con hươu của ta mà đi.

Người tiên nói xong liền bỏ đi. Tiểu Thư vâng lời cỡi hươu lên thẳng đỉnh núi, thì thấy quả thực trên núi có cái hồ rất đẹp, trong hồ có cái đảo nhỏ. Trời đã xế chiều, ánh trăng bắt đầu chiếu. Tiểu Thư đi thẳng vào trong hồ chợt gặp một Tiểu Đồng ở cửa một cung điện đón tiếp và nói với Tiểu Thư :

- Thưa Tiểu Thư, Tiên ông đang đợi Tiểu Thư.

Tiểu Thư bước theo Tiểu Đồng đi lên trên thềm đá của cung điện, trong cung quả có một cái suối, nước cuộn cuộn từ đất ra trong trắng như tuyết. Người tiên mà Tiểu Thư đã gặp trước kia đang thành thoi mỉm cười, Tiểu Thư liền quỳ xuống nói :

- Xin tiên ông cho con ít nước !

Người tiên đáp :

- Được lắm, cho con múc đem về cứu bệnh cho cha con.

Trong khi chờ đợi Tiểu Đồng mang đồ đựng nước tới, Tiểu Thư liền tay vốc nước lên uống thử. Ô ! Vị nước thơm ngọt quá ! Bất giác Tiểu Thư cảm thán như vậy, tiếng nói Tiểu Thư cũng biến thành êm dịu không thô kệch như trước. Tiểu Thư rất vui mừng vái tạ người tiên rồi múc nước mang về nhà

cho cha. Khi về tới nhà, Tiểu thư thấy bệnh tình của phụ thân rất trầm trọng, vội đem thứ nước ấy cho cha uống. Màu nhiệm thay ! Chỉ trong giây lát, bệnh của phú ông tự nhiên thuyên giảm.

Sau khi khỏi bệnh, Tiểu Thư đưa phụ thân đến tịnh xá của Tân Đầu Lư Tôn Giả tạ lễ và qui y Đức Phật. Nhờ sự chỉ giáo của Tôn Giả mà gia đình của Tiểu Thư hưởng được chân hạnh phúc.

Vị Quốc Vương xưa kia, nghe biết tin đó, cũng lại xa giá đến nhà phú ông xem hoa, nhận thấy tiếng nói của Tiểu Thư trở nên êm dịu khác thường. Vua khen : "Đó thực là lòng hiếu thảo của người con mà cảm ứng đến thế".

Vua liền đem của cải ban thưởng cho Tiểu Thư và bố cáo cho khắp trong nước để nhân dân đều biết. Từ nay trở về sau mọi người nên tin theo Phật giáo, và Phật giáo sau này sẽ trở thành tôn giáo lớn trên thế giới.

CHÂN TỬ

Lấy món ăn vật mặc phụng dưỡng cha mẹ là hiếu thế gian, khuyến hóa cha mẹ tu học chánh pháp là hiếu xuất thế gian.

Lòng kiên nhẫn

Thuở xưa, Đức Bồ Tát đầu thai làm con một vị thương gia rất giàu có tại nước Ka Ci. Khi lớn lên Ngài dọn 500 cỗ xe đi buôn.

Một ngày kia đến ranh giới một bãi sa mạc rộng lớn, cát nơi đó nhỏ li ti và hầm nóng như lửa đốt. Đức Bồ Tát thuê một người dẫn đường và sắm sửa lương thực, nước uống chờ trời tối mới tiếp tục cuộc hành trình. Đêm đi ngày nghỉ vì sự nóng bức vô cùng khó chịu.

Khi đi được 58 dặm, Đức Bồ Tát nghĩ rằng : "Chỉ còn nốt một đêm mình sẽ ra khỏi sa mạc". Nhưng chẳng may người hướng đạo ngồi cỗ xe đầu, vì mệt mỏi ngủ quên đi và để mấy con bò quay trở lại đường cũ. Tới hừng đông, người hướng đạo thức giấc cả sợ hô to ra lệnh cho đoàn xe ngừng lại. Khi mọi người bước xuống mới nhận ra mình đã trở về chốn hòm qua khởi hành. Tất cả ai nấy đều kinh hãi vì củi đốt và nước uống đã hết sạch. Lòng buồn rầu họ lên xe

nằm với bộ mặt thoái chí, thất vọng. Đức Bồ Tát thâm nghĩ : "Nếu ta không bền chí, kiên nhẫn thì sẽ chết cả đám". Nghĩ rồi, Ngài gọi vài ba người cùng lần mà đi tìm xem có ao giếng hoặc lạch nước nào gần đó chăng ? Đi được khoảng xa, Ngài gặp một đám cỏ, Ngài bèn nói : "Đám cỏ này nhờ nước mới sống, vậy các người hãy mang nước xuống lại đào chắc sẽ có nước uống".

Khi đào xuống 60 thước một cục đá rất lớn, mọi người đều ngã lòng bỏ đi. Nhưng Đức Bồ Tát vẫn tin tưởng dưới cục đá này là lạch nước. Ngài bước xuống giúp đào và kê tai trên cục đá lắng nghe tiếng róc rách chảy. Ngài trở về kêu người đầy tớ tâm phúc tới và nói :

- Nay em, em hãy xách cái búa lớn ráng đập cho bể cục đá đừng ngã lòng. Nếu em không kiên nhẫn thì mọi người chúng ta đều chết khát cả.

Người đầy tớ vâng lời cố sức đập tan mảnh đá rồi trở lên. Một lát sau, bỗng nước ở dưới trào lên tới miệng giếng. Cả thầy đều mừng rỡ tắm rửa, múc nước nấu ăn và tích trữ đổ vào lu, bình để chờ tới qua sa mạc.

Nhờ ở sự bền chí đó mà cả đoàn người đã thoát nạn qua biển cát khô khan, nóng bức.

Người tu hành cũng giống như người ra chiến trường, sau khi mặc áo giáp ra trận, có thể vì hèn nhát mà bỏ trốn đi, có thể chết tại chiến địa, có thể thắng trận trở về rất vinh quang.

Kẻ sa môn học đạo hãy cố gắng bền tâm, hăng hái chống với hoàn cảnh xấu xa, mới mong thành đạo được.

Phóng rộng tình thương

Thời xưa...

Ở kinh thành Xá Vệ, có gia đình một người phú trưởng giả thừa hưởng cái gia tài lớn của ông cha, nên hai vợ chồng sống cuộc đời sang trọng. Bao nhiêu vật quý mà người đời có thể có, ông đều đã sắm được để trang hoàng nhà cửa của mình. Những châu sứ nước Tàu, những tấm gương thủy tinh Ai Cập... Duy chỉ có một điều mà ông phú trưởng giả đã lâu mơ ước chưa thành. Đó là sự ao ước về con cái. Và mãi mười năm sau khi lấy nhau, vợ chồng ông mới sinh được một người con gái. Ông cũng khuấy khỏa đôi chút về sự muộn màng này, vì người con gái càng lớn lên, càng xinh đẹp. Tất cả sự lo lắng của gia đình ông đều hướng về nàng. Nàng thích hoa, thế là bốn con nữ tỳ sáng ngày chia bốn hướng để tìm những chiếc hoa hồng tươi đẹp, những chùm hoa huệ, hoa lan thơm ngát nhất. Nàng thích áo đẹp, thế là ngày hôm sau, những tay thợ khéo được mời đến để cắt cho nàng

chiếc áo xinh xắn bằng thứ hàng đắt tiền. Và mặc đầu sau này vợ chồng có thêm một rồi hai con trai, không khi nào ông để con gái ông chạm tay đến cái thùng vắt sữa bò buổi sáng, nắm lấy đầu kim mũi chỉ, sợ sắc đẹp của nàng vì những công việc nặng nhọc mà suy suyển đi.

Trong hoàn cảnh ấy, người con gái lớn lên xinh đẹp, ông phú trưởng già chọn mặt gởi vàng, kén chọn cho một nơi giàu sang quyền quý. Trong số nhiều người đến hỏi, có một thanh niên thế phiệt được ông chú ý. Chàng là cháu họ nhà vua. Cha chàng trước là một quan lớn trong triều, danh vọng lớn lao và tiền của bộn bề. Cách đây một năm cha chàng chết và cũng trong năm đó mẹ chàng đau khổ, héo hắt đi rồi vĩnh biệt chàng. Người thanh niên bây giờ làm chủ cái gia tài và tha hồ ăn chơi phóng túng. Đó là những chi tiết quan trọng mà ông trưởng già suy đi nghĩ lại. Ông thấy đã chọn được nơi vừa lòng. Con gái ông sẽ được nuông chiều, không một người nào khác có thể sai bảo, làm nhọc nhằn thân con ông. Vào cửa giàu sang, con ông không phải lo vất vả lo miếng cơm manh áo như bao nhiêu người đàn bà khác. Còn việc ăn chơi phóng túng thì không lo ngại mấy, vì ông cho đó là do sự buồn bực của hai lần tang chế, với lại chuyện ăn chơi của đàn ông còn do ở người

đàn bà trong gia đình. Ông tin rằng con gái ông duyên dáng, xinh đẹp, nhất định sẽ giữ được chàng ở mãi trong nhà.

Lễ cưới được cử hành rất trọng thể. Người thanh niên đã bỏ ra một số tiền khá lớn để làm tiệc thiết đãi thân thuộc bạn bè. Ông phú trưởng già cũng linh đình tổ chức ăn uống để tỏ ra ông không sút kém gì nhà trai và để vui lòng con gái.

Hai vợ chồng son trẻ rất thương yêu nhau từ sau ngày cưới, đúng theo dự đoán của ông trưởng già, chàng quanh quẩn ở nhà. Chàng thuê thêm nhiều nữ tỳ để lo việc cơm nước, hầu hạ người yêu. Chàng bảo trồng thêm nhiều thứ hoa lạ trong vườn, đóng lại cỗ xe ngựa mới để dạo chơi buổi chiều.

Ngày tháng trôi đi, những thú vui say sưa ban đầu đã bắt đầu nhạt dần. Con người đi tìm cái ham thích vật chất không bao giờ thỏa mãn, và không thể nào thỏa mãn được, rồi người thanh niên đi lại đường mòn cũ. Bạn bè trở đến đông đảo như xưa. Những cuộc ăn uống say sưa đến dần, những câu chuyện ly kỳ, khoe khoang tăng bốc nhau tuôn ra càng nhiều, khi hơi rượu càng phừng phừng trong những khối óc. Cứ như thế mà tiền của trôi dần. Đã nhiều lần chàng vắng nhà hai ba hôm, rồi hằng tuần. Lúc trở về, tiền túi hết sạch. Vợ chàng ở nhà

tìm cách khuyên can, nhưng nàng lại thiếu lời lẽ khôn ngoan. Nàng được tấm lòng chân thành yêu mến chồng, nên chàng những lúc ở nhà, vẫn tỏ ra thương vợ nhiều lắm.

Ngồi không mà ăn thì núi cũng phải vỡ, huống hồ đây chàng phung phí không kể. Sự sa sút đến rất gấp. Và hết thóc, bỏ câu bay đi chỗ khác.

Lúc này người chồng bắt đầu thấy rõ cuộc đời thì đã muộn. Không nỡ để cho gia đình chịu khổ nhục kém sút thiên hạ, nên hai vợ chồng vẫn giữ nguyên những người giúp việc trong nhà, cũng có nữ tỳ mang nước buổi sáng, cũng có người làm cơm sẵn sàng. Và như thế vợ chồng sẽ xoay tiền của cha mình, lần đầu nàng xin với cha để mua ruộng đất. Mừng cho con, ông phú trưởng giả cho một số tiền lớn. Nhưng với cái cốt cách rậm dăm của một gia đình thế phiệt, tiền ấy chẳng thấm vào đâu. Rồi nàng lại về xin cha, một lần rằng để thêm vốn cho chồng đi bán một chuyến xa, một lần để sắm sửa nữ trang và một lần nữa thì... không còn cách nào dối quanh nữa, nàng đã khóc lóc thú thật với cha cái tình cảnh sa sút của gia đình do chồng nàng ăn chơi phóng túng gây nên. Thì ra tiền ông giúp đỡ bấy lâu nay là thằng ăn hại ấy phá hết cả. Càng nghĩ bao nhiêu, ông càng giận dữ bấy nhiêu. Nhưng thương con gái ông

không biết cách nào khác là cho con lần nữa để mong xoay sở mà lo liệu. Và số tiền lần này, cố nhiên là không bị được các lần khác. Trước khi nàng ra về, ông không quên nhắc rằng ông không muốn thấy con ông trở về với mục đích như thế này nữa. Và lại ông còn đầu nghĩ tới con gái ông nhiều bằng hai con trai ông.

Đối với anh chàng thế phiệt, cái hành động xin tiền cha mẹ vợ thật khó xem quá. Nhưng anh chàng lại cho dễ chịu hơn cái cảnh bán đồ đạc trong nhà, tự bỏ cái xe ngựa để đi chân. Trời ơi ! Như thế thì còn ai coi mình ra gì nữa. Cho nên người vợ lại phải sang nhà xin tiền cha lần nữa.

Lần này, cha nàng giận dữ chàng rể ông lắm. Ông không muốn thấy con gái ông làm một việc như thế, ông không muốn thấy con gái ông thông thả từ nhỏ chí lớn, bây giờ phải sống lo lắng chật vật. Ông thầm tính với vợ đem con gái gả cho một người khác. Chuyện ấy lọt vào tai nàng.

Lúc trở về, sau bữa cơm chiều, nàng thuật lại cho chàng về điều khá quan trọng đã nghe được, để hỏi chồng cách đối phó. Chồng nàng nheo mày lại, một cách ghê gớm không nói một lời, anh chàng cảm thấy đau xót, hơn cả những phút lâm chung của cha mẹ anh ta. Không có một cái gì tồn tại nữa chung quanh anh ta. Anh ta nghiêng chặt hàm răng.

Nàng ngồi yên lặng. Sau một lúc lâu, chàng ta tươi tỉnh lại. Chàng đến bên vợ âu yếm và khuyên vợ cứ yên lòng.

Sáng hôm sau, chàng sai bảo đầy tớ quét dọn nhà cửa sạch sẽ, sắm sửa bữa ăn thật ngon như để thiết đãi một vị khách quý nào sắp đến. Vợ chàng cũng ngạc nhiên, vì từ lâu nay ít khách khứa ra vào đây nữa. Rồi đến trưa, nàng chờ mãi cũng không thấy ai đến. Bữa cơm hôm ấy, chàng vui vẻ gấp đồ ăn bỏ vào chén vợ và nói chuyện say sưa như bữa cơm riêng đầu tiên giữa hai vợ chồng.

Sau đó anh chàng gọi vợ vào buồng đóng chặt cửa lại, người ta nghe tiếng một người đàn bà hét lên kinh hãi rồi tiếng thấy người ngã xuống, và tiếng dầy dụa, tiếp theo là một tiếng đổ ngã khác.

Khi bọn gia nhân phá cửa chạy vào thì một cảnh tượng ghê rợn diễn ra : hai xác thân nằm sóng sượt, thân người đàn bà đồn vào góc phòng, thân người đàn ông nằm giữa phòng trong tay nắm chặt con dao sáng bén vấy máu. Máu thấm từng vệt sậm trên áo, máu lai láng trên sàn nhà, đôi vúng đã đen lại, chỉ trông chốc lát, hai sinh mạng đã kết thúc, sau một kiếp đời ngắn ngủi chạy đi tìm thú vui.

Người ta báo cho ông phú trưởng già biết tin sét đánh ấy, và theo phép nước thì ông phú trưởng già phải tù tội. Hai tin dữ ấy đến một lúc làm ông chết ngất đi. Ông đau đớn lắm, tù tội cũng không đau đớn cho ông bằng mất đứa con gái thân mến, vợ ông khuyên giải nhiều lần nhưng không làm cho ông khuây khỏa chút nào. Ông chửi rủa rề ông, chửi rủa bọn giai nhân bất tài không ngăn cản được tai họa, ông trách trời đất, trách số mạng khắt khe đối với ông. Rồi nhiều lần ông rối loạn, ông lang thang đi tìm người hỏi duyên cớ. Tình cờ một hôm ông gặp được Đức Phật. Lâu nay ông cũng nghe nói đến nhiều lần đến sự hiểu biết vô lượng của Đức Phật. Nhưng ông không để ý tới. Bây giờ, thấy Phật vững trán cao, đôi mắt nhìn xa xăm và huyền diệu lòng ông tự nhiên trở lại yên tĩnh.

Đức Phật bảo ông bình tĩnh thuật lại đầu đuôi. Sự việc lần lần hiện ra trở lại trong trí ông. Ông nhớ lại từ lúc cần nhả con gái ông đến lúc ông dự định gả con gái ông cho người khác. Kể xong ông lặng thinh và cúi mặt xuống đất. Đức Phật giảng giải cho ông rõ nguyên do sự việc và kết luận. Ngài nhấn mạnh từ tiếng trong lúc những vết nhăn trên mặt ông phú trưởng già dần dần, dần dần ra.

"Đời khổ chỉ vì người ta hướng lòng mình vào một chỗ. Phóng rộng tình thương yêu tất cả mọi người thì cuộc đời làm chi có cảnh tự sát và sát hại lẫn nhau".

QUẢNG HUỆ

Người ta khổ vì cho không phải cách
Yêu sai duyên và mến chẳng nhầm người.

Mèo dạy con

Xưa có một con mèo, sinh ra các con mèo con, ngày đêm chăm lo nuôi nấng, dần dần mèo con lớn lên, nó hỏi mẹ nó rằng :

- Mẹ ơi ! Sau khi thôi bú sữa mẹ, thì con ăn bằng thức ăn gì ? Xin Mẹ bảo con.

Mèo mẹ đáp :

- Đã có người ta sẽ bảo con.

Một hôm, mèo con lân la sang nhà hàng xóm, lên vào sau cái chum trong góc nhà chợt có người trông thấy, người ấy bảo cho tất cả mọi người khác rằng :

- Trong nhà có mèo đấy, vậy có những niêu thịt cá gì phải dậy cho kỹ, còn gà con thì phải cất cho cao, cẩn thận kéo mèo nó ăn đấy !

Mèo con nấp ở trong nghe rõ mồn một trong bụng biết là các thức ấy là món ăn chính của mình.

Đây là một tỷ dụ cũng như Phật hết lòng thương chúng sanh, dạy bảo cho chúng sanh, biết rõ nhân quả tội phước, báo ứng phân minh không sai một chút.

Nhưng có khi chúng sanh vì mê chấp những lý sai lầm khác, nên không chịu tin giáo lý của Phật dạy, thì khi nào gặp phải những trường hợp, những cơ hội được báo ứng rõ ràng mới biết lời Phật dạy là đúng. Đại khái như không tin làm ác là phải tội, sanh ra phóng túng làm càn, tới khi tội mới biết rõ, làm thiện cũng thế.

Lại như cha mẹ dạy con, muốn cho con tránh những điều độc ác tội lỗi, nhưng dù hết lòng nói kỹ đến đâu, người con vẫn không hiểu hết, nên phải tùy tiện đến đâu dạy lần đến đấy. Tức là phải dạy bằng cách thực hành, chứ không căn cứ cả vào lý thuyết mà đã đủ.

TRÍ HẢI

Nuôi con chẳng dạy chẳng răn

Thà rằng nuôi lợn cho ăn lấy tiền

Ấm trà phúc đức

Tương truyền 500 về trước, tại huyện Mỹ Nùng có một vị tu hành đức hạnh tên là Chánh Thông pháp sư, nhân muốn lập một tòa tùng lâm tại nơi này, đã đặt chân khắp nơi để tìm địa điểm mà vẫn chưa tìm thấy.

Có một đêm, pháp sư ra suối tắm, khi trở về qua khu rừng, dưới ánh trăng trong vắng vặc, bỗng nghe có tiếng nho nhỏ gọi :

- Lão Pháp sư ! Lão Pháp sư !

Người dừng bước trông chung quanh không thấy một bóng ai cả, trong lòng lấy làm kỳ quái tưởng là mình nghe lầm nên cứ thản nhiên tiến về thảo am. Nhưng vừa đi được vài bước, lại nghe có tiếng gọi :

- Pháp sư ! Lão Pháp sư !

Chánh Thông pháp sư liền theo hướng tiếng gọi phát lên mà tìm đến coi thử thì thấy trong

đám cô đại um tùm trước hoang viện, hiện ra một người giống hệt dáng hồ ly, chấp tay vái pháp sư.

Pháp sư hoan hỷ hỏi :

- Thế ra nhà người gọi ta ?

- Dạ, đúng ! Người đó trả lời.

- Vậy người có chuyện gì muốn nói cùng ta.

Pháp sư hỏi. Người đó chớp chớp đôi mắt nói :

- Có phải lão Pháp sư định tìm một địa điểm để xây dựng tu viện ?

- Làm sao người lại biết ?

- Dạ, con là người ở xứ này, có biết một chỗ rất thích hợp cho việc kiến trúc tu viện. Nếu Pháp sư bằng lòng con xin đưa Pháp sư đi coi.

Pháp sư nở một nụ cười sung sướng :

- Nguyên lai như thế. Vậy địa điểm ở nơi nào, xin người đưa ta đi coi một phen !

Thế là hai bóng đen, ngay trong đêm đó, một trước một sau, thoăn thoắt băng rừng lội về nẻo Châu Quán Lâm, ở đây có một khu rừng rộng lớn, cây cối u nhàn, cảnh sắc tuyệt đẹp. Chánh Thông pháp sư rầy lấy làm mãn ý quyết định lập một tòa Tùng Lâm tại chốn rừng này, lấy tên là Mậu Lâm Tự.

Sau khi thành lập ngôi chùa Mậu Lâm rồi, người khách chỉ đường ấy lại đến nói với Chánh Thông pháp sư :

- Con hy vọng được ở tại chốn này với Pháp sư để tu hành học Phật, vậy xin lão Pháp sư mở lòng từ bi thu làm đệ tử, phòng có được không ?

Lẽ dĩ nhiên là Chánh Thông pháp sư gật đầu ưng ngay và đặt tên người đó là Thủ Hạc. Từ đó, Thủ Hạc ngày ngày quét chùa, lên hương, tụng kinh, thổi cơm, sớm hôm chăm chỉ thật là tinh tiến.

Quang âm thấm thoát trôi mau. Chánh Thông pháp sư cũng viên tịch, kế đến vị Hòa thượng thứ hai, thứ ba... vị nào cũng là bậc cao tăng đại đức kế tiếp trụ trì chùa này, tới vị thứ sáu lên Niết bàn thì Nguyệt Chu pháp sư thay thế là vị thứ bảy mà Thủ Hạc vẫn trường thọ và mạnh khỏe như xưa tương chừng sống mãi không chết. Thủ Hạc đối với bảy vị Hòa thượng, tùy chung vẫn tỏ ra trung thực, thành kính một lòng, không hề xao lãng một phút những việc quét tước chùa, lên hương, tụng kinh, thổi nấu ăn, nhất là đối với khách thập phương cùng dân làng chung quanh, Thủ Hạc thường thường hết lòng giúp đỡ những việc khốn khó.

Năm đó vào năm Phật lịch 2113 pháp sư Nguyệt Chu sửa soạn cử hành một đại quy mô

pháp hội tại Mậu Lâm Tự, dự ước tín đồ thập phương lại nghe giảng có tới ba, bốn ngàn người, và lúc này tiết trời về tháng hạ, tất nhiên phải lo vấn đề về nước uống cho chu toàn. Pháp sư bù đầu suy nghĩ chưa tìm đâu ra được chiếc ấm trà nào to, dung lượng có thể thỏa mãn nước uống cho bấy nhiêu người.

Thủ Hạc nhìn thấu tình hình ấy liền nói với Nguyệt Chu pháp sư :

- Thưa Pháp sư ! Ấm đựng trà trong chùa chỉ có thể đủ 50 người uống thôi. Ngày mai có thể tới mấy ngàn người thì làm thế nào ?

- Đúng, đúng ! Ngày mai nhất định có nhiều người mà ta chưa chuẩn bị được đủ số ấm đựng nước... (Pháp sư thở dài và tiếp) không biết tính sao đây ???

- Nếu vậy con xin đến xứ Giang Hộ, mượn một chiếc ấm trà thật lớn về đây, sư phụ tính sao ?

- Đến xứ Giang Hộ, cha chả ! Đường xa mấy ngàn dặm, làm sao mà tới được trong một đêm ? Và chẳng, dù có đi tới xứ Giang Hộ đi nữa, chắc gì đã mang được ấm trà về ?

- Xin Pháp sư phóng tâm ! Nhất định con mang về được. Bây giờ còn sớm con xin đi ngay, kẻo muộn không kịp.

Thủ Hạc nói xong, mặc giày cô vào chân, thoát một cái đã bước ra khỏi chùa. Còn Pháp sư trong lòng vẫn vương nghĩ, nếu Thủ Hạc có mượn được ầm cũng chẳng thể đem về kịp ngày mai...

Sớm hôm sau, Nguyệt Chu pháp sư còn đang tọa thiền trong phòng, bỗng cánh cửa phòng hé mở, thấy Thủ Hạc đã chấp tay bạch :

- Bạch Pháp sư, con đã về.

Pháp sư trông qua song cửa ra ngoài hiên thấy chiếc ầm trà to lớn để lù lù ngăn cả lối đi thì kinh ngạc chưa kịp hỏi, bỗng Thủ Hạc đã trò ầm trà cười bảo :

- Có chiếc ầm này rồi, tất không còn sợ nhiều khách hay ít khách nữa.

Nguyệt Chu pháp sư tấm tắc khen ngợi Thủ Hạc :

- Thật là chiếc ầm không lò, to quá to quá ! Chắc vác về vất vả lắm đấy !

Thủ Hạc đem ầm trà xuống phòng, đổ nước vào đun sôi thì lạ thay trong ầm bốc ra một hương thơm lạ lùng, ai uống vào cũng thấy nhẹ nhàng, dễ chịu, mà chẳng còn nóng nực chút nào. Nhân thế, người người xúm lại xin nước uống lấy uống để :

- Cho tôi một chén !

- Tôi... tôi... một chén nữa !

Thực ra, Thủ Hạc đem chiếc ấm trà này về chẳng khác gì đem về một ngọn suối, cứ việc đầy chặt nắp lại là nước tuôn ra bất tuyệt, dùng bao nhiêu cũng không hết và uống xong là hết khát liền. Các người thấy lạ, thì cho là chuyện hết sức huyền bí liền hỏi Thủ Hạc :

- Thủ Hạc sư phó ! Ấm trà này thật là kỳ diệu, tại sao lại được như thế, hử sư phó ?

Thủ Hạc nở nụ cười vui sướng nói với quần chúng :

- Ấm trà này gọi là Phúc Đức Hồ, trong có tám món công đức nên khi uống vào thấy :

1/ Không sanh bệnh.

2/ Thêm sức.

3/ Không sợ sệt.

4/ Sanh trí tuệ.

5/ Có nhân duyên.

6/ Được người tôn kính.

7/ Trừ tai nạn; và sau hết.

8/ Được trường thọ. Nhân có công đức như vậy

Phật tử nên uống nữa đi ! Uống nhiều càng tốt.

Sau khi pháp hội viên mãn, chiếc ấm trà này trở nên một vật trân bảo của chùa Mậu Lâm.

Thủ Hạc với một tuổi thọ phi thường dài lâu, ông còn sống tới vị trụ trì thứ 10, là pháp sư Thiên Nam, mà thân thể vẫn tráng kiện như còn trẻ. Tất cả vùng ai cũng tỏ vẻ cung kính ông. Nhất là bàn đến chiếc ấm Phúc Đức Hồ, tức ấm trà không ai là không ngót tán thưởng và nổi lên nghị luận xôn xao.

- Thủ Hạc sư phó chẳng phải là người tâm thường phổ thông như ai !

- Đúng đúng ! Nếu không giỏi thì sao một mình mang nổi chiếc ấm to như thế ?

- Theo ý tôi, sống tới hơn 100 năm không chết mà còn mạnh khỏe như thế, tất nhiên là hồ ly...



Tới năm Phật lịch thứ 2130, ngày 28 tháng 2 một buổi nọ trời xuân ấm áp, trăm hoa đua nở, con hoàng oanh trong bụi cát tiếng hót líu lo làm thức tỉnh cảnh u tĩnh của chùa Mậu Lâm. Thủ

Hạc ngồi tắm ánh dương quang ở hành lang chùa, trong lòng cảm thấy khoan khoái êm đềm, bất giác ngủ đi lúc nào không biết. Vừa lúc đó, có một vị Sa di đi tới, bỗng hoảng nhiên trông thấy một chú cáo già đang ngon giấc, phát lên tiếng ngáy khò khò, thì thất kinh tán đảm kêu lên :

- Hồ ly ! Hồ ly !...

Thù Hạc bị Sa di làm kinh động liền tỉnh dậy chưa kịp thu hình thì tứ phía đã xúm lại đông nghịt cùng xia xói xỉ vả :

- Bây giờ mới rơi mặt nạ nhé ! Thì ra mi vốn là một con hồ ly ! Cứ tưởng mi lại đây nương nhờ Chánh Thông pháp sư giáo huấn tu hành học Phật để thoát cái nghiệp chướng súc sinh nào ngờ ngày nay hồ lại hoàn hồ !!! Thôi nhé ! Từ nay trở đi biết đường biết nẻo thì cút, nghe chưa !

Tiếng lao xao vang đến tai Pháp sư trụ trì. Người liền ra tận nơi, Thù Hạc thấy Pháp sư liền cung kính bạch :

- Bạch pháp sư cùng chư đồng đạo ! Đã từ lâu, tôi được ơn dày chiếu cố, thật cảm kích bội phần. Nay vì báo đáp từ ân đem lực thần thông ra diễn một đoạn việc xưa, vậy toàn thể hãy nhìn vào phía rừng rậm kia.

Mọi người nghe xong liền trông thẳng vào rừng, thấy hiện ra một cảnh giới trang nghiêm không đâu sánh kịp, trong đó có hình ảnh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trên núi Linh Thứu đang thuyết pháp, tại tọa có tới 1250 cao cấp đệ tử và mấy nghìn vạn Thiên Long Bát Bộ, ai ai cũng tâm tâm niệm niệm nghe Phật thuyết pháp. Mọi người thấy thế đều kinh lạ phép Phật thì cùng thụp lạy.

Thủ Hạc đợi mọi người ngẩng đầu lên, liền cất tiếng từ biệt :

- Giờ đây, tôi xin từ biệt quý vị. Chiếc ấm trà Phúc Đức Hồ lưu lại chùa này để làm kỷ niệm, dám xin quý vị bảo vệ cho ! Thôi, xin chào quý vị ở lại !

Nói xong, Thủ Hạc lao thân như chớp vào rừng biến mất.

PHẠM NGỌC KHUÊ

Tuy mang xác thân cầm thú mà tư tưởng đầy lòng từ bi, vị tha... Đó tức là người. Trái lại, hình hài là người mà tâm địa đầy dẫy lòng ích kỷ, tham lam độc ác, dã man vô nhân đạo, kẻ ấy đã là thú.

Ngày gặp phụ vương

Sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo, Ngài thuyết pháp ở vườn Lộc Uyển xong, lần lần đi truyền giáo các nơi, rồi thuận đường hành hóa Đức Phật đến nước Ca Tỳ La Vệ.

Được tin trước, vua Tịnh Phạn cảm mừng vô hạn, rồi tất cả Hoàng gia cũng như toàn dân Ấn Độ đều sửa soạn rước Phật trong niềm hân hoan đặc biệt.

Từ khi vượt thành xuất gia, cho đến ngày thành Đạo, thấm thoát hơn hai mươi năm, hôm nay Ngài trở về, với một tấm cà sa, một bình bát đất, Đức Phật khoan thai dể chân lên đất nước thân yêu. Đức độ từ bi của Phật cảm thông cả ngọn cỏ ngàn cây, nên Ngài đặt chân đến đâu thì hoa lá tươi thêm cây cối xanh tốt. Còn từng rừng người, từng loạt sóng người đã nức lên vì cảm động trong lúc người đi ngang qua.

Thế là chiều hôm đó, vua Tịnh Phạn thỉnh Phật thuyết pháp tại Hoàng cung. Ngài ngự trên

pháp tọa cao, dung nghi đỉnh đạc, hào quang của Phật chiếu tỏa một màu sáng dịu.

Khi ấy vua Tịnh Phạn liền đứng dậy đến trước Phật đánh lễ rồi bạch :

- Kính cẩn bạch đấng Vô Thượng Sư ! Tôi nay già cả xin Ngài chỉ cho một phương pháp tu hành để được giải thoát các khổ lão, bệnh, tử.

Đức Phật bùi ngùi khi thấy Phụ hoàng đầu bạc da nhăn, chân bước run run. Than ôi, tất cả khí tượng hiên ngang của vị Đế vương oanh liệt lúc thiếu thời, nay còn đâu nữa. Thế Tôn thương xót, Ngài đứng dậy đỡ Phụ hoàng ngồi xuống và ôn tồn bảo :

- Kính tâu Phụ hoàng, từ khi Tất Đạt Đa xuất gia cho tới ngày thành đạo, trên đường truyền giáo Pháp đệ A Nan thường bị ngoại đạo phỉ báng : "Thầy nguoi bất hiểu, bạc tình, chúng ta không phục".

Kính tâu Phụ hoàng, ngoại đạo vô tri chỉ thấy cái hiểu tâm thường cạn cợt, không biết Như Lai quyết đi tìm một món quà vô giá để dâng Phụ hoàng và ban khắp chúng sanh, mà Da Du cũng có một phần trong đó. Món quà vô giá chính là câu Phụ hoàng hỏi đây.

Kính tâu phụ hoàng ! Tất cả các pháp đều vô thường, công danh như bọt, tình ái như mây, tuổi trẻ qua mau như làn điện chớp, thế mà chúng sanh chỉ bám víu theo các pháp vô thường, mà quên cái thường còn của mình là "Phật tánh". Tâu phụ hoàng, chúng sanh đều có Phật tánh, nên ai cũng có thể thành Phật cả. Nhưng những phương pháp để phát triển khả năng thành Phật có nhiều lối, song chỉ có Pháp môn niệm Phật là thuận tiện và dễ dàng hơn hết. Như Lai khi thành Chánh giác đã dùng Phật nhãn xem khắp thế giới trong mười phương, thì chỉ có thế giới "Cực Lạc" là an vui hơn cả. Đấng Chánh biến tri ở nước Cực Lạc hiệu là A Di Đà từ kiếp xa xưa, trong lúc tu nhân Ngài đã phát 48 lời nguyện, trong ấy có lời nguyện : "Nếu chúng sanh trong tất cả mười phương, người nào phát tâm tin tưởng, phát nguyện mạnh mẽ muốn sanh về nước ta, thường chí tâm niệm danh hiệu ta, người ấy khi lâm chung chắc chắn được vãng sanh, nếu không như nguyện ta thì không thành Chánh giác".

Tâu Phụ hoàng ! "Cực Lạc" là một thế giới an vui, chúng sanh về bên ấy chẳng những không còn bị khổ : già, bệnh, chết, oán tắng hội, ái biệt ly, cầu bất đắc... mà cũng không bao giờ thấy khổ, nghe khổ. Cõi nước thanh tịnh đầy đủ trợ duyên

để chúng sanh tu hành chóng được thành tựu đạo quả.

Kính tâu Phụ hoàng ! Thập phương Như Lai tu hạnh thành thật, nói lời đúng đắn lợi ích chúng sanh. Vậy Phụ hoàng và tất cả Thích chúng nên tín tưởng, thật hành Pháp môn niệm Phật, thì chắc chắn sẽ được thoát các khổ : sanh, lão, bệnh, tử,...

Khi vua Tịnh Phạn, Di mẫu và Da Du Đà La cùng tất cả Thích chúng được nghe pháp âm của Phật đều phát tín tâm mạnh mẽ, liền chứng "Vô sanh pháp nhẫn".

Thế Tôn mỉm cười thuyết bài kệ :

"Thích chúng có trí tuệ, nghe pháp của Như Lai phát tâm chuyên niệm Phật, người ấy khi mạng chung, quyết sanh về Cực Lạc, được thấy Phật A Di Đà, Quan Âm cùng Thế Chí, chắc chắn thành Bồ Đề".

Thích nữ CÁT TƯỜNG

Cung phụng cha mẹ sung sướng một đời chưa gọi là hiếu, làm cho cha mẹ đời đời an vui mới là chí hiếu.

Phật dạy vua Thảng Quang làm chính trị

Bấy giờ vua Thảng Quang ở nước Kiều Tát La đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ dưới chân Phật, chấp tay hướng lên Phật mà bạch rằng :

- Bạch Đức Thế Tôn ! Xin Ngài từ bi dạy các pháp làm chính trị cho tôi hiểu biết mà cai trị nước nhà.

Phật dạy rằng :

- Phàm là một vị Thiên Tử, chủ quyền một nước, thống lãnh muôn dân, phải rộng lòng nhân đức, đầy đủ các đức tính từ bi, thương yêu dân như cha thương yêu con vậy, hằng cầu nguyện cho được yên lành. Nếu họ có điều gì độc ác, thì nên dạy bảo khiến họ biết chữa bỏ, còn làm điều gì hiền lành ích lợi thì nên khuyến khích cho họ tinh tiến thêm lên.

Nếu Đại vương thương yêu nhân dân như cha thương yêu con, thì tất cả nhân dân đều trung thành hiếu thuận như con thảo thờ cha mẹ.

Còn cách chính trị phải đủ : Nhân, tình, ân, thứ, khoan hậu, nhu, hòa. Thuế má chớ nên bắt họ đóng nặng, công việc chớ nên sai khiến nhọc nhằn nhiều, chọn kẻ hiền tài mà phong làm quan, mỗi người coi một việc, phải tùy cơ tùy thời, không cần phải dùng nhiều người mà sinh sự phiền phí. Nếu có kẻ nào tàn ác, thì phải trừ khử, còn người nào hiền lành thì phải khuyến thưởng, và lại kẻ nào sinh điều ác nghịch, không lòng trung lương, tức thì phải phạt trị, chớ nên để lạm dụng mà sinh di họa về sau !

Cần nhất phải tuân theo chế độ chân chánh của các vị Thánh Vương đời trước, chớ nên hà khắc tàn hại những kẻ dân đen, mà mắc phải khổ báo luân hồi, đền trả thân mạng về sau.

Thường phải dốc lòng tôn kính Tam Bảo, chớ sinh lòng tà kiến. Sau khi ta nhập diệt rồi, thì phó thác lại cho các vị Thánh Vương. Đại thần cùng nhau dương ngọn đèn tuệ cho thường quang minh, bánh xe pháp luân luôn thường chạy, phải gắng sức giữ gìn cho lâu dài, chớ nên để tiêu diệt.

Nếu các Đại Vương y theo pháp tu hành mà giữ đúng như lời ta dạy dỗ, thì Chư Thiên cũng thấy hoan hỷ, các bộ Long Vương cũng đều vui lòng, trong nước được hưởng mọi sự tốt : mưa thuận gió hòa, lúa đậu được mùa, nhân dân no ấm, tai nạn

tiêu trừ, nước nhà an lạc, thiên hạ thái bình, ngôi
rồng của nhà vua được bền vững, phúc duyên tăng
tấn, tuổi thọ được thêm cao.

Nếu được như vậy, thì tiếng đồn vang khắp gần
xa, các nước lân bang đều khâm mộ, đem lễ vật
đến mà cống hiến. Nếu Đại Vương tuyên truyền
Chánh pháp được như thế, thì chẳng những nước
trị dân yên mà thôi, và lại sau khi thăng hà, còn
được sinh về cõi trời, mà hưởng phần tiêu dao
khoái lạc nữa.

Tuân lời Phật dạy vua làm lễ ra về.

TÂM MINH

Không phải "chế độ" mà chính là "người" mới đáng kể.
Người ta đã từng thấy những "người" tốt cai trị rất hay
trong một "chế độ" xấu; người ta chưa từng thấy một
"chế độ" tốt có thể củng cố một quốc gia với những
"người" xấu.

Đại Bi trì nghiệm

Xưa ở nước Ma Đà Đà xứ Tây Thiên Trúc có một người Phật tử tại gia, tánh ưa sắc đẹp. Một hôm nhân xem kinh thấy nói làng A Tu La người nam tuy xấu, song người nữ lại xinh đẹp tuyệt trần, trong lòng sanh niệm mến thích, ước làm sao được cùng kết mối lương duyên.

Không bao lâu, lại nghe nhiều vị bảo trong núi nọ có cung điện A tu La rất nguy nga tráng lệ, báu lạ như Thiên cung, liền quyết tâm trì chú Đại Bi ba năm, cầu mong được viếng cảnh màu để thỏa lòng ước nguyện khi trước.

Ba năm đã mãn, người ấy đến từ tạ thân hữu và gọi một tên đệ tử cùng đi theo. Khi thầy trò đi đến trước núi, chí tâm tụng chú cầu nguyện bỗng cửa đá vụt mở, trong ấy lộ ra cung điện có quý thần canh giữ cực nghiêm, vị Phật tử liền bước tới nói rõ bốn nguyện mình trì chú muốn kết duyên cùng thần nữ A Tu La xin nhờ thông báo và thỉnh ý

giùm. Kê giữ cửa vào thưa lại. A Tu La nữ nghe nói tỏ dáng vui đẹp, hỏi : "Đi đến có mấy người ?". Đáp : "Thưa hai người". Thần nữ bảo : "Người ra thuật lại ý ta đã hứa thuận, thỉnh người trì chú mau vào, còn đồng bạn hãy tạm đứng ngoài cửa". Kê giữ cửa ra thưa lại, vị Phật tử liền đi vào trong.

Nhìn theo thầy mình đi rồi, người đệ tử còn bàng hoàng, bất giác bỗng tự thấy đã trở về đứng ở phía Nam của nhà mình hồi nào không hay.

Từ ấy về sau, ông này đã mấy lần đến chỗ cũ, song chỉ thấy vách đá đứng sừng, mây khói mịt mù, không còn được nghe biết tin tức gì bên trong nữa. Nhân đó, người đệ tử phát tâm lìa nhà tu hành, nguyện trọn đời ở nơi Già Lam cúng dường ngôi Tam Bảo.

Khi ngài Huyền Trang sang Ấn Độ du học, trụ ở chùa Na Lan Đà nghe chính người đệ tử này thuật chuyện lại... .

LIÊN DU

Ở đâu có nhiều dục vọng, ở đấy có nhiều khổ đau.

Đức Phật với người nghèo khổ

Một hôm Phật ứng thỉnh ông Cấp Cô Độc, đến Tịnh xá ông lập an cư 3 tháng. Phật thuyết pháp giáo hóa nhân dân thành Xá Vệ vô số, ai cũng cảm mến Ngài và được ánh đạo soi sáng đời sống. Nên sau 3 tháng an cư, khi Ngài ra đi, từ quan quân cho đến dân chúng ai cũng khóc thỉnh Đức Phật ở lại ít nhất là một tuần nữa. Nhưng Ngài không hứa nhận, bấy giờ trong nhà ông Cấp Cô Độc có người tớ gái tên là Phước Lê, nàng rất nghèo khổ nhưng giàu lòng hướng thượng. Nghe Phật ra đi, nàng cũng như mọi người, lòng buồn tủi vô hạn, nhưng nàng nghĩ Đức Phật không phân biệt nghèo khổ như ai, nên đánh bạo đến trước Phật dâng lễ và thỉnh Phật ở lại. Phật liền nhận lời và ôn tồn bảo mọi người :

- Lòng ta không phân biệt, song chỉ muốn làm cho mọi người nghèo khổ mà nàng Phước Lê là

một người được tắm gội ánh đao từ bi. Ta nhận lời để mọi người thấy rằng người nghèo khổ không phải đáng khinh. Trí giác chỉ có ở nơi họ cũng như lửa chỉ có ở nơi cây khô.

Được Phật nhận lời và nghe Ngài dạy như vậy, mọi người đổi cái nhìn khinh thị ra cái nhìn biết ơn, nhìn nàng Phước Lê và nói với nhau :

- Người nghèo khổ nhất lại có thể gần đáng Trí Giác nhất.

MINH CHÂU

Không nên căn cứ vào địa vị xã hội hay là gốc tích cha mẹ bà con mà phán đoán một con người nào. Con người sinh ra là tuân theo cái nghiệp của mình. Nó khiến mình vào lòng người đàn bà sau mà đáp sự thừa thiếu ở đời trước vậy.

Cò và cua

Một ngày kia, ở vườn Trúc Lâm, trước một số đông đệ tử, trong đó có vua (Vimbasana) Bình Sa Vương và Hoàng tử A Xà Thế (Ajātacatrou) Đức Phật bố thí Pháp, Ngài nói :

- Hỡi các đệ tử, nghe và suy gẫm ta nói :

"Dùng mưu mô xảo trá để mưu đồ một việc gì, không bao giờ thành công.

Ác nghiệt, bạo tàn, chỉ đem lại kết quả thâm khốc".

Để chứng minh câu hỏi đó, ta kể cho các đệ tử nghe một câu chuyện sau này ta đã chứng kiến.

Trong một tiền thân ta xưa kia, ta là một vị thần ở một cô đại thụ. Cô đại thụ mọc trên một khoảng đất, hai bên có 2 cái đầm : một cái nhỏ xấu, một cái lớn nom rất ngoạn mục. Trong cái đầm nhỏ có rất nhiều cá, cái lớn sen mọc che kín mặt nước.

Gặp một năm, trời làm tiêu khô, hạn hán, cái đầm nhỏ nước cạn gần hết, trái lại cái đầm lớn có sen phũ, không bị cạn, nước lúc nào cũng mát rượi.

Tình cờ một con cò đi ngang qua đó, nom thấy trong đầm nhỏ cá nhiều vô kể. Nó đứng lại, co một chân lên suy nghĩ :

"Cá nhiều thế này, tuyệt quá, nhưng giống này lạnh lắm, dưng vào, chúng sẽ lủi bằng hết, vị tất đã bắt được con nào. Ta không nên kinh động, phải lập mưu mà tía dần".

Nhưng nghĩ cũng ái ngại cho chúng, chen chúc nhau trong bùn nóng, nếu chúng được sang bên đầm bên kia, chúng được vẫy vùng, sung sướng lắm.

Trong đàn cá, có một con thấy Cò có một dáng điệu kỳ khôi, có một giò, đứng hàng giờ không nhúc nhích, như một tu sĩ quán thiền nhập định bèn hỏi :

- Tôn ông chắc có điều gì thắc mắc mà trầm tư mặc tưởng lâu thế ?

- Đúng thế em ạ, nom thấy các em, anh không khỏi mũi lòng, nghĩ thân phận của các em anh rất lo và ái ngại.

- Tại sao Tôn ông nói lo và ái ngại cho chúng em ?

Cò nói :

- Các em không thấy ư ? Nước cạn gần hết, nếu trời cứ nắng như thế này, chẳng mấy lúc nước cạn hết, lúc đó các em sẽ ra sao, các em không nghĩ đến điều đó à ? Các em sẽ chết khô hết. Nghĩ thế nên ta không cầm nổi nước mắt.

Đàn cá nghe cò nói, hoảng cả lên, đứng khấu đầu trước vị cứu tinh, năn nỉ :

- Tồn ông ơi, Tồn ông có mưu chước gì tế độ, giúp chúng em thoát khỏi cảnh hiểm nghèo này không ?

Cò làm bộ nét mặt rầu rầu, vờ đứng suy nghĩ một lúc rồi chậm rãi nói :

- Anh suy nghĩ đã nhiều, chỉ có một kế này có thể cứu các em trong tình trạng nguy ngập này.

Đàn cá chen lấn nhau, lắng tai, cố nghe cho rõ, Cò nói :

- Ở gần đây có một cái đầm tuyệt đẹp, rộng lớn hơn cái này nhiều, sen mọc phủ đầy đầm, nước vì thế không cạn. Các em di cư sang ở bên đó, anh lấy mồi cấp từng em một chuyến sang, chỉ có cách đó mới có thể thoát được cảnh hiểm nghèo thập phần nguy ngập này.

Đàn cá nhiệt liệt hoan hô tán thưởng. Bỗng có một con Cua la lớn :

- Thật từ thuở lọt lòng mẹ tôi ra đến giờ, chưa bao giờ thấy có chuyện kỳ khôi như thế này !

Đàn cá nhao nhao lên chắt vẩn con Cua :

- Chú mày lạ cái gì ? lạ làm sao ?

Cua trả lời :

- Từ khai thiên lập địa đến giờ, có thuở nào Cò thương hại bọn Cá, Cua chúng mình. Chỉ khi nào nó đói, nó mới mò mẫm hỏi thăm anh em mình.

Cò làm ra bộ nhân đức, nghĩa hiệp xen vào :

- Chú Cua ơi ! Lời nói của chú thất đức, tội quá, chú gieo rắc sự nghi kỵ, để cả bọn này chết thảm, chết nhục hay sao ? Anh chỉ tâm niệm, cố làm sao cứu được các em trong lúc này là anh sung sướng, anh không có tà tâm, ác ý nào.

Quay về đàn cá, Cò nói :

- Lòng anh trong trắng, các em không nên nghi kỵ, phụ lòng. Muốn rõ hư thực, hãy cứ chỉ định một em, anh quắp sang bên kia chơi ít lâu rồi anh lại quắp về. Em đó sẽ tường thuật lại, các em sẽ rõ, lời anh nói, việc anh làm có đúng không.

Đàn cá tán thưởng ý kiến đó, đề cử một chú cá già mắt kèm nhèm, cho là chú này khôn ngoan, cho đi công cán để thăm dò đường đất.

Cò lấy mõ quắp chú cá già sang đầm bên kia, thả xuống. Chú cá già tha hồ tung tăng, vùng vẫy thỏa thuê.

Khi ủy viên công cán trở về với đồng bọn ca ngợi cò hết lời, nó tưởng thuật đầm bên kia thật là bồng lai tiên cảnh.

Tất cả đàn cá nghe nói thích quá, suy tôn Cò là vị cứu tinh, nhao nhao xin Cò hoan hỷ chuyển vận di cư sang ngay bên đó, Cò nói :

- Anh xin hết lòng phục vụ các em, anh sẽ chuyển các em sang đầm. Chú cá già được Cò quắp mỏ đi tiên phong. Lần này Cò có đem chú cá già sang đầm sen đâu, Cò quăng chú xuống đất, rĩa hết thịt, còn xương vớt ở dưới gốc cây cổ thụ. Ăn thịt cá già. Cò quay về đầm bảo đàn cá :

- Nào, em nào muốn đi với anh bây giờ ?

Tất cả đàn cá nóng lòng muốn biết cảnh non bồng tranh nhau đi, Cò tha hồ lựa chọn, con nào vừa mắt đem đi ăn chỗ thỏa thích.

Dần dần cả đàn cá, con lớn, con nhỏ, con già, con trẻ được định cư vào bụng Cò.

Tất cả đầm chỉ còn sót lại một con Cua. Cua vẫn thắc mắc nghi sự man trá, thủ đoạn của Cò. Nó nghĩ :

- Ta nghỉ quá, đàn cá được sang bên đầm sen thật là vô lý, không khéo cả đàn, cả lũ chui hết vào bụng Cò gian hùng.

Ở đây đất hẹp nước cạn, ta cũng cần phải di chuyển đi nơi khác, nhưng có đi ta cũng phải tính toán kỹ càng, phòng Cò có manh tâm phản phúc, ta phải có cách đối phó kịp thời. Mình mà có chết nó cũng khó bảo toàn được tính mạng nó.

Cò lại gần Cua, vồn vã, mơn trớn :

- Bây giờ đến lượt chú mày, anh đưa chú mày sang bên đó ?

. Cua hỏi :

- Thế anh đưa em sang bằng cách nào ?

Cò nói :

- Ô hay ! Thì cũng như các em cá, anh quắp vào mỏ, chứ còn bằng cách nào ?

Cua nói :

- Em nghĩ như thế không được anh ạ. Cái áo (vỏ) của em nó cứng ngắt mà trơn lấm, anh quắp em sẽ bị tuột mất. Nếu anh cho em bám vào cổ anh em cố lựa không để anh đau đầu, như thế có lẽ bảo đảm hơn, chắc chắn hơn.

Cò nghe gật đầu ưng thuận.

Cò đem Cua đi, đến gần gốc cây nó đứng lại. Cua hỏi :

- Sao lại đứng chỗ này, anh Cò ? Anh mời chân rồi à ? Hai cái đầm cũng chẳng cách xa nhau mấy.

Cò lặng thinh không biết đăng nào trả lời.

Thấy khác ý Cua bèn bắt đầu dùng hai cái càng siết chặt cổ Cò :

- À này ! Cái đồng xương cá ở dưới gốc cây đã tỏ lòng thâm độc, xáo quyet của mày. Cò ơi ! Mày không lừa nổi tao đâu như mày đã bịp tụi cá.

Cò bị đau quá, nước mắt dàn dụa thôn thức :

- Em cua ơi ! Anh đau quá ! Anh không hại em đâu, anh sẽ đưa em sang đầm sen.

Cua nói như truyền lệnh :

- Đi, mau !

Cò lùi thui sang bên đầm sen, vươn cổ đặt ngang mặt nước, để cho Cua xuống. Nhưng Cua dùng hết sức hai càng siết chặt cửa cổ Cò đứt làm đôi.

Vị thần ở cổ đại thụ, được mục kích nói :

- Cua làm thế phải lắm. Ác giả, ác báo ! Đừng mưu mô xảo trá để mưu đồ vị kỷ không bao giờ thành công.

Ác nghiệt bạo tàn chỉ đem lại kết quả thảm khốc.

Con Cò gian manh lại gặp phải con Cua mưu trí.

Đức Phật kết thúc thời pháp, Ngài nói :

- Hỡi các đệ tử, nhất là Hoàng tử A Xà Thế có mặt ở đây, chớ có quên chuyện ta vừa kể.

Vua Bình Sa Vương khấu đầu trước Phật, cảm ơn Ngài đã bố thí cho một thời Pháp rất hữu ích, những ai có tánh mạnh tâm, sâu độc lấy đó làm gương mà sửa mình.

NGUYỄN THẾ VINH

Hại người sẽ bị người hại,
Qán người sẽ bị người oán,
Mắng người sẽ bị người mắng,
Đánh người sẽ bị người đánh.

Nàng dâu giỏi

Có một thời Đức Phật ở trong vườn của ông Cấp Cô Độc và cây của ông Kỳ Đà thái tử tại nước Xá Vệ, vua Ba Tư Nặc chủ nước ấy, có một quan đại thần tên là Lê Kỳ Di ông là người rất hiền hậu và giàu có lắm, ông sinh hạ được bảy người con trai, sáu người con lớn ông đã gầy dựng cho thành gia thất cả rồi.

Bấy giờ ông tự nghĩ rằng hiện nay mình già sức yếu, sống chẳng bao lâu nữa, mà xem tất cả mấy nàng dâu lớn, không ai là người đủ tài đảm đang giữ gìn được cơ nghiệp này. Nay còn một người con út, cần phải kén chọn một nàng dâu sao cho đủ tài năng đức hạnh để giao phó thì mới an tâm.

Ông nghĩ xong liền cho mời một ông bạn thân tới để bàn về việc đó. Khi ông bạn kia tới ông tiếp đãi rất trọng hậu rồi nói với ông bạn rằng :

- Tôi còn một cháu út, nay muốn gầy dựng cho cháu, nhưng chưa tìm được nơi nào xứng đáng, vì

cháu là người thông minh đỉnh ngộ, nên tất cả cơ nghiệp sau này của tôi, tôi định giao cho cháu út chủ trương.

Xưa nay ông là người hay đi lại khắp nước, tôi muốn phiền ông làm ơn giúp cháu việc này, xin ông để ý cho, xem đâu có người con gái hiền hậu tài năng tương đương với cháu xin ông cố làm mối giúp cho.

Ông bạn nhận lời, đi thăm dò khắp cả, khi đến nước Đặc Xoa Thi Ly thấy một tốp con gái rủ nhau đi hái hoa để trang điểm chơi với nhau. Ông liền theo dõi để ý xem xét, một lúc đi tới quãng đường lội thì các cô đều trút guốc và vén áo lội qua. Trong số đó chỉ có một cô người rất xinh xắn, và coi có vẻ thông minh hiền hậu lắm, lúc lội xuống cô để yên cả áo và đi cả guốc lội qua. Lúc đến rừng, các cô kia đều tranh nhau trèo lên cây hái hoa, riêng cô ấy cứ đi xin mỗi người một vài hoa và không bao lâu mà đã được đủ các thứ hoa.

Bấy giờ ông kia liền đến tận nơi hỏi cô ấy rằng :

- Thưa cô, tôi có chút việc hơi thắc mắc cô có thể làm ơn chỉ giúp cho ?

- Thưa cụ, cụ cần có điều chi hỏi đến cháu, cụ cứ nói, nếu cháu biết cháu xin trả lời.

- Vì sao lúc nãy lội qua nước, tất cả mọi người đều bỏ guốc mà chỉ một mình cô đi cả guốc là sao ?

- Thưa cụ, sở dĩ người ta chế ra guốc cốt để hộ vệ cho bàn chân. Đi trên khô, nếu có chông gai đá sỏi còn có thể thấy được để tránh, chứ ở dưới đáy nước là chỗ khuất mắt không trông thấy, thì những thứ chông gai ngói sỏi rần độc, rất dễ làm hại chân người, vì thế mà cháu không bỏ guốc chứ có chi lạ.

- Mọi người đi qua chỗ lội đều vén áo, riêng cô không vén áo là sao ?

- Thưa cụ, thân thể người ta có tốt có xấu, nhất là đàn bà con gái nếu đi chỗ lội mà vén áo lên rất là khó coi, bị người ta chê cười, vì thế cháu cứ để yên.

- Thế sao chỉ có mình cô không lên hái hoa ?

- Thưa cụ ! Vì sợ gãy cành nên cháu không dám lên.

Người con gái ấy chính là con ông Đàm Ma Ha Tiễn, ở nước vua Ba Tư Nặc, trước vì bị tội trốn sang đất nước này, lấy vợ sanh ra người con gái đặt tên là Tỳ Xá Ly. Ông nghe những lời lẽ trên biết là người hiền tài, liền hỏi lại rằng :

- Cha mẹ cô còn không ?

- Thưa cụ, hầy còn cả.

- Nay tôi muốn vào thăm ông bà nhà có được không ?

- Xin mời cụ quá bộ lại, cháu xin về thưa ngay với thầy mẹ cháu.

Khi tới nơi người con báo tin cho cha mẹ biết, liền cùng ra đón tiếp rất thân mật, ông liền hỏi rằng :

- Có phải người con ấy là con của ông bà không ?

- Thưa phải !

- Xin lỗi, đã gả cho ai chưa ?

- Thưa cháu hầy còn nhỏ chưa dám cho ai.

- Ông bà có biết ở nước Xá Vệ có quan Đại thần tên là Lê Kỳ Di không ?

- Trước tôi đã quen biết.

- Thưa ông bà, hiện nay ông ấy còn một người con út rất thông minh ngay thẳng và cực kỳ khôi ngô, ông muốn nhờ tôi đến thưa chuyện với ông bà để cho cậu út ông ấy được kết duyên cùng cô em nhà, việc đó nên chăng thế nào xin ông bà cho biết ý kiến tôi xin cảm ơn.

- Ông ấy cũng là một nhà hào kiệt xứng đáng nếu quả có lòng thương cháu thì chúng tôi cũng vui lòng.

Khi được rồi, may sao lại có người về nước Xá Vệ, ông liền viết thư gửi cho ông Lê Kỳ Di báo cho ông biết các việc đã xong xuôi, đúng như ý muốn của ông, vậy sắm sửa sang đón dâu về.

Ông Lê Kỳ Di được tin mừng, lập tức sắm sửa đủ các lễ vật, xe ngựa, đi sang gần tới nơi, cho người báo tin cho ông Đàm Ma Ha Tiệp biết. Ông liền sắp đặt đón rước rất là long trọng, mời cả họ hàng bạn bè yến tiệc ròn rã suốt bảy ngày. Lúc trở về Xá Vệ cô con gái vào bái biệt cha mẹ, bấy giờ bà mẹ đứng trước mặt mọi người dặn con rằng :

"Từ này về sau lúc nào con cũng mặc áo thật đẹp, thường phải ăn các thức thật ngon, ngày nào cũng phải soi gương luôn".

Người con gái quỳ xuống xin vâng lệnh.

Ông Lê Kỳ Di nghe thấy thế, nghĩ thầm trong bụng lấy làm giận lắm, cho người ta sinh ra ở đời những sự khổ sự vui làm thế nào mà ấn định được. Sự ăn ngon, mặc đẹp làm thế nào có mãi được, huống chi là soi gương suốt ngày thì lại càng vô lý lắm.

Tuy ông nghĩ như thế, nhưng dù sao ông cũng phải giữ lễ chủ khách cho qua, và đã trót tin ở ông bạn rồi, bây giờ cũng đành cố nhẫn xem sao.

Công việc xong, đôi bên từ giả, cùng nhau thẳng đường về nước. Khi đến giữa đường vào nghỉ nhờ một nhà trọ, rất lịch sự mát mẻ, ai nấy đều lấy làm vui thích, mọi người đến trước đều đã nghỉ ngơi cả. Khi cô dâu đến sau, cô nói với bố chồng rằng : "Xin dời sang nhà khác, chớ ở đây".

Ông cũng không trái ý, thu xếp ngay chỗ khoáng dang rộng rãi nghỉ ngơi, còn mấy người cố ý không nghe ở lại, đến đêm những voi ngựa buộc chung quanh nhà bị ngựa ngáy chúng nó cọ xát đổ nhà cột gãy, đè phải người ở trong, người thì chết người thì bị thương, không người nào thoát cả.

Bấy giờ ông nghĩ rằng : Hôm nay thoát chết là nhờ ở con dâu", nên từ đấy ông đem lòng kính nể tin cậy.

Hôm sau lại lên xe ngựa đi đến bên một bờ sông con, mọi người thấy cây cối um tùm mát mẻ liền dừng lại nghỉ, khi cô dâu đến sau, cô cũng lại nói là đi ngay chỗ khác, không ở đây, phải lên trên chỗ cao ráo mới có thể yên được.

Mọi người nghe lời vừa đi lên trên ngọn đồi nghỉ được một lúc thì bỗng dưng dưng dưng nổi

lên cơn giông tố, ầm ầm gió táp, mây kéo nghịt trời, sấm vang chớp giạt, mưa xuống như trút, trong khoảnh giây phút mà nước ngập hết cả đường đi lối lại những chỗ vừa qua.

Bấy giờ ông Lê Kỳ Di lại nghĩ rằng : "Hôm nay lại nhờ con dâu nên tất cả mọi người được thoát chết". Từ đấy nàng dâu nói câu gì thì ai ai cũng lấy làm tin cẩn.

Khi về đến nhà, ông cho mời tất cả họ hàng, bạn bè thân thích đến mở tiệc ăn mừng rất là vui vẻ.

Mấy hôm xong công việc, ông liền cho hội họp tất cả các con dâu lại mà bảo rằng :

- Bấy giờ cha già tuổi yếu, tất cả công việc và của cải trong nhà, nay cha muốn giao lại cho các con trông coi gìn giữ giúp đỡ cha. Vậy ai có thể đảm đương được thì nhận lấy công việc và cầm lấy chìa khóa các kho tàng.

Sáu người trên đều từ chối, chỉ có nàng dâu út nhận lời. Khi nhận công việc rồi thì nàng hết sức chăm chỉ, sáng dậy sớm, sai bảo các người ở sửa sang quét dọn nhà cửa, đi chợ nấu ăn, sắp đặt việc dâng cơm lên cha mẹ và dọn cho cả nhà ăn, rồi thu xếp cho các người tôi tớ ăn xong, phân công người nào việc ấy, xong xuôi tất cả công việc rồi nàng mới ăn.

Ngày nào cũng như thế, ông bố chồng thấy nàng khác hẳn người phạm, lấy làm lạ nhất là không thấy nàng làm theo những lời mẹ dặn khi bước chân về làm dâu. Ông liền hỏi :

- Trước khi con về nhà chồng thì mẹ con có dặn là : "Phải ăn ngon, mặc đẹp, ngày ngày soi gương", việc đó có ý nghĩa như thế nào ?

Nàng liền thưa :

- Theo chỗ mẹ con dặn phải mặc áo đẹp, nghĩa là ở trong thân thể phải luôn luôn giữ gìn cho sạch sẽ, còn áo mặc thường chỉ cốt sao cho bền chắc sạch sẽ là đủ. Những lúc hội họp tiếp xúc với tân khách mới cần phải ăn mặc cho xứng đáng.

Còn ăn ngon, không phải là ăn các thứ cao lương mỹ vị béo bổ, mà ý mẹ con dặn nên ăn muộn lại cốt để cho đói thì ăn mới ngon, bấy giờ dù thức ăn thế nào cũng vẫn thấy ngon.

Còn ngày ngày soi gương, không phải các thứ gương soi thường dùng. Mà ý mẹ con dặn phải dậy sớm, chăm chỉ quét dọn, rửa ráy trong ngoài mọi nơi cho sạch sẽ, sửa sang kê lại bàn ghế cho ngay thẳng tề chỉnh gọn gàng, không được để chỗ nào xiên xẹo bần thiêu. Nhất là mỗi ngày phải kiểm điểm trong ngày ấy mình có phạm lỗi làm gì

không để mà sửa chữa... Đó chính là ý nghĩa những điều mẹ con đã dặn.

Nghe xong, trong lòng ông rất kính phục là bà mẹ có biệt tài dạy con, mà con cũng là người khác hẳn phàm tục, ông liền giao phó tất cả cơ nghiệp cho trông coi, và từ đây vui vẻ không còn lo ngại gì nữa.

*

Có một hôm, đàn chim nhạn bay qua sân nhà vua, nó đánh rơi một bông lúa "tám cánh" là một thứ lúa rất quý ở mãi ngoài bể khơi, mọc ở các gò rất xa, khi nó ăn no tha về qua đánh rơi. Có người nhặt được đem dâng vua, vua cho là thứ lúa ấy có thể làm thuốc được, vậy không nên bỏ đi, liền chia cho các quan mỗi ông mấy hạt làm giống cấy để dành.

Ông Lê Kỳ Di được phần đem về cho cô dâu út, nàng liền sai người làm ruộng rất kỹ càng và ở trong thửa ruộng tốt nhất gieo mạ chăm chỉ cấy. Đến mùa sau, được bao nhiêu lại để giống vì nàng cho là giống lúa quý nhất mà xưa nay ít thấy, kế tiếp mãi mùa nọ sang mùa kia, số thóc đó trong nhà ông có rất nhiều.

Bấy giờ Hoàng hậu bị bệnh rất nguy kịch, các thầy thuốc đều bảo làm thế nào lấy được thứ lúa tám cánh ở ngoài bể để chế thuốc thì mới chữa được, không thì đành phải chịu.

Vua liền nhớ lại ngày trước có được thứ lúa ấy, đã giao cho các quan đem về làm giống cấy. Vua liền triệu các quan vào hỏi việc đó. Ông thì nói nó không nở, ông thì bảo bị chuột ăn, ông thì nói sâu cắn, mỗi ông nói mỗi cách, không ông nào còn lại hạt nào.

Ông Lê Kỳ Di về hỏi lại con dâu, thứ lúa ngày xưa cho đem cấy bây giờ thế nào, nay nhà vua cần một ít để làm thuốc cho Hoàng hậu, cần lắm.

Người dâu đáp : "Thứ lúa ấy hiện nay ở nhà có rất nhiều, nếu chỉ làm thuốc thì có thể chữa cho cả nước cũng không hết, chứ chữa cho một người thì có là bao".

Ông Lê Kỳ Di đưa lúa vào, vua cho thầy thuốc dùng chữa được Hoàng hậu khỏi ngay. Vua rất mừng rỡ, ban thưởng các phẩm vật và vàng ngọc cho ông rất nhiều.

*

Bấy giờ giữa nước Đặc Xoa Thi Lý và nước Xá Vệ hai bên hiềm khích nhau, thường thường xảy ra những sự xung đột trở nên rối loạn.

Vua nước Đặc Xoa Thi Lý muốn thử xem nước Xá Vệ có những bậc hiền tài trí tuệ không, liền sai sứ giả mang sang hai con ngựa thật giống nhau như một. Hỏi xem con nào là con, con nào là mẹ.

Vua cho hội họp cả các quan lại bàn, tuyệt không ai biết làm thế nào mà biết được.

Ông Lê Kỳ Di cũng đi họp về, tỏ vẻ buồn rầu lắm, vì nếu không hiểu thì cả nước sẽ bị khinh.

Ông về tới nhà, người dâu thấy ông có vẻ khác, liền hỏi ngay thì ông nói lại việc trong triều cho nghe.

Nàng nói :

- Việc đó có khó gì phải lo ngại, nghĩa là đem ít cỏ rất ngon bỏ cho cả hai con, thì thế nào mẹ nó cũng nhường cho con nó ăn trước, phân biệt rõ ngay.

Hôm sau ông vào tâu làm đúng như thế, thử xong gọi sứ giả vào báo, người kia nhận là đúng. Vua lấy làm mừng lắm, lại ban thưởng cho ông được thăng phẩm tước và bổng lộc.

Khi sứ giả về tâu vua nước kia, thì vua nước ấy lại sai mang sang hai con rắn dài bằng nhau, hỏi xem con nào đục và con nào cái ?

Vua quan bên này lại hội họp cùng bàn, cũng lại không giải quyết được, ông Lê Kỳ Di lại về hỏi con dâu xem thế nào thì biết được ? Nàng bảo :

- Lấy lụa giải xuống đất, rồi đặt hai con rắn lên trên, hễ con cái thì nó nằm yên, còn con đục thì nó cựa quậy luôn. Bởi vì tánh con cái thích trơn nhẵn êm dịu không thích động, còn tánh con đục thì mạnh mẽ hay bạo động, suy đó có thể biết được.

Ông lại vào tâu vua làm đúng như thế rồi bảo sứ giả, cũng chịu nhận là đúng. Vua lại ban thưởng tước lộc cho ông.

Sứ giả về tâu lại, vua nước kia lại cho mang sang một cây gỗ dài 10 thước, bảo nhai hai đầu giống nhau, lại cho sơn kín. Hỏi đầu nào là gốc, đầu nào là ngọn ?

Tất cả vua quan bàn nhau mãi cũng không ai nghĩ ra, ông Lê Kỳ Di lại về hỏi con dâu. Nàng bảo :

- Đem thả xuống nước, đầu nào chìm tức là gốc, còn đầu nào nổi là ngọn.

Hôm sau cũng cho làm đúng như thế, rồi lại trả lời cho sứ giả. Sứ giả chịu nhận là đúng. Vua lại ban thưởng tước lộc cho ông.

Còn vị sứ giả về trình tấu với vua nước ấy mọi sự việc. Vua nước ấy nghe xong rất lấy làm hoan hỷ, cho là ở trong nước bạn có bậc hiền tài thực phải tôn kính.

Vua liền cho sắm sửa lễ vật và các thứ châu báu, sai sứ giả mang sang cống hiến và đề nghị từ nay hai nước nên tu chỉnh lễ nghĩa, giữ tình giao hảo tốt đẹp với nhau, vì nước bạn thực đã có bậc hiền tài phước đức.

Vua Ba Tư Nặc bấy giờ lại càng mừng rỡ sung sướng, liền cho triệu ông Lê Kỳ Di vào, đồng thời hỏi ông làm thế nào mà trước đây ông quyết đoán được mọi sự thử thách của nước láng giềng.

Ông thành thực tâu với vua, không phải chính ông có những sáng kiến đó, mà chính là do tài trí của người dẫu út của ông.

Vua nghe xong hết sức cảm phục, cho triệu nàng vào cung và ban đặc ân nhận nàng là em thứ ba của vua.

*

Nàng dâu Tỳ Xá Ly này sau sanh ra một bọc 32 cái trứng, nở ra 32 người con trai, người nào cũng thông minh anh dũng, văn võ toàn tài, sức một người địch nổi muôn người, cha mẹ rất yêu mến mọi người đều kính sợ. Những người con kia khi khôn lớn lên lấy toàn con gái các nhà hào phú trong nước, thuần là những con nhà phúc đức hiền hậu.

Cả nhà này đều ngưỡng mộ Phật pháp, thường thỉnh Phật và Chư Tăng tới cúng dường và được nghe thuyết pháp, nên người nào cũng đã đắc đạo chứng được bậc sơ quả, duy còn một người con út chưa chứng đạo.

Có một hôm cuối ngựa đi chơi ở ngoài thành, lúc đi qua một cái cầu, gặp một chàng thiếu niên con quan Phụ tướng đi tới cầu. Chàng thiếu niên kia đi xe, hai bên gặp nhau, đều cậy là con nhà hào phú quyền thế không ai chịu nhường bước ai. Lúc đó con bà Tỳ Xá Ly nổi giận, lập tức xuống dùng sức mạnh lôi xe của chàng kia vứt xuống vệ cầu, làm cho thân thể chàng bị thương nặng.

Chàng bị đau bụng đầu khóc, về mách với cha :
"Con của Tỳ Xá Ly nó làm nhục nên con bị đau đớn như thế này".

Quan Phụ tướng thấy con bị thương rất lấy làm tức tối và thương con, song ông lại nghĩ :

"Lũ con nhà kia nó có sức khỏe, hiện nay cả nước không ai dám địch với chúng", nên ông nghĩ kế để báo thù.

Ông liền thuê thợ làm 32 cái roi toàn bằng thép ở trong có lưỡi rất sắc, ngoài bọc kín chỉ hình như bao kiếm, đem tặng cho mỗi người một chiếc. Lúc đem tặng nói là các cậu trẻ tuổi nên dùng thứ này để thường cầm tay cho tiện, tất cả đều nhận để chơi, vì thấy nó rất nhỏ rất xinh.

Luật trong nước lúc bấy giờ cấm không ai được mang dao trong mình, sau khi tặng ông thấy các người con của bà Tỳ Xá Ly thường mang roi đi chơi, ông mới vào dèm tâu với vua : 32 người con của bà Tỳ Xá Ly mỗi người sức địch được hàng nghìn người, nay xem như là có ý ám hại vua.

Vua nghe không lấy gì làm tin, ông liền tâu tiếp : Nếu vua không tin cho nghiệm xét sẽ thấy. Hiện nay người nào cũng mang dao giấu trong roi ngựa, cứ lấy đó suy ra là đúng.

Vua liền đòi vào xem thử quả đúng.

Lập tức vua cho triệu các người lực sĩ vào mai phục ở trong cung rồi cho gọi tất cả 32 người con của bà Tỳ Xá Ly vào, giết chết xong cắt tất cả đầu đóng vào một cái hòm đầy kín, cho mang lại nhà em vua là bà Tỳ Xá Ly.

Đúng ngày hôm ấy lại là ngày bà thỉnh Phật và Chư Tăng về nhà thọ trai, khi có người mang hòm đến bà tưởng là nhà vua giúp thêm thứ gì cho bà, định mở ra, Phật liền ngăn lại, bảo để ăn cơm xong đã.

Khi ăn xong, Phật cho tất cả mọi người cùng ngồi, Phật thuyết pháp cho nghe. Phật nói :

- Tất cả cái thân của người ta đây, đều là vô thường không có chi là bền chắc cả. Phàm đã có thân đều phải chịu những sự đau khổ, không thể kêu ai được. Tất cả muôn sự muôn vật ở đời đều là giả dối, như chiêm bao, như bọt nước, không có chi là có thực. Cái thân này cũng là giả hợp, mượn nhiều nhân duyên hợp lại mà thành, đến khi nhân duyên hết lại tan rã, như cây chuối kia khi bóc hết bẹ ra là không thấy cây đâu nữa. Nói tóm lại, phàm đã có sinh ra thân này đều phải chịu những sự lo buồn khổ não nó ràng buộc, những sự đắng cay chua xót nó vẫn ở luôn bên mình, những sự yêu mến nhau tới lúc ly biệt nhau làm cho nhau thương xót ảo não, uống chịu những nỗi khổ đau làm cho thân tâm nhọc mệt mà không ích lợi gì cho đạo cả, không có gì đứng mãi không đổi thay tàn hoại. Chỉ có những người có trí tuệ mới hiểu các lẽ đó.

Lúc đó bà Tỳ Xá Ly nghe xong liền tỉnh ngộ, chứng được quả A Na Hàm, vui mừng chấp tay bạch Phật :

- Xin Phật thương xót cho con được làm theo bốn điều nguyện như sau :

1/ Xin cung cấp thuốc thang cơm nước cho các vị Tỳ kheo bị đau ốm.

2/ Cung cấp cho những người trông nom các vị Tỳ kheo bị bệnh.

3/ Cúng dường các vị Tỳ kheo ở xa mới tới.

4/ Cúng dường lương thực thuốc thang cho các vị Tỳ kheo đi xa.

Bởi vì những vị bị bệnh nếu không có đủ thuốc thang ăn uống, có thể nguy mất tánh mạng.

Những người săn sóc cho các vị bị bệnh, nếu thiếu các sự ăn uống và cần dùng, thì người ấy sẽ bỏ vị bị bệnh, người bệnh khó khỏi.

Những vị ở các phương xa mới tới, còn lạ lòng bơ ngỡ, đi xin rất khó, hoặc gặp chó dữ hoặc gặp người không tốt, có khi họ làm cho khó chịu sanh lòng căm giận, nên con phải cúng dường các vị ấy trước.

Các vị Tỳ kheo đi xa cần nên có bạn, nếu không có bạn hoặc thiếu lương thực, hay không đi kịp bạn, đường lối hiểm trở gặp nhiều thú dữ, có khi xảy ra tai nạn, vì thế nên phải cúng dường cung cấp cho các vị ấy trước.

Khi Phật nghe bà Tỳ Xá Ly phát nguyện như thế, Phật liền khen ngợi : "Hay lắm, hay lắm ! Người phát nguyện như thế cũng như cúng dường Chư Phật". Công việc xong, Phật và Chư Tăng cùng về Kỳ Hoàn Tịnh Xá.

Sau khi Đức Phật về rồi, bà Tỳ Xá Ly mới mở hòm ra, trông thấy 32 cái đầu, nhưng nhờ bà đã hiểu đạo, dứt bỏ được mọi ái dục, nên không đến nỗi áo não lắm.

Về phía họ hàng bên vợ của 32 người con kia, khi được tin đều lấy làm đau khổ vô cùng và căm giận lắm. Cho vua là người vô đạo, giết hại những người lương thiện, nên cùng nhau chiêu tập binh mã kéo tới vây kín cả chung quanh nhà vua định để báo thù.

Vua lấy làm sợ hãi quá, vội vàng chạy tới chốn Phật ở, các người kia lại kéo quân tới, vây kín chung quanh Tịnh Xá Kỳ Hoàn.

Lúc ấy, Ngài A Nan nghe tin vua Ba Tư Nặc giết chết 32 người con của bà Tỳ Xá Ly, nay có người họ hàng bên ngoại đem quân tới báo thù, liền bạch Phật rằng :

- Bạch Đức Thế Tôn ! Vì cớ gì mà 32 người con kia bị giết một cách đau đớn đến thế ?

Phật nói :

- Ai muốn nghe nhân duyên 32 người con Tỳ Xá Ly bị chết thì lắng yên mà nghe rồi ghi nhớ lấy.

Ngài A Nan và mọi người đều bạch với Phật :

- Chúng con đều muốn nghe, xin Phật dạy bảo cho.

Đức Phật bảo Ngài A Nan và tất cả đại chúng :

- Về đời trước kia, cách đây đã lâu lắm, có một bọn 32 người kết bạn với nhau, đi ăn trộm một con bò. Bấy giờ tại địa phương ấy có một bà già, con cái không có, bị nghèo túng, ở trong một cái nhà ở vùng hẻo lánh. Khi bọn kia bắt được bò thì dẫn tới nhà bà lão ấy làm thịt, bà lấy làm mừng rỡ lắm, bà liền đi sắm sửa củi nước, chuẩn bị các thứ thổi nấu.

Lúc sắp giết thì con bò quỳ xuống tỏ ý cầu cứu xin tha mạng. Nhưng các người kia đã quyết định giết, nên đồng bảo : "Không thể nào mà tha cho mi được !".

Khi con bò bị giết, trong bụng phát lời thề : "Nay chúng mi giết ta, sau này ta sẽ không tha cho chúng mi, dù chúng mi có tu đắc đạo ta cũng không tha". Phát lời thề xong thì bị giết, mọi người xúm lại cắt xẻo đem nấu nướng ăn uống

cùng nhau, cả bà lão kia cũng ăn, vừa ăn vừa khen vừa cảm ơn các người kia là quý hóa.

Đấy, chính con bò kia ngày nay là Vua Ba Tư Nặc. Lũ ăn trộm bò ấy bây giờ là 32 người con bà Tỳ Xá Ly. Bà lão thuở trước nay là bà Tỳ Xá Ly. Vì quả báo ấy, mà đã 500 đời nay thường bị giết như thế. Cho tới ngày nay cũng vậy, bà lão kia vì giúp đỡ và tán thành tùy hỷ việc giết hại, nên trong 500 đời cũng lại thường làm mẹ đẻ đồng chịu những sự khổ não. Nay được gặp ta mới chứng được đạo quả, nên mới đỡ đau khổ một phần nào, vì đã hiểu đạo.

Ngài A Nan lại hỏi vì cớ gì những người này lại được hưởng phúc giàu sang mạnh khỏe ? Phật nói :

- Cũng về đời đã qua, trong thời Đức Phật Ca Diếp có một bà lão tin kính Tam Bảo nhà bà rất giàu có, bà mua đủ thứ hương hoa để cúng dường và bà rất chăm việc làm phúc đức cứu giúp những người cùng khổ. Có một hôm, bà làm các việc phước thiện, đi gặp một lũ 32 người bà khuyên các người kia giúp vào để hưởng phước cùng nhau. Chúng ta sẽ nguyện cùng nhau sanh vào nhà giàu, mà thường được làm mẹ con với nhau, và được gặp Phật nghe pháp để tu thành Đạo quả. Vì thế nên trong 500 đời nay vẫn được sanh làm người giàu sang khỏe mạnh.

Bà lão lúc bấy giờ nay là Tỳ Xá Ly, còn 32 người kia, ngày nay là lũ con của bà bây giờ đấy.

Khi tất cả mọi người được nghe Phật nói như thế rồi, những người có lòng phần uất đều người hết giận, mà nói với nhau rằng :

- Không phải là vua cố ý giết, đây là vì kiếp trước những người kia đã tạo ra tội, nên nay phải chịu quả báo. Giết một con bò mà còn bị quả báo như thế. Vậy Vua Ba Tư Nặc là chủ của chúng ta, sao ta nỡ giết hại để gây thành tội báo. Lập tức thu khí giới nộp cho vua và xin lỗi, vua hoan hỷ không chấp những lỗi ấy.

Tất cả đại chúng được nghe Phật nói các Pháp dạy tu nhân tích đức, xa lìa các sự tàn ác. Phật lại nói rõ các pháp Tứ Đế cho mọi người nghe, ai nấy đều đắc đạo, vui mừng theo lời Phật dạy mà tu hành.

TRÍ HẢI

Tạo một nghiệp nhân gì, dù lâu đến trăm ngàn kiếp cũng không mất, hễ đủ nhân duyên rồi, thì mình phải chịu quả báo.

Dứt bỏ ảo tình

Từ khi Phật Thích Ca Mâu Ni lại thành Xá Vệ thuyết pháp, giáo hóa đại chúng thì nhân dân toàn thành này trở nên có đạo đức có lễ độ lại biết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, khiến cho nước Xá Vệ biến thành một cực lạc quốc.

Tin này truyền đi gần xa, có một người khác đạo ở nước La Việt Kỳ rất khâm phục uy tín Đức Phật, liền không quản đường xá xa xôi, cố tìm đến nước Xá Vệ để cầu Phật dạy bảo. Nhưng trong khi chưa gặp được Đức Phật thì bỗng xảy ra một chuyện rất trái ý ở giữa đường.

Sở là nước Xá Vệ ở vào xứ nóng, thường có nhiều rắn độc, một khi rắn đã cắn phải người thì người ấy tức khắc chết liền, không có cách nào cứu sống được.

Hôm đó, người viễn khách vừa tới ngoài thành, ngồi nghỉ dưới bóng cổ thụ, nhìn xuống bên đường, thấy hai người, một trẻ một già,

đang cuốc đất. Bỗng đâu có con rắn độc núp trong cỏ nhảy ra mổ chết người ít tuổi, người nhiều tuổi bỏ cuốc chạy lại thấy người ít tuổi đã tắt thở thì hơi lộ nét buồn rồi thân nhiên quay lại chỗ cũ cuốc đất.

Viễn khách thấy thái độ ấy làm lạ, liền tiến lại bên cạnh ông già mà hỏi rằng :

- Này cụ ! Thanh niên vừa chết kia có là con cháu hay là gia nhân cụ ?

Ông già đáp cách tự nhiên :

- Hẳn là con tôi.

- Ừa, lệnh lang bị rắn cắn chết sao cụ lại không kêu gào khóc lóc thảm thiết như người xứ chúng tôi thường làm ?

- Nó là con trai tôi đó, nhưng bây giờ đã chết rồi, thiết tưởng dù có khóc than chỉ là thêm phiền não mà cũng chẳng cứu sống lại được. Vậy khóc than có ích lợi gì ?... Trầm ngâm một lúc, ông lão nói tiếp :

- Ông ạ ! Con người ta ở đời trước sau thế nào cũng chết, khác nào như mọi sự vật, có thành tựu thời phải có hoại không, đó là hiện tượng tự nhiên của tuần hoàn, nếu mà lúc sống gây nhiều nhân thiện thì sau có báo ứng tốt, ngược bằng gây nhiều

nhân ác thì có ác báo không sai. Nay đã chết rồi, thì dầu gì chẳng nữa cũng là thừa.

Ông già nói xong thấy khách suy nghĩ dờ dẩn người ra liền hỏi :

- Phải chăng ông định tiến vào thành ? Tôi muốn cảm phiền ông giúp cho một việc, phỏng có được không ?

- Có việc gì xin cụ cứ nói !

- Thế thì hay lắm ! Đây : nhà tôi ở ngay cổng thành đi vào, quẹo sang bên phải bỏ gian đầu đến gian thứ hai ấy chính là nhà tôi. Vậy xin ông, khi đi qua, ghé vào nói giúp với bà nhà tôi rằng : Đứa con đã chết, vậy trưa nay chỉ đem một suất cơm cho tôi ăn mà thôi.

Viễn khách nghe ông già dặn thì điếng người, vừa đi vừa tự nghĩ : Ông già này keo quá, con đã chết mà còn đếm xia đến cả bữa cơm... Thật cả thế gian này cũng không đâu có người cha đến như thế ! Kịp khi qua cửa thành, quẹo sang bên phải, cách hai nhà, quả nhiên thấy bà cụ vừa vịn đứng ở ngoài cửa. Viễn khách liền thi lễ và nói :

- Thưa bà, con trai bà bị rắn cắn chết, ông có nhắn tôi về bảo bà chỉ cần đem một suất cơm cho ông thôi.

Bà nghe khách nói xong thì tỏ vẻ buồn rầu thoáng qua nét mặt rồi trân trọng cảm tạ khách, tiễn khách lấy làm lạ lòng hết sức và tự hỏi : "Tại sao bà nghe tin con chết mà không kinh hoảng hoặc té xỉu người đi ???". Liên hỏi luôn :

- Nay bà, xin thứ lỗi cho tôi hỏi câu dường đột : Bà không thương xót lệnh lang hay sao ?

Bà lão thông thả đáp :

- Thưa ông ! Cái đạo con cái với cha mẹ là tự túc nhân nghiệp báo nên mới có sự thác sinh vào nhà chớ không phải là do cha mẹ mời vào mà được, đến khi họ chết, cũng là do mần nhân, mần nghiệp mà họ đi, nên cũng không thể lưu họ lại. Cha mẹ khác nào như người chủ quán trọ chiều nay có khách lại ngủ đờ, sáng mai hay ngày kia khách lại ra đi, chủ quán không thể lưu lại. Ấy sự liên quan giữa cha mẹ và con cái cũng thế đó. Vậy thì : Có thương tiếc hay kêu gào khóc lóc liệu có thể cứu sống lại được người đã chết không ? Hay chỉ là gây thêm phiền não mà chẳng có ích gì ?

Nghe câu trả lời của bà cụ, khách rất hoang mang cho rằng vợ chồng ông già này quả thật là xứng đôi vừa lứa. Cả hai đều có một tấm lòng sắt đá giống nhau. Giữa lúc này, từ phía trong nhà,

một người con gái đi ra, bà lão giới thiệu là chị gái người vừa chết. Khách liền hỏi ngay :

- Em trai cô vừa bị rắn cắn chết, chắc cô thương xót lắm nhỉ ?

- Thương xót là lẽ thường, nhưng thương xót có thể cứu người em sống lại được chăng ? Tôi tưởng : Chị em một nhà, khác nào như các cây gỗ ở rừng hạ xuống đóng thành cái bè rồi thả vào nước cho trôi. Nếu sông hồ phẳng lặng thì bè trôi mãi, bằng có cơn phong ba bão táp nổi lên đánh tan chiếc bè thì mỗi cây trôi đi mỗi ngã, có bao giờ còn hy vọng lấp lại liền với nhau ? Tình chị em cũng thế. Đó là nhân duyên kiếp trước hợp rồi sinh vào một cửa. Tuổi thọ cũng tùy nghiệp báo, có người ngắn có người dài, và ngày chết cũng là vô thường, không sao biết trước được. Nay em tôi chết, mặc dầu tôi là chị hân, nhưng tôi có làm gì được đâu ? Hướng chi là khóc với lóc, có phải không ông ?

Người này đang nói, bỗng ở đằng sau, thấy một người đàn bà nửa tiến ra, khi nghe cô chị nói xong thì kêu lên :

- Thế ra chồng tôi đã chết rồi ?

- Đúng đấy ! Chồng bà đã bị rắn cắn chết ở ngoài đồng. Vậy bà đau buồn lắm thì phải ?

- Thưa ông ! Chồng chết ai không đau buồn, nhưng cái đạo vợ chồng ở đời khác nào như đôi chim trong rừng, tối đến cùng ngủ một cành, sáng ngày lại bay đi kiếm ăn, nếu có duyên thì trở về cùng nhau, nhược bằng gặp tai họa thì mỗi con bay đi một ngã. Ấy nghĩa vợ chồng ở đời là thế, mỗi người có một số mạng riêng, không làm sao mà nói được rằng : Chồng chết thay cho vợ, hay vợ chết thay cho chồng. Như thế khóc lóc phông có ích gì ?

Viễn khách nghe lời mọi người trong gia đình này nói ra thì lòng sanh hoài nghi cho thế tục nhân tâm ở xứ này, liền hối hận đã mất công tìm đến xứ này để học cái hay cái tốt của Đức Phật giáo hóa dân chúng; nào ngờ dân chúng như thế hỏi còn học được cái gì ở đây ? Chi bằng lui gót trở về quê hương xứ sở là hơn. Nhưng hồi lâu lại nghĩ : Mình chưa được gặp Đức Phật đã nóng nảy phê bình một vài thái độ của dân, rồi vội vã quay về, như thế là hành động nông nổi chưa chín chắn, chắc sau này có điều phải ân hận... Vậy ta phải đến thẳng tịnh xá tại vườn Kỳ Viên, để được gặp Đức Phật đã rồi sẽ hay. Nghĩ rồi, khách đi thẳng một hơi tới Tịnh xá và được ra mắt Phật.

Khi thấy Phật, khách khoanh tay cúi đầu thi lễ, đoạn lui sang ngồi một bên, không nói không

rằng : Đức Phật đọc rõ ý kiến trong lòng khách, nhưng cũng cất tiếng từ bi hỏi :

- Tại sao viên khách có bộ dạng buồn rầu ?

- Bạch Thế Tôn, nhân vì con hy vọng một việc mà chưa được như ý nên trong lòng con không được vui vẻ.

- Có việc gì trái với bản tâm, tưởng cứ nói ra không nên để cho lòng phải ưu sầu không thể giải quyết được việc gì hết !

Lúc đó người khách mới thuật hết đầu đuôi câu chuyện đã gặp ở ngoài thành, cuối cùng khách phê bình thái độ của gia đình nông dân ấy là trái với tình đời.

Phật nghe xong từ từ cười dạy rằng :

- Điều mà viên khách cho rằng trái với tình đời là thuộc về "nhân tính". Còn chân lý thì không những không được thể hiện theo "nhân tính" mà còn phải tước bỏ nhân tính cho đến hết. Đó mới thực là điều khẩn yếu của kẻ tu hành xuất gia.

Nghĩ một chút, ngài nói tiếp :

- Viên khách đây vì chưa hiểu chân lý, nên thấy gia đình nhà nông kia hành động như thế thì vội cho là "phản tình đời". Nhưng đứng về mặt chân lý mà xét, thì những người ấy quả nhiên là không

có hành động lỗi lầm, vì họ biết rõ thế nào là "cuộc đời vô thường", nghĩa là con người đời không thể nào nắm giữ vĩnh viễn được cái "sắc thân" làm sinh mệnh bất hủy bất diệt của mình. Kìa xem từ xưa tới nay, dù là phàm hay Thánh, cũng không ai có thể tránh được cái chết.

Nếu vì một cái chết mà cả nhà theo nhau khóc lóc đến phát đau, phát ốm thì sự khóc lóc ấy hỏi có ích lợi gì cho cả người sống lẫn người chết ? Và chẳng, con người ngay từ lúc sơ sinh, đã nắm chắc lấy cái chết trong tay rồi. Nay thấy sự chết mà gây phiền não trong lòng quá đỗi thì ta "mê hoặc" chưa hiểu cái lẽ sống chết. Nên biết rằng "sống" và "chết" là hai đầu mối luôn luôn tiếp diễn và luân chuyển không lúc nào ngừng. Hễ đã biết rõ được như thế là đã giải thoát rồi.

Viễn khách nghe Đức Phật giảng giải cho nghe một hồi thì lòng thoát nhiên tỉnh ngộ. Liên nguyện xin ở lại làm đệ tử của Phật và qui y Phật pháp tức thì. Viễn khách này sau trở nên một vị Tỷ kheo rất tinh tiến.

PHẠM NGỌC KHUÊ

Thân như bóng chớp chiều tà,
Cổ xuân tươi tốt, thu qua rụng rời
Sá chi suy thịnh việc đời,
Thịnh suy, suy thịnh, sương rơi đầu cành.

Chuyện bảy cái lọ vàng

Đời quá khứ cách đây vô số kiếp, ở cõi Diêm Phù Đề có một nước lớn tên là Ba La Nại. Thuở đó có một người ham làm giàu đến nỗi không dám ăn no mặc đủ hoặc bố thí giúp đỡ ai. Làm được bao nhiêu người đó mua vàng dần tích trữ, dần dà đóng thành 7 lọ đem chôn dấu kỹ.

Chẳng may một thời gian sau khi bệnh chết, vì tiếc của nên phải dọa làm rắn độc, ngày ngày quanh quẩn ở xó nhà giữ vàng.

Năm, tháng trôi qua, căn nhà mục nát sụp đổ, rắn ấy bị chết. Bởi tâm quá tham tiếc nên lại dọa làm thân rắn một lần nữa để coi giữ trên đồng đất chôn vàng.

Cuối cùng, quá chán ngán mệt mỏi rắn thầm nghĩ : "Thân thể ta xấu ác bởi vì tham tiếc của, nay phải đem số vàng này cúng dường bố thí để cầu phước báo". Nghĩ xong, rắn bò men tới bên vệ đường, chợt thấy một người đi qua liền gọi :

- Này bác kia, lại gần đây tôi bảo !

Khách qua đường thấy rắn liền đáp :

- Người độc ác như vậy gọi ta làm chi, có phải định hại ta chăng ?

- Ủ, ta ác đấy, nếu bác không nghe lời ta sẽ tác hại.

Nghe rắn đe dọa, người đó sợ hãi vội lại gần. Rắn nói tiếp :

Nhà tôi có 7 lọ vàng, nay muốn nhờ bác đem đi cúng dường bố thí hộ cho.

Người đó ưng thuận. Rắn dẫn ông ta về nhà chỉ chỗ chôn vàng và bảo ông ta bới lên một lọ rồi dẫn :

- Bác đem vàng này về cúng Trai Tăng và định ngày nào thiết trai cúng dường thì mang một cái gậy lại đây khiêng tôi đến.

Người ấy mang vàng về chùa giao cho một vị Tăng, chức vụ Duy Na và kể rõ sự tình.

Đến ngày thiết trai, người đó trở lại chỗ rắn ở với một chiếc gậy. Rắn gặp ông ta, vui vẻ hỏi han và quần mình tròn vào chiếc gậy. Ông ta lấy cái khăn chiên phủ lên trên và khiêng tới chùa. Đi nửa đường gặp một người khách lạ hỏi :

- Ông khiêng cái gì đẹp thế ?

Khách trịnh trọng nhắc tới ba lần câu hỏi đó. Ông ta vẫn cứ yên lặng rào bước. Rắn độc tức giận, ác tâm bộc phát muốn cắn chết ông nhưng lại thầm nghĩ : "Người này vì ta làm phúc, ơn đã chưa trả thì ta nên nhẫn".

Một lát đi tới khu đồng vắng vẻ, rắn đòi đặt xuống đất và cực lực trách ông ta về thái độ lạnh lùng lúc này đối với người khách. Ông ta hối hận và xin hứa là không bao giờ xử sự như thế nữa.

Khi đến chùa, rắn độc được nằm trước mặt Tăng chúng. Rắn nhờ ông dâng hương. Rắn tự lấy tín tâm cung kính, quan sát không rời mắt. Chư Tăng chú nguyện và thuyết pháp cho rắn nghe, rắn rất hoan hỷ nói :

- Bạch Đại Đức ! Xin mời Ngài tới chỗ tôi ở, còn 6 lạng vàng nữa xin dâng cúng dường bố thí để cầu phúc. Vị Tăng Duy Na theo rắn và người khiêng tới chỗ lấy vàng. Cúng dường xong, rắn chết.

Cũng do phúc đức ấy rắn được sanh lên cõi trời Đao Lợi.

Ở câu chuyện trên, một hôm Đức Phật nói với Ngài A Nan rằng :

- A Nan ! Ông có biết người khiêng rắn lúc bấy

giờ là ai không ? Chính là ta đó ! Còn rắn độc thuở đó là ông Xá Lợi Phát. Ngày ấy bị rắn trách mắng ta hồ thẹn và tự thề sanh tâm khiêm hạ đối với mọi loài, mọi vật đều xem bình đẳng mãi mãi không thối chuyển...

Y HÀ

Tài trí trừ khổ về thân, pháp trí trừ khổ về tâm.

Tài trí cho tiền vô tận, pháp trí cho trí vô tận

**Tài trí làm thân sung sướng, pháp trí làm tâm sung
sướng.**

**Tài trí người ngu ham muốn, pháp trí người trí ham
muốn**

Tài trí đem vui hiện tiền, pháp trí đem vui Niết bàn.

Lễ cúng đường cuối cùng của Thuần Đà

Ở nước Câu Di Na Kiệt có vị trưởng giả tên là Thuần Đà, cùng 5000 vị trưởng giả nghe tin Phật sắp nhập Niết bàn, liền đến đánh lễ khóc lóc mà bạch Phật rằng :

- Xin Ngài từ bi thương xót chúng con. Xin ngài ở lại lâu thế gian, đừng vội nhập Niết bàn. Xin ngài thọ lãnh lễ cúng đường này để chúng con được công đức và sớm giải thoát.

Đức Thế Tôn bảo Thuần Đà :

- Ta nay vui lòng thọ lãnh lễ cúng đường cuối cùng của ông. Các ông chớ có sanh lòng ưu não chính nên phải sung sướng hoan hỷ, đừng có thỉnh cầu Như Lai ở lại lâu làm gì.

Các ông thử quan sát mà xem, ở đời mọi vật đều vô thường, hết thấy chúng sanh cũng lại vô thường. Dầu ở lâu trên đời rồi cũng có ngày diệt

tận. Tuy sanh trường thọ yếu, mạng sống cũng có lúc bị tổn hoại. Mạnh rồi sẽ bị bệnh bức khốn, người sống rồi phải chết, đâu có thể thường tại lâu ngày, cho đến vợ con, vàng bạc, voi ngựa cũng chịu luật vô thường chi phối. Những kẻ thân thích nhất ở trên đời cũng phải chịu biệt ly, duy có bốn món họa lớn chi phối con người là sanh, lão, bệnh, tử.

Thuần Đà nghe nói lại càng khóc lóc thảm thiết, khẩn cầu Như Lai ở lại. Đức Phật lại bảo :

- Ông chớ nên khóc lóc làm loạn động tâm niệm. Hãy bình tĩnh suy xét. Nên biết rằng tất cả pháp hữu vi đều không kiên cố chân thực.

Thuần Đà lại bạch Phật :

- Đức Như Lai không thương xót chúng con nên không ở lại trên đời. Thế giới này mà không có Như Lai thời vắng vẻ trống rỗng như hư không, làm sao chúng con lại không than khóc được.

Đức Phật lại phải dạy rằng :

- Đức Thế Tôn thật vì có lòng thương tưởng chúng sanh và các ông nên mới nhập Niết bàn.

Hết thấy Phật pháp đều vô thường, hết thấy pháp hữu vi cũng đều vô thường...

MINH CHÂU

Nếu không có cái sanh, cái già, cái bệnh, cái chết thì Đấng Như Lai cũng chẳng giáng trần làm gì và Phật pháp cũng chẳng có cơ hội để rải tủa ánh sáng siêu việt khắp trong thế gian.

Chiến công oanh liệt nhất

"Trẫm đang say danh lợi, sợ nghe pháp Phật lỗ tin thì bỏ giang sơn, sự nghiệp cho ai". Đây là câu nói của Hoàng đế Vô Trách Niệm trả lời với đại thần Bảo Hải.

Vua Vô Trách Niệm là một vị Hoàng đế danh tiếng lẫy lừng nhất trong thời xưa ấy. Vua có tài đẹp giặc nên trăm trận trăm thắng, đi đến đâu thì các nước đều qui phục, và người ta dâng vua rất nhiều mỹ nữ. Trong số tám ngàn cung nữ, người được vua sủng ái nhất là Mai Phi và Lan Phi của hai nước đem dâng trong khi làm lễ đầu hàng.

Nhưng có lẽ "chiến công oanh liệt nhất" của vị Hoàng đế thanh danh ấy là một hôm mãi say sưa với phép dụng binh, để sửa soạn chinh phục thêm mấy nước, lại đương triển miên trong dục lạc, thì vị cận thần của vua là Ngài Bảo Hải đến mời vua đi nghe Đức Bảo Tạng thuyết pháp. Vua cười : Trẫm đương say danh lợi sợ nghe pháp Phật lỗ tin

thì giang sơn sự nghiệp bỏ cho ai ? Đại thần Bảo Hải làm thỉnh. Nhưng vua ngoảnh lại tìm người sắp sẵn xe giá để vua đi hành lễ.

Thế rồi tất cả đình thần, tám nghìn cung nữ chánh cung Hoàng hậu và Mai Phi, Lan Phi cùng theo vua đi yết kiến Đức Bảo Tạng Như Lai. Sau khi được nghe pháp Phật xong, vua và Hoàng hậu phát tâm cúng dường Phật cùng Chúng Tăng đầy đủ tứ sự trong 3 tháng.

Sau thời gian 3 tháng cúng dường xong, Đại thần Bảo Hải tâu vua : Trong tất cả các pháp cúng dường Chư Phật, thì chỉ có pháp Bồ Đề Tâm - Chỉ có phát triển cái tâm trên cầu thành tựu quả Phật, dưới nguyên độ tất cả chúng sanh mới là hơn hết.

Trong một tuần suy nghĩ kỹ, vua Vô Trách Niệm quyết trường từ bỏ vị trước Phật Bảo Tạng Ngài xin xuất gia làm Sa môn. Trong một đời vua Vô Trách Niệm đánh đồng dẹp bắc, trăm trận trăm thắng. Nhưng chỉ có trận giặc lòng này mà ngài đã thắng mới là chiến công oanh liệt nhất.

Ngài Pháp Tạng Tỳ Kheo (vua Vô Trách Niệm) đối trước Đức Phật Bảo Tạng mạnh mẽ phát bốn mươi tám nguyện. Khi Ngài phát nguyện xong thì cả đại địa đều rung động, vì nguyện nào cũng chứa chan tha thiết một ý niệm

cầu cho tất cả chúng sanh thoát khổ được vui, vì thế Đức Bảo Tạng thọ ký cho ngài, sau này sẽ thành Phật hiệu A Di Đà làm giáo chủ cõi nước Cực Lạc.

Phát nguyện rồi Ngài tinh tấn lo tu phước đức. Trong thời gian tu phước, Ngài đã làm tất cả những việc khó làm, nhận tất cả những việc khó nhận. Giữ gìn thân khẩu ý thanh tịnh, thường hòa thân vào trong các loài, thọ dụng như chúng để tiện bề giáo hóa. Cứ như thế trải vô lượng kiếp cần khổ, tích lũy công đức, đến khi thành Phật thì được phước báo sống lâu vô lượng, nên hiệu Ngài là : "VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT".

Ngài lại giữ gìn phạm hạnh, siêng tu thiền định nên trí tuệ càng ngày càng sáng suốt, cho đến khi huệ tánh bao trùm cả thái hư thì ngài thành Phật niên hiệu là "VÔ LƯỢNG QUANG".

Từ khi phát tâm ban đầu cho đến khi thành Phật, tất cả việc làm, lời nói, ý nghĩ gì ngài cũng hồi hướng về chúng sanh cả. Vì thế nên chúng sanh ở cõi Ta Bà có rất nhiều duyên với Ngài, nếu nhất tâm chuyên niệm danh hiệu ngài dù tối thiểu trong một ngày mười niệm, mà tha thiết cầu sanh về nước Ngài thì hiện đời này sự sống sẽ yên ổn, khi lâm chung chắc chắn được vãng sanh. Khi đã sanh về Cực Lạc thì sẽ được thần thông tự tại, có

thể đi khắp tam giới, thấy suốt mười phương và biết được trong ba đời, không còn bị khổ, không có chương duyên, nên ai đã được may mắn sanh về Cực Lạc thì dễ tu chứng không còn sợ phải trở lại lăn lóc trong cõi Ta Bà này nữa.

Vua Vô Trách Niệm đầu tiên chứng được thiên nhân thông, Ngài mới biết đại thần Bảo Hải là thiện tri thức, nhờ thiện tri thức kích phát bồ đề tâm vua Vô Trách Niệm mới thành Chánh Giác.

Đại thần Bảo Hải chính là tiền thân của Đức Thích Ca, Đức Thích Ca là thiện tri thức của Đức Di Đà, mà hiện nay Ngài là Minh Sư của chúng ta...

THIỆ QUÁN

Ái là ngàn thước nước xao,
Muốn trùng biển khổ sóng nhào thương ôi !
Muốn cho khỏi kiếp luân hồi,
Phải mau sớm niệm Nam Mô Di Đà.

Sự tích bánh cốm

Ngày xưa ngày xưa, không biết từ đời nào, tương truyền ở tỉnh Hà Đông, có một nhà Phú ông nọ hay tu nhân tích đức đã nổi tiếng khắp vùng. Những người nghèo khổ thường đến xin ông bố thí đồng tiền bát gạo, những người có cha mẹ từ trần, mà túng bấn quá, thường đến xin ông cấp cho quan tài, những người có cha mẹ vợ con đau yếu, không tiền chạy chữa, thường đến xin ông cấp cho đôi chút để cân thuốc thang. Cả những đứa trẻ mất cha, mất mẹ từ lúc nhỏ cũng được ông đón về nuôi nấng cùng cho đi học. Nghĩa là cả vùng đó ai có sự cần cấp là không quên đến gõ cửa nhà ông, mà chưa ai từng bị ra tay không bao giờ. Do đó, mà thời bấy giờ hễ nói đến hai chữ "Tích Đức" thì không ai không tro vào nhà ông. Cho nên hai chữ này sau trở thành tên riêng, khác nào cả dân chúng toàn vùng đã đặt cho ông vậy.

Một hôm, ông Tích Đức sau khi đi bố thí ở vùng bị lụt về, mệt quá ông ngồi xuống chiếc

tràng kỷ đặt bên cạnh lối ra vào để nghỉ ngơi, bổng chốc có 6 vật lạ, người chẳng ra người, ma chẳng phải ma, thấp thoáng đi lại chỗ ông ngồi, và cất tiếng rụt rè có ý cầu khẩn ông.

- Thưa ông, chúng tôi muốn lại nhờ ông dung nạp...

Ông liền hỏi một cách băng quơ :

- Các bạn là ai ? Có cần tôi việc gì xin cứ nói !

Lập tức trong hư vô có tiếng trả lời :

- Chúng tôi là Lục Tặc : Nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý của Quốc vương hiện tại. Nhân vì giả thân tứ đại của Ngài sắp tan rã, nên chúng tôi phải tìm chỗ đầu thai để báo hiện thân Ngài. Bởi Ngài tuy có nghiệp căn tốt, nhưng hiện mắc 6 điều tham :

1/ Mất Ngài tham sắc, không lúc nào chán, cho nên bây giờ linh tính đó phải thác vào địa ngục Noãn sanh (do trứng nở ra) biến làm loài chim có lông đẹp khoác luôn vào mình để được thỏa mãn sự ngắm nghía.

2/ Tại Ngài tham nghe đàn ca du dương, lời nói uyển chuyển nên bây giờ linh tính đó phải đọa vào địa ngục Thai sinh (do bào thai sinh ra) biến làm giống lừa, ngựa, chó, mèo có nhạc đeo ở cổ để thỏa mãn sự nghe.

3/ Mũi ngài tham ngửi mùi thơm cá thịt chiên xào, nên bây giờ linh tính đó phải đọa vào địa ngục thấp sinh (sinh dưới nước) biến làm cua, cá, lươn, tôm ở nơi đây bùn dơ dáy hôi hám để thỏa mãn sự ngửi.

4/ Lưỡi Ngài tham ăn các vị ngũ tân (hành, hẹ, tỏi, nén, hương cừ) nên bây giờ linh tính đó phải đọa vào địa ngục hóa sinh (thay lột nhiều lần mà sinh) biến làm muỗi, rệp, gián, ve, rận, chỉ để được thỏa mãn sự hút máu tanh hôi.

5/ Thân Ngài tham dâm dục, nên bây giờ linh tính đó phải đọa vào kiếp gà, vịt, ngỗng, ngan để được thỏa mãn sự giao cấu thư hùng.

6/ Tâm Ngài tham châu báu, tiền của nên bây giờ linh tính đó phải đọa vào kiếp lạc đà, la, lừa cả ngày chỉ chuyên chở đồ vật vàng bạc trên lưng để thỏa mãn sự giàu có.

Nay chúng tôi thấy nhà ông đây có đức, thường đối xử tốt với các loài người lẫn loài vật, vả lại nhà ông có đủ mọi loài ở cận cũng như ở dưới nước, dễ bề đầu thai cho cả 6 đứa chúng tôi, nên chúng tôi đến cả đây nhờ ông dung nạp cho. Chúng tôi xin báo trước đêm mai, con lừa nhà ông đẻ, mà đứa con nó là linh tính tham tài của nhà Vua thác sinh vào. Vậy sinh ông lưu tâm. Bọn lục tặc nói đến

đây, bỗng một cơn gió mạnh đập vào màn hình khiến ông tỉnh dậy, hóa ra giấc mơ.

Suốt ngày hôm sau, ông Tích Đức thắc mắc nửa tin, nửa ngờ về chuyện báo mộng, nên cứ trần trọc tới nửa đêm vẫn chưa ngủ. Sịch có tên gia nhân thấy ông còn thức thì hối hả vào báo : "Lừa nái vừa sanh lừa con" lúc đó ông mới yên tâm tin là mộng đã báo đúng như sự thật. Tiếp liền đến chiều hôm sau, có tin : Quốc Vương thăng hà vào khoảng nửa đêm hôm trước, đúng là lúc con lừa nhà ông đẻ, làm cho ông càng tin rằng quả có Lục Tặc đầu thai.

Từ đó trở đi, mỗi lần linh tính nào của nhà Vua đầu thai làm vật gì trong nhà ông, ông đều được báo trước cho biết. Đến khi nhà Vua đầu thai hết 6 lần : Làm lừa, làm cá, làm chim, làm muối v.v... thì ông cũng vừa 80 tuổi.

Cách 3 năm sau, một hôm tại nhà cụ Tích Đức có thiết tiệc cơm chay long trọng cúng dường Chư Vị Hòa Thượng và Chư Tăng. Hôm đó, trên bàn thờ Phật đủ cả các lễ vật, hương hoa, lại có thêm một thứ bánh đẹp, hình vuông, gói trong lá chuối xanh, có buộc lạt đỏ mà xưa nay chưa từng thấy.

Khi cúng Phật xong, Chư Hòa Thượng và Chư Tăng vào thọ trai tới tuần dâng hoa quả bánh trái,

bỗng mọi người ngạc nhiên thấy thí chủ đem lên những đĩa bánh màu xanh như ngọc, chất mượt như tơ, khi bỏ vào miệng thấy có hương vị xông lên như hương lúa đồng mà chất bánh thì dẻo quánh càng nhai càng ngọt càng bùi. Thật là một thứ bánh đặc biệt.

Trong khi mọi người đang ca ngợi thưởng thức, thì Hòa Thượng cao tuổi nhất từ từ đứng lên hỏi thí chủ :

- Xin cho bần đạo và Chư Tăng biết thứ bánh quý này, thí chủ đã mua ở đâu và gọi tên là gì ?

Thí chủ - Cụ Tích Đức - trịnh trọng đứng lên, với giọng nói phào phào, cụ bạch rõ câu chuyện đã thuật ở trên, từ chỗ Lục Tặc đầu thai cho đến chỗ Quốc vương thác sinh hết 6 kiếp, cụ nghi lấy hơi nói tiếp : Lần báo mộng cuối cùng Lục Tặc có nói cho biết rằng :

- Thế theo lời Quốc vương lúc sắp thăng hà, có tỏ ý hối hận về lúc sống đã quá mắc phải 6 điều tham xúi bậy nên phải truy lạc luân hồi. Nay quyết sám hối tội lỗi và mong được biến hóa làm một vật gì vừa được giúp ích cho đời, vừa được gần Phật, nên chỉ anh em chúng tôi đã hóa làm giống nếp hương, hiện mọc tại cánh ruộng nhà cụ. Vậy mong cụ cố gây giống lúa cho nhiều thêm rồi lưu

tâm sáng chế thành thứ bánh dâng cúng Phật và Chư Tăng để cho Quốc vương sớm đoạn kiếp mà siêu sanh tịnh độ.

Do đó, cụ Tích Đức nói tiếp : "Già này không dám ngại công khó nhọc đã hết sức gây giống lúa ấy cùng chế ra thứ bánh này, lấy tên là Bánh Cốm. Nghĩa là lúa còn non, để dâng Phật và cúng dường Chư Hòa Thượng và Chư Tăng ngày hôm nay, không ngờ lại được từ âm quá khen, thật là sung sướng cho già này không sao tả xiết ! Mới hay tâm thành cũng thấu đến trời Phật".

Cụ Tích Đức trình bày xong, các vị Hòa thượng cùng Chư Tăng thấy đều hoan hỷ và cùng công nhận bánh cốm là sản phẩm quý báu của nước nhà đang đứng vào hàng trai phẩm cúng Phật.

Bắt đầu từ đó nước ta có bánh cốm ra đời. Sau nhân sự phổ biến ngày một rộng lớn, và hồi danh khắp nơi, nên đời mới đem bánh cốm dùng vào các lễ trọng của nhân dân như lễ ăn hỏi, lễ sêu tết, lễ cưới và cả đến lễ táng cũng dùng bánh cốm thay cho bánh dày, bánh chưng.

PHẠM NGỌC KHUÊ

Đến khi ta mãn phần, linh hồn ta nó tách đi một mình, chừng đó, chỉ có những điều lành của ta đã tạo phò trợ cho ta mà thôi.

Niệm Phật

Ngày xưa, có một phú ông rất sùng mộ đạo Phật. Phú ông xuất tiền xây cất một ngôi Chùa cực kỳ nguy nga tráng lệ. Ông già hảo tâm ấy lại có tính hiếu kỳ. Sau khi hoàn thành ngôi Bảo điện ông già muốn có một điểm gì đặc biệt khác thường nên ông chạm trổ một bức hoành phi thật đẹp và khắc sáu chữ vàng "Nam mô A Di Đà Phật" bằng chữ phạn rồi treo trước chánh điện. Những học giả và bô lão trong làng đều chịu không biết là chữ gì. Họ rất thần phục Phú ông, cho Phú ông là một học giả uyên bác, thông hiểu cả Phạn ngữ. Kỳ thật thì Phú ông đã nhờ một Pháp sư người Ấn Độ viết cho sáu chữ đó.

Được thiên hạ trăm trò khen ngợi bao nhiêu thì tính hiếu kỳ tự đắc của Phú ông càng bị kích thích bấy nhiêu. Một hôm, ông cho viết sáu chữ ấy lên các tấm bảng gỗ kèm theo mấy hàng chữ bán xữ ở dưới : "Nếu ai đọc được mấy chữ này tôi sẽ gả con gái cho làm vợ và chia một nửa gia tài". Đoạn Phú

ông cho dựng những tấm bảng đó khắp nơi trong vùng và mỗi nơi cất một người đứng gác.

Sau khi những tấm yết thị được dựng lên các học giả, văn gia, thi sĩ và nho sinh nô nức đến xem, nhưng không một ai đọc được cả.

Một ngày nọ có chàng thanh niên bán chiếu tên Hoàng Kim Ấn, đi qua một nơi có dựng bảng, thấy rất nhiều người đang chen lấn nhau vào xem chữ, dĩ nhiên là ai cũng ôm một bầu hy vọng to tướng trong lòng. Tò mò, chàng bán chiếu cũng cố len lỏi để vào cho được. Nhưng khi đến nơi, nhìn lên tấm bảng chàng chẳng hiểu cái quái gì, chỉ thấy mấy dòng chữ ngoằn ngoèo như giun bò, chàng thất vọng quay ra. Song, lúc chàng vừa quay ra thì không may đầu đòn gánh của chàng đụng ngay vào trán của một văn sĩ đang đứng bên cạnh. Hoàng Kim Ấn hoảng hồn la lên "Nam mô A Di Đà Phật". Lập tức người đứng gác bảng tóm lấy cổ chàng và nói : "Đúng người này rồi". Hoàng Kim Ấn chẳng hiểu đầu đuôi ra sao, cứ van lạy để xin lỗi vì trót vô ý để đòn gánh đụng vào trán nhà văn. Nhưng người gác nhất định không buông tha chàng, và vội vàng đưa chàng về trình với Phú ông. Chàng bán chiếu vẫn kêu van lạy lục xin tha, nhưng người gác lại nói :

- Anh này thật đại dốt, sắp được vợ đẹp và giàu

sang đến nơi rồi mà không biết, còn cứ xin tha mãi ! Bộ anh sợ vợ hay sao ?

Hoàng Kim Ân càng hoang mang ngơ ngác thêm không hiểu chi hết và cứ bước theo người gác về nhà Phú ông.

Chả là Hoàng Kim Ân là một Phật tử rất kiên thành. Mặc dầu nhà nghèo, học ít, không được đọc kinh sách, nhưng chàng rất tin Phật, nên chỉ trì sáu chữ Nam mô A Di Đà Phật và lúc nào cũng nhớ Phật, niệm Phật, dù đi đứng, nằm, ngồi không bao giờ quên cả. Niệm Phật đối với chàng đã thành một thói quen. Mỗi khi gặp nguy hiểm, hay việc gì ngoài ý muốn của chàng, chàng lại niệm Phật to hơn. Do đó, lúc vô ý để đòn gánh của mình đụng vào trán nhà văn sĩ, chàng cất tiếng niệm danh hiệu Phật, mục đích để cầu cho việc đó được vô sự. Nhưng không ngờ sáu chữ chàng niệm lại đúng với sáu chữ viết bằng chữ Phạn ở trên bảng, nên người đứng gác tưởng là chàng biết những chữ ấy, nên liền tóm lấy chàng rồi lôi cổ chàng về để Phú ông gả con gái cho. Khốn nỗi chàng bán chiếu không hiểu cứ tưởng là người ta bắt chàng đi để mang "gông" vào cổ, vì đã làm sứt trán của nhà văn lúc này nên cứ kêu xin tha tội hoài !

Khi về tới nhà Phú ông, chàng bán chiếu mới vỡ lẽ là chàng được tôn lên hàng "học giả" để cùng

sánh vai với tiểu thư, con gái Phú ông để cùng ca khúc "Phượng cầu Kỳ Hoàng". Chàng bán chiếu thấy bàn tay của định mệnh xếp đặt lắm việc kỳ diệu quá. Bất giác chàng khẽ ngâm hai câu đối để ghi lại một biến chuyển trong quãng đời chàng mà chàng cho là vô cùng huyền bí :

*"Phúc chủ, lộc thầy, bát tẩu con hiền, con thân,
Thơm tay, may miệng, hà tỵ phụng thỉnh,
phụng chú".*

Từ đó Hoàng Kim Ấn sống cuộc đời trường giả, nhưng hàng ngày chàng vẫn không quên công việc niệm Phật của quãng đời bán chiếu hồi xưa.

Một hôm, vì trái nắng trở trời, vợ chàng cảm gió. Cũng tưởng chỉ qua loa, nào ngờ mỗi ngày bệnh tình mỗi trầm trọng, cứ sốt li bì, không thuốc nào khỏi. Hoàng Kim Ấn đâm lo và lúc nào cũng ngồi bên giường bệnh nhân để niệm Phật. Vừa niệm, chàng vừa đưa tay thoa từ đầu đến chân của tiểu thư, và huyền diệu thay ! Hễ chàng đưa tay đến đâu là nàng cảm thấy nhẹ nhõm đến đó. Chẳng bao lâu, vợ chàng bình phục hẳn. Thật là đã "may miệng" lại "thơm tay".

Từ đó, Hoàng Kim Ấn nổi tiếng là một "Đại y sư" thanh danh lừng lẫy, đồn đến tai Vua.

Thật là một sự trùng hợp ly kỳ. Cũng trong thời gian trái nắng, trái gió ấy. Công chúa cũng lâm bệnh, và bao nhiêu danh y đã được triệu vào để trị liệu cho Công chúa, nhưng đều vô hiệu. Khi tiếng tăm của Hoàng Kim Ấn được đồn đến Hoàng cung, lập tức nhà vua hạ chiếu chỉ vời chàng vào để chữa cho Công chúa. Nhận được chiếu chỉ, Hoàng Kim Ấn cảm thấy bối rối, lo sợ, sợ vì không biết miệng chàng còn may không nữa ? Câu niệm Phật có còn hiệu nghiệm để chữa bệnh cho Công chúa nữa không ? Mặc dầu lo sợ, song không có cách nào để khước từ mệnh lệnh của nhà Vua, bởi vậy chàng đành "nhắm mắt đưa chân" và chỉ tin tưởng vào sức vạn năng của một câu niệm Phật chí thành, đã đến chỗ nhất tâm bất loạn.

Khi tới Hoàng cung, Hoàng Kim Ấn được đưa ngay vào phòng bệnh của Công chúa. Chàng đuổi hết người hầu cận ra ngoài. Trong phòng chỉ còn có chàng và Công chúa. Bây giờ chàng bắt đầu chữa cho Công chúa bằng phương thần dược : Miệng chàng niệm Phật, tay chàng thoa vào đầu và mình mẩy Công chúa. Công chúa ngạc nhiên vì không thấy y sư cho uống thuốc gì cả, mà trong người thì cứ thấy nhẹ nhàng dần, rồi cuối cùng như một chiếc đũa thần hễ tay Hoàng Kim Ấn đưa đến đâu là bệnh hết đến đấy. Mừng và lạ quá,

Công chúa chạy vào tàu với Hoàng hậu và Đức Vua. Nhà Vua thấy con mình bình phục mau quá cũng hết sức ngạc nhiên và trong bụng nghĩ thầm Hoàng Kim Ẩn đúng là "Thánh sư".

Nhà Vua hạ lệnh mở yến ăn mừng và khoản đãi "Thánh sư". Trong bữa tiệc không thiếu một thứ gì, đủ cả sơn hào hải vị. Trong lúc rượu đã ngà ngà, Nhà Vua nhìn ra sân, nơi có đắp một con rồng thật lớn nói với Hoàng Kim Ẩn :

- Trẫm đổ khanh biết trong miệng con rồng kia có cái gì? Nếu khanh nói đúng, Trẫm sẽ cho làm phò mã và gả Công chúa cho, bằng không trẫm bắt tội !

Nguy to rồi, nếu lần này mà cái miệng của chàng hết "may" thì đến "du địa phủ". Đầu óc Hoàng Kim Ẩn lúc này thật là rối tung xoe, như một túi bông bong vậy. Chàng tự nghĩ : "Nếu không nói đúng, chắc mình phải chết, còn nếu nói đúng thì cái nghĩa "tào khang chi thê" mới làm sao đây ?". Thật là tiến thoái lưỡng nan. Đúng cũng khổ mà không đúng thì chết. Chàng cứ băn khoăn lo lắng, tự nghĩ đời tàn, bất giác chàng than một câu để thương cho số phận : Hoàng Kim Ẩn ! Nhưng chàng vừa dứt lời thì bỗng nhà Vua vỗ tay reo và truyền gọi Công chúa ra dâng cho chàng một ly rượu. Hoàng Kim Ẩn ngỡ ngàng,

không hiểu ra sao. Chẳng còn đang ngỡ ngàng thì nhà Vua nói :

- Khanh nói đúng, thật là Thánh sư ! Trẫm có cất chiếc "Hoàng Kim Ấn" trong miệng rồng đó ! Kỳ diệu biết bao ! Tưởng mình chết đến nơi, kêu tên mình lên để than thở cho số phận, không ngờ tên mình lại trùng với tên có dấu bằng vàng rồng của nhà Vua, chết thì thoát rồi, còn việc Phò mã và lấy Công chúa thì sao ? Hoàng Kim Ấn vấp đầu xin nhà Vua tha cho tội đó, viện lẽ mình đã có vợ và phải giữ trọn đạo thủy chung. Nhà Vua cảm kích vì người có tiết nghĩa, không nỡ ép buộc, liền ban thưởng thật trọng hậu rồi sai cận vệ đưa tiễn về đến nhà...

Huyền diệu và linh nghiệm thay sáu chữ Nam mô A Di Đà Phật khi được phát ra với niềm chí thiết, chí thành và nhất tâm bất loạn !

NGU ÔNG

Ví dù muốn đấng ngàn cay,
Một câu niệm Phật tan ngay cấp kỳ !...
Niệm Phật dứt bỏ oán thù,
Lòng không hung dữ ngục tù đâu vương ?
Niệm Phật mở rộng lòng thương
Oan thân bình đẳng tai ương nào vào ?

Mối tình thân hữu

Nắng vàng buổi chiều dịu lại, phảng phất trên các ngọn cây xanh của khu rừng rậm. Gió nhẹ thổi mặt nước hồ khẽ gợn sóng, rung rinh những bóng cây cao hai bên bờ in hình trong đáy nước.

Trong khung cảnh những buổi chiều êm mát này của chốn núi rừng, một con linh dương đang thong thả uống từng ngụm nước trong. Nó hình như đang chờ đợi. Nó nghĩ đến một chiều trước đây, nó làm quen với chàng rùa cùng chị chim gõ kiến. Cả hai bạn nó đều cùng cư trú ở bờ hồ này và thường về vào cái giờ mà nó đến uống nước. Lâu rồi thành quen nhau. Rồi chuyện trò qua lại trở nên thân thiết, mỗi lần mà một con nào đến trễ là những con kia trông đợi và tỏ vẻ lo lắng.

Nhưng kìa linh dương ngẩng mặt lên mừng rỡ vì chàng rùa, đã bỏ gần đến và trên cành cây chị gõ kiến cũng đã reo lên những tràng tiếng dài. Câu chuyện của rừng sâu, của lưng trời, của

bờ nước, được trao đổi cùng nhau. Trong lúc linh dương cúi thấp xuống gần sát chàng rùa và chim gõ kiến đang gạt những con nhện vằn vơ trên bộ lông linh dương mượt màu nâu lợt. Cho đến khi mặt trời khuất sau trái núi đằng xa, linh dương rời hai bạn để trở vào bên trong đám cây rậm rạp.

Một hôm kia, một người thợ săn lông vàng đến rừng này. Hắn mang theo cung tên giáo mác đầy đủ. Hắn lần theo dấu chân linh dương và khám phá ra chỗ linh dương thường hay đến uống nước. Hắn núp vào một bụi rậm chờ đợi.

Trưa đã qua rồi, mặt trời đã chết về phương tây. Một mồi hắn đứng dậy, ra khỏi bụi, nhìn hồ nước, nhìn cái gốc cây rồi bỏ đi nơi khác. Trong óc hắn đang chuẩn bị một kế hoạch sát hại gì đây ? Ngày mai hắn trở lại. Hắn đào đất thành hục nhỏ, ở mỗi hục hắn đặt một chiếc bẫy rồi khóa đất lại liền lóng. Nó còn bỏ thêm lên vài chiếc lá để không ai để ý tới những dấu đất mới ở trên đường. Nó không ngoan đoán trước những chỗ mà linh dương sẽ đi chân tới mà đặt bẫy. Xong đêm ấy nó quanh sang đường khác, đi trở về, hẹn sáng mai trở lại để trói chặt bốn chân linh dương xỏ vào đầu gậy quấy vò. Từ trước đến nay, chưa lần nào nó đặt bẫy mà không đánh được con thú nào.

Nắng vàng buổi chiều dịu lại, phảng phất trên các ngọn cây xanh, linh dương thong thả bước đi. Nó lách một đôi dấu lạ trên đường và tiến đến bờ hồ để gặp hai bạn thân thiết. Vừa uống từng ngụm nước, nó vừa kể chuyện của rừng sâu trong lúc chàng rùa và chị gô kiến lắng tai nghe.

Gió mát quá thành ra cả ba đều muốn kéo dài thời gian gặp gỡ. Đến khi linh dương từ giá bạn ra về thì trời đã gần tối. Trong rừng sâu, đêm đổ xuống rất mau, đường đất chỉ trông thấy mờ mờ. Linh dương đang đi, bỗng sụp một chân xuống, nó nhảy lướt tới, nhưng không kịp nữa rồi, một cái gì giữ chặt chân nó. Nó giựt mạnh và nghe chân càng bị thắt chặt thêm. Nó biết là nó bị mắc bẫy rồi. Cảnh tượng như thế này đã in sâu vào trí nó. Chính cha nó, trước đây đã bị trói chặt chân sau, khi dẫn nó đi ăn, hồi nó còn nhỏ lắm. Rồi liền sau đó hai người dữ tợn từ bụi rậm nhảy xổ ra, vật ngã cha nó, trói chặt bốn chân, khiêng đi trong lúc nó chạy lùi lại xa, đứng nhìn theo, nước mắt tuôn trào, đến nỗi nó không còn thấy gì nữa.

Giờ đây đến lượt nó, nó nhìn ra hai bên cây là tối đen, không có hai người tàn ác đó nhưng nó cũng đoán biết là chính loài người đã gây ra tai ác này. Tại sao con người lại tìm cách giết nó, giết gia đình nó, trong lúc chúng nó không làm gì hại ai cả.

Nó giật mạnh chân lần nữa. Sợi dây càng thắt chặt hơn trước nó làm tê cả bắp đùi. Nó kêu cứu khe khẽ. Trong rừng lúc này, tiếng kêu của nó thật không lợi gì cho nó vì loài thú dữ có thể theo đó mà tìm đến. May quá là chim gõ kiến nghe được liền chạy đến ngay. Tội nghiệp quá ! Nó nhìn quanh quần hời lâu quanh linh dương mà chẳng tìm được cách nào để cứu bạn. Thấy bạn lo lắng, linh dương không lộ vẻ đau đớn nữa. Rồi bỗng gõ kiến bay đi. Chim vất vả lắm mới tìm được chỗ rùa. Rùa đoán biết được việc chẳng lành vì từ đầu hôm đến nó thấy nóng lòng không sao ngủ được. Gõ kiến vừa nói xong, rùa vội vã giục đi. Gõ kiến dẫn đường. Rùa bò theo sau, nhanh gấp mấy lần ngày thường. Đường tối mò, hai ba phen rùa ngã lăn lóc, nhưng rồi cũng trở dậy được, bò theo kịp bạn.

Tới nơi rồi, rùa không khỏi đau lòng khi nghe linh dương thở mệt nhọc, và rờ thấy chiếc dây thừng to đang xiết chặt chân bạn. Rùa bắt đầu thử sức nó mổ vào sợi dây thừng. Dây thừng bằng gai bền chắc, làm tê cả hai hàm răng. Nó mổ nhát thứ hai. Lần này dây thừng bị xơ ra đôi ba sợi ngoài nhưng hàm răng rùa cũng rung rung.

Rùa ngậm dây, nghiêng từng sợi nhỏ. Chậm, nhưng chắc chắn và ít đau. Công việc phải làm xong trong đêm nay. Gõ kiến suốt đêm canh

chừng, và rùa không một chút nghỉ ngơi, cắn đứt từng sợi trong lúc linh dương chịu đau giữ cho dây căng thẳng.

Gần sáng, dây thừng đã đứt quá nửa, việc cắn dây dễ làm hơn trước, nhưng rùa đã mệt quá sức rồi. Có nhiều lần rùa gục đầu vào dây không cử động được. Nhưng rùa cố tỉnh lại để nghiêng đứt thêm một vài sợi con nữa.

Trời sáng hẳn, thật khó lòng giải thoát cho linh dương trước khi người thợ săn đến. Phải làm cho tên tàn ác đến chậm, gó kiến vụt bay đi. Chim tìm ra nhà người thợ săn vào lúc hán bước ra khỏi cửa mang theo tất cả những đồ dùng sát hại của hán. Gó kiến bay đến trước hán, kêu lên những tiếng buồn thảm nhất. Tên thợ săn ngẩng đầu lên lắm bầm, chửi rùa. Hán cho là điềm xấu nên vội quay lại. Khá lâu rồi mà không thấy hán ra. Nhưng kia hán đã lách cửa sau, định tiến bằng đường khác. Rất nhanh, chim bay tới trước mặt hán và kêu lên ai oán. Hán nhìn lên chửi rùa rồi lại đi trở vào.

Mặt trời đã lên cao, không chậm trễ được nữa, hán hối hả tiến vào rừng mặc cho gó kiến buông những lời oán trách tội ác trước mặt hán, hán đi nhanh như chạy, hán nghĩ đến cách hả hê khi vật ngã con thú đã kiệt sức, đến những ly rượu hòa với máu tươi, đến đĩa thịt phay ung ừng hồng màu

máu. Hắn gần đến nơi rồi, con linh dương đang đứng ở đằng kia kia. Địch là nó đã mắc bẫy rồi. Tên thợ săn có cả sự thật để tự hào là xưa này nó chưa lần nào đặt bẫy mà không bắt được một con mồi. Hắn thỏa thích không gì bằng.

Dây vẫn chưa chịu đứt, không lẽ công trình cả một đêm chỉ đưa đến kết quả thảm hại thế này ư? Trên cây gỗ kiến giục quyết liệt. Rùa gom góp cả toàn lực cắn phát cuối cùng trong lúc linh dương giật thật mạnh. Dây thừng đứt ngang. Một đoạn còn lại nằm cong queo trên mặt đất. Rùa ngã lăn ra ngất lịm đi. Linh dương không thể nở rời bẹn. Nhưng không còn có thể trì hoãn nữa, nó vội vã lách vào đám rậm lách sang rừng bên cạnh. Tên thợ săn chạy như bay đến nhưng không còn đuổi kịp linh dương nữa. Hắn dậm chân tức tối. Hắn lượm hòn đá quăng vào bụi rậm để xưa đuổi chim gỗ kiến mà nó ghét cay ghét đắng. Hắn định dậm nát thân rùa cho hả dạ, nhưng suy nghĩ lại, hắn bắt rùa bỏ ngay vào cái giỏ nó đang mang sau lưng. Hắn thâu các bẫy lại và buồn bực trở về.

Người thợ săn đi được một quãng đường thì thấy phía trước mặt mình con linh dương đang đi thấp thòm. Hắn mừng quýnh hắn đi nhanh hơn định bắt lại con vật mới sổ ra khỏi tay hắn. Hắn đến gần hơn, gần hơn. Hắn chạy nhanh lại, nhưng

linh dương nhanh nhẹn lánh sang lối khác. Phía sau xa này rõ ràng tên đi săn nom thấy con linh dương đi thấp thòm một cách đau đớn. Chân sau vẫn còn mang theo một đoạn thừng. Hắn lại rứt đuôi theo mà có cái gì nặng cứ đập thình thịch sau lưng hắn như muốn trì hắn lại. Thì ra, hắn nhớ lại là con rùa đáng đánh chết này đang bò ngom ngóp trong chiếc giỏ mang sau lưng hắn. Nếu không có cái giỏ này chắc chắn hắn đã bắt kịp con linh dương từ buổi đầu, hắn nghĩ như thế.

Đang xa, linh dương đi chậm lại, có lẽ linh dương đã mệt dữ rồi. Phải rồi ! Vùng vắng suốt một đêm, còn sức đâu mà chạy thi với hắn nữa. Tên thợ săn tin ở tài chạy của hắn lắm. Nhưng phải trừ bỏ cái giỏ bắt tài vô tướng này. Hắn vội gấp tay, rút ra khỏi quai giỏ. Hắn quăng giỏ sang một bên và đuổi theo linh dương. Hắn tin rằng chỉ trong giây lát, con thú sẽ thuộc về hắn.

Nhưng khi hắn tới gần thì linh dương vụt lao nhanh sang đường khác và chạy như biến. "Ừ có giỏi thì cho mày gắng giỏi một lần cuối cùng này nữa". Nghĩ thế rồi, tên thợ săn quên một đuôi theo.

Trong lúc này chim gõ kiến vẫn theo dõi cuộc đuổi của người thợ săn. Cho đến lúc người thợ săn mệt mỏi chạy theo linh dương mà tiến sâu vào

rừng, thì gỗ kiến dẫn linh dương đi ngó tất trở lại chỗ rùa. Đến nơi linh dương thấy rùa lúng túng trong gió mà thương lắm. Thật là may mà nó còn gặp lại bạn, ân nhân của nó ở đây. Không thì còn cách nào để đền đáp ơn cứu thoát. Linh dương chân đạp một quai gió, miệng cắn chặt vành gió. Nó giật một cái mạnh, xé rách một mảnh lớn. Rùa mừng rỡ bò ra khỏi ngục tù, gật đầu cảm ơn bạn và đi luôn không thèm ngó lại cái gió xấu xí. Trên cành cây chim gỗ kiến reo từng tràng dài vui vẻ.

Chiều hôm ấy, trong bầu trời yên tĩnh và mát mẻ bên hồ quen thuộc, linh dương một tiền thân của Đức Phật và hai bạn thân thiết cùng yên lặng để tưởng nghĩ đến tai nạn khủng khiếp vừa qua, giữa lúc mối tình thân hữu đang rạo rực bùng dậy từ mọi cõi lòng.

QUẢNG HUỆ

Khi tai nạn gặp rút mới biết được lòng bạn, có đánh nhau mới biết kẻ yếu người mạnh, có luận nghị mới biết được người trí, lúc cơm thua gạo kém mới biết người có lòng nhân.

Dắt nhau xuống giếng

Xưa kia ở trong một khu rừng, có đàn khỉ tới khoảng 500 con, chúng rủ nhau tới một cây cổ thụ, trên bờ giếng.

Gặp ngày kỳ trăng, đến tối chúng trông thấy ở dưới đáy giếng nước rất trong và có bóng trăng. Chúng đều kêu rộ lên rằng : "Ồi ! Chết rồi các anh em ơi ! Nguy to rồi ! Hôm nay mặt trăng rơi xuống giếng này rồi. Chúng ta phải mau tìm cách mò lên, không thể để thiên hạ bị tối tăm khổ sở được".

Xôn xao nhậy nhót, cuống quýt với nhau chưa biết làm cách nào, thì con khỉ chúa bảo các con kia rằng :

- Tất cả các anh em hãy yên lòng, tôi đã có cách. Việc này cũng không khó khăn chi, miễn là làm theo lời tôi.

Vậy tôi bấu lấy cành cây, rồi một anh bám lấy đuôi tôi, rồi cứ thế lần lượt bám đuôi nhau hết tất cả đàn, thế là chúng ta xuống được tới ngay đáy giếng.

Chúng đều cho là diệu kế, làm đúng như lời khi chúa. Khi gần xuống đến nơi bị nặng quá nên cành kia gãy, cả lũ đều rơi xuống giếng lúng túng không có lối lên, không người cứu vớt, kết cuộc cả lũ đều bị chết.

Bấy giờ ông Thần ở trên cây trông thấy, nói bài kệ rằng :

*"Một con ngu dại đã xong,
Thương thay cả lũ cũng không biết gì.
Trăng còn vằng vặc trên kia,
Dắt nhau xuống giếng làm chi cực lòng"*

TRÍ HẢI

**Biết rõ ràng, nhưng sự thật là không, nên gọi là không,
chớ không phải không biết.**

**Ôi nhân sanh mê muội :
Nhận khổ cho là vui,
Chấp ngã cho là thường
Mà lặn lội nơi non sâu bể hặn.**

Bồ tát và mãng xà vương

Có một hôm, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát cỡi mây chu du tay cầm bình Dương Chi, mình mặc áo bào trắng nhìn xuống và quan sát thế gian thấy người trần nào kêu cầu danh hiệu cứu khổ cứu nạn thì Ngài cứu độ.

Khi Ngài đến núi Phổ Đà ở địa phận Triết Giang quận Nam Hải, thấy núi non tráng lệ, cây cỏ xanh tươi, chung quanh có bể bao bọc, thì Ngài lấy làm mãn ý và nghĩ rằng :

"Tại chốn này nên lập một đạo tràng trang nghiêm để mở mang Phật Pháp, khiến cho chúng sinh có nơi cầu phước cầu tuệ. Tuy nhiên, núi này lại thuộc La Môn Xà Vương, vậy ta thử xuống hỏi mượn địa điểm của y xem sao ?".

Nghĩ như thế, rồi Đức Quán Thế Âm Bồ Tát liền từ từ hạ mây giáng xuống núi Phổ Đà.

Đây nói về La Môn Xà Vương vốn là một con rắn tu hành đã hàng nghìn năm và đã có phép

thần thông. Hôm đó rấn biết Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đến mượn đất Phổ Đà Sơn để mở ngôi đạo tràng, hần muốn lánh mặt Bồ Tát, liền chui xuống đất để lộ cái đuôi ngoe nguẩy chọc lên trời, trông chẳng khác chi một cây cổ thụ cao chót vót mà không có cành có lá chi cả. Nhưng cái thủ đoạn thần thông nho nhỏ của y làm sao mà che mắt được vị Quán Thế Âm Bồ Tát là bậc đại trí tuệ, đại thần thông ? Khi Đức Quán Thế Âm Bồ Tát giáng lâm xuống bên cạnh cây Xà Vương, liền vịn tay vào thân cây, mỉm cười và tự nói :

- Cây đại thụ này không cành không lá, chắc là đã chết khô rồi, ta há nên chặt đem về làm đồ dùng.

La Môn Xà Vương nghe thấy nói vậy thì hoảng hồn. Còn đang bối rối, lại nghe Đức Quán Thế Âm Bồ Tát nói :

- Xà Vương ! Nhà ngươi không cần giả vờ ẩn dấu để trốn tránh ta. Ta có câu chuyện hay muốn nói với nhà ngươi đây !

La Môn Xà Vương nghe Bồ Tát nói thế, tự biết là trốn tránh không khỏi, liền rút đầu ra khỏi đất hỏi Bồ Tát muốn nói chuyện gì ? Đức Quán Thế Âm Bồ Tát liền bày tỏ ý kiến mượn núi Phổ Đà làm nơi thiết lập đạo tràng. La Môn Xà Vương nghe xong cự tuyệt ngay :

- Không được, đây là chỗ con con cháu cháu đời đời kiếp kiếp của rấn tôi dùng làm chỗ căn cứ để ở. Người có uy đức gì mà dám nghĩ đến chuyện mượn núi Phổ Đà này của tôi.

Bồ Tát trả lời :

- Ta đây không có đại oai thần lực như Đức Phật Tổ, nhưng vì ta thay người tế độ chúng sanh nên không thể không xin nhà người bố thí cho chút phương tiện là mượn dãy núi này.

La Môn Xà Vương nghe rồi tỏ vẻ bất phục vì hấn nghĩ rằng : "Ta tu hành ít ra cũng có hàng ngàn năm nay và có phép thần thông quảng đại, liệu Quán Thế Âm Bồ Tát có thể đấu phép với ta được chăng ?". Nghĩ như thế rồi hấn liền nói với Bồ Tát :

- Nếu Bồ Tát chỉ biết đến Phật Tổ mà không cần đếm xỉa gì đến Xà Vương ta đây, thì đây không ngại gì mà không đấu phép với Bồ Tát một phen. Nếu Bồ Tát không thắng thì xin tự tiện rút lui đi nơi khác chớ đừng hy vọng gì mượn núi này.

Bồ Tát nói :

- Tốt lắm, nếu nhà người không thắng nổi ta, thì núi này ta được tùy ý mượn dùng mà nhà người

không được hối hận ào nào chứ gì ? Vậy nhà người định đầu thử phép gì đây ?

La Môn Xà Vương gật đầu và mỉm cười :

- Ta đây không hối hận cũng không ào nào chi hết, miễn là Bồ Tát chịu thừa nhận rằng : Phạm đất đai trong núi này ta sẽ vươn mình bao bọc được đến đâu là ở trong khoảng đó, Bồ Tát không được mượn. Bồ Tát gật đầu, La Môn Xà Vương liền vận dụng thần thông đại lực vươn mình dài ra khoanh lấy núi Đà Sơn. Nhưng kỳ lạ thay ! Bình thường hán dùng phép vươn mình ft ra cũng quần được tới ba lần, nhưng hôm nay trước mặt Bồ Tát phép thần thông của hán tan mất, hán cố hết sức vươn mình cho dài tưởng chừng như đứt cả đầu đuôi ra làm hai đoạn, thế mà mình vẫn không dài ra được chút nào. Lúc đó La Môn Xà Vương mới thấy sức thần thông của mình không bằng Bồ Tát nên có ý duyệt phục mà giải hòa rằng :

- Thưa Bồ Tát ! Tôi thực có mắt mà không nhìn thấy núi Thái Sơn, đức thần thông của tôi quả không địch nổi Bồ Tát. Nhưng có một điều khó xử là : Con con cháu cháu gia đình, nhà tôi tôi biết ở chốn nào ?

Bồ Tát vui vẻ trả lời :

- Nếu nhà người phát tâm hoan hỷ cho ta mượn núi này thiết lập đạo tràng thì nhà người sẽ được

công đức vô biên, còn con cháu nhà ngươi vẫn cứ ở nguyên đây như cũ.

Xà Vương có ý ngần ngại không quyết :

- Thưa Bồ Tát làm sao để người và rắn ở chung cùng nhau. Bởi vì người sợ rắn, rắn sợ người, đôi bên nhất định phải tàn sát lẫn nhau mất. Nay Bồ Tát bảo con cháu tôi cứ ở nguyên núi này, thì tôi thiếu tôi và Bồ Tát phải lập một điều ước : "Nếu giống rắn tôi con nào xâm phạm đến tín đồ Phật giáo thì rắn đó sẽ do Bồ Tát xử phạt, nhục bằng tín đồ nào sát hại đến loài rắn chúng tôi thì tín đồ đó sẽ bị tôi bắt thường mạng, chẳng hay tôn ý nghĩ biện pháp đó như thế nào ?".

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát nhận rằng Xà Vương nói đúng bèn lập đính ước với Xà Vương. Từ đấy Phố Đà Sơn trở thành đạo tràng Quán Thế Âm Bồ Tát, chùa chiền được dựng lên rất nhiều, Tăng Ni cũng lại ở rất đông, những khách du lịch thập phương thấy núi này non xanh nước biếc hùng vĩ vô cùng, đều rủ nhau đến hành hương nghe giảng kinh Phật. Chỉ hiếm một nơi chỗ nào chỗ nấy đều nhan nhản có rắn nhỏ rắn to ẩn nấp làm cho phải kinh hoàng hãi hùng. Tuy nhiên các rắn này đã nghe lời giáo thị của Xà Vương, cho nên kể hàng bao nhiêu năm chưa từng thấy rắn cắn một người nào. Trên núi cũng đã có cấm băng cáo thị thông

tri của nhà Chùa : "Các tín đồ và du khách không được làm hại rắn". Cho nên đôi bên người và rắn bình an vô sự, không xảy ra chuyện gì đáng tiếc. Trên núi này có một số rắn nhân thường ngày nghe mõ sớm chuông chiều, cùng tiếng tụng kinh niệm Phật mà phát tâm tu hành rồi thoát khỏi kiếp rắn cũng không phải là ít.



Có một em nhỏ tên là Tiểu Đình thường quen tính chơi nghịch tinh quái, hay đi quấy phá tổ chim, bắt di, bắt sẻ về chơi, nghe nói phong cảnh trên núi Phổ Đà rất đẹp, có nhiều chim muông thì có ý muốn lên đó sục sạo lung tung một phen cho hả dạ, đã mấy lần nó năn nỉ cha mẹ cho theo lên núi, nhưng vì thấy bản tính nghịch ngợm của nó nên lần nào cũng bị từ chối khiến cho Tiểu Đình trong lòng buồn rầu sinh oán cha mẹ. Một ngày kia Tiểu Đình quyết trốn cha mẹ một mình lên Phổ Đà Sơn.

Khi đến chân núi thấy người đi lễ Phật rất đông lũ lượt qua lại như mắc cửi. Thiện nam, tín nữ cũng không quản đường xa trời nắng, không ngại đói khát mỗi một, đều theo nhau trèo lên núi với vẻ mặt cực kỳ thành khẩn niệm cầu. Tiểu

Đinh vội vã bước theo tới khi miệng khát, chân mỏi nó liền ngồi lên một cái ghế dài đặt trước cửa điện Tam Bảo. Lạ thay ! Khi ngồi xuống, toàn thân cảm thấy mát mẻ lạ lùng nó nở một nụ cười mãn nguyện và lên tiếng khen chiếc ghế :

- Cha chả phiền đá đại lý thạch quý hóa làm sao, trên mặt có bao nhiêu là điểm điểm, chấm chấm coi thật sưng mắt và lại lạnh như băng sương, mát đến gan ruột khiến cho những người mỗi mệt ngã lưng lên trên thì tiêu hết được khí nóng nực và quên cả sự mệt mỏi đi đường, Tiểu Đinh đang lăm bắm một mình khen chiếc ghế, bỗng có người hành khất ở bên đường nghe thấy phì cười bảo Tiểu Đinh :

- Hỡi người bạn nhỏ ngây thơ của tôi ơi ! Thử nhìn lại chiếc ghế xem, nó không phải chiếc ghế làm bằng đá đại lý đâu. Đó là lưng con mãng xà đấy. Con mãng xà này đã tu hành hơn ba trăm năm nay rồi, nó phát nguyện lấy thân làm ghế để mọi người ngồi nghỉ chân, tiêu sự nóng nực trong khi leo núi mỗi mệt.

Tiểu Đinh nghe xong nhảy phát dậy, mặt trắng phệt cát không còn hột máu, nổi gai khắp người, nó giương to đôi mắt rồi hỏi người ăn mày :

- Thế đầu rắn và đuôi rắn đâu sao không thấy ?

Người ăn mày thấy Tiểu Đình vẫn còn run rẩy bất giác cười và nói rằng :

- Không những chiếc ghế này là con đại xà mà cả chiếc ghế đối diện cũng là đại xà nốt, vì hai con rắn này sợ thiện nam tín nữ trông thấy hình rắn mà sợ nên đầu nó chui vào trong cung Tam Bảo mà không ai nhìn rõ được, còn đuôi nó thì cắm sâu dưới đất. Tuy nhiên bạn đừng sợ, ở trên núi Phổ Đà này rắn chưa từng hại một ai cả ! Miễn là chúng ta đừng nghịch phá và giết hại dòng họ rắn.

Tiểu Đình vẫn kinh hoảng ngấm đi ngấm lại một lần nữa thấy hai khúc rắn này dài ước mười trượng chẳng khác gì hai chiếc ghế dài đặt trước cửa điện Tam Bảo. Nhưng cái văn hoa bóng loáng đẹp như đá Đại Lý đều là vẩy rắn có màu sắc như vân đá. Tiểu Đình sợ quá không dám ngồi nữa và kiếm đường lánh đi nơi khác. Tiểu Đình trốn nhà ra đi lẽ tất nhiên không mang theo đồ ăn, lại nhân chạy nhanh nhiều nên miệng khát dạ đói nôn nao chưa biết tính sao, thì may thay trên núi Phổ Đà, trong Chùa thường vẫn sẵn có cơm chay nước vối, thiện nam tín nữ vào đó đợi cứ việc ăn uống tự nhiên. Tiểu Đình mừng quá nhảy vào ăn uống cho đến thỏa thích, ăn rồi lại đi ngao du khắp núi. Chiều hôm

đó nó vào ngũ trong chùa, nằm bên một cụ già.
Hôm sau nó dậy sớm, nghe thấy cụ già ấy đang
hỏi một vị sư phó :

- Xin Sư phó chỉ giáo cho câu chuyện này.
Nguyên đêm qua vào khoảng nửa đêm tôi sự tỉnh
dậy thấy bóng trắng le lói bên giường như tăng
thêm cảnh mỹ lệ êm đềm của Phố Đà Sơn. Tôi liền
bước ra khỏi phòng bởi hồi ngắm cảnh núi dưới
trăng trong, bỗng nhiên tôi thấy xuất hiện một
cây khổng lồ không cành không lá, cao vút ở giữa
trời, chung quanh có rất nhiều các cây khác, tôi
lại gần rờ vào cây khổng lồ thì thấy mát lạnh, tôi
có trăm lạng vàng kim muốn mua cây đó của quý
tự đem về chơi, vậy dám hỏi cây đó là cây gì và
hiện giờ ở đâu ?

Vị Sư phó nghe xong kinh ngạc bảo rằng :

- Làm gì có thứ cây đó, lão Tăng ở đây đã trọn
ba mươi năm nay, nội các thứ cây thứ hoa ở trên
núi này lão tăng đều biết hết không có cây nào như
thế cả.

Cụ già nhất định cãi lại :

- Có mà, đêm qua tôi trông thấy rõ ràng và
chính tôi rờ lên trên thân cây vừa nhẵn vừa mát
thì làm sao Sư phó bảo là không có cây đó. Chẳng
tin thì xin người cùng tôi đi tìm xem !

Giữa lúc hai người rủ nhau định đi thì Sư phó trụ trì khác nghe thấy liền vào xua tay ngăn lại :

- Các vị không cần phải đi xem, cây khổng lồ đó thật không có đâu. Đêm qua, chắc rằng ông thấy La Môn Xà Vương hiện thân đấy. Ai thấy được Xà Vương thì ít lâu cũng gặp điềm hay, vậy tôi mừng cho ông đấy.

Cụ già nghe xong rất lấy làm vui mừng nhưng hầy còn bán tín bán nghi liền hỏi lại :

- Có thật như thế không ? Nếu quả tôi sẽ gặp chuyện hay thì tôi nhất định thành tâm xây một tòa bảo tháp bảy tầng để cúng dường.

Vị Sư phó trụ trì gật đầu đáp :

- Thật như thế đấy ! Xà ở đây thì nhiều nhưng Xà Vương thì ít người trông thấy ông ạ. Chỉ ai có phúc mới được gặp mà thôi. Tiểu Đinh ngồi bên cạnh nghe rõ đầu đuôi, bất giác trong lòng rất là thắc mắc về câu chuyện Xà Vương ở núi Phổ Đà Sơn, cho là một chuyện thần kỳ quá sức.

Tiểu Đinh lại bắt đầu đi theo thiện nam tín nữ vẫn cảnh như hôm qua, mặc dầu nó đã được nghe chuyện thần bí của Xà Vương, nhưng vì trong lòng nó vẫn có bản tính sát sanh, cho nên khi đi đường đôi mắt trợn trừng, nhìn sau nhìn trước nhìn tả

nhìn hữu, xem có con chim nào ở trên cành, hoặc chuồn chuồn, bướm bướm bay qua thì tìm cách bắt ném cho chết hoặc bắt về làm trò chơi cầu chân, bẻ cánh cho hà thích.

Đến một đoạn đường nọ, nó thấy một con bò cạp đuổi theo một con rắn, nó dừng chân lại ngắm thấy rắn nhỏ sợ quá đang lao đầu cổ chạy mà bò cạp thì hết sức đuổi theo. Tới một khe nước nhỏ, rắn nhanh như chớp bơi sang bờ bên kia, còn bò cạp vì không biết nên đành phải dừng lại nhìn theo rắn ta với vẻ thất vọng. Tiểu Đinh thấy thế vụt nghĩ : "Chuyện này hay quá ta ! Để ta lấy cây bắc cầu cho con bò cạp qua khe sang đánh nhau với rắn coi chơi".

Nghĩ rồi nó làm ngay, bò cạp qua sang được khe rồi thừa lúc rắn không để ý, sấn lại cắn luôn làm cho rắn đau đớn, quần quai một lúc lâu, rắn lăn quay ra chết. Tiểu Đinh nhìn sướng mắt reo lên rồi vừa đi vừa nhảy vừa ca hát, tỏ ra khoái ý.

Khi mặt trời gần lặn những ánh vàng rớt lại trên Phố Đà Sơn, phủ lên mọi vật tạo nên một màu vàng quắc thật đẹp mắt, Tiểu Đinh tìm một ngôi chùa vào ngủ qua đêm, khi vào tới cửa, Tri khách lão Sư nhìn Tiểu Đinh lắc đầu ra vẻ thương hại nói rằng :

- Em nhô ơi ! Ta xem sắc mặt em có ám khí che phủ, ta e rằng tối nay em lại nghỉ ở đây, nhưng sáng mai em sẽ không còn sống để ra về nữa.

Tiểu Đinh không hiểu câu nói trở mặt ra nhìn và hỏi lại :

- Thế là nghĩa làm sao, con không hiểu ý Thầy định nói gì ?

Tri khách lão Sư nhìn Tiểu Đinh chăm chú một hồi lâu rồi căn vặn hỏi :

- Em thử nghĩ gần đây em có làm một việc gì tổn đức không ?

Tiểu Đinh quả quyết trả lời :

- Thưa Thầy, con không hề làm một sự gì tổn đức cả.

Sư phó lắc đầu lần nữa :

- Em thử nghĩ lại một lần nữa coi, hoặc giả trên núi Phổ Đà này trong khi đi đường em có sát hại một sinh vật nào không ?

Tiểu Đinh ngẫm nghĩ hồi lâu :

- Thưa Thầy ! Hôm nay giữa đường con thấy một con bò cạp đuổi một con rắn nhỏ. Rắn nhỏ chạy đến bên khe nước bơi sang hồ bên kia. Bò cạp không lội được nước nên dừng, con liền nhặt một

cành cây bắt qua bên kia làm cầu. Bò cạp nhờ đó qua được khe và đuổi rắn cắn, nhân thế mà rắn chết.

Tri khách lão Sư cau mày :

- Chao ôi ! Nhân vì tội nghiệp đó thế nào mà em chẳng biến sắc mặt, việc này khó khăn lắm đấy. Không thể trốn thoát tay Xà Vương được. Nhân vì trên núi này, khi xưa Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã lập qui ước với Xà Vương rằng : "Ai mà giết chết con cháu Xà Vương thì sẽ bị Xà Vương đòi thưởng mạng". Vậy tối nay em sẽ chết về tay Xà Vương mất.

Tiểu Đình sợ quá cố van cầu :

- Xin Thầy cứu con với. Ba má con ở nhà chắc là đang trông đợi con lắm.

Tri khách lão Sư lắc đầu than thở :

- Đó là tội nghiệp do con gây ra, Thầy không có cách nào cứu được.

Tiểu Đình rõ hai hàng lệ ròng ròng, túm chặt lấy vạt áo vị Sư mà van lơn không chịu bỏ ra một phút.

- Nhất định Thầy cứu được con và từ nay con nguyện sẽ vâng lời cha mẹ, không bỏ nhà đi chơi và con nguyện xin làm người hiền lành không

dám giết hại sinh linh nữa. Con không bắt chim, bắt bướm bướm chuồn chuồn nữa.

Tri khách lão Sư cúi đầu nghĩ ngợi hồi lâu rồi từ từ nói :

- Em ơi, giờ đây Thầy chỉ biết hết sức vì em mà tụng kinh trước Chư Phật Chư Bồ Tát, để nhờ công đức tụng kinh may ra cứu thoát oan nghiệp này không, ngoài ra cũng còn phải nhờ phúc đức của nhà em cứu thêm. Ngoài cách đó ra, Thầy không còn phương pháp nào cả.

Tiểu Đình gật đầu lia lịa tỏ vẻ hết lòng cảm kích và nhất thiết y theo lời tri khách Sư phó xếp đặt cho. Tri khách Sư phó liền thả dây cho cái chuông lớn treo ở trước cửa Tam Bảo hạ thấp xuống và bảo Tiểu Đình núp vào trong niêm Phật luôn mồm, còn Sư phó thì khêu đèn đốt hương mở kinh rồi quỳ trước bàn Phật tụng kinh.

Quái lạ thay ! Khi trông vào kinh điển tri khách rất lấy làm ngạc nhiên vì cả quyển kinh không nhìn thấy một chữ nào cả, khi cầm dùi gõ mõ thì mõ cũng chẳng kêu. Tri khách Sư phó, ba lần gõ, ba lần xem vào kinh mà trước sau vẫn nguyên tình trạng như thế thì trong lòng lấy làm sợ hãi muôn phần, thật là định nghiệp của đứa nhỏ không thể trốn thoát được.

La Môn Xà Vương lúc đó ở ngoài tiến vào phía quả chuông quần ba vòng chung quanh quả chuông và từ từ buông ra và lặng lẽ ra khỏi cửa Tam Bảo biến mất.

Tri khách lão Sư thấy Xà Vương đi rồi, liền chạy mau đến kéo chuông lên xem thì mặt mũi tái mét đi. Nguyên lai khi kéo chuông lên thì trong quả chuông chẳng thấy Tiểu Đình đâu, mà chỉ thấy còn sót lại một vũng máu và một mớ tóc. Vị Sư nhắm nghiền hai mắt lại miệng niệm :

- A Di Đà Phật và tự lẩm bầm một mình :

- Định nghiệp không thể chuyển được. Định nghiệp không có cách nào chuyển được, làm ra thời phải chịu lấy, nhân quả tơ hào không sai ! Há chẳng đáng cẩn thận lắm ru ?

Tri khách lão Sư vì việc Tiểu Đình hiếu sát nên tụng kinh niệm Phật luôn trong ba ngày để cầu cho vong hồn Tiểu Đình được sớm giải thoát về nơi Cực Lạc.

PHẠM NGỌC KHUÊ

Nỗi khổ của một bầy chim con ngóng cổ chờ mẹ tha mồi về, khi mẹ nó đã bị các em bắt. Nỗi khổ của các con đẽ bị các em dùng tóc quấn vào đầu quay xoay vòng vòng và ngắt đầu nó. Nỗi khổ của con bướm bướm, chuồn chuồn, châu chấu bị các em ngắt cánh.

Các em có nhận thấy những sự đau khổ đó không? Nếu thấy chắc không em nào nữ có những hành động tàn ác như trên.

Và các em có sợ quả báo đời sau đầu thai làm chim, làm dế, làm bướm bướm, chuồn chuồn, châu chấu... Để rồi chịu những nỗi đau khổ ấy không?

TRUYỆN CỔ PHẬT GIÁO

do MINH CHẾU sưu tập

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ấn hành

- *Chịu trách nhiệm ấn hành* : TT. THÍCH GIÁC TOÀN
- *Biên tập kỹ thuật* : ĐD. THÍCH THIÊN MINH
ĐD. THÍCH ĐỒNG BÓN
- *Sửa bản in* : MINH THANH
- *Kỹ thuật in & trình bày bìa* : MẠC HOÀNG —
PHÁP TUỆ — TÂM CAO

In tại nhà in Báo Sài Gòn Giải Phóng. Số lượng : 5.000 cuốn.
Do Thành Hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành.
Giấy phép số 81/XBNT - GP ngày 2-4-1992
của Sở Văn hóa Thông tin TP. Hồ Chí Minh.

LƯU HÀNH NỘI BỘ

佛教古代故事